8°
INDO-CHINOIS
1911

VIỆT-VĂN THƯ-XÃ

# NAM THI HỢP TUYỂN

QUYỂN I

DÉPÔT LÉGAL
RÉSIDENCE SUPÉRIEURE
TONKIN

DÉPÔT LÉGAL
INDOCHINE
N° 19988

*ÔN-NHƯ*

**NGUYỄN-VĂN-NGỌC**

biên tập

**In lần thứ hai**
Có sửa lại

**« Thi ngôn chí »**
*Thi kinh*

**VĨNH-HƯNG-LONG THƯ-QUÁN**
49-51, Phố Hàng Đường — Hà-nội

**1934**

Soạn-giả giữ bản quyền

Giá : **0$45**

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người góp nhặt Huỳnh Chiếu Đẳng)

VIỆT-VĂN THƯ-XÃ

# NAM THI HỢP TUYỂN

QUYỂN NHẤT

NGUYỄN-VĂN-NGỌC
Ôn-Như
biên tập

DÉPOT LÉGAL
INDOCHINE
N° 19988

*In lần thứ hai*
Có sửa lại

« Thi ngôn chí »
*Thi kinh*

VĨNH-HƯNG-LONG THƯ-QUÁN
49-51, Phố Hàng Đường, Hà-nội

1934

Người làm sách giữ bản quyền

8° Indoch.
1911

Kho sách xưa Quán Ven Đường

# TỰA

*Ta không có tài làm được thơ, nhưng ta phải cái sính hay ngâm thơ. Ngâm thơ Tây, ta chịu, tinh-thần Đông, Tây tưởng như còn cách xa, chưa gặp được nhau. Ngâm thơ Tàu, ta cũng thuộc được năm, mười bài, song nó vẫn như đi thuê, đi mướn, không lấy gì làm khoái trá. Nên ta chỉ thích ngâm* Thơ Nôm, *không nói ai cũng biết, là thơ của nước Nam, bằng chữ Nam, chính người Nam làm.*

*Thơ Nôm cứ kể thật là nhiều. Xưa kia, bao nhiêu bài ca-dao cùng những câu ngạn-ngữ tức là Thơ Nôm cổ của ta, cũng như Tam bách thiên trong Thi kinh của Tàu. Bây giờ các báo-trương ra hàng ngày, ngày nào mà không được năm ba bài thơ, các tạp-chí ra từng kỳ, kỳ nào mà không có một mục thi-văn mới. Nhưng ca-dao xưa không phải là lối Đường-Luật, đọc, hát được, mà không ngâm được. Nhưng thơ Đường-Luật bây giờ, không phải là không có bài hay, song còn đợi thời giờ lựa-lọc, nên cũng chưa ngâm được.*

*Vậy thơ ta ngâm chỉ là những thơ vào cái khoảng từ độ năm trăm năm giở xuống, mươi mười lăm năm giở lên, nghĩa là từ ông Nguyễn-Trãi hay Lê Thánh-Tôn đến ông Trần-kế-Xương hay Tú-diễn-Đồng mà thôi.*

*Trong cái khoảng này, những thi-gia đáng truyền tụng dễ không có mấy. Đâu chỉ còn được độ mươi, mười hai nhà là cùng. Nhưng ta thiết tưởng, chỉ mươi, mười hai nhà ấy được những nhà hùng-kiệt như vua Thánh-Tôn, thống-thiết như vua Dực-Tôn, nghiêm-trang như cụ Thượng Trứ, kỳ-áo như cụ Yên-Đổ, tài-tình như nàng Xuân-Hương họ Hồ, sầu-cảm như bà huyện Thanh-Quan, thuần-túy như Hầu Ôn-Như, hồn-nhiên như cụ Trạng Trình, khí-khái như ông Cống Chỉnh, sâu-cay, mạnh-mẽ như ông Tú Xương, ông Tú Đồng..... thì ta thiết tưởng cũng gọi là đủ có bài cho ta ngâm vịnh được rồi.*

*Ta vẫn biết cái phép học Thơ, đáng nhẽ phải chia ra từng thời-kỳ Thi-văn, mỗi thời đặt một tên riêng, rồi phải sưu-tập tất cả những bài của từng nhà mà nghiên-cứu cho tỏ tường. — Nhưng chia thời-kỳ bây giờ thật chưa biết lấy gì làm chuẩn-đích. Chia làm Lê-sơ, Lê-mạt, Lê Trung-hưng, hay Nguyễn-sơ Bản-triều, hay lại cận-thế, đương-thế thời-đại, thập ngũ, thập lục,... thập cửu, nhị thập thế-kỷ ? Quyển* Lịch-sử văn-chương *nước nhà chưa ai thử làm qua. — Còn*

*sưu tập riêng từng nhà, thực cũng chưa biết kể cứu vào đâu. Ấy tuy vẫn truyền tụng là nhà này còn để lại đến nghìn bài, nhà kia còn lưu lại Tiền-tập với Hậu-tập mà hồ dễ đã ai dám cả-quyết là thâu thái được hết cả các bài của một nhà nào và chính là nguyên-bản của nhà ấy ? Các cụ xưa làm thơ không mấy khi còn bút-tích để lại, nên cái lối* Thi-Hoại, *hoặc có người đã làm, cũng là mơ-hồ lắm.*

*Cái công việc đối với thơ ấy, muốn thực cho hoàn-hảo, chắc không phải chỉ một lúc và chỉ một mình ai mà làm nổi. Xin để đợi về sau, hoặc có ngày Thi-học chấn-hưng, nhiều người có bụng thích thơ, lại có bụng mến cổ, biết tụ hội với nhau mà tìm-tòi, mà góp nhặt, mà xếp đặt, mà diễn giải, thì họa bấy giờ Thi-học của ta mới thực có nền-nếp qui-củ được chăng.*

*Nhưng đợi đến ngày đó, thiết tưởng bây giờ ta hãy tìm cách mà duy-trì lấy hồn thơ, nghĩa là, ta hãy xem xét,* kén chọn *lấy độ vài trăm bài, đem* tập-họp *lại, mong được nhiều người cùng học cho thuộc để cùng ngâm cho vui.*

*Chủ-nghĩa ta soạn quyển* **Nam-Thi Hợp-Tuyển** *này chính là thế.*

*Trên, ta để cái bài* **chính-văn** *nghĩa là cái bài, cứ ý riêng ta, thì ta cho là gần nguyên-bản hơn cả.*

*Tuy vậy, dưới ta cũng ghi* **chép** *bao nhiêu những chữ, những câu, những đoạn mà các bản chữ nôm*

*hay quốc-ngữ xưa nay in khác nhau, để tùy ý độc-giả cân nhắc mà lượng xem phải chăng thế nào. Cái nghề tam sao thất bản, muốn chính-đính lại cũng không phải là dễ.*

*Các bài trong sách ta xếp, là xếp những bài, hoặc vịnh chung một việc, hoặc thuộc về một loại, hoặc đã như liên-tiếp hay lại như phản-đối, cùng đi với nhau để khiến độc-giả so sánh bài nọ với bài kia xem làm sao. Có chịu so sánh, nhiên-hậu mới biết rõ được cái giá của từng bài thơ.*

*Trong một bài, có* **chữ** *nào,* **câu** *nào khó hiểu, ta đem giải nghĩa kỹ-càng, thường khi truy đến tận gốc-tích hay bao-la rộng thêm, để giúp người mồm ngâm ra câu thơ, óc cũng hiểu thấu cái nghĩa của câu thơ. Ngâm mà hiểu được, mới là có lý-thú.*

*Lại trong một bài,* **ý** *ngụ có những gì,* **văn** *hay như thế nào, ta cũng đem phu diễn ra, hoặc có khi kê cứu cả lai-lịch hay lạm bình một đôi câu, là ta mong cho độc-giả phải lưu-tâm đến bài thơ mà nghị-luận, mà phán-đoán. Có biết nghị-luận, phán-đoán, mới thấu được hết cái hay, cái dở trong bài thơ.*

*Trên đầu sách, ta nói lược qua cái* **Phép làm Thơ**, *định-nghĩa từng câu gọn-gàng, để cho độc-giả, lúc ngâm thơ, có muốn biết lề-lối làm thơ Đường-Luật, thì cũng đã có chốn mà tra-cứu, rồi họa mà noi theo được chăng. Đã ngâm Thơ, cũng nên biết cái qui-thức làm thơ như thế nào.*

*Dưới cuối sách, ta lại liệt qua cái* **tiểu-sử** *của mỗi nhà thi-sĩ để khi độc-giả ngâm một bài cũng nên rõ bài ấy là của ai làm (tiếc có nhiều bài phải qui vào cái số vô-danh) và cái hành-trạng lúc sinh-thời của người ấy. Ngâm một bài thơ hay, mà nhớ đến người cất công làm nên thơ, cũng là tỏ được chút lòng biết ơn vậy.*

*Tiếp theo, ta lại* **kê** *tất cả những bài của cùng một tác-giả luôn với nhau, để cho độc-giả khám-phá được ít nhiều cái lối thơ của nhà ấy làm có gì là đặc sắc. Như thế tức là đưa độc-giả nhập phái, nhập môn nhà thi-sĩ ấy.*

*Cái chủ-nghĩa, cái cách-thức tu soạn quyển* **Nam-Thi Hợp-Tuyển** *thứ nhất này đại-để là như thế. Thực ta không dám nói là vì văn-chương, văn Nôm là cái phần công việc riêng của những nhà Nho-học đáng lắm, lại cũng không phải vì các thi-ông, ta còn mong-mỏi, hoặc thấy điều gì sai nhầm chỉ bảo cho ta lĩnh giáo. Ta sở-dĩ biên-tập và chú-thích quyển* **Nam-Thi** *đây, là chỉ vì những bạn thiếu-niên bây giờ còn có bụng với thơ, yêu thơ và muốn ngâm thơ vậy. Nếu ta mà giúp được một phần trong muôn phần về cái khoa ngôn-ngữ cho bạn thiếu-niên ta, không để ai nói được rằng :* « Bất học thi, vô dĩ ngôn » *thì ta làm quyển sách cũng không phải là mất công vô ích vậy.*

Năm Đinh-Mão, tháng hai, ngày mồng một

**Người làm sách**

# THI-PHÁP NHẬP MÔN

**Thơ.** — Định nghĩa rộng, *Thơ* là một thể văn có thanh, có vận, ngâm vịnh được.

**Cổ-thể và cận-thể.** — Thơ các đời trước làm không theo luật cách nhất-định gọi là thơ lối **cổ-thể**.

Đến đời nhà Đường, Thi-học hưng thịnh, mới đặt ra tuyệt-cú, niêm luật nhất-định, mà gọi là thơ lối **cận-thể** hay **Đường-luật**.

**Các lối thơ.** — Thơ Đường-luật, theo *số chữ*, có hai lối :

1° một lối mỗi câu *bảy chữ*, gọi là **thất-ngôn** ;

2° một lối mỗi câu *năm chữ*, gọi là **ngũ-ngôn**.

Theo *số câu*, cũng có hai lối :

1° một lối mỗi bài *tám câu*, gọi là **bát-cú** ;

2° một lối mỗi bài *bốn câu*, gọi là **tứ-tuyệt**.

*
* *

**Các bộ-phận bài thơ.** — Trong một bài thơ *bát-cú* thì :

Câu thứ nhất gọi là **phá-đề**, nghĩa là mở rộng đầu bài ra ;

Câu thứ hai gọi là **thừa-đề** hoặc gọi **nhập-đề**, nghĩa là nối ý câu phá-đề mà đưa hẳn vào bài ;

Hai câu thứ ba và thứ tư gọi là **thích-thực** hay **cập-trạng**, nghĩa là giải cái đầu bài ra cho thực rõ-ràng ;

Hai câu thứ năm và thứ sáu gọi là **luận**, nghĩa là bàn thêm cái ý đã diễn ở hai câu thực ra cho rộng ;

Hai câu thứ bảy và thứ tám gọi là **kết**, nghĩa là tóm tắt cả đại-ý của bài mà đóng bài lại.

Trong bài thơ *tứ-tuyệt*, tuy không phân rõ phá, thừa, thực, luận, kết nhưng cũng phải đủ *khai*, *thừa*, *chuyển*, *hợp* như các lối văn khác.

*
* *

**Đối**. — *Đối* là chữ và câu, cả ý ngụ trong chữ, trong câu đi đôi sánh nhau phải cho cân-xứng bằng nhau.

Trong một bài bát-cú, thất-ngôn hay ngũ-ngôn cũng vậy :

*Hai câu thực* phải *đối nhau* ;
*Hai câu luận* phải *đối nhau*.

Trong một bài tứ-tuyệt thì :

hoặc *hai câu trên đối nhau* ;
hoặc *hai câu dưới đối nhau* ;
hoặc *cả bốn câu đối nhau* ;
hoặc *cả bốn câu không đối nhau* cũng được, nhưng phải đi quán một hơi.

*
* *

**Vần.** — Thơ làm phải có vần, nghĩa là thanh âm ở cuối câu phải ứng với nhau.

Vần thường thường là âm bằng, gián-hoặc mới dùng vần trắc mà thôi.

Lối thơ bát-cú, thất-ngôn hay ngũ-ngôn cũng vậy, thường phải năm vần ở cuối câu *thứ nhất, thứ nhì, thứ tư, thứ sáu* và *thứ tám*.

Lối thơ tứ-tuyệt, thất-ngôn hay ngũ-ngôn cũng vậy, thường phải ba vần ở cuối câu *thứ nhất, thứ nhì*, và *thứ tư*.

Hoặc có khi, thơ bát-cú chỉ làm bốn vần, thơ tứ-tuyệt chỉ làm hai vần mà thôi. Cái vần bỏ đi được là vần câu đầu bài.

*
* *

**Luật bằng, trắc.** — *Luật bằng, trắc* là cái cách nhất định phải ghép những chữ trong một

bài, chữ nào phải làm âm bằng, chữ nào phải làm âm trắc cho có điệu.

Bằng là những tiếng đầu lưỡi tự-nhiên đưa thẳng ra. — Trắc là những tiếng, lúc nói phải như ấn nặng đầu lưỡi xuống.

Muốn biết luật bằng, trắc thì trước kia phải biết đánh vần. Như chữ *thi*, thì đánh : *thi thi* bằng, *thí thị* trắc, chữ *thi* thế là bằng. Như chữ *tuyển* thì đánh : *tuyền tuyên* bằng, *tuyến tuyển tuyện* trắc, chữ *tuyển* thế là trắc.

Bây giờ, dùng quốc-ngữ, thì chỉ nhận dấu cũng đủ. Chữ nào *không có dấu*, hay đánh *dấu huyền* (ˋ) thì là bằng, chữ nào đánh dấu sắc (ˊ), dấu nặng (•), dấu hỏi (ˀ), hay dấu ngã (˜) thì là trắc.

Mỗi lối thơ có thể làm theo hai *luật* : một luật bằng, một luật trắc.

Muốn rõ trong một bài những tiếng nào phải *bằng*, những tiếng nào phải *trắc*, thì xem mấy cái biểu sau này. Trong biểu, chữ bằng viết tắt là B, chữ trắc viết tắt là T, chữ *vần* viết tắt là V.

# THẤT - NGÔN — BÁT - CÚ

## LUẬT BẰNG — VẦN BẰNG

| Bộ phận bài thơ | Số chữ / Số câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Phá đề | 1 | B | B | T | T | T | B | V |
| Thừa đề | 2 | T | T | B | B | T | T | V |
| Thực | 3 | T | T | B | B | B | T | T |
| | 4 | B | B | T | T | T | B | V |
| Luận | 5 | B | B | T | T | B | B | T |
| | 6 | T | T | B | B | T | T | V |
| Kết | 7 | T | T | B | B | B | T | T |
| | 8 | B | B | T | T | T | B | V |

## LUẬT TRẮC — VẦN BẰNG

| Bộ phận bài thơ | Số Chữ / Số Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Phá đề | 1 | T | T | B | B | T | T | V |
| Thừa đề | 2 | B | B | T | T | T | B | V |
| Thực | 3 | B | B | T | T | B | B | T |
| | 4 | T | T | B | B | T | T | V |
| Luận | 5 | T | T | B | B | B | T | T |
| | 6 | B | B | T | T | T | B | V |
| Kết | 7 | B | B | T | T | B | B | T |
| | 8 | T | T | B | B | T | T | V |

# NGŨ-NGÔN — BÁT-CÚ

## LUẬT BẰNG — VẦN BẰNG

| Bộ phận bài thơ | Số chữ / Số câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Phá đề | 1 | B | B | T | T | V |
| Thừa đề | 2 | T | T | T | B | V |
| Thực | 3 | T | T | B | B | T |
| | 4 | B | B | T | T | V |
| Luận | 5 | B | B | B | T | T |
| | 6 | T | T | T | B | V |
| Kết | 7 | T | T | B | B | T |
| | 8 | B | B | T | T | V |

## LUẬT TRẮC — VẦN BẰNG

| Bộ phận bài thơ | Số chữ / Số câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Phá đề | 1 | T | T | T | B | V |
| Thừa đề | 2 | B | B | T | T | V |
| Thực | 3 | B | B | B | T | T |
| | 4 | T | T | T | B | V |
| Luận | 5 | T | T | B | B | T |
| | 6 | B | B | T | T | V |
| Kết | 7 | B | B | B | T | T |
| | 8 | T | T | T | B | V |

## THẤT-NGÔN — BÁT-CÚ
### LUẬT TRẮC — VẦN TRẮC

| Bộ phận bài thơ | Số chữ / Số câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Phá đề | 1 | T | T | B | B | B | T | V |
| Thừa đề | 2 | B | B | T | T | B | B | V |
| Thực | 3 | B | B | T | T | T | B | B |
| | 4 | T | T | B | B | B | T | V |
| Luận | 5 | T | T | B | B | T | T | B |
| | 6 | B | B | T | T | B | B | V |
| Kết | 7 | B | B | T | T | T | B | B |
| | 8 | T | T | B | B | B | T | V |

## NGŨ-NGÔN — BÁT-CÚ
### LUẬT BẰNG — VẦN TRẮC

| Bộ phận bài thơ | Số chữ / Số câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Phá đề | 1 | B | B | B | T | V |
| Thừa đề | 2 | T | T | B | B | V |
| Thực | 3 | T | T | T | B | B |
| | 4 | B | B | B | T | V |
| Luận | 5 | B | B | T | T | B |
| | 6 | T | T | B | B | V |
| Kết | 7 | T | T | T | B | B |
| | 8 | B | B | B | T | V |

Những biểu trên là những biểu bát-cú. Còn biểu tứ-tuyệt không cần phải liệt ra đây. Vì một cái biểu bát-cú tức là trong có *hai* cái biểu tứ-tuyệt. Tứ-tuyệt thực chỉ là nửa bài bát-cú hoặc *bốn câu trên*, hoặc *bốn câu dưới*, hoặc *bốn câu giữa*, hoặc *hai câu đầu và hai câu cuối*. (*Xem các câu phải đối trong tứ-tuyệt*).

Những luật *bằng*, *trắc* phải theo y như các biểu liệt trên này.

Tuy vậy, trong một bài bát-cú, *chữ thứ nhất* và *chữ thứ ba* các câu hoặc không theo đúng luật bằng, trắc cũng được. Người ta gọi thế là: **nhất, tam bất luận.**

Một đôi khi cả *chữ thứ năm* không theo đúng luật bằng, trắc cũng được. Người ta gọi thế là : **ngũ bất luận.**

Còn trong một bài ngũ-ngôn, thì chỉ *một chữ thứ nhất* các câu không theo đúng luật được mà thôi.

*
* *

**Các lối thơ riêng**. — Ngoài lối thơ bát-cú, tứ-tuyệt, là những lối chính-luật nghiêm-trang, còn có những lối thơ khác, ta có thể gọi gồm cả là *các lối riêng*.

**Liên-hoàn**. — *Liên-hoàn* là lối làm nhiều bài

thơ cùng theo đuổi một ý, mà cứ đem câu cuối bài trước xuống làm câu đầu bài sau.

**Tràng-thiên hay hành.** — *Tràng-thiên hay hành* là lối thơ thất-ngôn làm *quá tám câu* hay lối thơ ngũ-ngôn làm *quá mười sáu câu* đã gần như lối ca.

**Họa-vận** — *Họa-vận là lối* một người làm một bài *xướng* lên, một người nữa làm một bài khác *họa* lại mà các vần trong bài họa phải theo y như các vần trong bài xướng, còn ý nghĩa hoặc phụ theo cho rộng, hoặc trái hẳn lại

**Liên-ngâm.** — *Liên-ngâm* là lối nhiều người lần lượt mỗi người ngâm một hay hai câu liền vào cho thành bài thơ.

Ba lối này làm, là vì một người có nhiều ý diễn trong một bài chưa hết, hoặc vì có hai hay nhiều người muốn cùng ngâm họa với nhau.

**Thủ-vĩ-ngâm.** — *Thủ-vĩ-ngâm* là lối thơ câu cuối bài làm nhắc lại y như câu đầu.

**Song-điệp.** — *Song-điệp* là lối thơ trong mỗi câu có *hai chữ* đi dịp với nhau.

**Vĩ-tam-thanh.** — *Vĩ-tam-thanh* là lối thơ *ba* chữ cuối cùng câu nào cũng đi theo một âm.

**Triết-hạ.** — *Triết-hạ* là lối thơ câu nào làm cũng *bỏ lửng* như chưa hết, khiến người đọc phải nghĩ ra.

**Thuận-nghịch-độc.** — *Thuận-nghịch-độc* là lối thơ tàm *đọc xuôi* bài xuống, hay *đọc ngược* bài lên cũng thành câu, cũng có nghĩa.

Kể năm lối này, ngoài lối thủ-vĩ-ngâm, thì bốn lối kia là những lối chỉ vì cái lòng hiếu kỳ mà sinh ra, ít khi được thực hay. Ba lối dưới là lối riêng của thơ Nôm, chứ thơ Hán không có.

**Liên-châu.** — *Liên-châu* là lối thơ tràng-thiên, dùng nguyên một vần mà câu nào cũng có vần.

**Cô-nhạn xuất-quần.** — *Cô-nhạn xuất-quần* là lối trong một bài thơ, vần câu đầu làm khác hẳn không giống mấy vần dưới.

**Cô-nhạn nhập-quần.** — *Cô-nhạn nhập-quần* là lối trong một bài thơ, mấy vần trên đi chung với nhau, chỉ một vần câu cuối làm khác hẳn đi.

**Yết-hậu.** — *Yết-hậu* là lối thơ tứ-tuyệt ba câu trên thì đủ chữ, còn câu cuối chỉ hạ có một chữ mà thôi.

Kể bốn lối này mới thực là bốn lối riêng, hoặc vần làm khác, hoặc lối chữ dùng khác.

*
* *

**Mấy điều kỵ trong thơ.** — Phép làm thơ, có mấy điều tối-kỵ không nên phạm đến :

**Thất-luật.** — Trong một bài, những chữ đáng *bằng* mà làm ra *trắc*, đáng *trắc* mà làm ra *bằng*, thì gọi là *thất-luật*.

**Thất-niêm.** — Trong một bài, nếu câu trên đang theo *luật bằng* mà câu dưới làm sang *luật trắc*, hay câu trên đang theo *luật trắc* mà câu dưới làm sang *luật bằng* thì gọi là *thất-niêm*.

**Lạc-vận** — Khi làm thơ, đang theo vần này mà gieo sai sang vần khác, như vần trên là *giời* mà vần dưới là *mây* thì gọi là *lạc-vận*.

**Xuất-vận.** — Khi làm thơ người ta đã hạn định cho những vần gì, mà mình lại dùng vần khác, thì gọi là *xuất-vận*.

**Trùng-vận.** — Khi trong bài thơ, một vần, câu trên đã dùng rồi, câu dưới lại dùng như thế nữa, thì gọi là *trùng-vận*.

**Cưỡng-áp.** — Khi trong bài thơ, các vần gieo ép-uổng, không được hiệp lắm, thì gọi là *cưỡng-áp*.

**Khổ-độc.** — Trong một bài thất-ngôn, *chữ thứ ba* các câu chẵn, trong một bài ngũ-ngôn,

*chữ thứ nhất* các câu chẵn đáng là chữ *bằng* mà làm ra chữ *trắc*, thì gọi là *khổ-độc* (Xem lại nhất tam bất luận).

**Phong-yêu hạc-tất.** — Trong thơ *thất-ngôn*, chữ *thứ tư* và chữ *thứ bảy*, trong thơ *ngũ-ngôn*, chữ *thứ hai* và chữ *thứ năm* nếu trùng một âm thì gọi là *phong-yêu hạc-tất*.

**Đối không chỉnh**. — Khi những chữ trong bài thơ phải đối nhau mà chữ nặng chữ nhẹ không được cân, thì gọi là *đối không chỉnh*.

**Trùng chữ hay trùng ý**. — Trong một bài thơ chữ này hay ý này đã dùng rồi, mà lại còn dùng lần nữa, thì gọi là *trùng chữ hay trùng ý*...

*
* *

**Thơ**. — Thơ là cái mối tự lòng người cảm-súc với ngoại-vật mà phát ra thanh âm.

Thơ là tiếng nói, là nhời ngậm-ngùi than-thở của người, nhân thấy vật mà dựng nên hình, nhân gặp đề mà ngâm thành vận.

Thơ là để ngâm vịnh tính-tình.

Thơ là để bày tỏ cái chí của mình.

Thơ là việc riêng của người phải tự làm lấy, chớ không nương cạy vào ai được.

Thơ là cái mỹ-thuật huyền-diệu, thuần-túy, có giá hơn cả các mỹ-thuật khác, không ai bán mà cũng chẳng ai mua.

Thơ là cái kho tinh-hoa, là cái thú thanh-nhã, không phải người thô-bỉ cục-cằn, người còn hám danh-lợi mà làm được.

Thơ là cái hành-lược của người ta : người cao-thượng thì thơ cao-thượng, người thiển-lậu thì thơ thiển-lậu, không sao che đậy được : thấy thơ tức như đã thấy người.

Thơ là cái hình-ảnh của cả nước, thơ thuần-chính thì nước tất hưng-thịnh, thơ tà-dâm thì nước tất suy-đồi.

Thơ là một cách giáo-hóa, khuyên răn được đời, sự hay dở, khen chê, thơ đủ dạy được người ta cả.

*
* *

**Một bài thơ hay.** — Kể một bài thơ thế nào là thực hay, nghĩa là được cả toàn-bích, thì vô cùng: sự Hay, sự Đẹp thường khi không thể phân-tách và ở trên cả sự phê-bình. Nhưng đại-để một bài thơ hay bất-ngoại mấy điều này :

Thể-tài : nghĩa là chữ dùng phải cho *xát-nghĩa* ; — âm-vận phải cho *phân-minh* ; — câu

đặt phải cho *chỉnh-tề* ; — mạch-lạc phải cho *liên-tiếp* ; — thiên-chương phải cho *hợp chính-thức*.

Ký-thú : nghĩa là tư-tưởng phải cho *tự-nhiên*, chẳng nên điêu-luyện, cầu-kỳ quá ; — phải cho *hồn-hậu*, chớ có khinh-bạc, phù-phiếm quá ; — phải cho *kỳ áo*, không thì là tạp-nhạp, nông-nổi ; — phải cho *thanh-nhã*, không thì là thô-bỉ quê-mùa ; — phải cho *chính-mật*, thì nó mới không rời-rã chống-chải ; — phải cho *khoái-hoạt*, thì nó mới không khô-khan đờ-đẫn ; — phải cho *hùng-kiệt*, thì mới có khí-lực mạnh-mẽ ; — phải cho *thú-vị*, thì mới khiến người ngâm lấy làm vui thích ; răng, lợi được như ướp hương thơm ; môi, lưỡi được như nếm vị ngọt...

Một bài thơ chữ khiến tài, câu đặt khéo, ý dụng hay như thế mới là một bài thơ **thoát-hóa** có thể khiến cho người xem chỉ biết chịu là hay mà không rõ cái hay ở đâu, khác nào như thể người thưởng xuân, tới hoa để tìm xuân, mà không biết xuân ở chỗ nào.

*
* *

**Người làm thơ**. — Tư-cách của một người làm được thơ kể ra cũng vô cùng. Nhưng cốt nhất là ở hai điều :

Một là *thừa sư*, nghĩa là phải có thầy, có

sách học tập luôn mãi, học kim nhiều mà học cổ lại càng phải nhiều;

Hai là *diệu-ngộ*, nghĩa là phải có thi-cốt, thiên-tài đã như tự mình mình hiểu, mình biết làm được thơ, tự giời đã phú cho mình cái tính làm nên thơ.

Hai điều ấy, thiếu một điều cũng không được. Phải vừa có *chân-tài*, lại vừa có *thực-học*, thì làm thơ mới có thể hay được.

Lúc làm thơ, lại còn phải có *hứng-thú*, nghĩa là phải có vật ngoài nó cảm-kích mà trong lòng lại thích làm; — phải có *tinh-tinh*, nghĩa là phải có chân-tâm muốn làm, không để cho tư-tưởng lạc đi nơi khác; — phải cho *hòa-bình*, thì dù vui, cười, giận, mắng, phát ra cũng trúng tiết, cũng thành thơ hồn-thuần được.

# NAM THI HỢP TUYỂN

## 1. — Phó thí ngẫu chiếm

Đi không, há dễ lại về không?
Cái nợ *cầm thư*(1) phải giả xong.
Rắp mượn *điền-viên* vui *tuế-nguyệt*,
Nỡ đem *thân-thế* hạn *tang-bồng*.
Đã mang tiếng đứng trong giời đất,
Phải có danh gì với núi sông.
Trong lúc *trần ai*, ai đã biết?
Rồi ra mới tỏ mặt *anh hùng*.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

**Có bản chép**. -- Câu 1. *chẳng nhẽ* (2) lại về. — Câu 2. cái nợ *trần hoàn* — Câu 4. *chán* tang-bồng. — Câu 5. *Ở* trong giời đất. — Câu 7. Trong *cuộc*, *dễ* biết. -- Câu 8. *Xưa nay đâu chẳng có.*

**Chữ và câu**. — *Phó thí ngẫu chiếm* = *Phó thí*: đi thi; *ngẫu*: chợt; *chiếm*: ngâm. Bài thơ này là bài tác-giả ngẫu-nhiên làm ra lúc đi thi. — *Cầm thư* = *cầm*: đàn cầm; *thư*: sách, *cầm thư* là cái nợ của người làm giai ở đời phải có tài, có học. — *Điền-viên* = *điền*: ruộng; *viên*: vườn, *điền-viên* là cái vui của người ở

---

(1) Những chữ in ngả là dưới có giải nghĩa.
(2) Những chữ in ngả là những chữ khác với bài trên.

chốn thôn quê nhàn-hạ thư-xướng. — *Tuế-nguyệt* = *tuế* : năm ; *nguyệt* : tháng, vui tuế-nguyệt tức là qua ngày tháng, qua thời giờ. — *Thân-thế* = chỉ những sự gặp gỡ từng trải trong một đời người. — *Tang bồng* = tang : cây dâu ; bồng : cỏ bồng, nói đủ thì phải bốn chữ *tang hồ bồng thỉ*, *hồ* là cái cung làm bằng gỗ dâu ; *thỉ* là cái tên làm bằng cỏ bồng. Tục xưa, nhà thường dân đẻ con giai, thì ở ngoài cửa treo một cái cung bên tay trái, (đẻ con gái thì treo một vuông khăn bên tay phải), nhà vua đẻ con giai, thì cho người lấy cung tên bắn sáu phát ra bốn phương và trên giời, dưới đất (cũng như bên Âu, bắn trái phá). Thói tục như thế là ngụ cái ý mong cho sau này đứa con có chí ngang dọc vùng-vẫy trong khoảng giời đất bốn phương. Các nhà thi-sĩ thường dùng hai chữ *tang bồng* để chỉ công việc của người làm giai phải gánh vác ở đời. — *Trần ai* = bụi cát, đồng nghĩa với *thế-gian*, ý nói trong khoảng con người vùng vẫy đều là bụi cát cả mà thôi. Đây hai chữ *trần ai* là chỉ lúc người anh hùng còn hàn-vi chưa ai tỏ mặt, tường tên. — *Anh hùng* = *anh* : thứ cỏ tốt đẹp ; *hùng* : giống thú khỏe đoạt được cả các giống thú khác ; *anh hùng* là chỉ người hiền-tài, hào-kiệt làm được những thủ-đoạn to tát.

**Ý và văn.** — Bài này làm về lúc đi thi, tuy ngẫu-nhiên thành thơ, mà thực là một bài kiệt-tác rõ cái khẩu-khí của người sau làm nên to vậy. Làm giai ở đời đã có cái tài thiên-nhiên, lại có cái công học tập, nhẽ đâu đành chịu ẩn-phục suốt đời ở nơi thôn-giã không phỉ được cái chí tang-hồ bồng-thỉ hay sao! — Nên :

*« Đã mang tiếng đứng trong giời đất ;*
*« Phải có danh gì với núi sông. »*

Hai câu ấy thật là hai câu tứ cao, nhời đẹp đáng làm trâm-ngôn cho cả bọn nam-nhi trong nước. Anh hùng là ai? Anh

hùng ở đâu ? Làm nên công-nghiệp to, ích quốc lợi dân, tức là anh hùng, mà bậc anh hùng ấy tức ở trong bọn làm giai có chí lập thân, gia công gắng-gỏi ở khắp mọi nơi vậy.

---

## 2. — Khuyến học

*Khoa mục Triều-đình* mở rộng thay.
Khuyên con cố chí học cho hay.
Cơm ngày ba bữa, cha cày cấy,
Áo mặc bốn mùa, mẹ vá may.
Câu phú, câu thơ ngâm *để dạ*,
*Sách kinh, sách sử* mở liền tay.
*Một mai chiếm bảng khôi thiên hạ,*
*Cả mặt song thân*, đẹp mặt thầy.

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Khuyến học = khuyến* : lấy nhời nói khiến người ta nghe theo : *khuyến* khích, *khuyến* hóa. Ta đọc trạnh *khuyến* thành ra *khuyên*, ra *khiến*. *Khuyến học* : nhời khuyên riêng về việc học ; cũng như *khuyến hiếu*, *khuyến liêm* là khuyên riêng về việc hiếu, việc liêm. — *Khoa mục = khoa* tức là khoa đệ, chỉ các cách kén người đời xưa ; *mục* tức là mục-tiết, liệt ra nhiều thứ, nhiều khoa ; *khoa mục* chỉ cả các khoa thi Triều-đình đặt ra để kén nhân-tài. — *Triều-đình = triều* : ngảnh mặt ; *đình* : sân, chỗ sân các bầy tôi ngảnh mặt vào *chầu* vua tức là Triều-đình. Sau lấy ý chính-sự của cả nước đều do từ chỗ sân chầu mà ra, nên

dùng hai chữ Triều-đình để chỉ *Chính-phủ* — *Để dạ* = *dạ* đồng nghĩa với bụng, *bụng dạ* ; *để dạ* : ghi nhớ vào bụng không quên. — *Sách kinh, sách sử* = *kinh* : tức là ngũ kinh (Thi, Thư, Dịch, Lễ, Xuân-thu), *sử* : truyện cũ trong nước. *Kinh sử* là chỉ những sách học để đi thi theo cái lối chữ Nho xưa, cũng như bây giờ ta gọi là : *sách giáo khoa*. — *Một mai* = *mai* : về sau, *mai* sau ; *một mai* : một ngày kia, không bao lâu nữa. — *Chiếm bảng* = có tên đề lên trên bảng tức là đỗ. — *Khôi thiên hạ* = *khôi* : ở trên đầu cả ; *khôi thiên hạ* : đỗ đầu ở trên cả mọi người ; *khôi khoa*. — *Cả mặt song thân* = *song* : đôi, *song thân* : hai đấng thân tức là cha mẹ. *Cả mặt song thân* : làm cho cha mẹ vẻ vang. Trong Tam-tự-kinh có câu : « *Dương thanh danh, hiển phụ mẫu* » nghĩa là nức tiếng tăm (minh) làm vẻ vang cho cha mẹ.

**Ý và văn.** — Cha mẹ vị gì mà khuyên con chăm học ? — Vị Triều-đình mở rộng nhiều khoa thi, — Khuyên con chăm học để làm gì ? — Để đi thi lấy đỗ. — Đỗ thì làm được gì ? — Giả được ơn nghĩa cha mẹ, làm cho cha mẹ và thầy dạy được vẻ vang đẹp mặt. — Đại ý của bài tóm lại là như thế.

Cha mẹ xưa khuyên con học mà chỉ viện được mấy cái nhẽ đó, tưởng như có phần thiển-cận và tư-kỷ quá ! Nhưng thử xét lại cái hi-vọng của sự đi học ở nước ta, đời trước nếu chỉ cốt để mua chuộc lấy một cái tiếng ông Nghè, ông Cống hay ông Đồ, thì đời nay, hồ dễ đã di-dịch hẳn chưa ? Hay là chỉ vụ đỗ được cái bằng nọ, bằng kia, hoặc tốt-nghiệp ở trường Trung-đẳng, Cao-đẳng gì mà thôi ? Nên cái hi-vọng như thế tuy không có gì là cao-thượng, nhưng đối với một người cha cố công cày cấy, một người mẹ gia sức vá may

lo cho con có đủ ăn, đủ mặc, để nó cố học hành đi thi đỗ, nghĩa là sự học của nó có kết quả, — rồi nó được bổ làm quan, — thì tưởng cũng là chánh-đáng không ai bẻ bắt được.

Bài thơ này ý nghĩa tuy không có gì là cao xa, nhưng được cái văn-chương, vì chất-phác mà minh-bạch, dù là thể thơ, mà cũng như câu nói thường, thực đáng làm một bài khẩu-tụng cho tất cả các cậu nhỏ đang cắp sách đi học.

---

### 3. — Rắn đầu biếng học

*Chẳng phải liu-điu, vẫn giống nhà.*
*Rắn đầu biếng học* chẳng *ai tha.*
*Thẹn đèn, hổ lửa đau lòng mẹ,*
*Nay thét, mai gầm rát cổ cha.*
*Ráo mép* chỉ quen tuồng nói dối,
*Lằn lưng cam chịu vết roi tra.*
Từ rầy *Châu, Lỗ* chăm nghề học.
Kẻo *hổ mang* danh tiếng thế-gia.

LÊ-QUÍ-ĐÔN

**Có bản chép.** — Câu 1. Chẳng phải *thiu đưu cũng gọi là.* — Câu 2. Rắn đầu *chẳng* học *lẽ không* tha, hoặc *có* ai tha. — Câu 4. Rát *họng.* — Câu 5. *Chém* mép chỉ quen *nhời lếu láo*, hoặc : *quen nhời* nói dối. — Câu 6. *Chẳng khỏi vệt năm ba*, hoặc : cam chịu *cái* roi *cha.* — Câu 7. *Xin siêng* học, hoặc : *Xin về* học. — Câu 8. Mang *đeo* tiếng, hoặc : Mang *rằng* tiếng.

**Chữ và câu.** — *Chẳng phải liu-điu vẫn giống nhà* = *liu-điu* : hèn hạ, giống liu-điu vốn là hèn, đối với rồng mới là sang. Câu này ý nói không phải là người hèn mạt gì, vốn là con nhà tông, con nhà nòi, dòng-dõi tử-tế hẳn-hoi xưa nay, thiên-hạ vẫn khâm-phục. — *Rắn đầu biếng học* = cứng đầu, cứng cổ, sao những việc học-hành. — *Thẹn đèn, hổ lửa đau lòng mẹ* = đèn, lửa tức là đăng hỏa, chỉ công phu người học-hành (thập niên đăng hỏa), câu này có ý nói bà mẹ tốn kém sắm đủ đèn dầu cho ăn học, mà học không chăm, thì chẳng cũng đáng thẹn-thò xấu-hổ hay sao. — *Nay thét mai gầm rát cổ cha* = lười không chịu học, làm cho cha phải quát tháo, quở mắng ầm-ỹ rát cả cổ, bỏng cả họng — *Ráo mép* = *mép* : chỗ hai môi gặp nhau ; *ráo* : khô hoảnh. Cả câu nghĩa là : Nay nói dối, mai nói dối luôn mãi mà không ngượng mồm, câu nói dối sau đuổi câu nói dối trước, mà vẫn hình như chưa nói dối bao giờ. — *Lằn lưng cam chịu vết roi tra* = tra là tra tấn, tra khảo, ý hẳn cha mẹ lấy roi đánh đến lằn lưng ra. — *Châu, Lỗ* = Châu : nước thầy Mạnh-Tử ở ; Lỗ : nước đức Khổng-Tử ở, lấy chỗ người ở mà chỉ chính người, Châu, Lỗ đây là thầy Mạnh-Tử và đức Khổng-Tử, lối xưa học chỉ cốt hiền Mạnh và thánh Khổng mà thôi. — *Kẻo hổ mang danh tiếng thế-gia* = câu này ăn ý với câu trên, nếu không chăm học, thì chẳng phải đeo cái tiếng con nhà dòng-dõi mà lại lười biếng làm xấu hổ đến ông cha hay sao !

**Ý và văn.** — Tục truyền xưa ông Lê-qui-Đôn, lúc còn ít tuổi, lêu-lổng chơi-bời không chịu học tập, cha mẹ sửa mắng nhiều lần, cũng không ăn nhờ. Một hôm, có bạn cha đến chơi, thấy thế, quở mắng thậm tệ

là « *rắn đầu* » và nhân ra bài thơ « *Rắn đầu* » bắt phải làm, nếu không làm được, thì phải đánh đòn. Ông Đồn vốn là người dĩnh-ngộ, liền thuận miệng đọc ngay ra bài thơ trên đây, thực là có cái tài xuất khẩu thành chương vậy.

Bài thơ này về đường ý-tưởng, dù không có gì là lý-thú, nhưng về đường văn-chương thì khí-vận thật là rồi-rào. Khéo nhất là cái đầu đề ra có chữ « *rắn* » là *rắn đầu*, *rắn cổ*, hay *rắn mặt*, nghĩa là khó bảo, mà lại dùng được toàn những chữ chỉ các tên rắn nào : *liu-điu*, *rắn*, *hổ-lửa*, *mai-gầm*, nào (*rắn*) *ráo*, (*thằn*) *lằn*, *Châu Lỗ*, *hổ-mang*, còn câu nào cũng có « *rắn* » cả. Chữ tuy chỉ rắn, thế mà 6 câu trên thực vẫn tả rõ được một anh cứng đầu, cứng cổ không chịu học tập, còn hai câu dưới là hai câu hứa để sửa mình chừa lỗi. Câu cuối nhắc lại cái ý câu đầu bài, thế cũng là một cách đóng bài rất kín đáo và có ý-nhị vậy.

---

## 4. — Học-trò ngủ gật

*Trò-trẹt* gì bay học cạnh thầy,
*Gật-gà gật-gưỡng* bật cười thay !
*Giọng khê nằng-nặc* không ra tiếng,
Mắt lại lim-dim *rắp giả chầy*.
*Đồng nổi* đâu đây la-liệt *đảo* ?
*Ma-men* chi đấy tít-mù say ?
*Dễ chừng bắt chước Chu-y đó*,
*Quyển có câu thần vậy gật ngay*.

VÔ-DANH

**Có bản chép.** — Câu 4. rắp *đã cay*.

**Chữ và câu.** — *Trò trẹt* = người học-trò xấu. Ta hay nói học *trò* học *trẹt*. — *Gật-gà gật-gưỡng* = ngủ gật, đầu cổ cúi xuống, ngửng lên luôn. — *Giọng khê nằng-nặc* = buồn ngủ quá, lúc nói cái giọng nó liu-nhiu không rõ tiếng gì cả. — *Rắp giã chầy* = ý nói-chập-chờn ngủ hai mi mắt chớp vào nhau như cái chầy giã vậy. — *Đồng nồi* = ý nói người học-trò ngủ gật chẳng khác nào như một người có ma quỉ, thần thánh ốp vào nồi lên mà cứ lắc-la lắc-lư mãi (đảo). — *Ma-men* = cũng ý nói người học-trò ngủ gật giống như người uống rượu say, con ma men tức là ma rượu nó nhập vào mà làm cho say-sưa lừ-đừ, nghiêng ngả. — *Dễ chừng bắt chước Chu-y đó ; Quyển có câu thần vậy gật ngay* = hai câu này ý nói : hay là bắt chước ngươi Chu-y, khi chấm quyển, thấy câu văn hay, câu văn thần tình, thì gật đấy ? *Chu-y* tức là *Chu-y nhân* nghĩa là người mặc *áo* (y) *đỏ* (chu). Âu-dương-Tu là một nhà văn-chương có tiếng đời Tống, lúc làm quan chấm trường, thường thấy một người mặc áo đỏ đứng trước mặt, thỉnh-thoảng lại gật đầu, mà lúc nào gật, là trong quyển đang chấm, thấy ngay một câu văn hay, một câu văn thần-tình. Ban đầu, Âu-dương-Tu thấy thế tưởng có kẻ nha lại đứng hầu đâu đấy, nhưng lúc giương mắt nhìn kỹ, thì ra không có ai cả. Thơ Tàu có hai câu rằng : « *Văn-chương tự cổ vô bằng cứ ; Đãn nguyện Chu-y ám điểm đầu* » nghĩa là : Văn-chương từ xưa đến giờ không lấy gì làm bằng cứ ; Chỉ mong được người *Áo đỏ* đứng xó tối gật đầu cho mà thôi. Ca trù ta có câu rằng : *Văn-chương tự cổ vô bằng cứ ; Đãn nguyện Chu-y ám điểm đầu. Làm văn nào có chắc gì đâu ? Hay cho lắm chẳng xét ra thì cũng dở.....*

**Ý và văn.** — Bài vừa cất giọng lên đã như một tiếng quở ngay là lười, là hủ. Tiếp nói luôn cái đầu *gật - gà, gật - gưỡng*, thực là phác thành hình được một người ngủ gật rồi. Kế nói đến cái *giọng khê nằng-nặc*, con *mắt cay lim-dim*, và hỏi có phải là lên *đồng đảo la-liệt*, uống rượu *say tít-mù*, hay là học-trò đến học thầy, thực lại như đưa thêm nét vào cho cái hình-ảnh kia được rõ thêm và có sắc đặm-đà hơn nữa. Kịp lúc đóng bài, cái ý hình như muốn dẫn Thần văn vào để gỡ tội cho anh học-trò ngủ gật, nhưng cái giọng thực là riễu cợt anh một cách rất thâm thúy vậy.

Bài thơ này ý tứ đã rồi-rào như thế, khí-vận lại lưu-loát, có nhiều chữ như *gà, gưỡng, nằng - nặc, lim-dim, la - liệt đảo, tít - mù say* thực là khéo dùng vậy. Tựu-trung phải chữ *lại* câu thứ 4 đối với chữ *khê* câu thứ 3 chưa được chỉnh lắm. Có người nói hay đổi chữ *lại* làm chữ *nhằm*.

---

## 5. — Ngày tháng thoi đưa

Nước chảy, hoa trôi chán sự đời,
Ngày qua, tháng *trọn tựa đưa thoi.*
Sớm chiều chớp mắt, *câu bay nhảy,*
*Sóc, hối* gang tay *yến giục đòi.*
Thấm-thoắt *xuân xanh khôn vững kéo,*
Lơ-phơ *tóc bạc gật-gù coi.*
Khuyên ai đang lúc còn *niên thiếu,*
Ngày tháng *công-phu* gắng *kịp thời.*

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Tháng trọn = trọn* : đủ, trọn ngày trọn tháng. Tháng trọn tức là hết tháng này sang tháng khác. — *Tựa thoi đưa* = ý nói thời giờ thấm, thoắt đi mau chóng vi như cái thoi cửi đi đi lại lại rất mau chóng vậy. — *Câu bay nhảy = câu* hay còn đọc là *cu* (vó câu, long cu) là con ngựa măng khỏe. Câu quang : bóng nắng ; câu ảnh : bóng mặt giời. Sau chữ *câu* chỉ chính mặt giời. Ta hay nói : *bóng câu cửa sổ* là dịch ở chữ : *bạch câu quá khích* (con ngựa măng trắng qua khe cửa). Trong Sử-ký Tàu có chỗ nói : « *Nhân sinh nhất thế-gian ; Như bạch câu quá khích* » : một đời người ở thế-gian ; như bóng ngựa măng qua khe cửa. *Câu bay nhảy* : ý nói thời giờ mau chóng, đời người ngắn-ngủi. — *Sóc* = nghĩa đen là mới, chỉ ngày mồng một đầu tháng. - *Hối* = nghĩa đen là mờ tối, chỉ ngày cuối cùng trong tháng. — *Yến giục đòi = yến* : loài chim mình nhỏ, cánh to, đuôi dài và dẽ đôi, lông lưng đen, lông bụng trắng, cứ mỗi năm vào độ xuân-phân, thì di cư sang những xứ nóng, làm tổ ở nóc nhà, đến thu-phân lại dời đi. Nên con yến là biểu-hiệu mùa xuân, mà nó giục đòi là nó như muốn đuổi thời giờ đi cho mau chóng, hết tháng này sang tháng khác, hết mùa này sang mùa khác. — *Xuân xanh khôn vững kéo* = cái tuổi trẻ đi mau, khó lòng mà giữ, mà lôi kéo lại được. — *Tóc bạc gật-gù coi* = cái tuổi già không làm gì được nữa, chỉ lắc-lư đoái nhìn lại mà tiếc đời. — *Niên thiếu = niên* : năm ; *thiếu* : ít, nhỏ ; *niên thiếu* : lúc còn ít tuổi, trẻ tuổi. — *Công-phu* = công việc khó nhọc. — *Kịp thời* = cho nó vừa tới nơi, đừng để quá đi, đừng để nhỡ thời.

**Ý và văn.** — Nói thời giờ mau chóng mà dùng đến những cái hình ảnh : *nước chảy, hoa trôi* ; —

*thoi đưa* ; — *cầu bay nhảy* ; — *yến giục đòi*, và ghép hai cái ý phản-đối nhau, đi liền được với nhau như : *sớm* với *chiều*, *sóc* với *hối*, *xuân xanh* với *tóc bạc*, lại lấy những tiếng như : *chớp mắt*, *gang tay*, *thấm-thoắt* để khiến những tiếng trên... thì cũng là tài khéo, làm cho người đọc phải tiếc đến thời giờ mà biết qui thời giờ vậy. Trong 6 câu trên, thực câu nào cũng ngụ được cái ý *thời giờ mau chóng*, cũng nhắc đến cái ý *ngày tháng thoi đưa* đã như quy cả vào đầu bài không còn sợ lạc đi đâu nữa. Hai câu kết giục bạn thiếu-niên phải gắng sức làm việc cho kịp thời, cũng là một cách đóng bài rất hợp với nghĩa bài, là cái nghĩa thuộc về luân-lý khuyên răn đời như những câu trâm-ngôn thường dùng : *khi ta hãy còn trẻ, ta phải làm việc. Thời giờ đã qua không bao giờ lại lại nữa v. v...* Nên bài này tuy ý-tứ không có gì là kỳ-áo, thì nhời nhẽ cũng được minh-bạch và cách bố-cục rất có trật-tự, các bạn thiếu-niên đáng tụng độc luôn vậy.

---

## 6. — Con cuốc

*Khắc-khoải* sầu đưa giọng lẳng-lơ,
Ấy *hồn Thục-đế thác* bao giờ ?
Năm canh *máu chảy đêm hè vắng*,
Sáu khắc *hồn tan bóng nguyệt mờ*.
Có phải tiếc xuân mà đứng đợi ?
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ ?
Ban đêm ròng-rã kêu ai đó ?
Giục khách *giang-hồ* dạ ngẩn-ngơ.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ (?)

**Có bản chép**. — Câu 3. đêm hè *vẳng*. — Câu 5. mà đứng *gọi*.

**Chữ và câu**. — *Cuốc* = giống chim có ich, mỏ dẹt và hơi quắp, sắc lông như sắc gio, ngực trắng, ăn các loài sâu bọ, ở bờ ao, bờ ruộng, không làm tổ, hay trúi dưới các bụi tre, bụi cây, tiếng kêu nghe thê-thảm. — *Khắc-khoải* = bực rọc, không yên lòng. *Khắc-khoải đã đau lòng cái cuốc*; *Băn-khoăn thêm tức cật con ve*. (Thơ mùa hè trang 123). *Con cuốc kêu khắc-khoải mùa hè*; *Làm thân con gái phải nghe nhời chồng*. (Ca khuyên vợ). — *Hồn Thục-đế* = hồn vua nước Thục, xưa vua Thục tên là Đỗ-Vũ xưng đế bảy nước, hiệu là Vọng-đế, gặp phải năm lụt nước, nhường ngôi lại cho tướng Khai-Minh, rồi lên núi ẩn, sau nhớ nước mà chết, *hồn* hóa làm con *cuốc*, chữ Tàu gọi là Đỗ-vũ hay *Đỗ-quyên*. Trong truyện Kiều, khúc tái hồi Kim-Trọng có câu : *Khúc đâu êm-ái xuân tình*; *Ấy hồn Thục-đế hay mình Đỗ-quyên*, là cụ Nguyễn-Du dịch ở một câu trong bài thơ cầm-sắt ra : *Thục-đế xuân tâm thác Đỗ-quyên*. — *Thác* : gửi hồn, gửi thân vào. — *Máu chảy đêm hè vắng* = người ta tương truyền cuốc đêm khuya suốt mùa hè cứ hộc máu ra. Lúc nhà Tống mất nước, ông Văn-thiên-Tường có câu thơ rằng : *Tòng kim biệt khước Giang-nam lộ*; *Hóa tác đề quyên đái huyết qui* nghĩa là từ nay không tới đường Giang-nam; Hóa làm con cuốc kêu mà đem máu về. — Sáu khắc *hồn tan bóng nguyệt mờ* = đêm đêm cuốc kêu mãi rạc đi, đợi sáng, lúc bóng giăng đã mờ thì chết, mà chết thì cái xác mất biến ngay, cho nên ai tìm được xác cuốc lấy làm qui lắm, hoặc cho là điềm hay, hoặc dùng làm vị thuốc. — *Giang-hồ* = *giang* : sông, *hồ* : hồ; người cưỡi thuyền đi chơi sông, chơi hồ, còn chỉ người đi ẩn như câu : *Thân tại giang-hồ*,

*tâm tồn ngụy quyết* : mình ở trên mặt sông hồ, mà lòng vẫn lo việc nước. Thế tục bây giờ dùng hai chữ *giang-hồ* để chỉ người lưu lạc tứ phương, bông-lông mọi chốn, không thể tin được : khách *giang-hồ*, gái *giang-hồ* ; giai tứ chiếng gái *giang-hồ* — *Mười năm lưu lạc giang-hồ ; Một ngày tư tác cơ đồ lại nên* (ca-dao).

**Ý và văn.** — Bài này kể liệt vào các bài kiệt-tác của thi-xã ta được. Hoặc có người hiềm hai chữ « *lẳng-lơ* » câu đầu hạ không thực đúng với giọng bài, là cái giọng đau-đớn, thê-thảm, và câu thứ 7 nhắc lại cuốc kêu, tuy thêm cái ý mới, hỏi « *kêu ai ?* », nhưng cũng là trùng điệp với mấy câu trên đã nói cuốc kêu rồi. – Lại có người bẻ cứ như câu thứ tư thì con cuốc đã chết, mà sao đến ba câu dưới, lại gọi cuốc lên hỏi, như cuốc vẫn còn sống ? Hiềm, bẻ như thế cũng có phần phải. Nên, giá đổi đầu đề bài này là « *Nghe cuốc kêu* » có nhẽ đúng hơn. Nhưng, dù thể nào, cái cách tìm chữ, xếp câu hoặc chưa được trọn-vẹn cho lắm, thì cả toàn thể bài và nhất là cái ý nghĩa trong bài rất sâu xa thấm-thía, khiến cho ta nên ngâm vịnh đến luôn. Khi đã lấy được hòn ngọc trong con rồng rồi, thì cái vầy, cái vây nó lấy mà làm chi ?

Bài này thực là một bài tâm huyết chi thi. Ai đọc bài, thấy con cuốc *khắc-khoải đưa giọng sầu*, kêu thấu suốt *năm canh*, kêu đến *máu chảy* ra, kêu đến minh rạc đi, kêu đến hồn phải tan, kêu không biết vì *tiếc xuân*, vì *nhớ nước* hay để *kêu gọi ai*,... ai đọc thấy thế mà cầm lòng cho đậu, mà không thương xót đến cuốc, có thể như cùng với cuốc mà máu chảy, mà hồn tan đi được ? Ôi, Thục-đế chỉ vì nhớ nước, thác đi hóa làm con cuốc, đã

hóa làm cuốc, lại còn khắc-khoải kêu đến thác đi lần nữa cũng chỉ vì nước ! Người ta ai có tâm với nước, nhất là bọn khách giang-hồ, nghe tiếng cuốc kêu ròng-rã, mà lại không ngẩn-ngơ trong dạ, không nghĩ đến phận cuốc được ru !

---

## 7. — Con trâu già

*Một nắm xương khô, một nắm da,*
*Bao nhiêu cái ách đã từng qua.*
Đuôi kia biếng vẫy *Điền-Đan hỏa,*
Tai nọ buồn nghe *Nịnh-Tử ca.*
Sớm thả *đồng Đào* ăn đủng-đỉnh,
Tối về *chuồng Quế* thở nghi-nga.
*Có người đem dắt tô chuông mới,*
*Ơn đức vua Tề lại được tha.*

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Một nắm xương khô, một nắm da* = câu này ý nói con trâu già gầy lắm, chỉ còn da bọc xương độ bằng một nắm tay thôi. — *Bao nhiêu cái ách đã từng qua* = *ách* : miếng gỗ làm hơi cong để ngang qua cổ trâu, bò, hai đầu sỏ vào hai càng xe, hay buộc dây vào để cho kéo một cái gì. Tục thường gọi là *vai trâu* hay *vai bò*. Câu này ý nói con trâu đã trải mang bao nhiêu cái ách trên cổ, nhưng tác-giả lại còn dùng chuyển nghĩa chữ ách 軛 là ngáng cổ sang chữ 厄 là khốn nạn khổ sở, như tai ách, ách nạn — *Điền-Đan hỏa* = lửa Điền-Đan. Đời Chiến-quốc,

nước Yên đánh nước Tề đã hạ được hơn 70 thành, chỉ còn một thành Cừ-tức-mặc. Sau có người tướng nước Tề tên là Điền-Đan dụng cái mưu bắt một nghìn con trâu, minh khoác gấm năm sắc, sừng đeo gươm giáo, rồi buộc cỏ vào đuôi mà đốt lên ; trâu bị nóng chạy lung-tung, xông ra trận, quân Yên thua bỏ chạy mà quân Tề lại khôi phục được cả 70 thành. *Nịnh-Tử ca* = bài hát của ngươi Nịnh-Tử, còn gọi là *Phạn Ngưu ca*, Nịnh-Tử vốn tên là Nịnh-Thích, người đời Xuân-thu, cực tài giỏi, nhưng quẫn bách khốn cùng không biết làm thế nào để tự-đạt. Sau anh ta lập cái kế đi buôn, đánh xe trâu sang nước Tề, ngày thì đi bán hàng, tối lại về ngủ ở bên cửa thành, Một tối gặp vua Hoàn-Công mở cửa thành đi đón khách, anh ta bèn gõ vào sừng con trâu kéo xe mà hát rằng : « *Nam sơn sán, bạch thạch lạn, sinh bất phùng Nghiêu dữ Thuấn thiện, doản bố đản y tài chi cán, trường dạ mạn mạn hà thời dán* ? » dịch nghĩa là : Núi Nam rực-rỡ, đá trắng sáng-sủa ! Đẻ ra không gặp lúc vua Nghiêu nhường ngôi cho vua Thuấn, vải ngắn, áo đơn bó chịt cái thân gầy mòn, cứ lan-man ở trong chỗ tối đêm cho biết đến ngày nào ? Vua Hoàn-Công nghe hát, nói rằng : « Quái lạ ! người này không phải là người thường, rồi gọi Nịnh-Tử lên xe cho đi theo, sau được làm quan to. — *Đồng Đào* = tức là Đào-lâm, sau gọi là Đào-nguyên là chỗ vua Vũ-Vương lúc đánh được nhà Thương, rồi thả trâu ra đấy. Phóng ngưu vu Đào-lâm chi giã : thả trâu ra chỗ đồng Đào-lâm. — *Chuồng Quế* = cái điền này chúng tôi khảo cứu không được chắc lắm. Hoặc tác-giả có ý nói đến cái điền Ngô-Cương đi học tiên có lỗi, phải phạt đẵn cây quế ở trên cung giăng chăng. Cứ theo câu ca-dao của ta : *Thằng cuội ngồi gốc cây đa ; Để trâu ăn lúa gọi cha hời*

*hời*, thi trong cung Giăng gọi là quế-phủ, quế-điện cũng có con trâu. — *Thở nghi-nga* = Cái điền này có nhẽ ở câu *Ngô xuyền nguyệt* nói ở nước Ngô, trâu sợ nóng thấy mặt Giăng ngỡ là mặt Giời mà thở hổn-ha hổn-hển. — *Có người đem dắt tô chuông mới ; Ơn đức vua Tề lại được tha* = hai câu kết do ở cái điền này : Có người dắt trâu đi qua trước vua Tuyên-Vương nước Tề. Vua trông thấy, hỏi dắt trâu đi đâu. Người kia thưa dắt trâu đem giết để lấy máu bôi vào quả chuông mới đúc. Vua không nỡ để con trâu vô tội mà bị giết, mới bảo lấy dê đổi. Vì vậy con trâu được tha. Có kẻ cho vua đổi dê lấy trâu là biển-lận. Nhưng kỳ thực là tại vua có chút lòng nhân, không nỡ để con trâu vô tội, chính mắt trông thấy, phải người ta lôi kéo, thở hộc tốc đến một nơi mà chịu chết (Xem Mạnh-Tử).

**Ý và văn.** — Trừ hai câu đầu ra, thì trong bài, câu nào cũng dẫn một điển, mà tinh là những điển ở bên Tàu và tự đời nào cả. Nếu lược bỏ những điển ấy đi, thì tưởng bài không còn gì nữa. Cái lối thơ nôm dẫn điển Tàu cũng là một lối các cụ xưa chuộng lắm. Các cụ cho thơ không điển là loãng, là nhạt. Có đem điển cố dẫn vào, nhất tìm được những điển oái-oăm, thì các cụ mới chịu cho là thực có học, rộng kiến-thức. Làm thơ như thế, cứ kể cũng có phần hay, song nhiều khi chỉ vì thế, mà thành trong bài, nhời nhẽ tuy có trọng, nhưng cái thể bài không được linh, cái khí bài không được mạnh.

Như bài này một người đọc, muốn tìm cho rõ được hết các điển, tưởng đã mệt lắm rồi, còn trí đâu mà hưởng được cái thi vị trong bài nữa. Dù thể nào, tả một con trâu già được như bài này cũng là hiếm có : phi một người có học, lại phải có tài, không

sao lắm nỗi. Hai câu thực, hai câu luận đối nhau rất chỉnh, và tự câu đầu đến câu cuối thực rõ tả được một con trâu giúp người đã từng bao nhiêu việc, bây giờ, giở về già gầy - gò yếu đuối ; người không nỡ giết, người lại để cho được tự-do mà hưởng lấy chút lương hưu-trí vậy.

---

## 8. — Con vịt

Cũng đủ lông, xương, cũng đủ da,
Chẳng ra *ngan*, ngỗng, chẳng ra gà.
Co chân vùng - vẫy miền *giang-chử*.
Nghển cổ ăn chơi chốn hải hà.
Đội đức *càn khôn* sinh trứng mãi,
Nhờ lò *tạo-hóa* nở con ra.
*Tiếng tuy rằng thấp, gan không bé :*
*Sấm sét ù-ầm cũng chẳng xa.*

VÔ-DANH

**Có bản chép**. — Câu 3. miền *giăng bạc*. — Câu 8. Sấm *động ỳ-ỳ* cũng chẳng *ra*.

**Chữ và câu**. — *Ngan* = cũng thuộc về loài vịt, nhớn hơn và khác có cái mào đỏ và sòe ra ở trên đầu. — *Giang-chử* = bến sông. — *Hải hà* = bể sông. — *Càn khôn* = giời đất. — *Tạo-hóa* = chỉ ông giời. — *Tiếng tuy rằng thấp, gan không bé : Sấm sét ù-ầm cũng chẳng xa* = hai câu này ý nói vịt thì thấp thật, nhưng vịt gan to, dù thấy sấm sét cũng ỳ ra không tránh đi xa. Tục-ngữ có câu nói : « *Thấp như vịt* » « *Như vịt nghe sấm* ».

**Ý và văn.** — Mở bài nói : có đủ *lông, xương, da,* không phải *ngan, ngỗng, gà,* để chỉ là con *vịt,* thì tưởng cũng là túng. Nhưng kể còn hơn bài tả con *Dế duồi* của ông Tú Quì, mà phải hạ ngay rằng :

« *Kiến chẳng phải kiến, voi chẳng voi,*
*Giời sinh Dế duồi cũng choi choi ! .. »*

thực là trẻ con, khiến cho ta phải bật cười. Từ con kiến lên con dế đã xa, mà từ con dế lên con voi lại càng xa xa lắm ! — Đây nói xương, da, nhưng nói đến cả *lông*, thì cũng đủ hiểu là loài *cầm.* Lại nói không phải ngan, ngỗng, không phải gà thì tức rõ ra vịt là một loài thường nuôi với những loài kia. — Hai câu thực nói vịt hay lõm-bõm ở dưới nước, hai câu luận nói vịt đẻ ra nhiều trứng, thì cũng là tả rõ được mấy cái đặc-tính của loài vịt vậy. — Hai câu cuối, tuy không có gì thực gọi đóng bài về con vịt, nhưng dẫn đến những điền lấy trong phương-ngôn tục-ngữ, thì cũng là dụng công-phu lắm. (Nếu dẫn tục-ngữ, thì còn câu « *Nước đổ đầu vịt* » tưởng cũng hay).

Bài này có bản chép cho là của cụ Nguyễn-Khuyến. Nhưng ý chúng tôi không dám nhận là phải : trước hết không phải là ngọn bút thường quen của cụ, sau nữa là bài không có thi-vị gì cả. Trong bài dễ chỉ được có mấy chữ : *Co chân vùng vẫy* ; *Nghển cổ ăn chơi* ; *Đội đức càn khôn* ; *Nhờ lò tạo-hóa* là có thi-thú một chút mà thôi ! Còn *miền giang-chử, chốn hải hà, sinh trứng mãi, nở con ra* tưởng như có phần trùng điệp. Ấy là không nói hai câu phá đề, nhập đề hơi túng và ba chữ cuối « *cũng chẳng xa* » nghĩa ý không được rõ.

---

## 9. — Con cóc

*Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi,*
*Chốn nghiêm thanh vắng một mình ngồi.*
*Tép miệng năm ba con kiến gió,*
Nghiến răng chuyển-động bốn phương giời.

LÊ THÁNH-TÔN

**Chữ và câu.** — *Bác mẹ sinh ra vốn áo sồi* = *bác mẹ* dùng cũng như thầy mẹ, bố mẹ ; *áo sồi* : áo vải hay tơ dệt bằng thứ sợi xấu, hay gốc tơ gai góc, có nhiều mấu ; câu này ý nói từ lúc bố mẹ cóc sinh ra cóc, thì cái da cóc vốn xù-xì không được nhẵn. — *Chốn nghiêm thanh vắng, một mình ngồi* = chốn nghiêm thanh vắng : tức là cái hang cóc ở sâu xuống, cóc ngồi một mình trong hang, ra dáng oai vệ lắm. — *Tép miệng năm ba con kiến gió* = cóc thè lưỡi, kiến rính vào, cóc tép miệng ăn. Kiến gió là thứ kiến vàng nhỏ và nhẹ, chỗ nào cũng có thể lọt vào được, nên người ta cho như là *gió* thổi đến vậy. — *Nghiến răng chuyển-động bốn phương giời* = thật thì loài cóc không có răng, nhưng tục truyền hễ cóc nghiến răng, có nhẽ là nghiến hai hàm lại với nhau thì làm cho giời đất phải rung chuyển có cơn mưa, cơn gió.

**Ý và văn.** — Câu đầu tả hình-thù con cóc, câu thứ hai nói chỗ ở, câu thứ ba nói cách sinh-hoạt, câu thứ tư nói sự can-thiệp viển-vông của con cóc đối với thế-gian, một bài thơ *cóc* mà vịnh như thế, cũng có thể cho là lọn đủ, có giá vậy.

Ta có câu ca-dao : « *Con cóc là cậu ông Giời ; hễ ai đánh nó, thì Giời đánh cho* », chỉ một câu ấy cũng đủ làm cho cóc, tuy là con vật nhỏ mọn, xấu xa đến đâu, cũng được tôn lên một địa-vị tưởng hình như ai nấy đều phải kiêng nể sợ hãi cả. Nhà cách-trí không cần phải nhắc : « Cóc là một vật có ích, ta không nên giết hại nó. » Sự mê-tín đây có thể thay vào cách-trí được rồi. Lại như bài thơ này dù tả con cóc, mà thực rõ ra một bậc oai vệ đường-đường, có quyền-chức cao, có thế-lực to, làm cho giời phải long, đất phải lở. Hoặc có nhẽ vì cóc nhờ được tay một ông vua là bậc chí-tôn tả đến, mà cóc mượn được cả cái khí-tượng của ông vua thao-lược, đánh đông, dẹp bắc, có tiếng lừng-lẫy trong thế-giới chăng.

---

## 10. — Con voi

*Xông-pha bốn cõi bể chông gai,*
*Vùng-vẫy mười phương bụi cát bay.*
Phép nước gọi là *tơ chỉ buộc,*
Sức này *nào quản búa riu lay.*

LÊ THÁNH-TÔN

**Chữ và câu.** — *Xông-pha bốn cõi bể chông gai* = câu này ý nói con voi là con vật tợn-bạo, những chỗ gai góc đến đâu cũng sấn vào được. Tiếng

*chông gai* (kinh cức) có nghĩa bóng chỉ giặc-giã. — *Vùng-vẫy mười phương bụi cát bay* = câu này nối ý vào câu trên, nói khi con voi xống-pha đến đâu, là phải lầm cả lên, ra dáng oai mãnh lắm. — *Tơ chỉ buộc* = ta có câu thường nói : *chỉ đâu buộc được chân voi, chân ngựa*, nghĩa là con voi là con vật rất khỏe, tơ chỉ nào mà giữ được nó. Nó có sợ, là sợ phép nước mà thôi, chớ có sợ đâu đến cái búa người quản tượng đập vào đầu nó. (*Nào quản búa rìu lay*. Câu 4).

**Ý và văn.** — Bài này không tả rõ hình-thù con voi như bài trên tả con cóc. Bài này chỉ nói chuyên về một cái khí-tượng con voi. Mà bài con cóc, nếu cho là có cái khí-tượng một bậc đế-vương anh-hùng, thì bài con voi này cũng có thể cho như có cái khí-tượng một vị quốc-gia lương-đống được. Voi tuy là một vật to nhớn hơn hết cả mọi vật trên hoàn cầu, nhưng voi không oai vệ như vua Sa-mạc, dữ tợn như chúa Sơn-lâm. Voi có thể qui phục được; có thể sai khiến được, vua chúa tướng tá có thể cưỡi voi ra trận mạc được, đình chùa miếu mạo có thể bắt voi qui ở hai bên cửa được. Voi thực là to nhớn phục-phịch mà voi thực là hiền lành dễ bảo. Tuy vậy, đừng có thấy thế mà khinh voi. Voi có sợ là sợ pháp-luật, sợ qui-tắc, chớ có sợ đâu cái roi, lưỡi búa. Thả ra đua sức, hồ dễ đã ai làm gì nổi ! Voi như thế có khác nào một người có chí cả, đủ tài sáng tạo được thời thế, mà lại chịu thần-phục quốc-pháp quốc-lệ vậy.

## 11. — Lươn

Cứ nghĩ mình rằng ngắn,
Ai ngờ cũng *dài đườn*;
Thế lại còn chê *chạch*,
*Lươn !*

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Dài đườn* = dài lắm. Ta hay nói *đườn-đượt*, nằm *đườn-đượt*, ngay *đườn-đượt*. — *Chạch* = loài vật mình nhỏ, dài, có hai vây, đầu có ria, đuôi như đuôi cá sộp. — *Lươn* = mình cũng nhỏ, dài nhưng không có vây, thịt lươn, thịt chạch ăn cũng ngon, người ta hoặc câu, hoặc đánh đó, hoặc bắt tay ở những hồ ao hay các đồng chiêm. So lươn với chạch, thì lươn dài hơn chạch nhiều, lươn có phần giống loài rắn hơn, chạch có phần giống loài cá hơn.

**Ý và văn.** — Bài này chúng tôi liệt vào đây, chỉ cốt để làm bài thí-dụ về cái lối *thơ yết-hậu* mà thôi. Kể phần ý-nghĩa, thì không có gì cao xa, thú-vị nên thơ được. Nhưng về đường tự cú, thì thực là công-phu, cố tìm, khéo lựa lắm mới thành được thiên-chương như thế.

Cốt bài là lấy ở câu ca-dao cổ : « *Lươn ngắn mà chê chạch dài.* » Con lươn chính nó dài hơn con chạch, mà nó lại chê con chạch là dài, cũng như con thờn-bơn méo miệng chê con trai lệch mồm, con chó chê con mèo lắm lông, con chuột chù chê con khỉ là hôi vậy. Tại mình vốn có cái tật thế nào, mình không ngắm mình, lại đi chê người cũng

có cái tật gần giống như tật mình. Chê như thế là chê bậy, tất phải mắng át đi. Nên cả toàn-thể bài này chỉ là một câu mắng mà thôi. Câu đầu nói : nghĩ mình ngắn ; câu thứ hai nói : thực mình dài ; câu thứ ba nói : con chạch ; câu thứ tư mới lôi con lươn ra mà lại chỉ buông xuống có mỗi một tiếng « *Lươn* » mà thôi. Đối với con lươn như thế, có phải như gọi hẳn tên hèm nó ra, nói giống nó ra mà quở một cách đến nơi rất thấm-thía vậy. Còn đối với chính nhà làm thơ hạ được chữ lươn ấy, có khác nào như xoay ván tổ-tôm chờ chỉ có một tiếng, mà lại bốc trúng ngay quân ù ?

---

## 12. — Cái điếu bát

Đã nên danh-giá ở trên đời,
Kẻ mến, người yêu khắp mọi nơi.
*Đầu mũ, lưng đai* ngồi chễnh-chện,
*Lòng sông, dạ bể xiết xa khơi.*
*Tiếng rền réo sấm nhường vang đất,*
*Hơi thở tuôn mây dễ ngất giời.*
*Một trận ra oai trong nước lặng,*
*Ải nam khói tắt, ngạc chìm hơi.*

VÔ-DANH

**Có bản chép.** — Câu 3. ngồi *chăm-chắm*. — Câu 4. *chửa bời-bời*. — Câu 5. *không* sấm *mà* vang đất. — Câu 6. *Khói* thở *nên* mây. — Câu 7. Một trận *ngã đùng*. — Câu 8. Ải nam *rứt khói*.

**Chữ và câu.** — *Đầu mũ* = tức chỉ cái nõ điếu. — *Lưng đai* = thứ điếu bánh giầy ở giữa thường làm một cái vòng bằng đồng hay bằng bạc như đánh đai điếu lại. — *Lòng sông dạ bể xiết xa khơi* = trong điếu có nước mà ở ngoài không trông thấy, tưởng chừng như sông, như bể rộng mông-mênh vậy. — *Tiếng rền réo sấm nhường vang đất* = hút thuốc, tiếng điếu kêu lách-tách, cho tựa như tiếng sấm làm chuyển động cả trái đất. — *Hơi thở tuôn mây khói ngất giời* = hút thuốc thở khói lên, tựa như đám mây phất-phưởng ở trên giời. — *Một trận ra oai trong nước ặng* = hút thuốc xong, tiếng im, lửa tắt, khói tan đâu đó hình như bình tĩnh cả. — *Ải nam khói tắt, ngạc chìm hơi* = *ải nam* : cửa ải ở phía nam ; — *ngạc* : thứ cá to ở dưới bể, *kình ba, ngạc lãng* chỉ giặc giã ở ngoài biển đối với *lang yên* chỉ giặc giã ở trên rừng núi ; cả câu ý nói dẹp tan được giặc ở phía nam không sao nổi lên được nữa.

**Ý và văn.** — Hai câu thực đủ tả được hình cái điếu có nõ, có đai, có nước ở trong lòng. — Hai câu luận tả rõ lúc hút thuốc : tiếng kêu, khói thở. — Hai câu đầu ý nói cái điếu, chỉ vì thiên-hạ nhiều người dùng đến, mà thành ra một vật có giá, kẻ mến người yêu khắp mọi nơi. Người nghiện thuốc lào, ai không biết câu ca-dao : « *Nhớ ai như nhớ thuốc lào ; Đã tròn điếu xuống lại đào điếu lên ?* » — Còn hai câu kết, nói lúc hút thuốc xong, im lặng như thế, là tại hai câu luận đã hạ đến những chữ : *vang đất, ngất giời*. Bởi hai câu kết ấy mà có người cho bài thơ này là của vua Gia-Long làm để ngụ cái ý đã dẹp được hết loạn Tây-Sơn mà lên ngôi Nam-Việt

Hoàng-đế. Không chắc có đúng không. Nhưng cứ xem thể-tài của bài, thì thực rõ là cái khí-tượng của một người anh-hùng đã tạo được thời-thế, đã nhất thống sơn-hà. Cách-luật đúng, ý-tứ cao, bài cái điếu bát này thực là một bài thơ rất có giá vậy.

---

## 13. — Cái xe điếu

Vốn *ở lâm tuyền* đã bấy nay,
*Khi ra*, dễ khiến thế-gian say.
*Lưng in chính-trực*, mười phân thẳng,
*Dạ vẫn hư-linh một tiết ngay.*
*Động sóng, tuôn mây khị chán miệng,*
*Nghiêng giời, lệch đất thuở buông tay.*
*Dưới từ giã lục trên đền đỏ,*
*Ai chẳng quen hơi, mến nết này.*

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Lâm tuyền* = *lâm* : rừng ; *tuyền* hay *toản* là suối ; lâm tuyền chỉ nơi rừng núi và thường dùng để nói chỗ người đi ẩn. — *Khi ra* = ở trong rừng ra ; đây nói khi đẵn ra để làm xe điếu. — *Lưng in chính-trực* = *chính* : ngay ; *trực* : thẳng ; câu này ý nói cái dóng xe điếu ngay thẳng. — *Dạ vẫn hư-linh một tiết ngay* = *hư-linh* : rỗng không ; ý nói cái xe điếu rỗng suốt cả không tắc tị chỗ nào. Chữ *tiết* có nghĩa là đốt. Đây còn có ý nói xe điếu lúc nào cũng thông suốt như người ta ăn ở với nhau

được thủy chung như nhất. — *Động sóng, tuôn mây khi chán miệng = động sóng* ý nói lúc hút, cái xe làm cho nước trong điếu xùng-xục lên, còn *tuôn mây khi chán miệng* là nói lúc hút một hơi xong, miệng không ngậm xe điếu nữa thì thở khói ra như mây. — *Nghiêng giời, lệch đất thuở buông tay* = lúc tay bỏ cái xe điếu xuống thì say lừ-đừ hoa cả mắt, trông như giời đất nghiêng đổ cả. — *Giã lục = giã* vốn nghĩa là đồng áng, sau chỉ rộng nơi dân gian ở đối với các quan ; còn chữ *lục* đây dễ có nghĩa là xanh hoặc ý muốn nói chốn quê mùa giồng giọt cày cấy nhiều. — *Đền đỏ* = hoặc dịch ở chữ *tử các* là gác tía ra và chỉ cung điện nhà sang trọng hay sơn son sơn đỏ.

**Ý và văn.** — Bài này so với bài trên, thì kém xa, chúng tôi chép luôn vào đây, là có ý để cho độc-giả cân nhắc lại bài mà đánh giá riêng của mỗi bài vậy. — Hai câu đầu kể nguyên-lai xe điếu ; hai câu thực tả hình xe điếu ; hai câu luận nói xe điếu dùng làm gì ; hai câu kết nói đâu đó thiên hạ đều mến chnộng xe điếu, thì cũng cùng một ý với hai câu đầu của bài « Cái điếu bát ».

Trong bài phải chữ « *giã lục* » đi với chữ « *đền đỏ* » hình như hơi ép, vì *giã lục* là dùng nguyên chữ Hán mà *đền đỏ* là dịch nghĩa ở chữ Hán ra. — Nhưng được hai câu thực nói đủ bề ngoài, ruột trong cái xe điếu, mà hạ đến những chữ « *chinh-trực, hư-linh* » và hai câu luận nói lúc hút thuốc lào, mà những « *động sóng, tuôn mây* », nói lúc hút thuốc say, mà những « *nghiêng giời, lệch đất* » thì cũng là có lý-thú ít nhiều nên thơ vậy .

## 14. — Cái nón

Dáng *tròn vành-vạnh, vốn không hư,*
Che chở bao la khắp *bốn bờ.*
*Khi để, tưởng nên dù với tán,*
*Nên ra, thì nhạt nắng cùng mưa.*
*Che đầu bao quản lòng tư túi,*
*Giúp chúa nào quên nghĩa sớm trưa.*
*Vòi-vọi ngồi trên ngôi thượng đỉnh,*
*Ai ai nhớn nhỏ đội ơn nhờ.*

LÊ THÁNH-TÔN

**Chữ và câu.** — *Tròn vành-vạnh* = *vành* là vòng tròn, tròn vành-vạnh là tròn lắm, không méo, không bẹp một tí nào. — *Vốn không hư* = *hư* đây có nhẽ lấy cái nghĩa hư hèn, bỏ hư, không dụng được việc gì. Hoặc còn cho là rỗng không, không có gì, lấy nghĩa là *hư không* cũng được. — *Bốn bờ* = bốn bên. — *Khi để tưởng nên dù với tán* = khi không dùng đến, treo một chỗ trong nhà, thì tưởng như là cái tàn, cái tán vậy, tán khác tàn là to và ngắn hơn. — *Nên ra, thì nhạt nắng cùng mưa* = khi dùng đến, khi đội trên đầu, thì tha hồ nắng, tha hồ mưa, cũng dãi dầu chịu được cả không ngại gì. — *Che đầu bao quản lòng tư túi* = ý nói người nào đội cũng được, bất cứ già trẻ, nhớn bé, chớ không bảo chỉ riêng một mình ai cả. — *Giúp chúa nào quên nghĩa sớm trưa* = ý nói người chủ đội lúc nào cũng được, bất cứ là sớm, trưa hay mưa nắng, không phải chỉ đội riêng một lúc nào được như mũ mà thôi. — *Vòi-vọi ngồi trên ngôi thượng đỉnh* = *vòi-vọi* : cao lắm, *thượng* : trên ; *đỉnh* : chỏm, chỏm đầu, đỉnh đầu, ý nói cái nón cao ngất-nghểu ở trên đầu.

**Ý và văn.** -- Bài này có nhẽ cũng bởi tại ông vua làm, mà « cái nón » cũng mượn được cái khí-tượng của ông vua như bài « Con cóc » số 9. Những chữ hạ như : *che chở khắp bốn bờ, dù, tán, chẹ đầu bao quản, vòi-vọi trên ngôi, nhớn nhỏ đội ơn,* thực rõ ra một ông vua có lòng ưu thời, mẫn thế, cố sức bảo-hộ cho lũ dân đen, lũ dân đen đều được nhuần gội cái ơn Thánh-đế rồi-rào cả. Nhưng xem một câu thứ năm nói *giúp chúa*, thì lại không phải là ông vua, mà có nhẽ là một vị đại-thần nào đứng cai quản một địa-hạt, trên thì tận trung báo quân ân, dưới thì tận lực phù ngu dân, cho ngu dân được nhờ.

Dù vua, hay dù quan, ta cũng gác cái ý ngoại ấy ra. Ta chỉ biết một bài tả một cái nón, mà nói đủ dáng nón, nón dùng lắm gì, lúc không dùng đến thì thế nào, lúc dùng đến thì được những việc gì, thì kể cái thể-tài cũng là lọn đủ vậy. Lại nhất được những chữ như *bao-la, nhạt, bao quản, thượng đỉnh* thực là có thi vị. Tựu-trung phải câu 3 và câu 4 có hai chữ *nên* như trùng điệp, song chỉ trùng về đường âm-hưởng, chớ không trùng về đường ý nghĩa.

---

## 15. — Cái chổi

*Nhờ chúa vâng truyền xuống ngọc-giai,*
Cho làm *lịnh-tướng quét trần-ai.*
Một tay vùng-vẫy *giời tung gió,*
Bốn cõi *tung hoành đất sạch gai.*

*Ngày vắng, rủ mây cung bắc-hán,*
*Đêm thanh, dựa nguyệt chốn lâu-đài.*
*Ôm lòng gốc rễ lâu càng giãi,*
*Mỏn mỏi lưng còn một cái đai.*

LÊ THÁNH-TÔN

**Chữ và câu**. — *Nhời chúa vâng truyền xuống ngọc-giai* = *ngọc-giai* : thềm ngọc, chỉ cái thềm nhà vua, chúa, nhưng câu đây thì nghĩa giản-dị nói cái chổi vâng nhời chủ xuống dưới thềm, dưới nhà. — *Lịnh-tướng* = hay lệnh-tướng : người tướng giỏi đứng đầu chỉ-huy cho quân, quan. — *Quét trần-ai* = quét thế-giới tức là quét bụi bậm, *trần-ai* là bụi bậm mà chỉ cả thế-giới vạn vật ở đối với cõi Tiên, cõi Phật. — *Tung hoành* = *tung* : dọc ; *hoành* : ngang ; hợp nam, bắc lại là *tung*, liên đông, tây lại là *hoành*. Thời Chiến-quốc Tô-Tần hợp sáu nước (Sở, Tề, Yên, Hàn, Ngụy, Triệu) để cự lại nước Tần là *tung*. Chương-Nghi làm trái hẳn, đi du-thuyết để cho sáu nước phải kết-liên lại mà thờ Tần là *hoành*. — Bây giờ hai chữ *tung hoành* hoặc ta dùng nguyên chữ Hán, hoặc ta dịch là *dọc ngang* mà chỉ người can-đảm vùng-vẫy tự do không sợ ai. *Dọc ngang nào biết trên đầu có ai.* (Kiều). — *Đất sạch gai* = ý nói cái chổi quét sạch cả rác rưởi, đối với *giời tung gió* ở câu trên nói cái chổi đưa đi thì chuyển-động cả không-khí như tung gió lên vậy. — *Ngày vắng rủ mây cung bắc-hán* = không rõ hẳn nghĩa cung Bắc-hán là gì. Hay nói *Bắc-cung* là cung cũ của nhà Hán ; câu này ý hẳn nói ban ngày lúc rỗi việc, được thảnh-thơi, thì cái chổi treo yên một

chỗ rủ tua xuống như rủ mây. — *Đêm thanh dựa nguyệt chốn lâu đài* = câu này cũng ý như câu trên, chỉ khác là nói ban đêm, mặt giăng chiếu vào lâu đài chỗ cái chổi dựa bên tường đấy. — *Ôm lòng gốc rễ lâu càng giãi* = cái chổi đây là chổi sể, hay chổi lúa, nghĩa là làm bằng rễ hay gốc các thứ cây, quét mãi, sau cùn dần đi, chỉ còn trơ ra một cái lạt buộc mà thôi, (*lưng còn một cái đai*).

**Ý và văn.** — Bài này vẫn còn theo một điệu như mấy bài trên. Nghĩa là cái điệu, tuy vịnh những loài vật, đồ dụng tầm thường nhỏ mọn, mà lại mượn ngòi bút để hoa-hoét tả những người, những truyện đâu đâu ra dáng anh-hùng vĩ-đại lắm. Một là tác-giả có cái khí-phách to, đã ngụ chí vào thơ, thì tự-nhiên thơ cũng có cái khí-phách to. Hai là tác-giả, dù chẳng có khí-phách gì, lúc vịnh những vật nhỏ, hứng ngòi bút lên, cũng muốn cho đồ-vật mình vịnh nó to nhớn, họa mình may có phần to theo vào đấy được một lúc chăng!

*Con cóc* đã thành được một bậc chí-tôn nghiêm-nghị, *cái điếu* đã thành được một bậc anh-hùng cái thế, *cái nón* mà cho được là một vị thủ-hiến hay ban ơn... thì cái *chổi* há lại chịu chỉ là một cái chổi thôi ư? — Không, cái chổi đây cũng chẳng vừa. Cái chổi đây thực là một viên lệnh-tướng giỏi *quét* được cả *trần-ai*, vùng-vẫy, ngang dọc, đi đến đâu là trộm cướp giặc giã phải tan đến đấy, tuy nhiên vẫn ung-dung thảnh-thơi và thờ bề trên thực là hết một niềm cúc cung tận tụy, chẳng khác nào như Gia-Cát Võ-hầu xưa thờ nhà Thục-Hán vậy.

---

## 16. — Cái hỏa-lò đun nước

*Gẫm xem khối đất nghĩ mà to,*
*Đủ cả âm dương đúc hóa lò.*
*Thế vững tam sơn chăm việc nước,*
*Lòng thông thất khiếu sạch màu gio.*
*Mặc người than củi đà không lụy,*
*Sẵn khách thang trà chẳng có lo.*
*Khắp cả bốn mùa dư kẻ quạt,*
*Phong-lưu giời đất đã dành cho.*

NGUYỄN-KHUYẾN

**Chữ và câu.** — *Gẫm xem khối đất nghĩ mà to*; *Đủ cả âm dương đúc hóa lò* = câu này ý nói ta thử nghĩ kỹ ta xem, chỉ một cục đất kể ra thế mà to, vì cục đất đắp ra được cái hỏa-lò, cái hỏa-lò trong có đủ cả âm dương, Tạo-hóa. Trong một bài phú cổ có câu rằng : « *Thiên địa vi lô hề ? Tạo-hóa vi công ; Âm dương vi thán hề ? Vạn vật vi đồng.* » Nghĩa là : Giời đất làm lò ư ? Tạo-hóa làm thợ ; Âm dương làm than ư ? Vạn vật làm đồng (tức chỉ cả kim thuộc) — *Thế vững tam sơn chăm việc nước* = *tam sơn* : ba quả núi, ở bên Tàu có mấy nơi gọi là Tam sơn mà ngay bên Ta, về vùng Từ-sơn Bắc-ninh cũng có Tam sơn, nhưng tam sơn đây là chỉ *ba cái tai* hỏa-lò trên để cái ấm đun *nước* thực là *vững-vàng* không sợ nước đổ. — *Lòng thông thất khiếu sạch màu gio* = thất khiếu trong người là hai tai, hai mắt, hai lỗ mũi, một mồm, nhưng thất khiếu đây là *bảy cái lỗ hổng* trong *lòng* hỏa-lò để cho *gio* lọt xuống dưới đáy thành ở trên *sạch*, không có tí gio nào còn lại

nữa. — *Mặc người than củi đà không lụy* = câu này ý nói tha hồ cho người bỏ than, bỏ củi vào mà đun nấu cũng không lụy hệ gì đến hỏa-lò. — *Sẵn khách thang trà chẳng có lo* = *thang* : nước nóng, nước sôi ; *trà* : chè ; câu này ý nói lúc nào khách đến, đun nước pha chè tha hồ, hỏa-lò cũng chẳng lo sợ gì. — *Khắp cả bốn mùa dư kẻ quạt, Phong lưu giời đất đã dành cho* = hai câu này ý nói trong bốn mùa, mùa nào cũng thừa (*dư* : thừa) kẻ quạt cho hỏa-lò, hỏa-lò được như thế thực là có cái phong-lưu sẵn của giời cho.

**Ý và văn.** — Ta nên nhận bài này không phải tả một cái hỏa-lò nào, nhưng riêng một cái hỏa-lò để đun nước pha chè. Trong bài nói rõ cái hỏa-lò vốn nặn bằng đất (câu 1 và 2), có ba tai vững-vàng, có bảy lỗ thông suốt (hai câu thực), người ta bỏ than củi vào đun nước để lấy nước pha chè (hai câu luận), khi đun nước phải quạt cho lửa cháy, và nhân cái ý có người quạt hầu, mà tự tôn ngay lên bậc phong-lưu nhàn-hạ giời cho (hai câu kết).

Tả một cái hỏa-lò, mà dùng đến những chữ : *âm dương, tam sơn, thất khiếu, đà không lụy, chẳng có lo, dư kẻ quạt, phong-lưu, giời đất*, thì cái hỏa-lò to thật, cái hỏa-lò nếu chẳng được làm ông vua, ông quan, ông tướng, thì cái hỏa-lò cũng lên mặt một người đã có cái phần ích quốc lợi dân, lại có cái chí-khí tự-lập, cái cốt-cách phong-lưu, sung-sướng lắm.

Toàn thể bài này được cả, không có chữ nào hay câu nào miễn-cưỡng. Hai câu thực đủ tả được cái hỏa-lò, hai câu luận nói rõ đun hỏa-lò và hỏa-ló dùng làm gì, hai câu đầu mở nói những âm, dương mà hai câu

kết đóng nói đến giời, đất, thế là làm văn thật kín đáo và trên dưới đang đối được với nhau rất hợp cách vậy.

---

## 17. — Dệt cửi

Thấy dân rét mướt nghĩ mà thương,
Vậy phải *lên ngôi* gỡ *mối giường*.
*Tay ngọc* lần đưa *thoi nhật nguyệt*,
*Gót vàng* rậm đạp *máy âm dương*.

LÊ THÁNH-TÔN

**Chữ và câu.** — *Lên ngôi* = tức là lên chỗ ngồi để dệt cửi. — *Gỡ mối giường* = đặt sợi vào khung cửi, sợi ngang, sợi dọc phân minh để dệt thành vải, lụa. Mối giường hay mối giềng là dịch ở chữ : *Kỷ cương* ra, *kỷ* chỉ cái đồ dùng để gỡ tơ, gỡ chỉ cho khỏi rối ; *cương* là cái dây to ở trên chóp lưới để tóm lưới mà tung ra. Hai chữ *kỷ cương* thường dùng để chỉ điển-chương pháp-độ người ta phải theo cho trên dưới cho có trật-tự không được rối loạn. — *Tay ngọc* = tay trắng đẹp. — *Thoi nhật nguyệt* = tức là cái thoi cửi, thoi cửi mà gọi thoi nhật nguyệt là lấy ý trong câu : *ngày* (*nhật*) *tháng* (*nguyệt*) *thoi đưa*. (Nhật nguyệt như thoa). — *Gót vàng* = gót chân đẹp, cũng dùng như tay ngọc ở câu trên. — *Máy âm dương* = bàn đạp cung cửi, gọi máy âm-dương, có nhẽ là vì khi rậm chân đạp xuống cái bàn nó lên lến xuống xuống, như có âm dương khác nhau vậy.

**Ý và văn.** — Những bài thơ mà ngụ ý ngoại ám chỉ vua chúa, quan văn, quan võ, ta đã từng xem rồi. Bài này nói *dệt cửi* là việc của đàn bà, con gái, nên không nói được vua quan, thì cứ xem những chữ : *tay ngọc, gót vàng* tất cũng là một bà hoàng-hậu hay một bà công-chúa gì đó. Bà ấy thực có bụng thương dân (câu 1), hết sức giúp dân (câu 2), lúc nào cũng chăm chỉ việc dân, cho rằng khó nhọc vất-vả đến đâu, cũng không quản ngại, vì hiểu rõ cái nghĩa-vụ của một bậc mẫu-nghi thiên-hạ phải như thế (câu 3 và 4).

Ấy bài có hay, chỉ hay về một cái ý ngoại ấy thôi. Còn cứ kể thực sự tả hẳn về « dệt cửi », thì sao cho bằng cái bài của Xuân-Hương rất là tài-tình thú-vị. Nhưng khốn xưa nay có nhiều người khắc-khổ lại cho bài ấy có một cái ý ngoại khác mà thành ít khi ngâm đọc đến. Tuy vậy, chúng tôi cũng ghi qua vào đây, kẻo nữa bỏ hoài. Thơ rằng :

*« Thắp ngọn đèn lên, thấy trắng phau,*
*Con cò mấp-máy suốt đêm thâu.*
*Hai chân đạp xuống năng năng nhắc,*
*Một suốt dâm ngang, thích thích mau.*
*Rộng, hẹp, nhỏ, to vừa-vặn cả,*
*Ngắn, dài, khuôn-khổ vẫn như nhau.*
*Cô nào muốn tốt ngâm cho kỹ,*
*Chờ đến ba thu mới giãi màu. »*

Thực là tài, là thú, trước khi dệt, sợi phải ngâm đã (câu 7 và 8), càng ngâm kỹ, thì sợi càng trắng (câu 1). Lúc dệt, thì con cò ở trên mấp-máy (câu 2), bàn gỗ ở dưới lên xuống (câu 3). Sợi nhỏ, sợi to tra vào khuôn rộng hẹp lúc dệt được đều như nhau cả (câu 5 và 6). Tả dệt cửi như thế mới là tả hết các công việc mà tả một cách rất hoạt-bát

vậy. Những tiếng *mấp-máy, năng năng nhắc, thích thích mau* nghe có phần linh-động lắm.

---

## 18. — Đồng tiền hoẻn

Cũng khuôn, cũng đúc, cũng lò gang,
Đủ mặt *vuông, tròn* với thế-gian.
*Kém cạnh*, cho nên mang tiếng hoẻn,
*Đủ đồng*, từng đã đóng nên quan.

XUÂN-HƯƠNG (?)

**Chữ và câu.** — *Vuông tròn* = đồng tiền vành tròn ở giữa có cái lỗ vuông. — *Kém cạnh* = cạnh đồng tiền nó mòn đi, không còn nguyên nữa. — *Đủ đồng* = đủ 600 đồng mới đóng thành một quan.

**Ý và văn.** — Đồng tiền hoẻn là gì ? — Câu thứ ba đã định nghĩa rõ rằng : Đồng tiền hoẻn tức là đồng tiền kém cạnh. Nhưng ta chớ thấy nó kém cạnh thế mà khinh. Vì kể ra, đồng tiền kém cạnh ấy cũng chẳng kém gì các đồng tiền khác, nó cũng có một khuôn, cũng đúc trong một lò (câu 1), cũng có mặt sấp, mặt ngửa, ngoài nó cũng vành tròn, giữa nó cũng lỗ vuông, cứ đếm cho đủ đồng, nó cũng đóng nên quan được (câu 4).

Đồng tiền vì kém cạnh, mà phải mang tiếng hoẻn, thì người ta vì kém cạnh cũng phải chịu lép vế không bằng ai. Ôi ! ở đời có biết bao nhiêu người sa cơ, thất thế, nhỡ thời, không gặp dịp mà phải

chịu lùi, chịu khổ, chịu kém anh em, chớ cứ thả ra, đua sức, đua tài, thì cái thông-minh, chí-khí hồ dễ ai đã ăn đứt được ai ? Thế mới hay cái thời-vận quả là một cái tư-cách có thể đưa hai người bằng nhau, một người bốc vù-vù lên như diều, còn một người lắng-đắng dìm xuống vực sâu vậy.

Bài này, nếu chính là của Hồ-xuân-Hương, có — bản cho là của Nguyễn-Khuyến — thì lại có ý phàn-nàn cho cái phận đàn bà đành chịu kém đàn ông. Nhưng thả ra, hồ dễ đàn ông đã ăn đứt được đàn bà.

---

## 19. — Cái xác pháo

*Xác không, vốn những cay tay người,*
*Bao nả công-trình,* tạch cái thôi !
Kêu lắm, lại càng tan-tác lắm,
Thế nào cũng *một tiếng* mà thôi.

NGUYỄN-CHỈNH

**Có bản chép :**

### Tràng pháo

Giấy xanh, giấy trắng ở tay người,
Khôn khéo làm sao, *buộc cũng rời.*
Kêu lắm lại càng xơ-xác lắm,
Cũng mang một tiếng ở trên đời.

**Chữ và câu.** — *Xác không, vốn những cay tay người* = câu này có ý nói cái xác pháo còn trơ không ra đó, mà cái pháo sở-dĩ thành, là nhờ tự giấy của người — người Tàu ? — làm nên cả — *Bao nả công-trình* = mất biết bao nhiêu, mất đến ngần ấy công-trình. — *Một tiếng* = cái pháo chỉ kêu tạch được có một tiếng.

Bài dưới. — *Buộc cũng rời* = cái pháo buộc liền vào với những cái pháo khác thành một tràng, tuy cho chặt-chẽ khôn khéo đến đâu nữa, lúc đốt cũng phải rời ra.

**Ý và văn.** — Tục truyền rằng lúc Nguyễn-Chỉnh mới lên chín, ngày Tết đến mừng tuổi thầy. Nhân có đốt pháo, thầy bảo làm thơ pháo. Nguyễn-Chỉnh ứng khẩu đọc luôn ngay một bài tứ-tuyệt. Thầy nghe bài thơ có nói rằng : « Thằng bé này mai sau sự-nghiệp tất là to lắm, nhưng làm loạn thiên-hạ cũng là nó, song tiếc không được bền lâu. »

Lai-lịch của bài thợ, thì xưa nay đều công nhận như thế. Nhưng đến chính bài thơ, thì quả không chắc rõ như thế nào mới là đúng. Đây chúng tôi chép hai bản, để độc-giả so-bi mà định lấy. Ý nghĩa hai bài, thì tương-tự như nhau, chỉ có hai câu thứ hai là khác hẳn nhau mà thôi.

Cứ như thiển-ý chúng tôi, thì chúng tôi cho nếu chỉ là một *cái pháo* hay cái *xác pháo*, thì bài trên là đúng ; kể cái pháo tay người ta làm ra công-trình thật, đốt lên kêu to thật, nhưng thế nào, cũng chỉ kêu được một tiếng « tạch » rồi tan-tác ra ngay. — Còn bài dưới, cứ như một câu thứ hai thì không phải là cái *xác pháo* hay cái *pháo rời*, nhưng cái *pháo liên tràng* hay cả một *tràng pháo* dài vậy. — Cả về

đường thi-thú, thi, bài trên cũng có cái vẻ tự-nhiên, nhẹ-nhàng và thanh-thú hơn bài dưới...

Nguyên-bản dù thất-thố thể nào, nhưng, trong bốn câu tả cái pháo mà nói đến giấy, đến tiếng kêu — không nói đến thuốc, đến ngòi ! — rồi nhân tiếng kêu ấy, kết lại làm một tiếng than cho những sự đời chóng tàn, chóng bại, thi cũng là có ý-vị thống-thiết lắm. Có nhẽ bởi vậy mà tác-giả, tuy có cái công tung hoành trong Nam, ngoài Bắc, làm nên đến chức quận-công (Bằng quận-công) cầm binh-quyền, giữ quốc-chính, sự-nghiệp dù có lừng-lẫy it lâu, mà rút về sau, lại bị tay Nguyễn-Huệ phanh thây giết chết. Than ôi ! nếu quả « xuất khẩu thành trái », ứng-nghiệm linh như vậy, thì một bài văn thơ xuất ở lúc vô-ý chẳng cũng là một cái điềm có thể ứng về việc hậu-lai, chẳng cũng như một lá số để xem được cái hành-lược của người ru ? Các cụ xưa tin là *thi xấm* hoặc giả cũng có phần đúng vậy.

---

## 20. — Tượng sành đứng trên non-bộ

Ông đứng làm chi đấy hỡi ông ?
*Trơ-trơ* như đá vững như đồng.
Đêm ngày gìn-giữ cho ai đó ?
Non nước đầy, vơi có biết không ?

NGUYỄN-KHUYẾN

**Có bản chép**. — Câu 1. *mãi đó* ông. — Câu 3. *Giữ-gìn non nước* cho... — Câu 4. *Nông nỗi* đầy vơi.

**Chữ và câu** — *Non-bộ* = núi giả làm chơi ở trong vườn hay trong bể cạn. — *Trơ-trơ* = lì ra, không gì chuyển động được. Người ta còn nói *trơ*-tráo, *trơ*-trọi.

**Ý và văn**. — Khi mắt ta trông thấy cái tượng sành đứng trên non-bộ chích-chích, chi-chi, trơ như đá, vững như đồng, ta không thể ngăn mình mà không hỏi cái lão sành kia đứng làm gì đó ? — Đứng giữ quả núi, bể nước, nghĩa là cái giang-sơn cho ai đó ? — Giang-sơn đó ngay hay lệch, đầy hay vơi có biết hay không ? Bởi vậy trong bài thơ chỉ có bốn câu mà những ba câu hỏi. Ba câu hỏi ấy, tác-giả làm rất tự-nhiên, hàm một cái nghĩa sâu xa, và tưởng như muốn khảo mãi, đến bao giờ tượng sành phải bật mồm lên đáp lại, thì mới nghe.

Ý nghĩa bài đã sâu xa, văn-thể bài đặt lại thoát-hóa lắm. Qui nhất là cả bài thuần nôm, không có một chữ Hán nào xen vào được. Ngâm bài thơ này, ta lại nên biết cả bài ca-trù « *Ông Phỗng đá* » cũng của tác-giả làm. Bài ca ấy có mấy câu mười rằng :

*Người đâu ? Tên họ là gì ?*
*Hỏi ra chích-chích, chi-chi nực cười.*
*Vắt tay ngảnh mặt trông giời,*
*Hay còn lo tính sự đời chi đây ?*

Thực cũng phảng-phất một cái ý như bài thơ này.

## 21. — Giời nói

*Chót-vót* trên này có một tao,
*Nào tao có muốn nói đâu nào !*
*Mặt tao lốm-đốm xanh, đen, trắng.*
Bởi tại *dì Oa thổi bễ rào.*

NGUYỄN-KHUYẾN (?)

**Có bản chép.** — Câu 2. Tao *đi* tao có *nói* đâu nào. — Câu 3. Mặt tao *lỗ-rỗ* hoặc *lỗ-đỗ sao đen thế* ? — Câu 4 *nàng* Oa hoặc *con* Oa.

**Chữ và câu.** — *Chót-vót* = cao lắm, không ai với đến nơi, không gì cao bằng nữa. — *Nào tao có muốn nói đâu nào* = cậu này có nhẽ do một câu trong Luận-ngữ : *Thiên hà ngôn tai* : Giời có nói đâu. Đức Khổng-Tử bảo học-trò rằng : *Ngô dục vô ngôn*, nghĩa là : Ta muốn không nói. — Học-trò hỏi : *Phu-tử bất ngôn, tiểu-tử hà thuật* ? Nghĩa là : Nhà thầy mà không nói, thì lũ trẻ chúng tôi biết noi theo vào đâu ? — Đức Khổng đáp : *Thiên hà ngôn tai, tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên* : Giời có nói đâu mà bốn mùa vẫn đắp đổi, muôn vật vẫn sinh nở. — *Lốm-đốm xanh, đen, trắng* = ý nói đây đó có những đám mây sắc xanh, đen hay trắng. — *Mặt tao lốm-đốm xanh, đen, trắng* = câu này ý nói trên giời có những đám mây phất-phơ đây đó và có những sắc xanh, đen hay trắng. — *Dì Oa thổi bễ rào* = ta có câu tục-ngữ : « *Bà Nữ-Oa đội đá vá giời* » Trong sách Tam-Hoàng có chỗ nói rằng : Xưa họ Cung-Công húc đầu vào núi Bất-chu làm đổ, thành giời lệch về bên tây-bắc, đất thì sụt về mạn đông-nam, nên bà Nữ-Oa là em Giời phải luyện đá ngũ sắc để vá giời lại

cho lành. *Bễ rào* tức là bễ để rèn luyện sắt đá, ta nói *bễ rào* hay *bễ rèn*, *lò rèn*, *thợ rào* hay *thợ rèn* cũng là một.

**Ý và văn.** — Xem bài dưới.

---

## 22. — Ông Giời

Cao cao *muôn trượng* ấy là tao,
Dẫu *pháo thăng-thiên* chẳng tới nào.
Nhắn bảo dưới *trần* cho *chúng* biết :
Tháng ba, tháng tám, tớ *mưa rào*.

NGUYỄN-KHUYẾN (?)

**Có bản chép.** — Câu 1. Cao cao *nghìn* trượng. — *Hoặc : Ông ngồi thăm-thẳm một mình cao.* — Câu 2. Dẫu *bắn* thăng-thiên, chẳng *đến* nào. — Câu 3. Nhắn bảo *trần-gian*. Hoặc *trần-hoàn*. — Câu 4. Tháng *hai*, tháng tám.

**Chữ và câu.** = *Muôn trượng* = một trượng là mười thước, nói muôn trượng là ý nói cao lắm. — *Pháo thăng-thiên* = thứ pháo đốt vọt cao lên giời. — *Trần* = tức là trần-gian, trần-thế, chỗ người và vạn vật ở. — *Chúng* = nhiều, tự ba người giở lên gọi là *chúng* ; chúng còn có nghĩa là số người. Ta nói : *chúng* tôi, *chúng* nó, *chúng*-sinh, *chúng* đẳng. — *Mưa rào* = mưa to mà chóng tanh.

**Ý và văn.** — Hai bài thơ số 21 và số 22 cũng như bài cái *xác pháo* số 19, thật là tam sao thất bản. Chúng tôi so sánh, cân nhắc đã nhiều mà vẫn ngờ vực không chắc nguyên-bản hẳn như thế nào.

Lai-lịch của bài thơ, thì có nhiều người kể lại rằng :

Tác-giả là cụ Nguyễn-Khuyến hiệu Yên-Đổ, lúc bấy giờ đã hồi hưu, đang ngồi dạy học tại nhà một vị đại-thần. Một hôm, đông đủ cả các quan ngồi dự tiệc, kẻ thì tiếu đàm chính-sự, người thì bình luận văn-chương, rất là vui-vẻ. Duy chỉ có cụ cứ lẳng-lặng, im không nói gì. Các quan thấy thế, móc ra, và nói cụ xin cho nghe thơ. Cụ khiêm-nhượng bảo không biết làm thơ gì cho nghe được. Có một ông nói đùa : « Hay cụ làm bài thơ « *Giời* » vậy. » — Cụ liền đọc ngay :

*« Chót-vót trên này có một tao,*
*« Nào tao có muốn nói đâu nào.... »*

Các quan thấy cụ cất giọng khinh thế, ngạo vật quá, có ông phải ngăn lại xin thôi, sợ thương đến hòa-khí. Ấy câu truyện bài thơ đại-để như thế. Sau không rõ cụ có làm nốt hai câu dưới nữa không mà để cho thiên-hạ truyền khẩu thành cái bài tứ-tuyệt, liu-tiu như bây giờ.

Cứ như ý chúng tôi, thì chúng tôi thiết tưởng bài số 21 thì là bài « **Giời nói** », ông giời ông ấy ở chót vót tận đâu (câu 1), ông ấy có muốn nói đâu mà bắt ông ấy nói, (câu 2). Ừ, đã muốn cho ông ấy nói, thì ông ấy bảo cho mà biết : Mặt ông ấy lốm-đốm như thế, là tại di Oa vá viu vào (câu 3 và 4). Bởi có hai câu 3, 4 này, mà lại có bản cho bài ấy không phải là chính cụ Yên-Đổ làm, nhưng là một bài ai làm để họa lại bài « *Ông Giời* » của

cụ, và ngụ ý riễu cụ mặt mũi xấu-xí, có nhiều nốt rỗ. Còn bài dưới số 22 là bài tả « **Ông Giời** », ông giời ông ấy ở trên cao (câu 1), — không gì tới được ông ấy (câu 2), — ông ấy làm trùm cho cả trần-gian (câu 3), — có cữ ông ấy mưa tưới khắp cả trần-gian (câu 4). Vì một câu cuối bài nói mưa rào, mà có người cho là cụ Yên-Đổ ngụ ý bảo là cụ... cả vào đầu các quan.

Ấy chỉ có một bài tứ-tuyệt, hai mươi tám chữ, mà khó lòng chuẩn-đích cho chinh-xác được như thế. Nửa bài hay cả bài ? — Chỉ một bài hay những hai bài ? Một cụ Nguyễn-Khuyến làm, hoặc cụ làm rồi có người chắp thêm vào hay họa lại ? (1) Kẻ nói, người bàn, mà ai đã nói bàn, cũng chỉ biết có mình là phải. Thật là phân-vân khó-khăn cho nhà sưu-tập không biết đâu mà dò cho ra hẳn mành mối.

Chi bằng ta hãy gác cả cái ý ngoại và cái cơ-hội, sản ra bài thơ ấy đi. Ta học thơ, ta chỉ cần biết cái lý-thú trong bài thơ mà thôi.

Như thực tả về Giời, thì dễ bài trên chỉ có cái ý : *ở cao chót-vót* và *mây che lốm-đốm*, còn bài dưới chỉ có cái ý cũng : *ở cao muôn trượng* và *mưa rào* mà thôi. Tả giời mà chỉ nói *giời cao*, *da giời*, *mây*, *mưa*, tưởng cũng không có gì lạ thường. Nhưng ta nên nhận, tả giời, trừ ra lúc mặt giời mới mọc, hay sắp lặn, thì cũng là khó lòng cho nên thơ được. Mặt giời chói lọi gay gắt không phải là một cái thi-liệu dễ dùng như mặt giăng thanh-thú, dịu-dàng. Thế mà hai bài đây đặt thành được thiên chương, đúng cách, đúng luật, khí-vận rồi-rào, nhởi nhẽ tự-nhiên và nhẹ-nhàng, bài *Giời nói* thì rõ ra *Thiên hà ngôn tai*, bài *Ông Giời* thì rõ ra *Chúa*

*tể vạn vật*, thì cũng là tài, là hay, đáng ngâm-vịnh lắm vậy.

(1) Có bản lại cho bài dưới là của cụ Phó-bảng Vĩnh-Trụ làm, mà bài trên là bài của cụ Nguyễn-Khuyến họa lại.

---

## 23. — Chó đá

*Quyền trọng ơn trên trấn cõi ngoài,*
*Cửa nghiêm chem-chẻm một mình ngồi.*
*Quản bao sương tuyết nào chi kể,*
*Khéo dử cao lương cũng chẳng nài.*
*Mặc khách thị phi giương cháo mắt,*
*Những nhời trần tục biếng vào tai.*
Một lòng thờ chúa *nghìn cân nặng,*
Bền vững ai lay cũng chẳng rời.

Lê Thánh-tôn

**Có bản chép.** — Câu 3. *Bốn mùa* sương tuyết *công nào* kể. — Câu 4. *Nghìn lẻ* cao lương *lợi* chẳng nài. — Câu 5 có sáu chữ : *Tiếng* thị phi *hằng chửa miệng*. —Câu 6. Bỏ chữ *những*. — Câu 8. *Dù nhẫn* ai lay.

**Chữ và câu.** — *Quyền trọng ơn trên trấn cõi ngoài* = *quyền trọng ơn trên* : người chủ gia ơn ban cho một cái quyền to. *Trấn cõi ngoài* : *Trấn* : nặng, ép xuống, trấn áp, (không nên nhận nhầm với *chấn*, chấn ngang, địa chấn). Chó đá thường hay chôn ở ngoài

cổng nhà, hay cổng làng để hình như phòng giữ những quân gian phi không cho lẻn vào trong được. — *Cửa nghiêm chem-chẻm một mình ngồi* = ý nói con chó ngồi chễnh-chện một mình ở trước cửa như có oai lắm, khiến trông thấy mà phải sợ. — *Quản bao sương tuyết nào chi kể* = sương tuyết tha hồ dầu-dãi cũng không cho vào đâu. — *Khéo dử cao lương cũng chẳng nài* : = *cao* : thịt béo, *lương* : thứ lúa tốt, người ta hay nói : cao lương mỹ vị, là chỉ những đồ ăn béo tốt và ăn ngon, con chó thật thi dơ bẩn cũng ăn cả, thế mà con chó đá dù có đem cao lương mỹ vị đến mời cũng không thèm ăn. — *Mặc khách thị phi giương cháo mắt* = *thị* : phải, *phi* : không phải, câu này ý nói ai bảo phải trái, khen chê thế nào cũng mặc cả không thèm mở mồm, chỉ mở mắt to ra mà trông thôi. — *Những nhời trần tục biếng vào tai* = *trần* : bụi, *tục* : tầm-thường, bất-nhã, câu này ý nói những câu bỉrn-thỉu sỗ-sàng thiên-hạ nói là không câu nào lọt được vào tai cả. — *Nghìn cân nặng* = thiên cân chi trọng, có ý nói dốc một lòng thờ chủ, lấy cái nghĩa-vụ thờ chủ làm trọng, không gì làm cho thay đổi được cái lòng ấy (xem câu cuối).

**Ý và văn.** — Con chó vốn là con vật giữ cửa nhà cho ta được việc. Có nhẽ bởi thế, mà ta dùng chó thật, hình như chưa cho là đủ. Thường thường ta lại còn lấy đá, tạc hình chó mà đặt ngoài cổng nhà hay cổng làng, khác nào như để làm lính canh gác ở bên ngoài, trong khi chó thật làm lính canh gác ở bên trong.

Bài thơ này chẳng những ủy cho « chó đá » một cái chức-vụ người lính hay phu-tuần tầm-thường mà thôi. Bài thơ này thực là nâng hẳn chó đá lên

cái địa-vị ông quan võ giữ cái chức trấn thủ hay đối tấn ở chỗ cương giới vậy. Cái giọng bài rõ-ràng như thế. Một câu đầu bài nói vua giao *quyền* cho ra *trấn cõi ngoài* đã đủ định-nghĩa rồi. Câu thứ hai nói thêm là người canh cửa nghiêm khắc. Hai câu thực, hai câu luận kể cái công việc làm dù vất-vả, khó-khăn thế nào cũng không nài (câu 3). Lại có cái ý như : nếu người nước ngoài họ muốn mua lòng (câu 4), hoặc mua lòng không được, mà thành gièm chê, hay sỉ mạ (câu 5 và 6) thì cũng không cho vào đâu cả. Nhẫn-nại lắm ! Lại kiên tâm lắm (câu 8) mà nhẫn-nại kiên tâm chỉ vì một tấm lòng trung-thành với vua là người đã tin cạy mình, ủy-thác một việc rất cẩn-trọng cho mình.

Kể về đường văn-thể, thì thực là điêu-luyện và khéo nhất là câu nào cũng như nhắc lại là con chó đá chớ không phải chó thật. Bốn câu giữa đối đáp thật chỉnh. Ta có thể lấy hai câu luận ra làm câu trâm-ngôn cho sự nhẫn-nại và hai câu cuối làm câu trâm-ngôn cho sự trung-thành rất có giá.

---

## 24. — Bồ-nhìn

*Quyền trọng* ra oai *trấn* cõi bờ,
Vốn lòng vì chúa *há* vì dưa ?
Xét-xoi trước mặt đôi *vừng ngọc*,
Ve-vẩy trên tay một lá cờ.

Dẹp giống *muông chim* xa phải lánh,
Giận quân *cày cuốc* gọi không thưa.
Mặc ai nhảy nhót đường *danh lợi*,
Ơn nước *đầm-đìa* hạt *móc* mưa.

LÊ THÁNH-TÔN

**Có bản chép**. — Câu 2. vì *nước*. — Câu 3. *Tay áo phất-phơ cơn gió thổi*. — Câu 4. Vùng-vẫy *trong* tay hoặc *Bồ-hôi lã-chã lúc giời mưa*. — Câu 6. *Để* quân. — Câu 7. Mặc ai *chen-chóc*. — Câu 8. *Lộc* nước *dành ta gọi* móc mưa.

**Chữ và câu.** — *Bồ-nhìn* = cọc cắm ở ngoài đồng, lấy mảnh nồi hay mo bôi vôi vẽ mặt, lấy nón đội lên, lấy áo tơi khoác vào, lấy cái que hoặc tầu lá hay buộc con quạ giơ lên, làm giả hình người để giữ cho chim chóc hay các giống thú như hươu nai, dím khỏi xuống ăn hột mới gieo hay dẫm hại mùa màng. Người ta nói xưa có ông cụ tên là *Bố-Nhiên* làm cái nghề canh gác đồng áng như thế mà sau hai chữ *Bố-Nhiên* thành ra *bồ-nhìn*. — *Quyền trọng* = *trọng* : nặng, ý nói quyền to. — *Ra oai* = *oai* hay *uy* : tôn-nghiêm, ý nói làm cho phải sợ ; làm oai, tác oai, thi oai, ra oai. — *Trấn* = nghĩa đen là ép nặng xuống, trấn-áp, nghĩa mượn là lấy oai-quyền mà làm cho kẻ tà-gian phải sợ để giữ cho được yên-ổn — *Há* = nào có phải. — *Đôi vừng ngọc* = *vừng* hay *vầng* : vành tròn, đôi vừng ngọc là mặt giời và mặt giăng. Cả câu 3 ý nói ban ngày có mặt giời, ban đêm có mặt giăng chứng minh việc của bồ-nhìn làm. = *Muông chim* = *muông* : giống *thú* có bốn chân chạy, *chim* : giống *cầm* có lông cánh bay. —

*Cày cuốc* = kẻ cày, người cuốc ngoài đồng. — *Danh lợi* = *danh* : tiếng tăm ; *lợi* : tiền của. - *Đầm-đìa* = *đầm* : vũng nước to ; *đìa* : vũng nước nhỏ, đầm đối với đìa cũng như ao đối với chuôm ; hai tiếng *đầm-đìa* đi với nhau nghĩa là ướt lướt-thướt khắp cả. — ***Móc*** = sương mù ; mây móc, sương móc. Câu cuối ý nói người bồ-nhìn đứng giữa đồng trải gió, gội mưa lướt-thướt, nhưng thực ngụ ý là được ơn vua, ơn nước nhuần gội cho nhiều lắm.

**Ý và văn.** — Cũng cùng một điệu với bài trên, nhưng có cái vẻ hoạt-động hơn nhiều. Tuy là vịnh bồ-nhìn, mà thực là ngụ ý tả một bậc chí-dũng toàn-tài, oai-phong lẫm-liệt. Kể phần bồ-nhìn, thì tả-chân, chỉ có cái ý : đứng ở bờ ruộng (câu 1) để giữ dưa (câu 2), để giữ cho muông chim, cày cuốc không dám đến hại dưa (câu 5 và câu 6 mà thôi. Còn kể phần người lẫm-liệt, thì nào quyền trọng, oai to (câu 1), chí cả, thế nhớn (câu 3 và 4), nào phất ngọn cờ đào, đánh đông, dẹp bắc (câu 4, 5 và 6), làm cho dân sự đây đó được ơn nhờ khắp cả (câu 8) mà chính mình thì thực những-nhưng danh lợi (câu 7) chỉ cốt ở cho hết lòng với chúa (câu 2) là được thỏa cái chí nguyện của mình rồi. Đảm-đang lắm ! Anh-hùng lắm ! Nếu ai cũng *vốn lòng vì chúa, vì nước* như bồ-nhìn này, thì sao nước chẳng mạnh, dân chẳng giàu ?

Cái ý bài đã được, cái văn bài lại hay. Bốn câu giữa, cả về đối nhau đã chỉnh, mà từng chữ đối nhau như *tay* đối với *mặt*, *vừng ngọc* đối với *lá cờ*, *muông chim* đối với *cày cuốc* là đáng khuyên lắm.

## 25. — Thằng mõ

Mõ này *cả tiếng lại dài hơi*,
*Mẫn-cán* ra tay chẳng phải chơi.
*Mộc-đạc* vang lừng trong *bốn cõi*,
*Kim-thanh* rền-rĩ khắp *đòi nơi*.
Trẻ già chốn chốn đều nghe *lịnh*,
Làng nước ai ai phải *cứ nhời*.
Trên dưới *quyền hành* tay cất đặt,
Một mình một chiếu *thảnh-thơi ngồi*.

LÊ THÁNH-TÔN

**Có bản chép**. — Câu 1. *Gớm thay nhớn* tiếng, hoặc : *Đảm dang to* tiếng. — Câu 2. *Làng nước ang bầu* chẳng phải chơi. — Câu 3. trong *mấy* cõi. — Câu 4. Kim thanh *chuyển động*. — Câu 5. *Đâu đâu dấy dấy* đều nghe lịnh. — Câu 6. *Xã xã dân dân* phải cứ nhời. — Câu 7. *Thứ bậc* dưới *trên quyền* cất đặt. — Câu 8. Một mình một *cỗ thỏa lòng xơi*, hoặc : *một dầy vơi*.

**Chữ và câu**. — *Cả tiếng lại dài hơi* = tiếng to mà hơi dài, dịch ở câu : *đại thanh nhi tật hồ*, nghĩa là to tiếng mà kêu mạnh ra. — *Mẫn cán* = *mẫu* : mau chóng, nhanh nhẹ ; *cán* : làm nổi việc của mình phải làm ; *mẫn-cán* : làm vừa mau vừa giỏi. — *Mộc-đạc* = *mộc* : gỗ, *đạc* : ta vẫn gọi là cái mõ, *mộc-đạc* là mõ làm bằng gỗ. Thực chữ đạc chỉ cái lịnh tức là cái chuông thân làm bằng kim-thuộc, quả lắc ở trong làm bằng gỗ, xưa lúc ra chính-lịnh gì thì người trên hay dùng, tức cũng như bây giờ những lúc hội-đồng, ông hội-trưởng lắc chuông để

giữ sự trật-tự vậy. Hai chữ mộc-đạc đây dùng là lấy cái ý câu trong Luận-ngữ : « *Thiên-hạ chi vô đạo giả cửu hĩ, thiên tương dĩ Phu-tử vi* **Mộc-đạc** » Nghĩa là trong thiên-hạ vô đạo đã lâu rồi, giời sắp cho đức Khổng-tử ra làm cái mõ khua để cảnh-tỉnh nhân tâm. — *Bốn cõi* = tức cũng như bốn phương. — *Kim thanh* = *kim* là kim-thuộc, *thanh* là tiếng, *kim thanh* : tiếng mõ đánh vang lừng. Hai chữ này lấy trong Mạnh-tử ở câu « *Kim thanh nhi ngọc chấn chi* » nói vì đức Khổng-tử như cái chuông bằng đồng, bằng vàng lấy ngọc mà đánh, ai cũng nghe rõ tiếng. — *Đòi nơi* = *đòi* : tiếng cũ, nghĩa là nhiều, đòi nơi cũng như nhiều nơi. Người ta còn nói : *đòi* chốn, *đòi* phương, *đòi* cơn, *đòi* đoạn, *đòi* khi, *đòi* phen. — *Lịnh* = luật pháp bắt phải theo như nói luật-lịnh, pháp-lịnh. — *Cứ nhời* = cứ theo như nhời mõ đã rao không được sai. — *Quyền hành* = *quyền* : cán cân ; *hành* : quả cân, hai chữ quyền hành là nói cân vật cho biết đúng nặng nhẹ thế nào. Đây là nói đặt ai vào địa-vị nấy, trên dưới có trật-tự cân sứng. — *Thảnh-thơi ngồi* = ngồi được ung-dung tự-do không ai dám mon-men đến nữa.

**Ý và văn.** — Trong một làng còn ai đê mạt hơn thằng Mõ là cái thằng đầy-tớ chung của cả làng, cả làng đều sai khiến được ? Thế mà chỉ vì ở làng, thằng Mõ không còn liệt được vào hạng dân nào mà bài này mới tả được thằng Mõ thành ra có một cái địa-vị đặc-biệt, một cái địa-vị cao trọng hơn hết cả, một tay cất đặt tất cả mọi người làng. Lạ lùng lắm ! Ngược đời thay ! Cái ngược đời đây là tự nhà thi-sĩ dựng lên. Mà nhà thi-sĩ dựng lên được, là sở thủ chỉ ở có một ý : khước bỏ hẳn người đi, chỉ còn biết đến đồ vật, tức là cái mõ vậy. Chính

thằng mõ nó đê mạt nhưng tiếng mõ của thằng mõ đánh đê-mạt sao được ? Tiếng mõ ấy chẳng là cái hiệu-lịnh, nhời công-bố, cái qui-tắc hay tập quan-báo như bây giờ ư ? Nghe cái tiếng mõ nó *dài hơi* như vô tuyến điện, như điện thoại, *siêng năng*, có tin tức gì lập tức báo ngay (câu 1 và 2), *vang lừng*, *rền-rĩ* khắp cả làng, cả nước (câu 3 và 4), mà ai nấy trong cả *làng*, cả *nước* chẳng phải *nghe lịnh*, chẳng phải *cứ nhời*, chẳng phải theo nó mà giữ bổn-phận mình (câu 7) ? — Ấy là cái ý chính. Lại thêm được cái ý ngoại, là tiếng mõ ấy còn là tiếng mõ khua để cảnh-tỉnh nhân tâm, để chấn-hưng thế-đạo, tiếng mõ ấy là biểu-hiệu một bậc cả bên Á-Đông này sùng bái đã tự mấy nghìn năm nay, tức là đức Khổng-phu-tử vậy.

Một bài thơ làm có chốn sở chủ như thế, nên khí-vận mới được mạnh-mẽ, ý nghĩa mới được thoát-hóa. Vừa đọc câu đầu, liền thấy mõ xưng danh ; đọc đến câu thứ hai, thứ ba, thứ tư, như thấy mõ réo bên tai, kịp đọc đến câu thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, như nghe đã lọt tai, phải cúi đầu mà vâng mịnh-lịnh. Câu thứ tám đóng bài, dùng hai chữ *thảnh-thơi*, thực đối được với hai chữ *mẫn-cán*, đã dùng ở câu thứ hai.

Ta lại nên nhận trong bài có mấy chữ Hán : *Mẫn-cán*, *mộc-đạc*, *kim-thanh*, *lịnh*, *quyền-hành* là không thể sao dùng chữ nôm được, và có nhẽ vì có mấy chữ ấy nó tôn hẳn bài lên, mà bài thành ra qui giá vậy.

## 26. — Người ăn mày

Chẳng phải *ăn dong*, chẳng phải vay,
*Lộc giời* để lại được ăn mày.
*Hạt châu* chúa cất cao ngang mặt,
*Bệ ngọc* tôi từng dứng *lượm* tay.
Nam, bắc, đông, tây đều tới cửa,
Trẻ, già, nhớn, bé *cũng xưng thầy*.
Đến đâu dẹp hết *loài muông cầu*,
Thu cả *kiền khôn* một túi đầy.

LÊ THÁNH-TÔN

**Có bản chép**. — Câu 1. Chẳng *mượn ai mà* chẳng phải vay. — Câu 2. *Khắp hòa thiên-hạ đến* ăn mày, hoặc : *Nhờ ơn thiên-địa được* ăn mày. — *Ơn* giời *vả dự tiếng* ăn mày. — Câu 3. *trao* ngang *miệng*, hoặc *đã ra trình* mặt. Hạt châu chúa cất *dang trao* mặt. - Câu 4. *Cửa* ngọc *người còn* đứng, hoặc đứng *chắp* tay. — Câu 6. Trẻ già *giai gái* cũng *kiêng* thầy, hoặc. . . cũng *kêu* thầy, hoặc. . . *gọi bằng* thầy. — Câu 7. Đến đâu *sẵn có lâu dài đấy*, hoặc : Đến đâu *ắt hẳn phong quang đó*, hoặc : Đến đâu *lừng lẫy phong thanh đó*. — *Bốn bể thu về* một túi đầy. Hoặc : Thu *thập* càn khôn.

**Chữ và câu**. — *Ăn dong* = nói người nghèo phải đi đong từng đấu, từng thưng gạo mà ăn. Ta có câu ca-dao : *Vét bồ, thương kẻ ăn dong ; Có chồng thương kẻ nằm không một mình*. — *Lộc giời* = của được hưởng tự-nhiên, của giời cho. — *Hạt châu chúa cất cao ngang mặt* = *hạt châu* tức là hạt cơm, hạt gạo, nói hạt cơm chủ nhà phải nâng đưa tử-tế chứ không phải

cúi xuống mà nhặt. — *Bệ ngọc tôi từng đứng lượm tay* = *Bệ ngọc* : chính là bệ nhà vua, đây chỉ cái chỗ thềm hay bậc cửa nhà người ta ; *lượm tay* : chắp tay, qui gối lượm tay. Tiếng trong Nam thì *lượm* lại có nghĩa là nhặt. Câu này nói tôi đã nhiều lần đứng chắp tay ở trên thềm nhà người ta. — *Cũng xưng thầy* = cũng gọi là thầy hết cả. — *Loài muông cầu* = loài chó. — *Kiền khôn* = giời đất.

**Ý và văn.** — Làm *thằng mõ* đã cho là đê mạt (bài trên), nhưng kể còn có nghề, chứ làm đến *ăn mày*, thì là cùng cực quá lắm, tưởng không sao nên thơ được nữa. Thế mà : *Ăn xin cho đáng ăn xin ; Lấy chồng cho đáng Bồ-Nhìn giữ dưa*. Ăn xin như thế nào, chứ ăn xin như bài thơ này, thì cũng là một cách hiếm có vậy.

Ăn xin chính là *lộc giời để lại* cho (câu 2), chớ không phải như ai nghèo mà phải *ăn dong* hay *vay* mà ăn (câu 1). Ta ăn xin, ai dám bảo ta không có bữa mà ăn ? Chúa còn phải dâng cơm cho ta (câu 3). — Ai dám bảo ta không có nhà mà ở ? Cung điện, lâu đài ta đã từng qua cả (câu 4). — Ai dám bảo ta lang bạt kỳ hồ ? Ta đi du-lịch các nơi đấy (câu 5). — Ai dám bảo ta thị phú khinh bần ? Này đối với ta, ai cũng như ai (câu 6). — Ai dám bảo ta là phường bị gậy ? Đấy là giáo mác để ta dẹp loài hung bạo (câu 7) ; đấy là bảo-nang để ta thu cả giời đất lại (câu 8). Đó cái cách ăn xin mà được tốt số, mà được giàu sang, mà lại có cái chí-khí nhớn-nhao như thế, thì chẳng ăn xin anh-hùng đại-độ lắm ư !

Tài tình thay cái ngọn bút của nhà thi-sĩ khéo tả nên bức tranh trông được cả hai mặt ! Mặt này thấy : một người bị gậy, kêu gào khắp cửa, chắp tay,

xin ăn, ai bảo không phải là ăn mày? Lật mặt kia lại, thấy một người tài cán, có oai quyền, lịch lãm lắm, phú qui nhiều, ai bảo không phải là anh hùng? Cái lối làm thơ lật ngược lại như bài này và mấy bài trên cũng là một cái lối, tuy có giọng như đùa bỡn, nhưng đùa bỡn mà có lý thú đáng khen vậy.

Kể văn-chương, bài này với bài *Thằng mõ* ở trên thực là đang đối với nhau, hơn bài *Chó đá* hay *Bồ-nhìn* nhiều. Các câu đặt thật có trật-tự. Các chữ dùng thật khéo lựa, khéo xếp. Còn tác-giả, thi hoặc có người cho là của ông Vũ-ngọc-Giao, người xứ Nghệ đi thi hỏng, bách thế phải đi ăn mày mà làm ra bài này. Nhưng chúng tôi thiết nghĩ cho là của vua Lê Thánh-tôn có phần đúng hơn. Bao nhiêu bài của vua làm cũng có một cái điệu như thế này cả.

---

## 27. — Bán than

*Một quầy giang sơn tếch xuống ngàn,*
Hỏi rằng chi đó? *Gửi* rằng: Than.
Ít, nhiều *miễn được đồng tiền tốt,*
Hơn, thiệt *nài bao gốc củi tàn.*
*Ở với lửa hương cho vẹn tiết,*
*Thử xem vàng đá có bền gan.*
*Muốn từ nhem nhuốc, toan nghề khác,*
*Nhưng sợ giời Nam lắm kẻ hàn.*

TRẦN-KHÁNH-DƯ (?)

**Có bản chép.** — Câu 1. Một *gánh kiền khôn quầy* tếch (hoặc *xuống*, hoặc *dưỏi*) ngàn. — Câu 2. Hỏi rằng *gì* đó, hoặc : Hỏi chi *bán đấy*. — Câu 5. *Muốn giữ* lửa hương cho vẹn *kiếp*. — Câu 6. *sắt* đá. — Câu 7. *Nghĩ mình điên đảo thay* nghề khác. Hoặc : *Giận vì* nhem nhuốc toan nghề khác. — Câu 8. Nhưng *lệ* giời *kia*. — (hoặc : *Song*).

**Chữ và câu.** — *Một quầy giang sơn tếch xuống ngàn* = *g ang* : sông ; *sơn* : núi, thế tục lấy *giang sơn* mà chỉ thay quốc-gia, lấy *sông núi* mà chỉ thay một xứ nào như nói *núi* Nùng, *sông* Nhị để chỉ Hà-nội, *núi* Tản, *sông* Lô để chỉ Sơn-tây. *Giang sơn* đâu, anh-hùng đấy. *Giang sơn* còn có nghĩa là cơ-nghiệp của mình, như nói : Giấn vốn *giang-sơn* chỉ có thế mà thôi ; — *tếch* : đi phăng ngay ; *ngàn* : *núi*, rừng ; cả câu đây nghĩa là gánh một gánh than đi trên rừng xuống. — *Gửi* = thưa ; — thưa gửi, gửi lời thăm ; nhiều nơi đọc là gởi. — *Miễn được đồng tiền tốt* = là đồng tiền đúc, tiền tiêu thụ dễ, đối với đồng tiền xẻng là tiền đập, khó tiêu thụ ; cả câu ý nói cứ được đồng tiền tốt thì thôi, không cần gì là nhiều ít. — *Nài bao gốc củi tàn* = gốc củi tàn tức là than, cả câu ý nói gốc củi tàn có đáng là bao mà phải suy-tính hơn thiệt. — *Ở với lửa hương cho vẹn tiết* = củi đốt ra than, than chỉ cốt đốt ra lửa, vậy phải thủy chung với lửa hương cho nó vẹn đến ra gio thì thôi. — *Thử xem vàng đá có bền gan* = lửa than nung vàng, nung đá, thử xem vàng đá có còn giữ nguyên được không, hay là rồi cũng phải nứt ra, chảy ra. — *Muốn từ nhem nhuốc toan nghề khác* = muốn thôi cái nghề bán than làm đen thui-thủi mà dự tính làm nghề khác. — *Nhưng sợ giời Nam lắm kẻ hàn* = ý câu này ăn theo với câu trên, nếu bây giờ thôi cái

nghề bán than đi, thì lại sợ người nước Nam, có lắm kẻ không lấy gì đun sưởi mà chịu đói rét hay sao ?

**Ý và văn.** — Xưa nay nhiều người vẫn công nhận bài *Bán than* là của ông Trần-khánh-Dư. Ông Dư trước làm quan với nhà Trần bị truất, phải vào rừng đốt than, gặp vua Nhân-Tôn, vịnh bài thơ này, lại được phục chức. Ôi ! Ông vị tội gì mà đến nỗi mất chức ? Chỉ có một bài thơ mà ông lại được hoàn chức ? Cái bài thơ chuộc được tội ông, chẳng cũng là có giá lắm ư !

Nhưng, xét lại cả bài thơ, dễ chỉ có một câu :

*« Ở với lửa hương cho vẹn tiết, »*

là có thể cho ông như có cái bụng trung-thành với nhà Trần, nhà Trần nên lại triệu ông ra mà thôi. Xong thử hỏi nếu vua Nhân-Tôn là người hẹp lượng, nghe thấy ông tự-phụ, là ông *sợ Giời Nam lắm kẻ hàn*, thì vua có còn dong được ông nữa hay không ? Vả chăng xem câu thứ bảy và câu cuối bài, thì dù vua có triệu ra, cái chí ông cũng không muốn làm quan nữa, ông chỉ muốn giữ cái nghề *nhem nhuốc* của ông thôi (1).

Còn theo sách Tang-Thương ngẫu-lục, thì cho rằng khi Chúa Nguyễn ở trong Nam-kỳ mất, bầy tôi có người không ra làm quan, vào ở rừng làm nghề bán than. Một hôm đang đi giữa đường gặp quan quân. Ông Hoàng-ngũ-Phúc thấy lấy làm lạ, bảo làm một bài thơ quốc-âm. Ông kia bèn vịnh ngay cái bài này.

Lai-lịch bài thơ lờ-mờ như thế, bất nhược ta qui

vào cái số vô-danh, có nhẽ ổn hơn cả. Trong bài, tuy có những chữ to tát như : *Giang sơn, vẹn tiết, bền gan, Giời Nam,* mà ta không nhận bài là của một bậc vua chúa hay một vị quan to làm, ta cũng không sợ sái. Khi ta đã ngâm qua những bài : *Con voi, Cái điếu, Cái hỏa-lò,* v.v.. ta đã quen cái giọng nói vống lên lắm rồi. Một nhà thi-sĩ tầm-thường nào, miễn là có cái ngọn bút huếnh - hoáng, cũng có thể đội cho kẻ bán than những chữ to tát như thế được.

Nhưng bài này, dù cho là của ông Dư hay của ai nữa, cũng là một bài hay, thực đáng ngâm vịnh lắm. Đọc câu đầu, ta thấy một người gánh một gánh gì tự trên rừng đi xuống. Đọc câu thứ hai, ta biết rõ gánh ấy là gánh than. — Đọc hai câu thực, và hai câu luận, ta hay người bán than bán rẻ, bán nới, ít hay nhiều, hơn hay thiệt cũng không quản, mà thứ than bán ấy lại là thứ than tốt, đốt lên, vàng, đá cũng phải chảy ra. — Ta gặp một người bán than đại-độ như thế, ta lấy làm lạ, như muốn hỏi người ấy sao không bỏ cái nghề đen thui-thủi ấy đi mà làm nghề khác. Người bán than đáp ta rằng : tôi cũng muốn soay nghề lắm, nhưng tôi chỉ sợ, nếu tôi bỏ cái nghề này, thì ở nước Nam này bao nhiêu người chịu rét (câu 7 và 8). Yêu nghề, mến nghề, tận tâm với nghề lắm ! Qui hóa thay !

Về mặt văn-thể, thật là thoát-hóa. Dùng những chữ *gốc củi tàn* để chỉ than, *từ nhem-nhuốc* để chỉ bỏ nghề bán than và những câu : *ở với lửa hương cho vẹn tiết* để nói than cháy ra gio mới thôi ; *thử xem vàng đá có bền gan* để chỉ cái sức nóng của than. Lại được câu thứ hai dùng cái thể đối đáp hoạt-động như thế cũng là hiếm có trong lối làm thơ của ta vậy. Hai câu thực có thể lấy ra làm câu trâm-ngôn về sự kiên-nhẫn được.

(1) Cứ như trong Sử, thì ông Trần-khánh-Dư bị truất về làm thứ-dân, là tại ông làm quan vừa là người biển-lận, lại là người tham-lam, chế ra nón để bán lấy tiền! Ông cũng có vào rừng đốt than và gặp vua Nhân-Tôn ở Trần-xá về vùng Đông-triều hay Kinh-môn bây giờ, và vua cũng lại cho ra phục chức thật. Sau có nhờ ông chặn đường vận lương của quân Tàu tại Vân-đồn, chỗ cửa Lục, mà ông Trần-hưng-Đạo mới đánh được trận Vạn-kiếp.

---

## 28. — Con hát tuồng

Nào có ra chi lũ hát tuồng!
Cũng hò, cũng hét, cũng *y-uông*.
Dẫu rằng, dối được đàn con trẻ,
*Cái mặt bôi vôi* nghĩ cũng buồn!

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Y-uông* = tiếng hát nghe ra như thế. — *Cái mặt bôi vôi* = cái tục hát chèo, hát tuồng, những vai hề, nhọ hay đóng kẻ nịnh-thần thường bôi phấn trắng trên mặt.

**Ý và văn.** — Nhời nhẽ bài thơ này thực là nhẹ-nhàng, lưu-loát. Cả bốn câu không có một chữ Hán nào; tinh là những chữ nôm thường cả. Thế mà cái giọng thật là khinh đời rất sâu sắc. Vì tuy nói hát tuồng, tuy nhạo vai hề, mà thực là chỉ chích cả cái bọn xu bôn danh lợi, giả dối người ta, lúc còn trông xa, thì lòe-loẹt ông kia, bà nọ *hò hét*, *y-uông* thần thánh lắm, đến lúc lại gần, lột cái mặt nạ ra,

thì thực xấu xa đủ đường, đáng bỉ, đáng thương. Ôi ! khối lỗi trường trung cạnh xuất đầu ! Lượt vòi phấn kia rửa sạch, thì còn lại cái da sám xịt, nghĩ mà không buồn sao cho được ? Thực là :

*« Đêm hôm người chẳng biết chi*
*Người như biết đến, thiếp thì hổ thay ! »*

Bài thơ này, với bài Ưu-phụ-từ của cụ Yên-Đổ (hai câu này trích ở bài ấy) thực đáng làm gương cho những bậc tướng chèo, quan nhọ lắm.

---

## 29. — Hát bội

Nhỏ mà không học, nhớn *làm ngang*,
Trống đánh ba hồi đã thấy quan.
Ra rạp, ngồi trên ba đứa *hiệu*,
Vô buồng, đứng dưới mấy *ông làng*.
Mượn màu son phấn, *ông kia nọ*,
Cồi lốt *cân-đai*, chú *điếm đàng*.
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng,
Đã từng trợn mắt, lại phùng *mang*.

TÚ QUỲ

**Chữ và câu**. — *Làm ngang* = làm trái thói thường không theo chính-đạo. Đây ý ăn xuống câu dưới ; không học, không đỗ, để được bổ làm quan, thế mà cũng đi làm quan tắt, nghĩa là đóng vai quan ở trên sân khấu vậy. — *Đứa hiệu* = người cầm hiệu-lệnh của quan. Ta nói quân hiệu, hiệu cờ. — *Ông làng* = tiếng chỉ những người có chức-phận bề trên trong làng như

ông cả, ông xã, ông hương – *Ông kia, nọ* = tức là ông nọ, ông kia, đóng những vai người sang trọng, quyền quí. — *Cân đai* = *cân* : khăn ; *đai* : đồ đeo để giữ áo chầu cho gọn, hai cái biểu hiệu của những người làm quan. — *Điếm-đàng* = nói người chải-chuốt, trai-lơ không được đứng-đắn. — *Mang* = chỉ cả cái vùng ở chung quanh tai, cũng như nói phùng mồm.

**Ý và văn.** — Bài này cũng như bài trên, tả rõ hai cái cảnh phản-đối hẳn nhau để bày tỏ sự giả-dối của kẻ đóng vai tuồng, vai nhọ. Này lúc ra rạp, — bây giờ gọi là ra sân khấu — thì nào làm quan, có kẻ hầu (câu 2, 3), thì nào ông kia, nọ đóng cân đai (câu 5, 6). — Nhưng đến lúc vô buồng, nghĩa là lúc thực ở đời, thì lại chỉ còn là kẻ điếm-đàng không có cái địa-vị nào nữa (câu 6 và câu 4). Hai câu kết có cái ý riễu cợt rất chua cay. Tuy đóng một vai tuồng là việc giả-dối đấy, nhưng thôi, cũng là « *thường làm quan to* » xuất tướng, nhập tướng, « *trợn mắt phùng mang* » được sung sướng một lúc, thì cái lúc ấy cũng là một lúc vẻ-vang ở đời, chẳng nên bỏ hoài. Có nhẽ bởi vậy, mà sống vào cái thời-đại văn-minh này, đi xem hát tuồng để xem con hát có đâu khoái bằng chính mình đóng vai tuồng để người khác xem vỗ tay mà khen mình. Ôi ! có thế cái đời mới thực là cái trò phường chèo, mới thực là một lũ hề, lũ nhọ cả. Bài trước ông Tú Xương chỉ biết mỉa-mai cái bề ngoài cũa những kẻ *bôi vôi hò hét*, bài này ông Tú Quỳ mới thực đoán trúng được cái tâm lý của những kẻ *son phấn* để *trợn mắt* và *phùng mang*.

Kể văn-chương bài này không có gì là biệt-thú cho lắm. Nhưng chương cú đặt thật lưu-loát, không có chỗ nào là vấp-váp hay ép-uổng. Được câu cuối dùng những chữ *trợn mắt*, *phùng mang* đắc thế lắm.

Còn những chữ *vô buồng*, *ông làng* thực là chữ Đàng Trong, nhưng Đàng Ngoài cũng hiểu mà cũng chịu là khéo luyện được.

---

### 30. — Anh nói khoác

Ta con ông *Cống*, cháu ông *Nghè*,
*Nói có trên giời, dưới đất nghe.*
Sức khỏe *Hạng-Vương* cho một búng,
Cờ cao *Đế-Thích* chấp đôi xe.
Nhảy ùm xuống biển lôi tầu lại,
Chạy tốc lên non bắt cọp về.
Độ nọ vào chơi *trong nội-phủ*,
Ba nghìn *công-chúa phải lòng mê.*

VÔ DANH

**Có bản chép.** — Câu 1. *Anh*, hoặc : *Tớ* con ông *Trạng*, hoặc : *Phủ*. — Câu 2. Nói *khoác* ; hoặc : Nói *truyện* trên giời. — Câu 3. *So* sức Hạng-Vương *tày nửa đấm*, hoặc : *Uống rượu Lưu-Linh thua vạn học*. — Câu 4. *Đánh* cờ. — Câu 5. *Vượt ngay ra* biển *giằng* tầu lại, hoặc : *Lộn ngay* xuống biển *quay* tầu lại. — Câu 6. *Trèo thẳng* hoặc : *Tốc thẳng* lên non bắt *khái* về. — Câu 7. Độ nọ *ra* chơi *miền hải đảo*, hoặc : *Vừa bữa hôm qua* chơi *đế-điện*, hoặc : *Mai mốt đem quân vào cứu chúa*. — Câu 8. *Một dàn tiên-nữ*, hoặc : *Các nàng* công-chúa phải lòng mê, hoặc : *chạy ra ve*, hoặc : *Ra tay dẹt Mạc để phù Lê*.

**Chữ và câu.** — *Nói khoác* = nói quá sự thực nhiều lắm; chỉ vụ cốt sướng mồm mình và để lòe thiên-hạ. — *Cống* = nghĩa đen là tiến-cử. Bên Tàu, đời Hán, đời Đường các làng có lệ tiến-cử những người khá lên làm quan gọi là cống-cử. Bên ta tự đời Lê về trước cho đến đời vua Minh-Mịnh có đặt khoa thi gọi là Hương-cống. Ông *Cống* tức như ông Cử-nhân bây giờ, ông *Đồ* (Sinh-đồ) tức như ông Tú-tài bây giờ. — *Nghè* = người thi đỗ tiến-sĩ mà gọi ông Nghè không rõ nguyên do tự đâu. — *Nói có trên giời dưới đất nghe* = nói mà làm cho giời đất cũng phải nghe, có giời đất chứng minh, chớ không phải nói chơi, nói bậy, — *Hạng-vương* = người đất Hạ-tướng đời Tần tên là Hạng-Tịch, tự là Vũ, sức khỏe hơn người, có thể vác nổi vạc to, bật núi lên được, đánh phá nhà Tần, tự lập là Tây-sở Bá-vương ; sau đánh nhau với Hán Cao-tổ bị thua, rồi tự tử chết. — *Đế-Thích* = đủ chữ là Thích-đề-bà-ná-dân (Indra). Theo đạo Bà-la-môn bên Ấn-độ, thì Đế-Thích là một vị đứng cai quản cả thiên-nhân trong tầng Giời Đâu-lỵ (Tam-thập-tam thiên). Đền Angkor bên Cao-miên chính là đền thờ Đế-Thích. Ta còn phụng thờ nhiều nơi, lấy ngày mồng chín tháng giêng là ngày vía, cúng tế, để cầu sống lâu. Tục truyền Đế-Thích cao cờ, không ai đánh nổi, mà xét ra cờ người ta đánh gọi là *Tượng-kỳ* chính xuất sản tự bên Ấn-độ (xem truyện Hồn Chương-Ba, da hàng thịt). — *Nội-phủ* = nghĩa xưa chỉ kho tàng chứa của vua, của quan để dùng vào việc nước, có chia làm nội, ngoại phủ ; bây giờ hai chữ *nội-phủ* dùng để chỉ riêng cung cấm nhà vua ; những đồ vật nhất là đồ sứ có hai chữ nội-phủ 內府 là đồ vật ở trong cung nhà vua cho là quí giá lắm.

**Ý và văn**. — Giải bài này ra, thì câu thứ nhất nói *con ông Cống, cháu ông Nghè*, thế là phô về tông giống ; -- Câu thứ ba, thứ năm và thứ sáu nói *búng Hạng-vương, lôi tầu lại, bắt cọp về*, thế là cạy có sức khỏe ; — Câu thứ tư nói *chấp xe Đế-Thích*, thế là tự cho rằng cao cờ ; — Hai câu cuối nói *công-chúa phải lòng*, thế là khoe ta đẹp giai lắm ; — Còn câu thứ hai nói *giời, đất* phải *nghe*, thế là rõ ra anh nói khoác rồi.

Cứ kể nói khoác về bốn điều : nòi sang, sức khỏe, cờ cao, sắc đẹp, thì cái ý khoe khỏe nhiều hơn cả, khỏe hơn người khỏe, khỏe hơn tầu biển, khỏe hơn cọp trên rừng, nghĩa là bất chấp cả người, cả đồ, cả vật. Ba câu nói khỏe lại chen vào những câu kia, xếp đặt tưởng không có thứ-tự gì cho lắm. Cách bố-cục như thế không gọi là hoàn-hảo được. Dù thể nào, bài thơ này cũng là một bài thơ hay. Lúc đọc lên thực là khoái trá, hình như đưa hẳn được người đọc ra ngoài sự thực, tuy vẫn biết là giả dối, khoác-lác, nhưng lại lấy làm vui-vầy, thú-vị. Tại sao mà vui thú ? Tại nghe thấy những tiếng *Cống, Nghè, giời, đất, Hạng-Vương, Đế-Thích, tầu, cọp, công-chúa*, nó đã như đem cái tâm-thần mình lên đâu tận nhà Lê, nhà Trần ; sang đâu tận Chi-na, Ấn-độ ; ra đâu tận bể cả ; vào đâu tận rừng xanh ; chơi đâu tận trong cung cấm nhà vua.

Những tiếng ấy đã to nhớn cao xa như thế, lại được những tiếng *một búng, chấp, nhảy ùm, chạy tốc, vào chơi, mê*, hoặc khiến, hoặc đỡ những tiếng kia vừa nhanh, vừa mạnh, vừa đậm-đà và có cái vẻ lung-linh, hoạt-bát lắm. Bởi vậy bài thơ này làm thật là khéo, là tài ; nói khoác đến như bài thơ này, mới thực là nói khoác hết nước, giời cao đất rộng còn phải nghe, huống chi là người chỉ thích ngâm nga mà thôi.

Bài này, các bản chép khác nhau thật nhiều. Tựu-trung có mấy câu kể cũng là hay lắm.

Như câu tam mà đề là :

« *Uống rượu Lưu-Linh thua vạn hộc* ;

Tuy cái điển Lưu-Linh ít người rõ hơn cái điển Hạng-vương, và chữ *hộc* không mạnh bằng chữ *búng*, nhưng đi đôi với câu dưới là câu :

« *Cờ cao Đế-Thích chấp đôi xe* »

ăn nghĩa thực : *rượu*, *cờ* gần nhau hơn *sức lực* và *cờ*.

Hai câu cuối đổi là :

« *Độ nọ ra chơi miền hải đảo* :

« *Ba nghìn tiên-nữ chạy ra ve* »

tuy phải chữ chạy trùng với chữ chạy câu lục và ba chữ « *chạy ra ve* » thô-tục, không được thanh như « *phải lòng mê* », song có nhẽ tỏ rõ cái sắc đẹp có sức quyến-dũ được mạnh như thế và tăng sự vu-vơ khoác-lác lên được một tầng nữa.

Nếu lại đổi là :

« *Mai mốt đem quân vào cứu chúa* ;

« *Ra tay diệt Mạc để phù Lê* »

thì tưởng có phần hẹp nghĩa, đem thơ văn mà ghép vào chính-sự không cần câu. Vả chăng việc này có nhẽ làm thực còn được, chớ không như cả cái điệu bài quả không có một ý gì là gần sự thực được cả.

## 31. — Đèo Ba-Dội

*Một đèo, một dèo, lại một đèo,*
Khen ai khéo *tạc* cảnh *cheo-leo.*
*Đất rồ mái giải xanh um cỏ,*
*Đá chởm gan gà mốc thếch rêu.*
*Lắt-léo cành thông cơn gió giật,*
*Đầm-đìa lá liễu hạt sương gieo.*
*Hiền-nhân quân-tử* ai là chẳng ?
Mỏi gối, chồn chân vẫn muốn trèo.

Hồ-xuân-Hương

**Có bản chép**. — Câu 2. khéo *vẽ*. — Câu 3 và câu 4. *Cửa son đỏ loét ùm-bum nóc*, hoặc : *Cửa son tia ngất lơ-thơ tỏa. Hòn,* hoặc : *Thềm* đá *xanh rì lún-phún* rêu. — Câu 5 và 6. *Phẳng-phất chồi* thông cơn gió *thốc* ; Mịt-mờ ngọn cỏ lúc sương gieo. — Câu 8. *cũng phải* trèo, hoặc : *cũng rốn* trèo.

**Chữ và câu**. — *Đèo Ba-dội* = tức là Tam-điệp sơn và gọi thế là vì có ba lớp. Đèo này ở giáp bể vào khoảng giữa Ninh-bình và Thanh-hóa trước vào Đàng Trong vẫn phải qua đó, từ khi có đường xe lửa thì ít đi đến, thường đi lối ga Đồng-giao. — *Một đèo, một đèo, lại một đèo* = câu này nói rõ cái đèo Ba-dội có ba lớp, ba đợt như đếm một, hai, ba vậy. — *Tạc* = vốn nghĩa là giùi thủng : suyên-tạc, đây dùng nghĩa là dựng lên, gây lên. — *Cheo-leo* = oái-oăm, có thể nguy-hiểm được. – *Đất rồ mái giải xanh um cỏ* = đất vồng lên như cái mu con giải mà trên

cỏ xanh mọc rậm-rà rậm-rịt. — *Đá chởm gan gà mốc thếch rêu* = đá lởm-chởm, đỏ tía như gan gà mà rêu mọc ở trên trông như mốc thếch cả. — *Lắt-léo cành thông cơn gió giật* = cơn gió nó thổi làm cho cành thông rung chuyển vặn-vẹo không được ngay. — *Đầm-đìa lá liễu hạt sương gieo* = hạt sương rơi xuống làm cho lá liễu ướt đầm-đìa. — *Hiền-nhân* = người có tài, có phẩm-hạnh. — *Quân-tử* = người tài đức hơn chúng.

**Ý và văn.** — Câu đầu mở bài, nhắc luôn ba tiếng *đèo*, thực đã như chỉ rõ tên cái đèo tả đây là *Đèo Ba-dội*. Câu thứ hai nói lên cái đèo ấy nguy-hiểm lắm. Hai câu thực nói đất, nói đá mà hạ những chữ : *mái giải, gan gà, xanh um, mốc thếch* ; — hai câu luận nói thông, nói liễu mà hạ những chữ : *đầm-đìa, lắt-léo, giật, gieo*, thực là tài-tình, làm cho người ngâm thơ đã như mắt trông thấy sắc đất, với sắc đá, tai nghe thấy tiếng gió, tiếng sương vậy. Hai câu kết, dùng những chữ *hiền-nhân, quân-tử* rất là trịnh-trọng, tưởng-tượng ngay đến những bậc cao xa như thế dù mỏi gối chồn chân cũng còn muốn trèo qua cái đèo ấy, nữa là người thường. Tại sao ? — Tại nếu ngại không qua cái đèo ấy, thì đố ai mà vô đặng Đàng Trong ?

Tả cảnh, đưa ngọn bút đến như bài này, thì thực là thần-diệu, có biệt tài, biệt thú lắm vậy. Hoặc ai cho trong bài có ý ngoại gì, ta cũng mặc. Ta chỉ biết trong cái áng thơ của nước Việt nhà, mà được những bài tức cảnh như bài này, thì ai dám bảo ta không có Vương-ma-Cật, không có người làm được cái lối thơ : « *Thi trung hữu họa* » ?

Hay thực ! Bài thơ càng đọc, càng thấy hay, càng ngâm càng lấy làm thích. Cả bài chỉ có bốn chữ

Hán dùng cũng đắc thế. Còn thuần nôm cả, lại là cái nôm thường-tục mà sao khéo khiến được như thế! Ta không cần phải lấy từng chữ hay từng câu lẻ ra mà khen. Chữ nào, câu nào cũng có giá cả. Thực là : *nhởi nhởi châu, ngọc, hàng hàng gấm thêu*, đố ai di dịch được một nét nào nữa. Tựu trung, hoặc có bản chép hai câu thực khác hẳn rằng :

*« Cửa son đỏ loét tùm-bum nóc ;*
*Hòn đá xanh rì lún-phún rêu. »*

Nhưng thiết tưởng hai câu ấy phải chữ *loét* hạ nghe hơi ghê và không rõ *cửa son* là chỉ cái gì. Lại chữ *son* đối với chữ *đá* cũng không được chỉnh.

Còn chữ *giật* (câu 5) đổi làm chữ *thốc* kể cũng được. Ba chữ : *Vẫn muốn trèo* (câu 8) đổi làm ba chữ : *cũng dốn trèo*, cũng có một cái nghĩa nghe được là đã chót trèo lên rồi, thì cũng không quay lại được nữa, phải cố trèo nốt.

---

## 32. — Qua Đèo-Ngang

Qua *đỉnh Đèo-Ngang bóng xế tà*,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom-khom dưới núi, *tiều* vài chú,
Lác-đác bên sông, chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con *quốc-quốc*,
Thương nhà mỏi miệng cái *gia-gia*.
*Dừng chân đứng lại : giời, non, nước,*
*Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Bà Huyện Thanh-Quan

**Có bản chép**. — Câu 1. Qua *núi* Đèo-Ngang. — Câu 5. *Luyến chủ* đau lòng. — Câu 7. Dừng chân *ngảnh* lại.

**Chữ và câu**. — *Đỉnh Đèo-Ngang* = *đỉnh* : chỏm núi ; *đèo* : lối đi qua núi. *Đỉnh Đèo-Ngang* là lối đi trên đỉnh núi giáp bờ bể ở vào chỗ phân địa-giới Quảng-bình với Hà-tĩnh. Ta thường gọi là Hoành-sơn quan, mà tiếng Pháp gọi là Porte d'Annam. — *Bóng xế tà* = *xế* : nghiêng ngả ; *tà* : không ngay, nói lúc bóng mặt giời đã xế về tây. — *Tiều* = củi, chỉ rộng người đẵn củi. — *Quốc-quốc* = (xem rõ bài Con cuốc số 6.) Đáng nhẽ viết *cuốc-cuốc*, nhưng vì đây tuy mượn đến con *cuốc* mà thực ý lại nói đến *quốc* nghĩa là *nước*. — *Gia-gia* = giống chim thuộc về loài gà, loài công, lông đỏ, trắng, sám, hay đen ở những nơi quang-đãng, không đậu trên cành cây bao giờ và người ta hay săn bắn ; đáng nhẽ cũng viết *da-da* hay *đa-da* mới đúng, nhưng cũng vì đây tuy mượn đến con da-da mà thực ý lại nói đến *gia* ăn với chữ quốc ở trên và nghĩa là nhà. — *Dừng chân đứng lại* : *giời, non, nước* ; *Một mảnh tình riêng ta với ta* = hai câu kết này ý nói đứng ngảnh lại xem, thì chung quanh mình thấy tinh là giời, là núi, là nước cả, còn người thì chỉ có mỗi một mình mình, nên mình có tình tình gì, thì lại chỉ mình biết với mình thôi, chớ không có ai mà chuyện-trò nói năng với nữa.

**Ý và văn**. — Câu đầu vừa mở nói rõ ngay cái đèo đi qua đây là đèo nào và qua cái đèo ấy vào lúc nào : có bảy chữ mà chỉ đủ cả *nơi chốn* lẫn *thời giờ*. — Câu thứ hai nói cái đèo có *đá*, có *cỏ cây*, cỏ cây có *lá*, có *hoa* : hai chữ *chen* đặt chen vào rất thần-tình. Hai câu thực nói ở trên đèo trông xa

thấy mấy *người đốn củi* ở dưới núi, mấy *nóc nhà* ở *xóm chợ*, xóm chợ ở *bên sông* : hai chữ *lom-khom* có cái ý mải việc, hai chữ *lác-đác* có cái ý tiêu-điều. Hai câu luận nói ở trên đèo, nghe văng-vẳng thấy tiếng cuốc và da-dà kêu : dùng tên hai con chim, mà chuyển xuống cái ý *quốc*, *gia*, lại lấy những chữ *đau lòng*, *mỏi miệng* để khiến tiếng kêu ấy thật là có ý-nhị. — Đến hai câu kết, câu trên hạ ba chữ : *giời*, *non*, *nước*, câu dưới hạ hai chữ *mảnh tình*, thực cái cảnh ấy làm cho cái tình này lai-láng khôn hàn, có khác nào như thể đánh ba dùi đều vào cái chuông, làm cho chuông phải lên tiếng đi đến bao nhiêu dặm rồi mới hưởng lại không ?

Ai bảo làm thơ, mười phần được chín, chỉ một phần hỏng, cũng đủ làm cho hỏng cả chín phần kia ; ta bảo bài thơ này, mười phần thực được cả mười, nào tình, nào khí, nào tứ, nào điệu, nào lực, nào lược, nào luật, nào lượng, cách gì cũng đủ cả. Ấy mới thực là toàn tài chẳng khác chi bài trên vậy. Nhưng cũng một cái tài, tài này khác, tài trên khác, cũng một cái đèo, Đèo-Ngang khác, Đèo Ba-Dội khác, lại cũng là nữ thi-sĩ, bà Thanh-Quan khác, nàng Xuân-Hương khác.

Bài « Ba-Dội » lẳng-lơ, oái-oăm bao nhiêu, thì bài « Đèo-Ngang » đứng-đắn, nghiêm-chỉnh bấy nhiêu. Bài Ba-Dội như cái ảnh phóng-đại bây giờ sắc nào, màu ấy, thanh nào điệu ấy, trông như dựng hẳn lên, không phải dùng kính hiển-vi nữa ; bài Đèo-Ngang như cái tranh thủy-mặc đời xưa bán ẩn, bán hiện, nửa cảnh, nửa tình, khiến cho người phải nhìn lâu mới rõ nhưng lúc đã rõ, thi khoan-khoái vô cùng. Bài trên, hình như ngọn bút đưa vừa nhọn, vừa sắc, đưa đến đâu, nét in sâu vào não đến đấy ; bài dưới hình như ngọn bút vừa mềm vừa dẻo, lùa vào đâu, nét

thấm dần vào tâm đến đấy. Bài trên muốn cho biết hết cái lực, nên đọc vào lúc trà dư tửu hậu, khả-dĩ làm cho ta rung cả đùi, chuyển cả người như say vì thơ ; bài dưới muốn cho thấu hết cái tứ, lại nên thắp hương trước rồi hãy đọc, có thế mới ngẫm nghĩ sâu xa như đắm vì thơ vậy.

Trong bài Đèo-Ngang có mấy chữ, hoặc có bản chép khác : như *núi* thay *đỉnh* (câu 1), như *luyến chủ* thay *nhớ nước* (câu 5), như *ngảnh* thay *đứng* (câu 8). Nhưng cũng không quan hệ gì cho lắm. Như ý chúng tôi, thì chúng tôi cho *đỉnh* phải nghĩa hơn *núi*, *nhớ nước* đúng điển hơn *luyến chủ*, *đứng* dễ đọc hơn *ngảnh*, *dừng chân* tuy là *đứng* lại rồi, nhưng thường ta vẫn nói thế cho nó mạnh hơn, nhất là khi đang trèo đèo khó nhọc mà bảo đứng lại để như vừa nghỉ vừa ngắm cảnh.

---

## 33. — Núi Ngũ-Hành

*Cảnh-chi* nào hơn cảnh-chi này ?
*Bồng-lai* thôi cũng hẳn là đây :
*Núi len sắc đá màu phơi gấm,*
*Chùa nức hơi hương, khói lộn mây.*
*Ngư-phủ gác cần ngơ mặt nước,*
*Tiều-phu chống búa dựa lưng cây.*
Nhìn xem phong-cảnh *ưa lòng khách,*
Khen *bấy* Thợ-giời khéo đắp xây.

Vô danh

**Chữ và câu.** — *Núi Ngũ-hành* = núi ở mũi đất chĩa ra bể về địa-phận tỉnh Quảng-nam, gần cửa Hàn (Tourane). Tiếng Pháp là *Montagne de Marbre*, nghĩa là núi đá-hoa, vì đấy có nhiều đá hoa dùng làm các đồ vật cho là quí giá. Núi Ngũ-hành còn tên gọi là *Núi Non-nước*. Trong một bài ca, có câu : *Trong Non-nước ngoài núi Thanh-trà ; Chốn Vũng thùng, lầu chạy ra vô ra.* — *Cảnh chí* = Nói phong-cảnh hình sắc bày ra nhiều và rõ-ràng trông có vẻ đẹp, có tình-tình. — *Bồng-lai* = núi tiên ở. Ta hay nói bồng-lai tiên-cảnh. Theo sử-ký Tàu, thì ở trong bể Bột-hải, có ba ngọn núi là Bồng-lai, Phương-trượng và Doanh-châu là chỗ tiên ở và có thứ thuốc bất-tử, giống cầm thú thì toàn một sắc trắng, cung điện thì toàn bằng vàng bạc. — *Núi len sắc đá màu phơi gấm* = câu này ý nói núi đất cây cối mọc, mà có những hòn đá chen vào đủ các sắc trông như gấm thêu vậy. — *Chùa nức hơi hương khói lộn mây* = trong chùa mùi hương thơm đưa lên sực nức và khói hương bốc tỏa ra ngoài đưa lên như muốn lẫn với mây trên giời. — *Ngư-phủ gác cần ngơ mặt nước* = *ngư-phủ* : người câu cá ; gác cần câu lên không câu, hình như ở trên mặt nước mà nhãng mất việc đi câu vậy. — *Tiều-phu chống búa dựa lưng cây* = *tiều-phu* : người đốn củi ; người đốn củi chống cái búa dựa lưng vào cây như quên mất không đẵn cây. Hai câu này nói nhắc đến tích *Ngư-phủ nhập Đào-nguyên* và *Tiều-phu quan Dịch* là nói cảnh tiên cả, có ý thích hai chữ Bồng-lai, ở câu thứ hai. — *Ưa lòng khách* = khách đến chơi xem phong-cảnh hình như lấy làm thích, làm ưa lắm. — *Bấy* = có ý nói là nhiều lắm. Người ta nói : *bấy* nhiêu, nhiều *bấy*, lắm *bấy*. *Khéo vô duyên bấy là mình với ta.* — *Thợ giời* = dịch thẳng ở chữ *Hóa-công* ra ; *hóa* : biến hóa, *công* : người thợ.

**Ý và văn.** — Bài này tả cái cảnh thực là Bồng-lai tiên-cảnh vậy. Sắc đá thi đẹp như gấm ; hơi hương thi bốc như mây ; — người tuy gọi cầm cần câu cá, mà quên mình ở trên mặt nước ; người tuy gọi vác búa đốn củi, mà quên hẳn cây cối ở sau lưng. Cái cảnh sao mà xinh, người ở trong cảnh sao mà nhàn được đến như thế. Chẳng trách làm cho khách phải đem lòng mến cảnh, phải cất tiếng khen Giời đã khéo bày nên cảnh.

Ý nghĩa bài giải đại-lược ra như thế. Chỉ cốt có hai điều là : cảnh đã *đẹp*, cảnh lại *nhàn*, mà vừa đẹp, vừa nhàn tức là tiên vậy. Trong bài có những chữ *phơi gấm, lộn mây, ngơ, dựa* cũng là văn-vẻ lắm ; thực chỉ được bốn câu giữa là có thi thú, còn hai câu đầu, hai câu cuối có phần hơi tẻ và nhạt.

Tác-giả hẳn cũng đã đọc thơ của Bà Huyện và Họ Hồ nhiều, nên tác-giả làm bài hạ những câu *khen cảnh, ưa cảnh*, dùng những tiếng *len, tiều-phu, nhìn* hình như phảng-phất có hai nhà nữ thi-sĩ ở trong ấy. Nhưng thực ngọn bút của tác-giả chỉ mới là ngọn bút thừa sư, chớ chưa cho là diệu-ngộ được.

Nàng Xuân cũng có một bài, không chắc rõ tả cái cảnh nào mà bốn câu trên cũng gần tựa như bài này :

Tình cảnh ấy, nước non này :
Dù không Bồng-đảo cũng tiên đây.
Hành-sơn mực điểm, đôi hàng nhạn,
Thứu-lĩnh đen trùm một thức mây.
. . . . . .

---

## 34. — Hồ Hoàn-Kiếm

Bóng *tháp lô-nhô lớp sóng cồn.*
Dịp *cầu* nho-nhỏ *ghếch sườn non.*
Nước trong chưa *vẩn tăm Thần-kiếm,*
Đường rộng còn trơ dấu *pháp-môn.*
*Kim cổ treo chung tranh thủy-mặc,*
*Tang thương chớp nhoáng bóng hoàng-hôn.*
*Nghìn thu suy, thịnh gương còn đó,*
*Coi thử vầng giăng khuyết lại tròn.*

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Hoàn-kiếm* = *hoàn* : giả về ; *kiếm* : thanh gươm, giả thanh gươm về, nên người ta còn gọi Hồ Hoàn-gươm. Tục truyền vua Lê Thái-tổ lúc bình được giặc Ngô rồi, một hôm ngự ra câu ở bờ hồ này, bỗng có một con rùa thật nhớn nổi lên trên mặt nước, vua lấy thanh bảo-kiếm của thần cho trước, ném xuống, thì con rùa liền ngậm mà lặn ngay mất. — *Lô-nhô lớp sóng cồn* = lớp sóng cuộn lên, trông cái bóng tháp hình như lúc lên, lúc xuống, lúc dài, lúc ngắn. — *Cầu* = cái cầu này gọi là cầu Thê-húc. — *Ghếch sườn non* = gác vào bên cái núi con, tức là cái gò trên làm đền Ngọc-sơn. — *Vẩn tăm Thần-kiếm* = câu này ý nói nước trong như thế, mà cái thanh Thần-kiếm (gươm của Thần cho) của vua Lê Thái-tổ ném xuống đấy cũng chưa thấy nổi tăm lên. — *Trơ dấu pháp-môn* = *pháp-môn* : cửa phép ; *pháp-môn* là chỉ cửa bên Nam, ý nói vua bao giờ cũng ngảnh mặt về phia nam, *pháp-lịnh* trong nước do cửa ấy mà ra cả. Đây *Pháp-môn* dùng theo nghĩa

nhà Phật : Phật, Pháp, Tăng chỉ nơi người tu hành ra vào, tức là chùa vậy. Ở trên bờ hồ Hoàn-kiếm, vào chỗ nhà Dây-thép bây giờ, xưa có cái chùa tục gọi là chùa Quan Thượng (quan Thượng Giai, Tổng-đốc Hà-nội dựng lên), nổi tiếng là một chùa rất đẹp, rất to, đã thành ra một bài ca thiên-hạ còn truyền-tụng. Di-tích cái chùa ấy hiện nay chỉ còn trơ một cái tháp con ở trên bờ hồ chỗ giáp đường cái mà thôi. — *Kim cổ treo chung tranh thủy-mặc* = *thủy-mặc* ta thường nói trạnh ra là *thủy mạc*, vốn chữ *thủy* là nước ; *mặc* là mực. Vẽ thủy-mặc là lối vẽ không dùng sắc xanh đỏ, không dùng thước hay com-pa, chỉ chuyên có một thứ mực đen pha loãng vẩy ra mà thành tranh. — Câu này ý nói : cái cảnh hồ Hoàn-kiếm là một bức tranh thiên-nhiên treo ra đấy cho cả đời xưa, đời nay cùng trông vào, cùng nghĩ đến. — *Tang-thương chớp nhoáng bóng hoàng-hôn* = *tang-thương* (xem bài Hoài-cổ số 42.) ; *hoàng-hôn* : buổi chiều hôm, lúc mặt giời sắp lặn, không nên lẫn với lúc *xế chiều*, xế bóng là *tà-dương* (*Tà-dương vô hạn hảo ; chỉ thị cận hoàng-hôn.*) Trong Kiều có câu : *Nay hoàng-hôn đã, lại mai hôn-hoàng*. — Câu này nghĩa hơi tối. Hoặc tác-giả có ý ghép cái buổi hoàng-hôn là lúc ngày hết đêm đến rất buồn với cái cuộc tang-thương là cảnh dâu bể thay đổi rất mau mà gợi cái lòng nghĩ-ngợi của độc-giả lên chăng. — *Nghìn thu suy, thịnh gương còn đó ; Coi thử vầng giăng khuyết lại tròn* = hai câu kết này cũng hơi khó giải, ý hoặc tác-giả muốn nói cái hồ Hoàn-kiếm còn đó là cái gương nghìn năm để soi việc suy thịnh trong nước ; nhưng dù nước có cho là suy, cũng không ngại, vì suy rồi tất có lúc lại thịnh, khác nào vầng giăng kia khuyết rồi lại có lúc tròn.

**Ý và văn.** — Hồ Hoàn-kiếm hay còn gọi Hoàn-gươm, ở giữa cố-đô Thăng-long xưa, kinh-thành Hà-nội bây giờ, tự người trong nước cho chí người các nước ngoài ai trông thấy cũng phải chịu là một cái cảnh đẹp thiên-nhiên, một nơi danh-thắng, một hạt châu báu của Bắc-kỳ ta vậy. Cái hồ đẹp như thế đã dựng lên biết bao nhiêu bức họa, chép thành biết bao nhiêu bài thơ. Mà cái hồ ấy sở-dĩ đẹp, cứ như bài thơ này, là tại nó có cái *tháp lô-nhô* ở giữa nước (câu 1), có dịp *cầu* đưa vào một cái gò (trên làm đền Ngọc-sơn) (câu 2), là tại nó có điển-cố thuộc về lịch-sử mà thành tên (câu 3), có di-tích thuộc về lâu-đài còn giữ dấu (câu 4). Mấy cái đẹp ấy bài này ghi được cả, và nếu đem họa vào giấy, thì chẳng là một bức tranh thủy-mặc rất quí báu ư (câu 5). Ôi! cái cảnh-chí hồ, đời nay như thế, cái sự-tích hồ, đời xưa như thế, ta còn được trông thấy, ta đã từng nghe thấy, thì tất ta phải đem lòng ta nghĩ, ta nghĩ đến cái cuộc dâu bể rất chóng, cái vận thịnh suy còn trơ (câu 6 và 7). Nhưng nghĩ mà rồi thế nào? Nghĩ mà chỉ còn chắc được một điều là suy rồi cũng tất có lúc thịnh, bĩ cực ắt có ngày thái lai, khác nào như thể vầng giăng kia khuyết rồi lại có lúc tròn (câu 8).

Bài này mới xem một cái đầu đề, ai chẳng bảo là thuộc về thể văn tả-cảnh. Nhưng tựu-trung xét lại, cái phần tả-cảnh dễ chỉ chiếm độ một phần tư bài, còn ba phần kia thuộc về lịch-sử, thuộc về di-tích, thuộc về tình-ý, một cái tình-ý kin-đáo than cho cuộc đời biến đổi mau chóng, nhưng chứa-chan biết bao nhiêu là hi-vọng về sau này. Chương cú chỉnh-tề, vận điệu lưu-loát. Hai câu đầu đối nhau, câu thứ ba và câu cuối lỗi-lạc xuất quần.

---

## 35. — Cảnh Hồ Tây buổi chiều

*Tư bề* cảnh vắng teo,
Một vũng nước trong veo.
Phấp-phới buồm ai đó?
Xa xa một *mái chèo.*

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Tư bề* = *tư* bởi chữ *tứ* là *bốn* ra, *tư bề* tức cũng như bốn bề, chỉ cả cái vùng chung quanh đó. Phải dùng chữ tư, không dùng được *tứ* hay *bốn* là vì thơ lâm luật bằng. — *Phấp-phới* = gió đưa đi đưa lại ve-vẩy. — *Mái chèo* = chỉ cả cái thuyền.

**Ý và văn.** — Bài này nhiều bản xưa nay chép vẫn cho là bài tả cảnh *Hồ Tây* về lúc *buổi chiều*, không rõ rằng có chắc thực như thế không. Kể nói buổi chiều, thì dễ chỉ có hai chữ *vắng teo*. Còn nói Hồ Tây, thì quả không có cái gì là đặc-biệt về Hồ Tây cả. Chúng tôi thiết tưởng cứ đem bài này mà bảo rằng tả cảnh cái hồ nào, hay chẳng gì, chỉ một vũng nước nào cũng không ai cãi. Miễn là cái vũng nước ấy, nước thì trong, mặt thì rộng, thuyền buồm có thể đi ở trên được. Tựu-trung, câu thứ ba hỏi « *buồm ai* » ? câu thứ tư lại nói « *một mái chèo* », khiến cho độc-giả ngờ vực không rõ rằng đây chỉ có một chiếc thuyền hay những hai chiếc thuyền.

Nhưng kể một bài ngũ-ngôn tứ-tuyệt, nghĩa là cả thảy chỉ có hai mươi chữ mà đặt thành thiên-chương lại được nôm toàn, hạ những chữ : *vắng teo*, *trong veo*, *phấp-phới*, thì cũng gọi là có một chút văn-chương, đáng làm bài học thuộc lòng cho trẻ lớp Sơ-đẳng vậy.

## 36. — Hồ Tây

Đây vui thực lạ, cảnh *Tây-Hồ*,
Trước tự giời kia khéo *vẽ* đồ :
*Mây lần nước xanh màu tỏ ngọc,*
*Nguyệt lồng hoa thắm vẻ in châu.*
*Cây la tán rợp* tầng cao, thấp,
*Sóng gợn cầm tâu* dịp nhỏ, to.
Bày khéo thú vui, non, nước đủ,
Tây-hồ giá ấy dễ đâu so ?

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Tây-hồ* = cái hồ to ở phía tây-bắc Hà-nội vào địa-phận huyện Hoàn-long tỉnh Hà-đông. — *Vẽ đồ* = bởi chữ họa-đồ ra và nghĩa là vẽ bức tranh. = *Mây lần nước xanh màu tỏ ngọc* = câu này ý nói nước hồ trong xanh, bóng mây lần ở dưới đáy tỏ màu lên đẹp như ngọc. — *Nguyệt lồng hoa thắm vẻ in châu* = ý nói hoa có sắc thắm ánh sáng, mặt giăng chiếu bao bọc thành có cái vẻ đẹp như cái hạt châu. — *Cây la tán rợp tầng cao, thấp* = cây cành thấp và tròn xoe như tán che rợp cả tầng cao, tầng thấp. — *Sóng gợn cầm tâu dịp nhỏ to* = sóng hơi vỗ nghe như có dịp to, dịp nhỏ của một khúc đàn đánh vậy.

**Ý và văn.** — Bài này thi thực là bài Tây-Hồ. Câu đầu đã nói rõ đây là cái cảnh *Tây-Hồ* vui một cách *lạ* thường ; câu cuối lại nhắc lại *Tây-Hồ*, mà nói cái hồ ấy rất đẹp thực không hồ nào đẹp cho bằng được nữa. — Tây-Hồ sở-dĩ đẹp là vì những

cái gì ? — Vì có nước trong, có giăng sáng, có hoa đẹp, có cây tròn như tán, có sóng vỗ như đàn. Cái cảnh như thế là cái cảnh vui, đẹp lạ lùng, đẹp một cách vô song tự Giời kia khéo vẽ ra vậy. Cứ kể được cả mây, cả giăng, cả nước, cả sóng, cả cây, cả hoa, tự nhiên họp lại với nhau như thế, thì cũng là đẹp lắm thật, thì tác-giả tấm-tắc khen cảnh, khen giời khéo vẽ nên cảnh cũng là phải. Nhưng tiếc thay cái ngọn bút tác-giả cho cảnh mượn lại không được khéo, được đẹp lắm mà làm cho cái cảnh hình như sút giá đi mất nhiều.

Trong tám câu, câu đầu đã « *Tây-Hồ* », câu cuối lại « *Tây-Hồ* » lồng ý nhau. Câu thứ hai đã « *khéo vẽ* » câu thứ bảy lại « *bày khéo* » cũng lồng ý nhau nữa. Câu thứ bảy lại đưa một chữ *non* vào, thì không biết trong bài có gì là « *non* » chưa, hay cái cảnh Hồ-Tây thực có *non núi* ở về chỗ nào ? — Hai câu thực, hai câu luận, hạ những chữ *lần, lồng, xanh, thẳm, màu tỏ ngọc, vẻ in châu, tán rợp, cầm tàu, tầng, dịp* đối nhau cũng là chỉnh và cũng có đôi chút thi-vị, nhưng một cái thi-vị hơi ép uổng. *Mây lần nước, nguyệt lồng hoa* mà nghe được, thì cây đà *la*, nghĩa là thấp bé, lại còn *tán rợp* như có cái ý cao to, sóng chỉ *gợn*, nghĩa là hình ảnh chỉ vào được thị-quan, không phải âm thanh vào được thính-quan, lại còn *cầm tàu* như có cái ý đàn đánh, thì tưởng không được đắt nghĩa lắm, chỉ ngâm vịnh qua một lúc cho là hay, chớ đem phân-giải tỉ-mỉ, thực không sao chịu đựng nổi.

Nên cái bài Tây-Hồ này kém lắm, kém cả về đường tư-tưởng, cả về đường văn-chương. Sao cho bằng cái bài tràng-thiên tức cảnh Hồ-Tây của bà Liễu-Hạnh và ông Phùng-khắc-Khoan, ông họ Lý, họ Ngô nào

liên ngâm được ? — Nhưng bài thơ này sở-dĩ kém là tại làm sao ? — Là tại dĩ văn hại từ, là tại vì gò chữ, bó câu quá mà ý hỏng nghĩa sai. Quả vậy, bài thơ này không phải là một bài thơ thường như các bài thơ khác, nhưng một bài thơ, làm cái lối đọc xuôi xuống hay lộn ngược lên được cả, cái lối xưa nay gọi là « *Thuận-nghịch* » độc. Ta thử chép cả bài thơ lộn ngược lại, ta xem :

*So đâu dễ ấy giá Hồ-Tây ?*
*Đủ nước non vui thú khéo bày.*
*To nhỏ dịp tâu cầm gợn sóng,*
*Thấp cao tầng rợp tán la cây.*
*Châu in vẻ thắm, hoa lồng nguyệt,*
*Ngọc tỏ màu xanh, nước lẫn mây.*
*Đồ vẽ khéo kia giời tự trước,*
*Hồ-Tây cảnh lạ thực vui đây.*

Tài thật ! khéo thật ! Chữ đầu thành ra chữ cuối, câu cuối hóa ra câu đầu, mà ý nghĩa vẫn không suy-chuyển, âm vận vẫn không thất-thố, ấy mới là một cách làm văn quái lạ, một lối làm thơ *nói lái* khó-khăn vậy. Bài này ta cho là bài lộn ngược, nhưng nếu bảo là bài chính, bài trước mới là bài lộn ngược, cũng không ai phân-biệt được. Tựu-trung, bài này muốn bẻ, dễ chỉ có ba chữ cuối câu 4 : *tán la cây*, và cả câu 7 : *Đồ vẽ khéo kia giời tự trước*, nghe nó ngẩn-ngơ như mán xá một chút mà thôi. Nhưng cái lối « *Thuận-nghịch* » độc là cái lối nó bắt buộc như thế, cởi gỡ ra làm sao ?

## 37. — Hoa cúc

*Thanh thu cảnh chiếm thú đình-viên,*
Cúc *não người* thay vẻ lạ nhìn.
*Mành lọt gió đưa hương nức cửa,*
*Trạo kề giăng dãi ngọc lồng hiên.*
*Cành phô gấm dệt, hoa cao thấp,*
*Đóa dãi vàng thưa, nụ dưới trên.*
*Tình khách nức xôn đào với mận,*
Xinh xinh sắc cúc đậm-đà duyên.

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Thanh thu cảnh chiếm thú đình-viên* = câu này ý nói mùa thu trong-trẻo lấy cái cảnh ngoài sân, ngoài vườn làm thú vị. = *Não người* = làm cho người bối-rối trong lòng. — *Mành lọt gió đưa hương nức cửa* = gió đưa mùi thơm hoa cúc qua mành-mành làm cho sực nức chỗ cửa ra vào. — *Trạo kề giăng dãi ngọc lồng hiên* = ánh giăng chiếu xuống chỗ mành-mành ở đấy, làm cho vẻ đẹp của hoa bóng lồng vào chỗ hiên. — *Cành phô gấm dệt hoa cao thấp* = hoa cao, hoa thấp mọc phơi trên cành, trông đẹp như gấm dệt vậy. — *Đóa dãi vàng thưa nụ dưới trên* = nụ trên, nụ dưới bày trên nhánh (đóa), trông lốm-đốm như vàng vậy. — *Tình khách nức xôn đào với mận* = *nức xôn* : làm cho trong lòng náo-nức, xôn-xao lên ; *đào với mận* : mượn ở chữ *đào lý*, mà chữ đào lý có cái nghĩa tấp-nập ra vào. Xưa Địch-nhân-Kiệt đời Đường có tiến nhiều người lên làm quan. Hoặc có kẻ bảo : *Thiên-hạ đào lý, tất tại công môn* : thiên-hạ đào mận,

phải đến cửa nhà ông hết, nghĩa là ai muốn cất nhắc tiến thân, đều phải đến nhờ ông cả. Cả câu ý nói : thói đời ai cũng nô-nức về sự ganh đua cầy cục, ví như hoa đào, hoa mận, chớ không có lòng ẩn-dật như hoa cúc.

**Ý và văn.** — Bài hoa cúc này cũng có *giăng*, có *cây*, có *hoa*, cũng là một cái cảnh *lạ*, cảnh *xinh*, cảnh *đậm-đà* làm cho *não* được *người*, như bài Hồ-Tây trên. Lại cũng như bài Hồ-Tây, bài Hoa cúc này cũng làm một thể « **Thuận-nghịch-độc** » : chữ *duyên*, đem lên *đầu*, mà chữ *thanh* lộn xuống cuối được, âm điệu vẫn đúng, ý nghĩa vẫn nguyên ; giản-hoặc chỉ cách cú đậu phải đổi một vài cái phẩy thôi. Xuôi cũng thế, ngược cũng thế, trái cũng thế, phải cũng thế, làm văn đến đủ cả hai bề, mà được như thế, kể cũng công-phu lắm và ai chẳng phải chịu là khéo, là tài. Song, như ta đã nói, cái lối thuận-nghịch-độc là cái lối trói buộc quá, là cái lối phải dĩ từ hại ý, cái lối có nên khen, cũng chỉ khen được là tiểu-sảo ; các nhà đại thi-sĩ không bao giờ làm đến.

Bài trên ta bình như thế, bài này ta cũng bình như thế thôi ; bài trên ta cho là kém, thì bài này ta cũng không dám bảo hơn gì. Mà cả hai bài ta sở-dĩ đem vào quyển Hợp-Tuyển này, là chỉ để làm những bài thí-dụ về cái lối Hồi-văn mà thôi.

Hai câu thực, hai câu luận hạ những tiếng *lọt*, *kề*, *đưa*, *dãi*, *núi*, *lồng*, *gấm dệt*, *vàng thưa*, kể đối cũng chọi nhau và có thi-vị, nhưng nói *hoa cao thấp*, nụ *dưới trên* thì thực là tầm-thường quá. Câu thứ hai hạ chữ *não* nghe khí mạnh không được đắt. Câu thứ bảy không rõ muốn nói gì, ta dẫn cái điển Địch-nhân-Kiệt như ở trên cũng là tán nghĩa thế mà thôi.

Còn câu đầu, câu cuối là những câu nói mẫu cả, không có thi-thú gì cho nên được câu tuyệt-diệu.

---

## 38. — Mùa thu câu cá

Ao thu lạnh-lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu *bé tẻo-teo.*
*Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*
Lá vàng trước gió sẽ *đưa vèo.*
*Tầng mây lơ-lửng giời xanh ngắt,*
*Ngõ trúc quanh-co khách vắng teo.*
Tựa gối, *ôm cần* lâu chẳng được,
*Cá đâu đớp động dưới chân bèo.*

NGUYỄN-KHUYẾN

**Có bản chép.** — Câu 4. Lá *khô... dã* đưa. — Câu 7. Tựa *bóng buồng* cần.

**Chữ và câu.** — *Bé tẻo-teo* = bé lắm. — *Sóng biếc theo làn hơi gợn tí* = mặt ao theo chiều gió thổi nhẹ-nhàng, trông hơi có gợn một ít sóng. — *Đưa vèo* = đưa đi nhanh và nhẹ-nhàng. — *Tầng mây lơ-lửng giời xanh ngắt* = đáy giời thì thật xanh, mà ở lưng chừng giời thì phơi-phới có những đám mây. — *Ngõ trúc quanh-co khách vắng teo* = ngõ đi uốn vòng có giồng trúc mà không trông thấy một người nào ở đấy cả. — *Ôm cần* = cắp cái cần vào người như ôm vậy. — *Cá đâu đớp động dưới chân bèo* = cá nó không mắc vào lưỡi câu của ông câu cá thi-sĩ, nhưng nó động-đậy đâu tận dưới chân khóm bèo nào đấy.

**Ý và văn.** — Hai câu đầu chỉ hạ hai chữ : *ao thu* và hai chữ : *thuyền câu* cũng đủ biết ngay cả việc làm, nơi chốn và thời giờ. Làm gì ? — Câu cá. Câu ở đâu ? — Câu ở ao. Về lúc nào ? — Về mùa thu. — Hai câu thực và hai câu luận nói *sóng biếc gợn tí, lá vàng đưa vèo, mây lửng, giời xanh, trúc quanh, khách vắng*, thế là tả mùa thu một cách có văn-vẻ, có ý-nhị và tả đến nơi. Đọc bốn câu ấy, ai bảo xứ ta, tuy ở vào nhiệt-đái, mà lại không có mùa thu, một mùa thu có đặc-tính rõ-ràng vậy. — Còn hai câu cuối lại nhắc đến *câu*, đến *cá* là có ý đáp giả hai câu đầu, đóng bài như thế rất là kín-đáo. Ngoại có phụ thêm cái ý tuy câu, mà câu mãi chẳng được con cá nào, cá nó đã chẳng cắn vào lưỡi câu thì chớ, nó lại động đậy ở dưới khóm bèo tặn đâu đâu như muốn bỡn cợt mình. Câu thế mới thực là câu của nhà thi-sĩ, dễ khiến cho nhà thi-sĩ đem câu ra mà vịnh vào thơ.

Ta đọc bài này, gặp những vần *veo, tèo, vèo, bèo,* và những tiếng *bé, hơi, sẽ, tí,* thì ta hình như có một sự cảm-giác thấy cái gì cũng nhỏ, cũng xinh, cũng nhẹ, cũng thoảng đi, ra dáng êm-ái, dịu-dàng, thanh-thú, bình-tĩnh, thực là hợp với cái cảnh mùa thu rất là bình-tĩnh, thanh-thú vậy.

---

## 39. — Cảnh chiều hôm

*Chiều giời bảng-lảng bóng hoàng-hôn,*
*Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn.*
*Gác mái, ngư-ông về viễn-phố,*
*Gõ sừng, mục-tử lại cô-thôn.*

*Ngàn mai gió cuốn, chim bay mỏi,*
*Dặm liễu sương sa, khách bước giồn.*
Kẻ chốn *chương-đài người lữ-thứ,*
Lấy ai mà kể nỗi *hàn-ôn.*

BÀ HUYỆN THANH-QUAN

**Có bản chép** — Câu 2. Tiếng *dốc* xa đưa tiếng trống *giồn.* — Câu 3. Gác *lưới.* — Câu 4. *Gỏ thừng,* mục-tử. — Câu 5. Ngàn *dâu* ; hoặc : *Rừng thông* gió *quẩn.* — Câu 6. sương *thưa.* — Câu 8. *Mấy* ai mà kể ; hoặc : *Cùng* ai.

**Chữ và câu.** — *Bảng-lảng* = mập-mờ, lúc bấy giờ hơi nhá-nhem, trông cái gì cũng không còn được rõ-ràng như buổi sáng, buổi trưa. — *Hoàng-hôn* = buổi chiều hôm, lúc mặt giời sắp lặn, không nên lẫn với lúc xế chiều, xế bóng là *tà-dương.* Cổ-thi có câu : *Tà-dương vô hạn hảo ; Chỉ thị cận hoàng-hôn,* nghĩa là lúc tà-dương thi tốt vô hạn ; nhưng chỉ phải cái lúc ấy gần lúc hoàng-hôn rồi. — *Tiếng ốc xa đưa lẫn trống đồn* = *tiếng ốc* : tiếng tù-và của những tuần thổi để gọi nhau ; *trống đồn* : tiếng trống đồn đánh là trống thu-không, hay sưu-không để báo cho nhân-dân biết rằng tối sắp đến và để cắt linh cầm canh. Câu này ý nói : tiếng trống đồn đang đánh giồn hồi thi đằng xa nghe có tiếng ốc thổi như đi xen, như lẫn vào với tiếng trống. — *Gác mái, ngư-ông về viễn-phố* = lão đánh cá đã gác mái chèo lên để về chỗ bến xa ; *viễn* : xa ; *phố* : bến. — *Gỗ sừng mục-tử lại cô-thôn* = trẻ chăn trâu gõ sừng trâu mà về chỗ thôn hiu quạnh có một mình ; *cô* : mình ; *thôn* : xóm. — *Ngàn mai gió cuốn, chim*

*bay mỏi* = chim ra dáng mỏi mệt cố bay về chỗ rừng mai gió đương thổi cuộn. — Trong Cổ-văn có câu : *Điểu quyện phi nhi tri hoàn* : Chim bay mỏi mà biết về, nói người làm quan mệt nhọc về trí-sĩ. — *Dặm liễu sương sa khách bước giồn* = khách bước mau cẳng ở trên con đường có giồng liễu mà sương đang xuống mù-mịt. — *Chương-đài* = vốn là tên cung-thất các đời xưa, bây giờ dùng để chỉ nơi của mình ở. *Kẻ chốn chương-đài*, đây là nói người ở nhà. — *Lữ-thứ* = *lữ* : khách đi đường (lữ-khách, thương-lữ, lữ-hành) ; *thứ* : nơi ở tạm, *lữ-thứ* là nói khách đi đường ở tạm. Đây *người lữ-thứ* là người đang đi. — *Hàn-ôn* = *hàn* : lạnh ; *ôn* : ấm, khi chủ khách gặp nhau thường hay hỏi nhau khi giời nóng lạnh thế nào, làm câu khẩu đầu thăm nhau. Cũng như bây giờ người Tây gặp nhau thì hỏi nhau : « Mạnh khỏe thế nào ? »

**Ý và văn.** — Ta đã đọc bài về lúc « *bóng xế tà* » (số 32) của bà Huyện rồi, bây giờ ta lại được đọc bài cũng của bà Huyện về lúc « *bóng hoàng-hôn* ». Thực là rõ một cái lối, một cái điệu, một cái giọng ấy, một cái tinh-tứ, một cái kỳ-thú ấy, nghĩa là cái kỳ-thú thập phần hoàn-hảo vậy. Bài *Đèo Ngang* trước mà là một bức tranh, thì bài *Chiều hôm* đây cũng là một bức họa, một bức *họa vô mặc*, họa bằng thơ rất là khéo.

Bức họa ấy điểm nét về lúc *hoàng-hôn*, *chiều giời bảng-lảng*, trong khi *tiếng trống đồn* đang đánh và có *tiếng ốc* tự đằng xa đưa *lần vào*. Bức họa ấy thành hình là bởi có cụ *đánh cá* đã *gác mái* chèo lên, đang lững-thững *về* chỗ *bến xa*; — có *trẻ chăn trâu gõ* vào *sừng* trâu hát, cũng ung-dung *về* chỗ mấy cái nhà ở trong *xóm* (câu 3 và 4). ; — có *chim* mỏi mệt kịp *bay về* chỗ ngàn mai *gió* đang thổi

cuộn. — có khách đi đường *vội*-vàng bước gấp *về* chỗ *dặm liễu*, *sương* đang xuống từng giọt (câu 5 và 6).

Ôi ! Khi tai mình đã nghe thấy tiếng trống giồn, ốc thổi; như báo cho mình biết giời đã sắp tối, khi mắt mình lại trông thấy người, thấy chim đều có cái dáng muốn *về* cho chóng đến thôn ổ, khi mình đứng trước một cái cảnh thanh âm như thế, nhân vật như thế, lại có cái màu sắc hoàng-hôn nó bao-la đưa xuống, mà mình thẫn-thờ chỉ có mỗi một mình mình, không biết lấy ai làm người trò-chuyện, không biết cùng ai mà thổ-lộ khúc nhôi, thì thực là súc cảnh sinh tình, một cái mối tình lai-láng khôn hàn, càng nghĩ càng thấy trơ-vơ, càng trơ-vơ bao nhiêu, càng buồn bấy nhiêu, buồn một cách sâu xa, nó như đem người mình mà lắng xuống vậy. Buồn thực ! Buồn lắm ! Tác-giả, vì buồn mà vịnh nên thơ : ta, vì đọc thơ của tác-giả mà cũng sinh buồn. Hai câu kết bài « Đèo-Ngang », tác-giả nói : *giời*, *non*, *nước*, rồi nói *tình* thực là vào cái lúc « *Tà-dương vô hạn hảo* ». Hai câu kết bài này mới thực bài vào cái giọng « *Chỉ thị cận hoàng-hôn* ». Tác-giả hạ câu « *Kẻ chốn chương-đài*, *người lữ-thứ* » tuy chỉ cách nhau có một cái phẩy, mà thực từ kẻ ấy đến người này, tự kẻ ở đến người đi, tưởng xa xa nhau không biết đâu mà kể. Câu cuối đưa hai chữ « hàn-ôn » vào mới lại càng rõ cái nông nỗi buồn của người bơ-vơ mà nhớ-nhung. Vị có hai câu cuối bài thế mà có người nói lúc bấy giờ, Quan Huyện ông đi vắng, Quan Bà ở nhà nhớ đến, mà thành có cái ý ngụ buồn đến như thế.

Có mấy chữ bài này các bản chép hơi khác như *trống giồn*, *gác lưới*, *ngàn dâu* v.v. nhưng cũng không

quan-hệ gì lắm, vì có đổi chữ đi thế nữa, ý nghĩa cũng không đổi gì. Có chữ *gò thừng* thay vào *gõ sừng* nghe cũng có nghĩa, vì lúc bấy giờ trẻ chăn trâu gò thừng trâu lại, như muốn về cho mau, nhưng về đường thi-thú thì tưởng *gõ sừng* có phần hay hơn. *Gò thừng* hơi tục.

---

## 40. — Cảnh sông núi

Thấp-thoáng *non tiên* lác-đác mưa,
Khen ai khéo vẽ cảnh *tiêu-sơ* :
Xanh om *cổ-thụ* tròn xoe tán,
Trắng xóa *tràng-giang* phẳng-lặng tờ.
*Bầu giốc giang sơn say chấp rượu,*
*Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ.*
Ồ hay cảnh cũng ưa người nhỉ !
Thấy cảnh, ai mà chẳng ngẩn-ngơ.

BÀ HUYỆN THANH-QUAN

**Có bản chép.** — Câu 1. *Thánh-thót tầu tiêu mấy hạt* mưa, hoặc : Thấp-thoáng *đầu ghềnh* lác-đác *mưa*. — Câu 2. *Bút thần khôn* vẽ *thú* tiêu-sơ. — Câu 3. tròn *giương* tán. — Câu 5. giốc *quan* sơn, hoặc cả câu : *Cỏi mục thét giăng miền khoáng giã.* — Câu 6. *Chài ngư tung gió quãng bình sa.* — Câu 7. *Cho* hay cảnh cũng... *Biết bao tao-khách tình đi lại.* — Câu 8. Thấy cảnh *này* ai *chẳng thẫn-thờ.*

**Chữ và câu.** — *Non tiên* = núi có tiên ở, tức là cái núi đẹp. — *Cảnh tiêu-sơ* = *tiêu* : phiền khổ ; *sơ* : thưa thớt ; *cảnh tiêu-sơ* là cảnh sơ-sác nhưng có vẻ thanh-thú. — *Cổ-thụ* = cây sống đã lâu năm lắm. — *Tràng-giang* = con sông dài. — *Bầu giốc giang-sơn say chấp rượu* = giốc cả bầu rượu giang-son uống tha hồ mà cũng không say. — *Túi lưng phong-nguyệt nặng vì thơ* = lưng chừng túi chỉ có thơ phong-nguyệt mà đã thấy nặng. *Túi lưng phong-nguyệt* là dịch ở chữ *bán nang phong-nguyệt* ra và nghĩa là một nửa (bán) túi (nang) phong-nguyệt, cái cảnh gió giăng là cái cảnh hay trêu những nhà thi-sĩ, làm cho các nhà thi-sĩ phải ngâm-nga vui thú. Ngâm phong, lộng nguyệt nghĩa là thế.

**Ý và văn.** — Cái cảnh *tiêu-sơ khéo vẽ* ở đây có những gì ? (câu 2) — Có núi đẹp, trong núi *mưa* sa *lác-đác* (câu 1) ; — Có cây *cổ-thụ* ngọn *tròn xoe* và sắc *xanh om*, có *sông* mặt *phẳng-lặng* và trông *trắng xóa* (câu 3 và 4) ; — Rút lại trong cái cảnh ấy chỉ có sông, có núi và điểm thêm cây cối nữa vào thôi ; cái cảnh ấy lại cũng chỉ có ba sắc : sắc trắng của sông, sắc xanh của cây và sắc lờ-mờ của núi, trông qua những hạt mưa. Ấy cảnh sắc tuy có thế, mà cũng làm cho tác-giả phải say-sưa vì cảnh như say rượu, phải ngâm-vịnh cảnh như ngâm-vịnh gió giăng (câu 5 và 6). Ô ! thế ra cái cảnh nó cũng sinh-hoạt như người, nó biết *ưa* người, nó làm cho người phải ngẩn-ngơ vì nó (hai câu cuối).

Vậy bài thơ này thực tả cảnh chỉ có bốn câu trên, còn bốn câu dưới là nói người đối với cảnh, cảnh đối với người. Cứ kể đem hai câu đầu và hai câu cuối bài so với hai câu đầu và hai câu cuối bài

« *Đèo Ngang* » (số 32) và bài « *Cảnh chiều hôm* » (số 39) thì kém nhiều, về cả đường văn-chương, về cả đường tình-tứ. Nhưng bài này, xưa nay ai cũng phải công-nhận là hay, chỉ vì bốn câu giữa. Lỗi-lạc nhất là hai câu thực, khi ngâm lên thấy những âm : *xanh om*, *cổ-thụ*, *trắng xóa*, *tràng-giang*, có phải hình như được nghe thấy tiếng đàn, tiếng xênh giòn-giã khua ở bên tai không ? Còn hai câu luận nói : *giang sơn*, *phong nguyệt*, *say chấp rượu*, *nặng vì thơ*, ấy mới rõ cái thân-thế tác-giả đã lạc vào đám tiều, ngư, thực chẳng kém chi Hứa-Hồn xưa đáng tôn lên làm « Phong nguyệt giang sơn chi chủ » được.

Bài *Cảnh sông núi* này không có mấy bản chép được hẳn giống như nhau. Độc-giả cứ xem mục « *Có bản chép* » ở dưới bài, thì đủ biết những chỗ chép khác ấy có khi dài hơn là chính bài thơ. Chẳng những khác từng chữ như *quan-sơn* thay cho *giang-sơn*, *giương tán* thay cho *xoe tán*, *thẫn-thờ* thay cho *ngẩn-ngơ* không quan-hệ gì cho lắm. Nhưng khác hẳn cả câu, cả từng hai câu hay bốn câu, làm cho bài thơ dù cái ý nghĩa tuy không đổi được, song cái thế, cái điệu tất-nhiên cũng phải đổi đi ít nhiều.

Như một câu đầu, bản thì chép là : « *Thấp-thoáng đầu ghềnh lác-đác mưa* », bản lại chép là : « *Thánh-thót tầu tiêu mấy hạt mưa* ». Cứ như ý riêng chúng tôi, chúng tôi thiết tưởng, câu trên chỉ khác hai chữ « đầu ghềnh » thay cho hai chữ « non tiên », thì cũng thế mà thôi, vì « đầu ghềnh » tức là cũng có đá, có núi ở trong. Còn câu dưới mà hạ « tầu tiêu » thì có nhẽ sai hẳn, tầu tiêu là cảnh bé nhỏ ở trong cái vườn con, đang-đối làm sao được với *cổ-thụ*, với *tràng-giang* có cái ý to nhớn vừa lâu, vừa dài. Thế mà có bản chép hạ « tầu tiêu » lại

đề đầu bài là « Cảnh sông Nhị-hà ! » — Câu thứ hai nếu đổi là « *Bút thần khôn vẽ thú tiêu sơ* », chúng tôi tưởng trác-luyện cầu-kỳ quá. Tác-giả *khen ai khéo vẽ* tức là khen mà chịu ông giời, chớ nếu tác-giả nói « *bút thần khôn vẽ* » thì hình như có ý tự-phụ rằng có cái bút thần ấy. — Hai câu luận đổi làm « *Cỏi mục thét giăng miền khoáng-giã ; Chài ngư tung gió quãng bình-sa* » thực là hay, hay lắm, nhưng, tưởng lại là trác-luyện cầu-kỳ quá, không hợp với cái giọng bài có phần bình-thản hơn nhiều. Vẫn biết rằng hai câu thực trên nói cây cối, nói sông nước mà hai câu luận dưới nói còi của kẻ chăn trâu, chài của người câu cá, thêm được hai nét tả vào cảnh nữa thực, song như ta đã nói *thét giăng tung gió*, điêu-luyện quá và đem cái ý *khoáng-giã*, *bình-sa* vào, tưởng nó hơi lạc không ăn với cái cảnh sông núi. Vả chăng bà Thanh-quan thơ đã thần như thế, há lại không biết thay đổi, bài nào cũng chỉ dẫn *mục* với *ngư* vào thôi ư ! — Còn câu 7 mà đổi là : *Biết bao tao-khách tình đi lại*, thì cái cảnh hình như là một cái cảnh vừa nhàm quá, nát bét rồi, ai cũng biết cả, lại vừa phồn-thịnh nhộn-nhịp lắm, ai còn cho là cái thú tiêu-sơ được nữa.

---

## 41. — Buổi chiều mùa thu

Đầu *ghềnh* nghi-ngút khí sương mù,
*Bảng-lảng* giời hôm ngọn gió thu.
*Bãi bạc, phất-phơ ngư giốc lưới,*
*Thôn vàng, rải-rác mục về trâu.*

Ngàn mai, ngại tối chim bay gấp,
Dặm liễu, *dè hôm* khách bước mau.
*Đoái cảnh* những thêm lòng mến cảnh,
Nghe đâu văng-vẳng *tiếng chuông lầu*.

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Ghềnh* hay gành = chỗ *sườn núi, cao hay chỗ sông có đá mọc nhô lên nước xiết mạnh.* — *Bảng-lảng* = (xem bài trên số 40). — *Bãi bạc phất-phơ ngư giốc lưới* = người đánh cá đỗ lưới cá phất-phơ ở trên bãi cát trắng sóa như bạc. — *Thôn vàng rải-rác mục về trâu* = người chăn trâu đưa trâu về rải-rác ở chỗ xóm làng trông mập-mờ như có sắc vàng. — *Dè hôm* = cũng là ngại tối, sợ tối đến. — *Đoái cảnh* = nhìn lại cái cảnh bấy giờ. — *Tiếng chuông lầu* = tiếng chuông nhà chùa đánh buổi chiều ; chuông chiêu, mộ : chuông đánh buổi sớm, buổi chiều.

**Ý và văn.** — Nghe đâu thơ cổ của một thầy Tu nhà Đường có câu rằng : « *Bất thị sư-huynh thâu cổ cú ; cổ-nhân thi cú phạm sư-huynh* » và nghĩa là : không phải bác ăn cắp câu cổ đâu, đó là câu thơ của cổ-nhân phạm vào bác đấy thôi. Ta không rõ tác-giả làm bài này, là tự mình trực-giác mà sáng-tạo lấy, hay đã đi chép hoặc vay mượn của cổ-nhân chút nào không. Ta chỉ biết, khi ta đọc bài, gặp những chữ như : *đầu ghềnh, bảng-lảng, ngư giốc lưới, mục về trâu, ngàn mai, chim bay, dặm liễu, khách bước, đoái cảnh* thì ta tưởng như có một Bà Huyện Thanh-quan nào ở trong ấy, chẳng những ở trong từng chữ, mà ở trong cả câu, cả toàn thể bài vậy. Ta bình thế, thực không phải có ý nhạo ai. Cụ Nguyễn-Du làm quyển *Kiều*, có biết bao nhiêu người

bắt chước, muốn nối gót cụ, thì Bà Huyện làm được những bài thơ như « *Đèo Ngang* », như « *Cảnh chiều hôm* » há lại không đứng riêng làm một thi-gia để cho có người bắt chước được hay sao ?

Tóm lại, bài này quả là một bài làm theo một mẫu với những bài của Bà Huyện. Bốn câu giữa tả cảnh, hai câu đầu nói nơi chốn và thời giờ, hai câu cuối nói đối cảnh sinh tình, thực y như Bà Huyện, không khác chút nào. Hoặc có gọi là khác, thì chỉ có mấy chữ *ngọn gió thu* ở câu thứ hai và *tiếng chuông lầu* ở câu cuối mà thôi.

---

## 42. — Hoài cổ

*Tạo-hóa* gây chi cuộc *hí-trường*,
Đến nay thấm-thoắt mấy *tinh sương*.
*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo*,
*Nền cũ lâu đài bóng tịch dương*.
Đá vẫn trơ gan cùng *tuế nguyệt*,
Nước còn cau mặt với *tang thương*.
Nghìn năm gương cũ soi *kim cổ*,
Cảnh đấy người đây luống *đoạn trường*.

Bà Huyện Thanh-quan

**Có bản chép.** — Câu 2. mấy *phong* sương. — Câu 4. *Ngõ* cũ. — Câu 5. *bền* gan, hoặc : *lỳ* gan.

**Chữ và câu.** — *Tạo-hóa* = *tạo* : sáng tạo, gây dựng làm ra ; *hóa* : hóa dục biến đổi tự-nhiên ; *Tạo-hóa* tức là giời đất, ý nói giời đất sinh ra vạn vật. — *Hí-trường* = *hí* : chơi đùa, hí-khúc, hí-văn, hí-lộng,

du-hí ; *trường* : nơi đất rộng, nhân có việc gì mà nhiều người đến tụ-họp : trường học, trường thi, chiến-trường. *Hí-trường* là nơi bày đặt ra trò chơi. — *Tinh sương = tinh* : sao, mỗi năm đi vòng giời một lần ; *sương* : mỗi năm sương xuống một lần, người ta dùng hai chữ *tinh sương* để chỉ năm. — *Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo = thảo* : cỏ, ý nói trông thấy cỏ mùa thu mọc lấp cả đường mà phẳng-phất hồi nhớ đến các lối xe ngựa xưa qua đấy. — *Nền cũ lâu dài bóng tịch dương = tịch dương* : *tịch* : buổi chiều ; *dương* : mặt giời ; ý nói chỗ vết lâu đài cũ thì bây giờ chỉ trông thấy ánh nắng mặt giời về lúc sế chiều mà thôi. Hai câu thực đây dùng những chữ thu thảo, tịch dương là muốn nói cái cảnh lúc tàn, như mùa thu, như buổi chiều không còn thấy đâu là xe ngựa, là lâu đài như xưa nữa. — *Tuế nguyệt = tuế* : năm ; *nguyệt* : tháng, năm tháng tức là chỉ thời giờ, thời gian. — *Tang thương* = hay thương tang tức là *thương-hải* : bể xanh, và *tang-điền* : ruộng dâu. Theo đạo Thần-tiên thì cứ trong vòng ba mươi năm, ruộng dâu hóa ra bể xanh, bể xanh hóa ra ruộng dâu. Người đời nhân lấy truyện ấy mà ví thời giờ đi mau chóng. Câu trong Kiều : *Trải qua một cuộc bể dâu*, hai tiếng bể, dâu là cũng lấy theo cái điển này. — Hai câu luận ý nói cái cảnh tàn kia bây giờ chỉ còn thấy đá vẫn trơ trơ đấy, thấy nước vẫn cau mặt (sóng đánh gợn lên) đấy mà thôi. — *Kim cổ = kim* : nay ; *cổ* : xưa. — *Đoạn trường = đoạn* : đứt ; *trường* : ruột. Ta hay nói đau *đứt từng khúc ruột*. Xưa có người giết con vượn con, vượn mẹ lấy làm thương quá, gào khóc mãi đến chết, lúc mổ ra xem thì thấy ruột đứt hết cả. Nên mới dùng hai chữ *đoạn trường* để chỉ những sự đau đớn lắm.

**Ý và văn.** — Lai-lịch bài này mỗi bản chép một khác. Bản thì cho là *Tây-kinh* (hay Tây-đô) *hoài cổ*. tức là Thanh-hóa, bản thì cho là *Đông-kinh* (hay Đông-đô) *hoài cổ* tức là Thăng-long. Có người lại cho là *Thanh-quan hoài cổ* tức là phủ Thái-ninh (1) tỉnh Thái-bình bây giờ, mà chính là chỗ cụ Huyện ông ngồi nhậm-ly bấy giờ nên mới đặt cái đầu bài là *Quá phu-quân cố-ly*. Thực là phân-vân, ta không rõ chắc ai là phải. Ta đành chỉ biết bài này là bài *Hoài-cổ* một nơi nào, miễn là cái nơi ấy có đá, lại có nước tức là có núi sông, trước có xe ngựa, lâu đài thịnh-vượng lắm, mà nay chỉ còn một đám đồng rầu rầu ngọn cỏ, nắng quái chiều hôm mà thôi.

Bài này xưa nay ai cũng phải chịu là thần bút. Thần bút ở đâu ? ở những chữ Hán thật là thấy lắm, câu nào cũng có ít ra là hai chữ Hán, cả bài dễ đến non một nửa là chữ Hán. Hay ở những chữ nôm, trong câu nào cũng đi liền với chữ Hán, cũng chiếm giữ lấy quá một nửa đầu câu chăng ? Cứ như ý ta, thì ta thiết tưởng bởi cả hai thứ chữ ấy, tuy Hán, tuy Nôm phân-biệt nhau thật, nhưng thật là khéo điều-hòa, khéo hỗn-hợp, khéo đưa-đẩy, xếp đặt, mà thành ra cái cảnh Nam, Bắc tương-liên, khiến cho người đọc chỉ còn biết hay chớ không ly giải ra làm gì. Kể chữ Hán, mà gieo những vận *hí-trường, tinh sương, tịch dương, tang thương, đoạn-trường*, và dùng những chữ : *Tạo-hóa, thu-thảo, tuế nguyệt, kim cổ*. thì tưởng như sướng ngòi bút lắm, dù cho có chữ Nôm thay vào được, cũng không muốn mượn nữa : chữ Hán nó có điển, có vị, có

---

(1) Phủ Thái-ninh xưa kiêm ba huyện : Đông-quan, Thanh-quan và Thụy-anh.

thế, có lực, đệm nó vào câu, như nó có thể nâng cả câu lên được. Còn kể những chữ Nôm, mà đưa đến những chữ *gây, thấm-thoắt, lối xưa, nền cũ, gương cũ* (hai chữ cũ), thực cũng là trịnh-trọng thanh-nhã đối đầu được với những chữ Hán chớ không chịu sút gì. Tài tình nhất lại có bốn tiếng : *trơ gan, cau mặt* nghe nó đã như đá với nước có cái vẻ sinh-hoạt, linh-lung, một anh thì lỳ ra, một anh thì giận quá mà hai anh cũng không làm gì nổi, đành phải chịu cái sức tuế nguyệt, cái biến tang thương. — Nếu không có bốn chữ : *trơ gan, cau mặt*, thì bốn chữ *tuế nguyệt, tang thương* không hạ được, mà nếu không có bốn chữ *tuế nguyệt, tang thương*, thì bốn chữ *trơ gan, cau mặt* dùng cũng không đang...

Ấy cái văn của bài hay như thế. Còn cái tứ của bài, thì đại-để cũng như mấy bài trước của tác-giả, nghĩa là một cái tứ thấy cảnh mà sinh tình, cảnh làm sao, thì tình làm vậy, cảnh đã buồn, thì tình cũng khó vui cho được. Ôi ! Bà Huyện ta thực là người đa cảm, đa sầu ! Ở trên « *Đèo Ngang* », Bà buồn vì nước vì nhà ; trước « *Cảnh chiều hôm* », Bà buồn vì trơ-vơ có một mình ; đến chỗ Tây-đô, hay Đông-đô, hay Đông-quan đây, Bà buồn vì trông thấy cái cuộc đời xưa sao phú-cường thịnh-vượng thế, mà nay sao lại rời-rạc tan-nát, chẳng khác gì một đám tha-ma như thế ? Trước Bà buồn như muốn ngậm, nuốt cho trôi nỗi buồn đi, sau Bà buồn như muốn than thở kêu ra tiếng, đây Bà buồn, thực là cái buồn đau đớn, thê thảm hơn cả, làm cho khúc ruột như đứt ra bùng-bục vậy. Ôi ! cái cuộc hí-trường nó ỏm-ờ như thế, cái biến tang thương nó mau chóng như thế, khiến cho ai có chút tâm huyết, mà lại không như đoạn trường, huống chi là một nhà đại-thi-sĩ của nước nhà là Bà Thanh-quan ?

## 43. — Tết Táo-quân

Cuối tuần *tháng chạp* sớm *hăm ba*,
Ông Táo đầy năm *giở lại nhà*.
*Bởi truyện nhân-gian* từ xó bếp,
*Tâng công Thiên-đế vẽ con ma*.
*Nhật-trình nhờ bước vài con chép*,
*Tuế-bổng đưa chân một chách gà*.
*Năm bảy ngày đường, đi, lại lại*,
*Lên giời chừng cũng chẳng bao xa*.

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Táo-quân* = *táo* : bếp ; *quân* : vua ; *Táo-quân* tức là *Vua Bếp*, hoặc còn gọi *Táo-thần*, là một vị thần coi sóc chỗ bếp nước. Sự-tích Táo-thần, cứ theo các sách tàu thì thật là man-mác, chỉ một cái tên cũng mỗi nơi gọi một khác. Còn bên ta, thì có sự-tích hai vợ chồng nhà nghèo, sau vợ bỏ đi lấy chồng khác, lúc gặp nhau, vì tình, vì nghĩa, cùng nhảy vào đống lửa chết cháy mà thành Thần cả ba người. Nên ta mới có câu ca : *Thế-gian một vợ một chồng* ; *Nào như Vua bếp hai ông một bà*. Hiện nay ngày tết Táo-quân ta vẫn cúng ba cỗ mũ, một cỗ bà hai cỗ ông và vẫn khấn là *Đông-trù-tư-mịnh Táo-phủ thần-quân*. Hoặc có người lại cho ba cỗ mũ là của một mẹ với hai con, hay là của ông Thổ-công, Thổ-địa và Thổ-kỳ. — *Tháng chạp* = tháng thứ mười hai, gọi tháng chạp là dịch ở chữ *lạp-nguyệt* ra. Ngày xưa và cả bây giờ, cứ đến tháng mười hai, là tháng cuối mùa đông, người ta có tục muối cá muối thịt (*lạp* sường, vịt *lạp*), lại có tục cúng tế bách Thần.

Nên gọi *ngày chạp* là ngày cúng lễ. — Như ta hay nói : *giỗ chạp*, là chỉ gồm ngày cúng tổ tiên và ngày cúng thần thánh. — ***Sớm hăm ba*** = sáng sớm hôm hai *mươi* ba. Xem rõ chữ hăm bảy bài *Khóc chồng* (số 83). — ***Giở lại nhà*** = tức như ta nói lên chầu Giời, đây cho trên giời như là nhà của Vua Bếp vậy. — *Bởi truyện nhân-gian* = ta xưa nay vẫn tin rằng trong một nhà, ai làm điều thiện, điều ác gì, thì ông Táo nhất nhất ghi chép hết cả để đến cuối năm lên tâu với Giời. — ***Nhật-trình nhờ bước và con chép*** = cái tục ta cúng Vua Bếp hôm 23 tháng chạp, phải có mấy con cá chép gọi là ngựa ông Táo, để ông Táo cưỡi mà lên giời. *Nhật* : ngày ; *trình* : một chặng đi. *Nhật-trình* chỉ cái đường đi hàng ngày ; sau chỉ rộng cái câu truyện mình kể hay viết về việc đi đường (journal de voyage). Bây giờ hai chữ nhật-trình còn dùng để chỉ công việc phải bàn trong một buổi hội-đồng (ordre du jour). Còn gọi tân-văn hay nhật-báo là nhật-trình thì không được đúng. — *Tuế-bổng đưa chân một chách gà* = *tuế* : năm ; *bổng* : bổng lộc, tiền gạo cấp cho các quan để đền cái công-phu khó nhọc ; *chách gà* : đùi gà, tỏi gà ; cả câu ý nói suốt một năm giời, Táo-quân làm ăn khó nhọc thế mà nhân-gian bạc bẽo cúng vái tiễn chân ngài chỉ có một ít thịt gà mà thôi. Vì cái lối cúng Táo-quân xưa nay thường chỉ có thế, mà có người làm đôi câu đối dán tết thờ Táo-quân rằng : « *Ngư mã triều thiên truyền cổ lạp* ; *Kê bàn tự táo mị tân niên* ». — *Năm bảy ngày đường đi lại lại* ; *Lên giời chừng cũng chẳng bao xa* = Vua Bếp lên chầu Giời hôm 23 tháng chạp đến hôm 30 lại về, tính tự hôm 23 đến hôm 30, chỉ có năm, bảy ngày, thế mà Vua Bếp có thể tự dưới đất lên trên giời lại từ trên giời xuống

dưới đất ; thế thì cái quãng giời đất cách nhau kể cũng không xa gì cho lắm. Nên Tiếu-lâm và Phường chèo thường có câu đố : « *Đố biết giời gần hay giời xa?* ».

**Ý và văn.** — Đối với dân-gian, ông Táo là một vị thần rất trọng. Người ta chẳng những Tết ông Táo vào một ngày 23 tháng chạp mà thôi. Quanh năm, ngày rằm, ngày mồng một, cùng những ngày kỵ lạp khác, người ta thường vẫn cúng ông hoặc chung, hoặc lẫn với những vị thần như Thổ-công, Thổ-địa, Tài-thần. Một cái tục rất hay, chẳng những riêng chi cho một cõi Á-Đông mình, mà đâu đâu, tặn những bên Hi-lạp, La-mã cũng có cái tục như thế, cũng thờ những Thần Bếp, Thần Nhà gọi là *Lares* hay *Pénates*. Lại một cái tục rất cổ, có lẽ bắt đầu nhóm từ khi loài người nhóm mới biết lửa là gì. Đời bây giờ, bảo siết cái diêm, châm cái đèn, là đã có lửa ngay rồi, chớ đời xưa, tìm được lửa đã là lạ, lại đánh được một cái tàn lửa, tưởng như khó lòng lắm. Nên lửa rất quí. Lửa đã tìm thấy, chỉ lo ngay-ngáy lửa lại mất đi, thì chết, mà chẳng chết cũng khổ hơn giống vật. Bởi cái nhẽ thế, người ta mới tìm cách duy-trì lửa, người ta mới đặt những bọn trinh-nữ ngày đêm chỉ có một cái chức-vụ giữ làm sao cho *đăng hỏa bất tuyệt* thì thôi. Âu-Tây xưa có câu tục-ngữ rằng : « Foyer éteint, famille éteinte » nghĩa là : Bếp tắt thì nhà hết. Ôi ! Vậy nhà với bếp, người với lửa tuy chia hai mà chẳng cũng như là một ru ?

Bếp lửa đã trọng thế, tất là coi như Thần, Thánh mà thành phải trọng Thần Bếp, Thần Lửa. Thế mà bài đây, nhà thi-sĩ chẳng những không có một chút nào gọi là trọng Vua Bếp, lại còn đem Vua Bếp ra mà bình-phẩm, mà phỉ-báng nữa. Ngu-dân tín-ngưỡng còn bảo có Thần nọ, Thánh kia được, chớ văn-sĩ

học-thức, khi hứng ngòi bút, còn biết Thần Thánh nào, họa chăng chỉ có Thần Thánh Thơ Văn mà thôi.

Hai câu đầu bài nói *tháng ngày*, nói *đầy năm lại nhà*, đủ rõ Tết ông Táo cúng vào lúc nào. — Hai câu thực hạ những chữ : *bới truyện*, *tâng công*, *từ xó bếp*, *vẽ con ma* quả cho ông Táo là một nhà thám-tử xấu-xa đi bới truyện của người để cầu lợi cho mình. — Hai câu luận hạ những chữ : *nhật trình*, *tuế bổng*, *vài con chép*, *một chách gà*, là có ý giễu sự cúng vái ông Táo, tưởng chừng nực cười lắm. — Hai câu kết nói : *lên giời*, *năm bảy ngày đường*, là có ý khôi hài cũng như hề nhọ thường khôi-hài ở trên sân khấu vậy.

Cứ kể cái ý bài đã muốn nhạo báng như thế, nên cái thần bài, cái điệu bài, bao nhiêu chữ dùng trong bài đều có cái giọng nhạo báng cả. Mà nhạo báng một cái thật khéo ! *Bới*, *xó bếp*, *con ma*, *con chép*, *chách gà* là những tiếng tưởng có phần tục, nhưng dùng vào đây, lại hình như thanh-nhã có thi-thú lắm. Cách bố-cục thật phân-minh, khúc-triết, cách cấu-tứ thật dồi-dào đậm-đà. Tựu-trung chỉ phải câu 4 và câu 5 có hai chữ « *con* » trùng-điệp, nhưng kể cũng khó thay chữ khác vào được.

---

## 44. — Xuân

*Xuân từ trong ấy mới ban ra,*
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà.
Đì-đẹt ngoài sân, *tràng pháo chuột*,
Om-thòm trên vách, *bức tranh gà*.

Chí-cha, chí-chát, khua giầy dép,
Đen thủi, đen thui, cũng lượt là.
Dám hỏi những nơi nơi *cố-quận*,
Rằng : « Xuân, *Xuân vẫn thế ru mà ?* ».

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Xuân từ trong ấy mới ban ra* = *từ trong ấy* : từ trong kinh, chỗ đế-đô, nhà vua phát lịch ra, tức là ban Xuân ra vậy. Ta thường viết : « Xuân Vương chính nguyệt » nghĩa là Xuân của nhà vua, tháng giêng. Thơ cổ có câu rằng : *Thiên-thượng cửu-trùng ban hạ chính ; Nhân-gian vạn lý túy xuân phong.* — *Tràng pháo chuột* = thứ pháo nhỏ cái, đốt không kêu lắm. Trẻ con chơi pháo, thường còn đập cái pháo bẹt ra, bẻ cong lại mà đốt nó quay tít đi, cũng gọi là pháo chuột. — *Bức tranh gà* = bức tranh vẽ con gà, ngày tết người ta hay mua dán lên tường cho trẻ chơi. — *Nơi cố-quận* = *cố* : cũ ; *quận* : địa-hạt, ý nói những nơi đô-hội gây dựng lên đã lâu năm. — *Xuân vẫn thế ru mà* = xuân bao giờ cũng chỉ có thế mà thôi ư ?

**Ý và văn.** — Hai câu đầu mở lên nói : *Xuân* là Xuân của *nhà Vua ban* ra cho khắp cả *mọi nhà* chớ không *riêng* chi cho một mình *ai*, chẳng khác nào như mặt giời soi sáng cho khắp cả trần-gian chớ không chỉ tư-túi với một mình ai. — Hai câu thực nói *pháo đốt ngoài sân*, *tranh dán trên vách*, hai câu luận nói *giày dép* đi nhặng-bộ, *lượt là* khoe giòn đẹp, là tả cái cảnh Tết mắt trông, tai nghe thường chỉ thấy có thế mà thôi. — Hai câu kết đóng bài, đóng mà hỏi, hỏi « *Xuân vẫn thế ư ?* » thực là đáp được

hai chữ *cổ-quận* ở câu 7 và chữ ***Xuân*** lúc mới mở bài, mà thực lại có ý khinh thế, ngạo vật lắm. Ừ ! nếu Tết quả chỉ ở có một bức tranh, bánh pháo, tấm áo, manh quần mà thôi, thì cái Xuân còn có nghĩa gì nữa, còn phải bận gì đến Cửu-trùng ngài ban ra cho thiên-hạ nữa ? Ôi ! thiên-hạ, nhân-tình bây giờ là cái : « *Thiên-hạ xác rồi, nhân-tình trắng thế* » mà lại *còn* cứ « *đốt pháo* » với « *bôi vôi* » mãi ru !

Bài thơ này, cái ý ngoại thực sâu xa hay như thế. Mà cái ý ngoại chỉ ở hai câu đầu và hai câu cuối, khiến cho người có lòng nghĩ đến cái « Xuân năm » lại phải nghĩ cả đến cái « Xuân nước » nữa. Xuân là gì ? Xuân tức là mới, người ta ở đời có mới lên, lại mới lên nữa, ngày ngày mới mãi lên, thì mới có cơ tiến-hóa được.

Cái văn-chương lại thực là tả chân có cái tài tình biệt thú. Đọc bốn câu giữa, tả cái cảnh Tết, có khác nào như nghe thấy tiếng *pháo nổ đì-đẹt, trẻ con* cãi *om-thòm, giày dép chí-cha, lượt-là* sột-sạt ở bên tai hay không ? Kêu lắm ! Giòn lắm ! Cái lối văn như thế, thực là cái văn « trịch địa tắc kim thạch thanh » vậy.

Tựu-trung phải chữ *chí-cha chí-chát* đối với *đen thủi đen thui* không được chỉnh, chí-cha chí-chát hai tiếng đi liền nhau là tiếng phó-từ mà thôi. Chớ đen thủi, đen thui, thì rời nhau, tiếng đen là hình-dong từ, tiếng thủi, thui là phó-từ, phụ nghĩa vào tiếng đen. Cái tiếng chí-cha, chí-chát là tiếng đập mạnh vào cái gì, chớ không phải tiếng giày dép nó lộp-cà lộp-cộp hay lệt-sệt như lôi kéo đi vậy.

## 45. — Năm mới

Khéo bảo nhau rằng : *Mới với me*,
Thấy ai mặc rách, chẳng ai nghe.
Khăn là bác nọ to *tày rế*,
Váy lĩnh cô kia quét sạch hè.
*Công-đức tu-hành sư có lọng*,
*Xu hào đủng-đỉnh mán ngồi xe*.
*Chẳng phong-lưu cũng ba ngày Tết*,
*Kiết cú như ai* cũng rượu chè.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép**. — Câu 6. Xu hào *rủng-rỉnh*.

**Chữ và câu**. — *Mới với me* = mới me, tiếng *me* đi theo sau tiếng *mới* cho có đôi, chớ không có nghĩa riêng gì cả. Ta thường hay nói : *năm mới năm me*, cũng chỉ là năm mới mà thôi. — *Tày rế* = bằng cái rế bắc nồi, bắc chảo. — *Công-đức tu-hành sư có lọng* = *nhà sư* là người đã tu-hành xuất thế, không còn thiết gì sự đời nữa ; *lọng võng* là cái dấu-hiệu của người có quyền chức đang thiết đến việc đời lắm, thế mà Tết đến, sư đi lọng, thì cái công-đức tu-hành của nhà sư cũng đáng bật cười. Người ta nói lúc bấy giờ, ở Nam-định, có ông sư đỗ Hòa-thượng hay dùng võng lọng nghênh-ngang cũng như các bà đồng đỗ Đồng-quan cũng dùng võng lọng vậy. — *Xu hào đủng-đỉnh mán ngồi xe* = ta cho người Mán, ở đất rừng núi, cả đời chỉ đi chân, trèo non lặn suối mà thôi, thế mà Tết đến, cũng biết thắng bộ vắt-vẻo ngồi trên xe, chỉ vì trong túi có lắm xu. Người ta cũng nói bấy giờ tại Nam-định có một

chú Mán thật là vô lo, vô lự, quân-tử lắm. Ông Tú Xương có làm một bài hát ả-đầu về chú Mán ấy, thật hay, sau này sẽ xin ghi chép. — *Chẳng phòng-lưu cũng ba ngày Tết* = câu này ý nói chẳng cứ giàu sang gì, ba ngày Tết ai nấy cũng lấy làm vui-thú, sung-sướng, ăn mặc sung túc lắm. Tục-ngữ có câu : *« Đói cho chết, ba ngày Tết cũng no »*. — *Kiết cú như ai* = *kiết cú* : nghèo túng, không có tiền dính tay ; *như ai* đây tác-giả ám chỉ chính tác-giả tuy kiết thật, nhưng cũng rượu chè thỏa thích.

**Ý và văn.** — Bài này cũng của một tác-giả và tác-giả cũng nói về *Năm Mới* tức là Xuân Mới như bài trên. Mà cứ kể đem so với bài trên, thì bài này có phần nghĩa không được rộng, văn cũng không được thanh cho bằng. Toàn thể bài chỉ như phu-diễn thêm cái ý ngụ trong hai câu luận bài trên, nói về cách ăn mặc, chơi bời phóng-túng trong mấy ngày Tết thôi. Chủ ý chỉ cốt có một điều : *« Đói cho chết, ba ngày Tết cũng no »*. *Kiết* đến như tác-giả, Tết đến, cũng còn *rượu chè* ; tu đến như Sư, Tết đến, cũng còn *che lọng* ; ngốc đến như *Mán*, Tết đến cũng còn *ngồi xe* ; huống chi là ai dù đói mà chẳng phải no, ai dù rách mà chẳng phải lành ? — Được hai câu thực, dùng những chữ : *khăn, váy, to tày, quét sạch* nghe ra lẳng-lơ mạnh-mẽ lắm. Còn hai câu luận dẫn đến cái điển Sư với Mán là cái điển tuy riêng cho một chốn quê tác-giả, là tỉnh Nam-định, bấy giờ Tết đến, có ông sư che lọng, có chú Mán ngồi xe thật, nhưng cứ kể coi là chung cho cả nước cũng được. Sư đâu, Mán đâu mà không biết ăn Tết, không coi ngày Tết là ngày được phóng-túng thỏa-thích hơn những ngày khác trong một năm ? Nên bài thơ này cũng là có vị, nhưng một cái vị

chua chát nước đời, coi đời hình như không còn biết đạo-đức cần-kiệm là gì, chỉ đua nhau ăn chơi xa-xỉ mà thôi. Trong bài kể tục thì có tiếng *váy* ở câu thứ hai và tiếng ***kiết cú*** ở câu cuối. Xét kỹ lại còn những chữ như *to* đối với *quét*, *tày* đối với ***sạch*** (câu 3 và 4) *tu-hành* đối với *đủng-đỉnh*, ***có*** đối với *ngồi* (câu 5 và 6) không được chỉnh cho lắm.

---

## 46. — Chúc Tết

### *I*

*Lẳng-lặng* mà nghe nó chúc nhau,
Chúc nhau : trăm tuổi bạc đầu, râu.
Phen này ông quyết đi buôn cối,
Thiên-hạ bao nhiêu đứa giã giầu.

### *II*

Lẳng-lặng mà nghe nó chúc giàu :
Trăm, nghìn, vạn, *mớ* để vào đâu ?
Phen này ắt bẵn *gà ăn bạc*,
Đồng rụng, đồng rơi *lọ* phải cầu.

### *III*

Lẳng-lặng mà nghe nó chúc sang :
Đứa thì mua *tước*, đứa mua quan.
Phen này ông quyết đi buôn lọng,
Vừa bán, vừa *la*, cũng đắt hàng.

*IV*

Lẳng-lặng mà nghe nó chúc con :
Sinh năm, đẻ bảy được vuông tròn.
Phố phường chật hẹp người đông đúc,
Bồng bế nhau lên nó ở non.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Lẳng-lặng* = ý nói định chỉ, lắng tai lại để mà nghe cho rõ. — *Mớ* = nói một số nhiều lắm, không đếm rõ là bao nhiêu. — *Gà ăn bạc* = ý nói tiền nhiều quá như bỏ rơi vãi cho gà ăn không hết. — *Lọ* = cần gì mà phải. Hay thường đi : *lọ là*. — *Tước* = ngôi tước, ta có năm tước là : công, hầu bá, tử, nam. — *La* = kêu to, đây có ý nói như vừa mắng, vừa gắt, mà họ cũng cứ lăn vào mua cho được.

**Ý và văn.** — Đây là bốn bài về sự chúc cho sống lâu, cho giàu có, cho sang trọng, cho lắm con, nghĩa là bốn điều chúc *thọ*, chúc *phú*, *quí*, *đa-nam*, xưa nay ai cũng từng ước cho mình, lại từng cầu cho cả người nữa. Nhân-tình thế-thái dễ đâu cũng thế. Tự-nhiên, thông thường lắm. Nhưng thử hỏi, những điều cầu nguyện, chúc tụng như thế chỉ là hư-ngôn hay là sự thực, chỉ là một câu khẩu đầu hay có thể thành-tựu được. Ta thiết tưởng, không nói gì tất cả bao nhiêu nhời chúc tụng, chỉ lấy một phần trăm, hay một phần nghìn những người ấy, trồng chất lên tự bao nhiêu năm đến giờ, mà thành-tựu được, thì những người ở đất nước này há lại còn cứ chịu như thế này mãi ru ! Hay cái tình-cảnh nó xoay đi đến thế nào rồi. Bài của ông Tú đây chính nói

về một cái cách xoay ấy, nhưng là xoay về bên dở, chứ không phải xoay về bên hay vậy.

Chúc cho nhau sống lâu, mà đến nỗi phải cối chày giã giầu mới bỏm-bẻm được, thì sống lâu mà làm gì hay để ăn hại, để cho nó thêm phiền ? — Chúc cho nhau giàu có, mà đến nỗi tiền của ứa ra, không ai nhặt, thì giàu có mà làm gì, thiên-hạ không ai nghèo, ai cũng như ai, thì cái đồng tiền mất hết giá rồi ! — Chúc cho nhau sang trọng, mà đến nỗi phải đua nhau đem « bà lão », đem « voi » đi mua chút công-danh, để cho thiên-hạ họ chửi réo lên, cũng trơ-trơ cái mặt dầy mày dạn, thì phỏng cái sang trọng có còn ra gì nữa không ? — Chúc cho nhau nhiều con, mà đến nỗi, con rồi không biết nó ở vào đâu, vì phố chật người đông, phải dắt díu bồng bế nhau lên ở trên núi, trên non thì con nhiều mà làm gì, hay chỉ còn là một lũ tam-hòe, đông-sơn cả mà thôi ?

Ôi ! cái giọng ông Tú sao mà cay đời, khinh đời quá lắm vậy ! Cứ mỗi lúc, ông cất lên bảo phải *lẳng lặng mà nghe*, ai nấy chẳng phải rỏng tai, chú ý để nghe ông. Bấy giờ ông mới lên đàn diễn-thuyết, *ông* cho *nó* nghe những câu thực là mặn hơn mắm, chua hơn chanh, cay hơn ớt, đắng hơn bồ-hòn, không rõ kẻ giàu, người sang, kẻ sống lâu, người lắm con, nó nghe ông rồi, nó có chuyển động trong lòng chút nào chăng, hay nó chỉ oán ông là người khinh thế ngạo vật. Nhưng dù nó có ghét cái khẩu-khí của ông, nó cũng phải phục cái tài văn-chương của ông, cho ông la chửi nó thế nào, nó cũng phải bấm bụng mà chịu cái thú thơ văn của ông : Thơ văn của ông hay thật. Ông không dùng một chữ Nho nào cả, ông chỉ thuần đưa những câu của nước nhà. Ông không dẫn cái điển nào của người cả, ông chỉ *buôn cối*, *buôn lọng*, thế mà bao nhiêu đứa nó khốn khổ vì ông.

## 47. — Đánh đu

*Tám cột* khen ai khéo khéo giồng,
Người thì lên đánh kẻ ngồi trông :
*Giai du gối hạc khom-khom cật,*
Gái uốn *lưng ong* ngửa-ngửa lòng.
*Bốn mảnh quần hồng* bay phấp-phới,
*Hai hàng chân ngọc* duỗi song-song.
*Chơi xuân đã biết xuân chăng tá ?*
Cọc nhổ đi rồi, lỗ bỏ không.

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Tám cột* = cái đu thường làm bằng tám cây tre, trên buộc túm với nhau, dưới chia ra bốn ngả, mỗi ngả hai cây. — *Giai du gối hạc khom-khom cật* = *gối hạc* : gối con hạc, hạc là giống chim dài chân ; *cật* : lưng ; câu này ý nói bên giai khi ấn cái đu xuống, hai đầu gối phải khuỳnh ra mà lưng thì cong xuống. — *Gái uốn lưng ong, ngửa-ngửa lòng* = *lưng ong* : lưng con ong, dưới chỗ ngực thắt lại, phần dưới phình ra, ta cho đàn bà thắt đáy lưng ong là tốt đẹp lắm, có câu ca rằng : *Những người thắt đáy lưng ong ; Vừa khéo chiều chồng lại khéo nuôi con.* Câu : *Gái uốn lưng ong ngửa-ngửa lòng*, ý nói lúc bên con giai dún cái đu đi, thì bên gái lưng uốn cong lại mà bụng ngửa ra. — *Bốn mảnh quần hồng* = *quần hồng* : quần đỏ ; — hai người thành trông thấy bốn ống quần. — *Hai hàng chân ngọc* = *chân ngọc* : chân trắng đẹp như ngọc ; hai chân bên này, hai chân bên kia xếp thành hai dẫy. — *Chơi xuân đã biết xuân chăng tá* = chơi xuân vui như thế, thì đã biết xuân là gì chưa. Trước nhiều làng có cái

tục cứ độ ba mươi Tết, thì giồng những cây đu ở đầu đình, bên chợ để cho giai gái đôi bên đến đánh đu với nhau gọi là chơi xuân.

**Ý và văn**. — Câu đầu mở tả cái đu. Câu thứ hai nói người lên đánh đu, người ngồi xem đu. — Đánh đu trông thấy giai, gái thế nào, quần hồng, chân ngọc làm sao ? Xem hai câu thực, hai câu luận thì đủ rõ. — Người ta đánh đu mà làm gì ? Mà chơi xuân, xuân hết rồi, thì đu cũng nhổ bỏ.

Cách bố cục, khai, thừa, chuyển hợp như thế, thật là phân-minh, có trật-tự, không ai có thể bảo đặt khác, mà hay hơn được nữa. Lại những chữ dùng *lưng ong* mà đối với *gối hạc*, *quần hồng* mà đối với *chân ngọc* vừa chỉnh lại vừa thanh nhã, hoặc những chữ *khom-khom* đối với *ngửa-ngửa*, *phấp-phới* đối với *song-song*, *lên đánh*, *ngồi trông*, *nhổ đi*, *bỏ không* ai chẳng bảo là thường tục mà thực đố ai hạ bút khiến cho được có vị như thế nữa. Nên bài thơ này thực là một bài thơ có giá vậy.

---

## 48. — Nóng mùa hè

Ai xui con *cuốc gọi vào hè*,
Cái nóng nung người nóng nóng ghê.
Ngõ trước, vườn sau, *um* những cỏ,
*Vàng phai*, *thắm nhạt*, *ngán cho huê*.
Đầu cành, *kiếm* bạn *oanh* xao-xác,
Trong tối, đua bay *đóm* lập-lòe.
May được *nồm nam* cơn gió thổi,
Đàn ta, ta gẩy *khúc Nam* nghe.

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Cuốc gọi vào hè* = câu tục-ngữ ta cho con cuốc bắt đầu kêu là bắt đầu vào hè. Nhà chùa có tiếng *vào hè, ra hè* để chỉ khóa lễ hạ. (Xem bài *Con cuốc* số 9). — *Um* = mọc nhiều chen chít lại với nhau. — *Vàng phai, thắm nhạt, ngán cho huê* = thấy màu hoa — ghép vần là huê — vàng thắm phai nhạt cả mà lấy làm chán, làm buồn cho hoa. — *Kiếm* = cũng như tìm. — *Oanh* = hay gọi đủ là hoàng-anh, tiếng nôm là vàng anh, loài chim nhỏ, mình vàng, mỏ đỏ, chân đen, tiếng hót véo-von về mùa xuân, mùa thu, con đực, con cái hay đi đôi với nhau và ăn sâu bọ, có ích cho nhà làm ruộng. — *Đóm* = con đom-đóm. — *Nồm Nam* = gió *nồm* cũng là gió Nam, tiếng *nồm* có khi bởi chữ *Nam* ra, sau dùng tiếng *nồm* quen, thành chỉ chung một thứ gió, cho nên nói cả *nồm* lẫn *nam* mà chỉ riêng một thứ gió Nam. *Gió nồm là gió nồm nam*; *Trách người quân-tử ăn tham không chào. Gió nồm là gió nồm nôm*; *Trách người quân-tử có mồm không ăn* (ca-dao). Cũng có người phân gió *nồm* là gió *đông-nam*, gió nồm-nam là gió đông-nam-nam. — *Khúc Nam* = khúc hát Nam-huân (Xem bài *Trách hè* ở dưới).

**Ý và văn.** — Câu phá đề mở thế là nói mùa hè đâu đã đến. — Câu nhập đề hạ luôn ba chữ nóng thế, là bốc cái khí-tiết mùa hè lên. Hai câu thực nói cỏ hoa, hai câu luận nói oanh, đóm, thế là tả cái khí-tiết mùa hè đối với loài cây, loài vật thế nào. — Hai câu kết mới nói đến người, trong khi những cơn nóng nực quá như thế mà gặp được cơn gió mát thổi, thì chẳng lấy làm khoái, chẳng nên đem đàn ra mà gẩy cho nó vui thú ru?

Trong một bài nói mùa hè, mà trước nói khí-tiết, sau nói đủ cả cây cối, loài vật, người ta khi gặp

cái khí-tiết nung nấu ấy như thế nào, thì thực là nói được đủ nhời tinh mật vậy. Hai câu kết dẫn hai chữ *Nồm Nam*, rồi đưa xuống nói *khúc Nam*, có một cái thi-vị riêng, khác nào như đang cơn nòng nực quá lắm, mà được ngay một luồng gió mát thổi tới làm cho tan mất cả cái khí nóng bao bọc ở mấy câu trên đi ư?

---

## 49. — Trách hè

Cũng thì *đất chở*, cũng *giời che*,
Nồng nã làm chi thế hỡi hè!
*Khắc-khoải* đã đau lòng *cái cuốc*,
*Băn-khoăn* thêm tức *cật con ve*.
*Người ngồi chướng gấm* mồ-hôi *chã*,
*Kẻ hái rau tần* nước bọt *se*.
Nào khúc *Nam-huân* ai biếng gẩy,
Chẳng thương *bồ-liễu* phận *le-te*.

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Đất chở, giời che* = dịch ở chữ *địa-tái* và chữ *thiên phú* ra, trên đầu thì có giời che, dưới chân thì có đất chở, nói ngược lại : đầu đội giời, chân đạp đất. Cả câu : *Cũng thì đất chở, cũng giời che*, nghĩa là cũng giời ấy đất ấy, hay quả địa-cầu ấy. — *Nồng nã* = nóng lắm, như nung nấu, như thiêu đốt. — *Khắc-khoải*, (xem bài *Con cuốc*, số 9) — *Cuốc* = tức là *con* cuốc (cũng xem bài *Con cuốc*) — *Băn-khoăn* = rạo-rực trong lòng không yên. — *Cật con ve*

= *cật*: lưng; *ve*: ve sầu hay ve ve; tiếng ve sầu không phải ở mồm kêu ra, nên nói *ve kêu* không đúng. Vốn là giống ve đực, ở chỗ bụng giáp lưng, có cái mạng liên tiếp với gân thịt, khi co lại thì nó sát mạnh vào mà thành ra tiếng kêu to. — *Người ngồi chướng gấm* = nói người giàu sang nhàn hạ; *chướng gấm* tức là cái màn che bằng gấm. — *Chã* = chảy giỏ giọt, đầm-đìa; châu rơi lã *chã*. — *Kẻ hái rau tần* = nói người nghèo hèn phải làm ăn vất-vả, *rau tần* là thứ rau cuộng nhỏ và dài, bốn lá mọc chụm làm một và giồng ở chỗ nước nông. — *Se* = khô ráo, cá *se* gặp nước. — *Khúc Nam-huân* = khúc hát gió Nam, xưa vua Thuấn làm cái đàn cầm năm dây để hát khúc gió Nam có câu rằng: *Nam phong chi huân hề; Khả dĩ giải ngô dân chi uất hề!* nghĩa là: gió Nam (hay đông-nam) thổi mát-mẻ thay! Khá làm cho dân ta đỡ được cơn giận thay! Hai câu có ngụ cái ý nói vua dân được hòa bình vui-vẻ. — *Bồ-liễu* = tức là một loài cây liễu hay dương-liễu gọi là thủy-dương. Trong các giống cây thì cây bồ-liễu chóng rụng lá hơn hết cả, nên các nhà văn-sĩ hay mượn cái ý ấy mà ví với người thể-chất suy-nhược, và chỉ riêng người đàn bà vốn yếu đuối không được như người đàn ông; *liễu* yếu đào thơ. Xưa ngươi Cố-Duyệt và ngươi Giản-Văn cùng một tuổi với nhau mà Cố-Duyệt chóng bạc đầu quá, Giản-Văn hỏi thì Cố-Duyệt đáp rằng: **Bồ-liễu** *chi tư, vọng thu nhi lạc*; *Tùng bách chi chất, kinh sương do mậu*. Nghĩa là: cái tạng cây bồ-liễu, trông mùa thu mà rụng; cái chất cây tùng, cây bách, trải sương (qua mùa đông) rồi mà còn tốt tươi. — *Le-te* = hèn yếu.

**Ý và văn.** — Bài này cũng là thơ về mùa hè như

bài trên. Nhưng đem sóng với bài trên, thì dễ chỉ có nhắc đến con cuốc, và dùng hai chữ *Nam huân* là trùng ý mà thôi. Còn nói con ve, nói người giàu, người nghèo, nhân vật đã khác, mà cái cơ cốt, cái tình tứ lại càng khác hẳn. Ta cứ xem những chữ hạ như *nồng-nã*, *khắc-khoải*, *băn-khoăn*, *mồ-hôi chã*, *nước bọt se*, thực ta thấy cái giọng thở than thống-thiết hơn bài trên nhiều. Cả bài trên chỉ có một chữ *ghê* câu thứ hai là mạnh thôi, chớ bài này, chẳng nói gì biết bao nhiêu chữ, mà cả toàn thể bài thật quả hình như có một cái bụng thâm oán mùa hè là cái mùa cay nghiệt nung nấu con người ta đến nẫu ra vậy. Bởi có cái giọng oán trách ấy, mà nhất là bởi câu cuối dùng hai chữ « *bỏ-liễu* » mà có người cho rằng bài này có nhẽ là một bài của người đàn bà nào có việc gì oán hận trong lòng, như cái oán hận người vợ lẽ đối với người vợ cả ác-nghiệt, mà phải ngụ-ý mượn mùa hè để bày tỏ cái tình-tình u-uất ở bên trong ra vậy. Ta không rõ có thực thế hay không. Ta chỉ biết bài này có phần cổ hơn bài trên và mạnh hơn bài trên. Thơ cổ cũng có một bài *Trách đòng* làm theo cái điệu này, nhưng ta không đem vào sách, là vì có lắm câu tối nghĩa và không có thi-vị gì cho mấy.

---

## 50. — Đêm mùa hạ

Tháng tư *đầu mùa hạ*,
*Tiết giời* thực *oi ả*!
Tiếng dế kêu *thiết-tha*,
Đàn muỗi bay *lả-tả*.

*Nỗi ấy biết cùng ai ?*
Cảnh này buồn cả *dạ* !
*Biếng nhắp năm canh chày,*
*Gà đà sớm giục-giã.*

NGUYỄN-KHUYẾN

**Chữ và câu.** — *Đầu mùa hạ* = ta cho mùa hạ có ba tháng, tháng tư, tháng năm và tháng sáu, vậy tháng tư là đầu mùa hạ, là tháng vào hè. — *Tiết giời* = tức là thời-tiết, *lập-hạ* là một tiết trong bát tiết của một năm. — Bây giờ thường nói là *khí-hậu* hay cho đúng nữa là *ôn-độ*. — *Oi ả* = nói giời nòng nực quá làm cho trong thân-thể như bực tức lên vậy. Ta hay nói *giời oi*. — *Thiết-tha* = cắt cứa, mài giũa, tiếng dế kêu nghe như đau đớn lắm. — *Lả-tả* = mỗi con rời một nơi không họp nhau cả vào một chỗ. — *Nỗi ấy biết cùng ai* = cái sự khó chịu như thế biết nói, biết chia với ai được. — *Dạ* = tức là bụng, bụng dạ. — *Nhắp* = nhắm mắt ngủ được. — *Chày* = chậm trễ khuya. Hai câu kết ý nói : suốt đêm dằn-dọc chưa nhắm mắt ngủ được, thì đã nghe thấy tiếng gà gáy buổi sáng thúc dậy rồi.

**Ý và văn.** — Hai bài trên là nói bao rộng cả mùa hạ. Bài này là chỉ nói riêng một cái đêm nào trong mùa hạ. Cái đêm ấy nhằm vào tháng tư là tháng *đầu hè, tiết giời oi ả suốt đêm đã không ngủ được*, lại nghe thấy tiếng *dế* kêu, trông thấy đàn *muỗi* bay, thật là bực cả mình, mà sinh ra ngâm vịnh thành thơ. Cái chủ-ý tuy hẹp, nhưng nói dế kêu,

muỗi bay, nói đêm ngắn (hai câu cuối) thế cũng là tỏ rõ được mấy cái đặc-tính của mùa hè.

Bài làm luật trắc, đọc không thấy giòn. Nhưng làm luật trắc, mà nhởi nhẽ xuôi và tự nhiên như văn xuôi, như nói thường, lại có cái thi-vị ở trong, phi người tài thơ không làm nổi. Khác nào như phi người giỏi chầu, là không thể *hạ mã* hay *lạc nhạn* cho người ta nghe lọt.

---

## 51. — Cái quạt giấy

*I*

*Mười bảy* hay là *mười tám đây ?*
Cho ta yêu dấu chẳng rời tay.
Mỏng dầy, chừng ấy *chành ba góc,*
Rộng, hẹp dường nào *cắm một cay.*
Càng nóng bao nhiêu, thời càng mát,
*Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày.*
*Hồng hồng má phấn duyên vì cậy,*
Chúa dấu vua yêu một cái này.

Hồ-xuân-Hương

**Chữ và câu.** — *Mười bảy, mười tám* = tức là mười bảy, mười tám nan. — *Chành ba góc* = nói cái quạt lúc mở, lúc xòe ra. — *Cắm một cay* = sợi đồng sỏ

vào cho dưới quạt cho nan liền với nhau, hai bên có hai cái nhài. — *Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày* = quạt ban đêm chưa chán lại quạt cả ban ngày. *Hồng hồng má phấn duyên vì cậy* = cậy phất vào giấy quạt, thành có cái sắc đỏ như má hồng, như một người con gái có duyên làm siêu lòng được người ta.

**Ý và văn.** — Câu 1 nói *nan* quạt. Câu 3 nói *hình* quạt. Câu 4 nói *suốt* quạt. Câu 7 nói *giấy phất* quạt. Câu 5 và 6 nói quạt dùng làm gì. Câu 2 và câu 8 nói *ai cũng yêu* quạt. — Cách bố-cục bài này tưởng không có thứ-tự phân-minh lắm : phần tả-chân với phần ý-tưởng xốn-xáo lẫn lộn với nhau. — Lại phải câu 2 đã nói *yêu dấu chẳng rời tay*, câu 6 lại nhắc *yêu đêm lại yêu ngày*, câu 8 còn nói *chúa dấu, vua yêu* nữa. Đã hay rằng cái ý « yêu » đây là cái ý cốt, nhưng trong một bài, nhắc đến ba lần *yêu*, dùng đến 4 chữ *yêu*, thiết tưởng cũng là khi quá, cứ yêu quanh, yêu quẩn mãi, mà nét bút thành ra trùng-điệp. — Còn câu 5 hạ ba chữ « *thời càng mát* » có khi thất niêm, không biết chính nguyên-bản thế nào, chẳng nhẽ họ Hồ là thi-tiên lại để đến nỗi phạm vào luật-cách như thế ru ? Dù thế nào, bài thơ này cũng là một bài có giá. Nhất được câu 6 và câu 7 :

« *Yêu đêm chưa phỉ lại yêu ngày.* »
« *Hồng hồng má phấn, duyên vì cậy.* »

thực là có thi-vị nên ngâm lắm. Tuy vậy, so bài này với bài dưới cũng nói về *cái quạt*, cũng của một tác-giả, thì bài dưới kể hay hơn nhiều.

## 52. — Cái quạt giấy

*II*

*Một lỗ xâu xâu mấy cũng vừa,*
*Duyên em dính dán tự ngày xưa.*
*Vành ra ba góc, da còn méo,*
*Khép lại đôi bên, thịt vẫn thừa.*
*Mát mặt anh-hùng, khi tắt gió,*
*Che đầu quân-tử lúc sa mưa.*
Nưng-niu ướm hỏi *người trong chướng:*
*Phì-phạch, trong lòng đã chán chưa?*

Hồ-xuân-Hương

**Chữ và câu.** — *Một lỗ xâu xân mấy cũng vừa* = câu này ý nói cái suốt hay là cay quạt xâu bao nhiêu nan quạt cũng là được cả. — *Duyên em dính dán tự ngày xưa* = câu này ý nói giấy phất cậy dán dính vào nan quạt, nan quạt với giấy cậy đã hình như có duyên kết hợp với nhau tự ngày xưa, kiếp trước. — *Vành ra ba góc, da còn méo* = cái quạt tuy mở rộng rõ ràng hẳn ra ba góc, mà cái mặt quạt tức là tờ giấy phất cũng không phẳng, vì có xương quạt làm cho thành chỗ lồi lên, chỗ lõm xuống. — *Khép lại đôi bên, thịt vẫn thừa.* = cái quạt lúc chập lại, giấy nó thè-lè ra ngoài, trông như là thừa vậy. — *Mát mặt anh-hùng khi tắt gió* = lúc không có gió người ta cầm quạt quạt được mát mặt. —

*Che đầu quân-tử lúc sa mưa* = những khi mưa nhỏ, người ta có thể dùng quạt mà che đầu được. — *Người trong chướng* = người nằm trong màn. — *Phì-phạch trong lòng đã chán chưa* = *phì-phạch* : tiếng quạt lúc quạt nghe ra như thế, câu này ý nói mùa hè nóng nực, quạt mát như thế, thì có được thỏa lòng không.

**Ý và văn.** — Bài này kể so với bài trên, thì hay hơn nhiều thật. Mà hay nhất là hai câu :

*« Mát mặt anh-hùng khi tắt gió,*
*« Che đầu quân-tử lúc sa mưa. »*

Chỉ hai câu ấy cũng đủ tả được cái quạt, cũng có thể như ra câu đố cái quạt được. Cách giàn bài lại có trật-tự lắm. Thoạt tiên nói *suốt quạt, nan quạt* (câu 1), nói giấy phất vào quạt (câu 2). Rồi nói đến hình cái quạt lúc mở thế nào (câu 3), lúc khép thế nào (câu 4). Kế tiếp nói công dụng của cái quạt (câu 5 và câu 6). Cuối cùng mới hỏi người quạt quạt được mát như thế, đã lấy làm phỉ chưa (câu 7 và câu 8). Hai câu kết này thật lẳng. cũng như hai câu luận thật nghiêm, hai câu thực quả đúng, hai câu phá đề, nhập đề quả tinh vậy.

Gác cái ý ngoại ra, khi đọc bài thơ này, chẳng như thấy một cô con gái thỏ-thẻ xưng với ta là *em*, có túc-trái *tiền-duyên* với ta, lại là một người vừa *phúc-hậu*, vừa *mỹ-miều* vuốt-ve ta, làm cho *mặt* ta được *mát*, *đầu* ta được *yên* hay sao ? Đối với một người yểu-điệu thục-nữ giúp việc cho ta như thế, thì há ta lại không phải nưng-niu qui báu yêu đêm lại yêu ngày được chăng ?

## 53. — Mong mưa

Ngày nay *đá nát* với *vàng phai*,
Thiên-hạ mong mưa *đứng lại ngồi*.
Ngày trước biết gì ? ăn với ngủ,
Bây giờ lo cả nước cùng nôi.
Trâu mừng ruộng nẻ cày không được,
Cá sợ ao khô vượt cả rồi.
Tình cảnh nhà ai *nông-nỗi* ấy,
*Quạt mo* phe-phẩy một mình tôi.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Đá nát, vàng phai* = đá nát vỡ ra, vàng mất màu sắc. Tàu cũng có chữ : *Lưu kim, thước thạch* là làm cho vàng phải chảy ra nước, đá phải nứt nẻ vỡ cả. — *Đứng lại ngồi* = người ta hay nói *lo đứng, lo ngồi*, lúc đứng lúc ngồi cũng lo, lo đang đứng muốn cho người ngồi xuống, nhưng nóng ruột quá, ngồi không yên, lại phải đứng vậy. — *Nông nỗi* = ý nói các công chuyện, cái việc nó sẩy ra như thế. — *Quạt mo* = quạt làm bằng mo cau, bẹ cau già.

**Ý và văn.** — Thủy-lạo là một cái đại thiên-tai. Đại-hạn tuy chỉ là tiểu thiên-tai, nhưng cũng là một thiên-tai vậy. Cái thiên-tai ấy là cái thiên-tai *không có nước* làm cho *ruộng nẻ, ao khô*, làm cho *đá nát, vàng phai*. Khiến thiên-hạ phải *mong mưa* hết mong *đứng lại* mong ngồi, mong sao cho nước nôi lại có đủ như trước lúc sẩy thiên-tai. Ôi ! dân-gian ngày trước thái-bình lắm, chỉ có biết

*ăn* no, *ngủ* kỹ mà thôi ! Chớ dân-gian ngày nay, lo sao cho chóng qua khỏi cái nông-nỗi khốn-đốn, vì khó-khăn không có nước dùng. Cái *nông-nỗi*, cái *tình-cảnh* ấy ai mà chẳng lấy làm lo, chẳng lấy làm khổ ? Tác-giả tất-nhiên cũng ở trong một cái nông-nỗi, cái tình-cảnh như thế. Song hoặc tác-giả biết cái thế không làm gì nổi, mà tác-giả bỏ mặc cả thiên-hạ, chỉ biết một mình mình thảnh-thơi phe-phẩy cầm cái *quạt mo*, muốn bắt chước như Gia-Cát lúc còn ở thảo-lư chăng ? Tiên-cốt lắm ! Văn-chương lắm ! Một cái văn-chương thật có ý-nhị. Tác-giả chỉ hạ mấy chữ : *ngày nay*, *ngày trước*, *bây giờ*, *đá nát*, *vàng phai*, *ăn với ngủ*, cũng đã như làm cho hiển hiện lên trước mặt ta, hai cái cảnh-tượng khác nhau hẳn. Một cái cảnh-tượng trước hình như con người chỉ biết, mặt giời mọc lên thì làm, mặt giời lặn xuống thì nghỉ, cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, an-nhàn lắm. Còn cái cảnh-tượng bây giờ, là cái cảnh-tượng đến cứng như đá còn phải nát, bền như vàng còn phải phai, huống chi là con người có trí-khôn, có lý-tính, há lại chẳng biết lo trăm đường, nghìn nỗi, mong đứng mong ngồi hay sao. Ở một cái đời, mà đến trâu là một con vật chăm làm nhất, thấy ruộng nẻ không cày được mà mừng ; cá là con vật sống vì nước, sợ ao khô không ở được mà vượt đi, thì người còn có ra sao nữa, còn yên vui làm sao được.

Ý nghĩa bài đã ngụ sâu xa như thế, chương cú bài lại đặt rắn giỏi lắm. Tuy cả bài vẫn có cái giọng nhẹ-nhàng hời-hợt thường quen của ông Tú, nhưng có nhẽ vì cái ý nó tinh-mật, mà cái thiên chương nó cũng đứng-đắn ra. Cả bài đắc thế nhất là hai câu luận, và hoạt-động nhất là câu thứ ba.

---

## 54. — Mưa ngâu

Sang tuần tháng bảy, *tiết mưa ngâu*,
Nắng mãi thì mưa hẳn phải lâu.
Vẹt nọ *cầm canh* thay trống mõ,
Rồng kia phun nước xuống *hoa mầu*.
*Ỳ-èo* trẻ học *nghe không thấy*,
Êm-ái nhà ai ngủ hẳn lâu.
Ông lão nhà quê *tang-tảng dậy*,
Bảo con đem *đó* chớ đem *gầu*.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Tiết mưa ngâu* = tiết giời lắm mưa vào cữ tháng bảy. Ta gọi *mưa Ngâu* là bởi chữ *Ngưu* ra mà chữ ngưu là do cái điển *Ngưu-lang Chức-nữ*. *Ngưu-lang*, hay *Khiên-ngưu* và *Chức-nữ* là tên hai ngôi sao. Tục truyền : ở bên Đông sông Thiên-hà, (sông ở trên giời) có Chức-nữ là con gái đấng Thiên-đế (Vua trên giời), ngày ngày dệt cửi vất-vả, dệt thành gấm để làm áo cho Giời. Thiên-đế thấy Chức-nữ ở hiu-quạnh một mình, lấy làm thương, bèn đem gả cho *Khiên-ngưu-lang*, tức là một gã chăn trâu (*khiên* : dắt ; *ngưu* : trâu ; *lang* : gã, kẻ). Từ khi Chức-nữ lấy được chồng, sinh ra lười biếng, không hề nhìn đến cung cửi nữa. Thiên-đế thấy vậy, giận dữ, lại bắt ngay về chỗ cũ, là bên Đông sông Thiên-hà, và mỗi năm chỉ cho Chức-nữ gặp Ngưu-lang có một bận vào tối hôm mồng bảy tháng bảy mà thôi. Nên ở bên Tàu có cái tục cứ đêm hôm ấy đàn bà con gái đua nhau làm cỗ bàn cúng vái gọi là *Khất-sảo* nghĩa là *xin khéo*, và thi nhau xỏ một cái kim bảy lỗ. — Còn

ta, thì thấy tháng bảy mưa nhiều, cứ truyền tụng là vợ chồng Ngâu sụt-sùi khóc-lóc ; có câu rằng : « *Vào mồng ba, ra mồng bảy. rãy mồng tám* » ; sau lại thêm cả những mười ba, mười bảy, mười tám ; hăm ba, hăm bảy, hăm tám, để giải cái nghĩa sao tháng bảy có khi mưa luôn, không mấy ngày ngớt. Ta lại còn dùng chữ : *Vợ chồng Ngâu* để chỉ đôi vợ chồng không mấy khi được gặp nhau. — *Cầm canh* = người ta hay cầm canh ban đêm bằng trống hay bằng mõ ; nhưng đến tháng bảy là tháng vẹt kêu nhiều, nên tác-giả mới cho tiếng vẹt kêu đêm cũng đủ gọi là cầm canh được rồi không cần phải khua trống, khua mõ làm gì nữa. — *Hoa mầu* = những cây cối giồng trong vườn hay ngoài đồng, không kể thóc gạo ngô khoai. — *Ỳ-èo* = tiếng nghe ra như thế, làm bận rộn bên tai. *Nghe không thấy* = ý nói tiếng mưa làm lấp mất tiếng trẻ học. — *Tang-tảng dậy* = dậy sớm lắm, lúc mới tang-tảng sáng. — *Đó, gầu* = *đó* : đồ dùng để đánh cá ; *gầu* : đồ dùng để tát nước ; cả câu cuối ý nói tháng bảy nắng to, nhà làm ruộng đáng nhẽ đem gầu đi tát nước vào ruộng cạn khô, nhưng vì giời cứ mưa luôn mãi, nước xuống nhiều, chẳng những không phải dùng gầu tát nước vào ruộng mà lại đem đó đi để đánh cá trong ruộng nữa.

**Ý và văn.** — Bài này tả cái cảnh trái hẳn với bài trước, là cái cảnh *mưa ngâu* về *tháng bảy* (câu 1), mưa lâu ngày quá, như để cho bõ cái lúc nắng lâu trước (câu 2), mưa rả-rích suốt đêm (câu 3), mưa cứ tuôn mãi nước xuống (câu 4), mưa làm cho lấp cả tiếng đứa trẻ chăm học (câu 5), làm cho yên được giấc kẻ lười ngủ trưa (câu 6), làm cho ruộng hóa ra ao cá, người nhà quê tham công, tiếc của, đang làm anh cày ruộng, hóa ra bác đi câu (câu 7 và 8).

Tả cái cảnh mưa ngâu đến như hai câu cuối bài thật là có vẻ, có tài, thần bút lắm. Cả toàn thể bài cũng là lưu-loát, hai câu thực, hai câu luận, dù không có thi-vị mấy, nhưng đối nhau thực chỉnh, hoặc chỉ phải chữ *học* câu 5 đối với chữ *ai* câu 6 hình như chưa cân lắm. Cả cái vần *lâu* câu 6 nhắc lại cái vần *lâu* câu 2 cũng có thể coi là trùng vận đáng kỵ trong nghề làm thơ.

Nhân bài « *Mưa Ngâu* » này, và cải tích sao Ngâu đã giải ở trên, chúng tôi dẫn thêm cả bài « *Ca vợ chồng Ngâu* », cũng của tác-giả vào đây, để độc-giả nếm qua cái lối văn *song-thất lục-bát* của ông Tú ; ông chẳng những giỏi riêng về một nghề thơ mà về các lối văn vần khác nữa. Bài ca rằng :

« *Tục truyền tháng bảy mưa ngâu,*
« *Con giời lấy chú chăn trâu cũng phiền !*
« *Một là duyên, hai thời là nợ,*
« *Sợi xích-thằng ai gỡ cho ra ?*
« *Vụng-về cũng thể cung-nga,*
« *Trăm khôn, nghìn khéo chẳng qua mục-đồng.*
« *Hay là sợ muộn chồng chăng tá ?*
« *Hơi đâu mà kén cá chọn canh !*
« *Lấy ai, ai lấy cũng đành ;*
« *Rể Giời đâu cả đến anh áo buồm ».*

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

## 55. — Lụt năm Ất-tị (1904)

*Tị trước, Tị này chục lẻ ba,*
Thuận giòng, nước cũ lại bao-la.
*Bóng thuyền thấp-thoáng dờn trên vách,*
Tiếng sóng long-bong lượn trước nhà.
*Bắc bậc, người còn chờ Chúa đến,*
*Đóng bè, ta phải rước Vua ra.*
*Sửa-sang việc nước cho yên-ổn,*
*Giời đất sinh ta, ắt có ta.*

NGUYỄN-KHUYẾN

**Chữ và câu.** — *Tị trước, Tị này chục lẻ ba* = *Tị* trước là *Quí-tị* nhằm vào năm 1892 ; *Tị* này là *Ất-tị* nhằm vào năm 1904. Tác-giả làm bài này là nói cái lụt năm Ất-tị tính cả năm ấy vào lên đến năm lụt Quí-tị (xem bài sau) thì được mười ba năm. — *Bóng thuyền thấp-thoáng dờn trên vách* = trông lên vách thấy bóng các thuyền thấp-thoáng đi đi, lại lại. — *Bắc bậc, người còn chờ Chúa đến* = *Chúa* đây là chỉ Hà-bá, Thủy-tề, câu này ý nói nước đã ngập cả rồi, mà người ta còn phải bắc bậc cao lên nữa để phòng như nước còn muốn lên chưa thôi. — *Đóng bè, ta phải rước Vua ra* = *Vua* đây là chỉ Vua-bếp, Táo-quân, câu này ý nói nước lên tràn vào khắp nhà không còn sót chỗ nào, người ta phải đóng bè mang bếp ra ngoài ấy mà đun nấu. — *Sửa-sang việc nước cho*

*yên-ổn ; Giời đất sinh ta, ắt có ta* = hai câu kết này ăn nghĩa với hai câu trên, có ý nói ta cứ bắc bậc cho cao lên, ta cứ dọn bếp cho tử-tế, yên-ổn ; giời đã sinh ra ta làm người ở đời, há giời lại nỡ giết ta vì nước hay sao.

**Ý và văn.** — Câu đầu mở có hai chữ « *Tị* », thế là nói rõ năm nào, tức cũng như một câu định-từ về thời-gian. Câu thứ hai hạ một chữ « *cũ* », thế là tiếp ý với câu trên, ba chữ « *nước bao-la* », thế là đưa hẳn vào bài, là bài nước lụt. — Hai câu thực và hai câu luận, tả cái cảnh nước lụt mà nói đến *bóng thuyền dờn trên vách, tiếng sóng bong trước nhà ; bắc bậc* như chờ cho *nước* lên, *đóng bè* để liệu rước *bếp* ra ; quả là có thế, có tài, có phẩm, có khí, tưởng không ai khéo đưa ngọn bút được bằng tác-giả nữa. Nhất là hai câu tam, tứ thật có một cái biệt-thú, khiến cho người ta bấy giờ tuy ở trong nhà, mà khác nào như lênh-đênh trên mặt nước vậy. Cả hai câu ngũ, lục dụng hai chữ *Vua, Chúa* cũng là có tinh-ý, bắt người đọc phải nghĩ Vua gì, Chúa gì, mà khi đã nghĩ ra, thì khoan-khoái vô cùng. — Hai câu kết nói nước đã vỡ tứ tung, lênh-láng cả ra rồi, ta biết làm thế nào được, hay ta cứ chịu đành vậy, rồi gắng công mà sửa-sang dần lấy vậy. Giời đất đã cho ta làm người, tất phải chu-tất với ta, nhẽ đâu lại lấy nước lụt mà giết ta vậy. Hai câu này cũng là có ý vừa úy-lạo ta, vừa tưởng-lệ ta, lại vừa như đưa cái nhẽ thiên-diễn ra mà làm cho ta nuôi được chút hi-vọng trong lòng.

## 56. — Lụt năm Bính-ngọ (1905)

Thử xem một tháng mấy kỳ mưa,
Ruộng hóa ra sông *nước trắng bừa*.
*Bát gạo Đồng-nai câu truyện cũ,*
*Mái chèo Quí-tị nhớ năm xưa.*
*Trâu bò buộc cẳng coi buồn nhỉ!*
*Tôm tép khoe mình đã sướng chưa!*
Nghe nói miền Nam giời *đại-hạn,*
*Sao không san-sẻ nước cho vừa?*

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép** — Câu 1. *Suốt trong* một tháng mấy *lần* mưa. — Câu 2... ra *ao, cỏ dễ* bừa, hoặc : *cỏ đỡ* bừa. — Câu 3. *kinh* truyện cũ. — Câu 4. *Con sào Bính-ngọ*. — Câu 6... *vang* minh. — Câu 7. *Đại-hạn Quảng-bình năm bảy tháng*. — Câu 8. *Giời* không.

**Chữ và câu.** — *Nước trắng bừa* = nước tràn-trụa trắng xóa khắp cả. *Trắng bừa* dùng cũng như : *trôi bừa chảy bừa, đánh bừa*, nghĩa là không còn nề-hà cái gì nữa. *Bát gạo Đồng-nai câu truyện cũ* = *Đồng-nai* : xứ Đồng-nai tức là phía Đông-bắc Nam-kỳ bây giờ, có con sông Đồng-nai chảy qua. Năm lụt bấy giờ, ngoài Bắc-kỳ phải mua gạo trong Nam-kỳ, gọi là *gạo Đồng-nai* ra. Người Bắc ăn thứ gạo ấy, cho là khét, có nhẽ vì ăn gạo giã máy không quen, cho nên câu truyện cũ *Bát gạo Đồng-nai* còn lưu lại đến ngày nay. Thứ cá vàng lồi mắt ta hay thả bể cạn chơi

gọi là *cá vàng Đồng-nai* có nhẽ cũng là lấy giống ở trong Nam-kỳ ra. — *Mái chèo Qui-tị nhớ năm xưa* = Năm lụt, tác-giả làm bài thơ này là năm *Bính-ngọ* (1905). Thấy lụt Bính-ngọ, lại nhớ đến lụt *Qui-tị*, là năm 1892 cách năm Bính-ngọ 13 năm và cách năm 1927 35 năm. Ta cho lụt năm Qui-tị là lụt to nhất cả, nên mới có câu thành-ngữ « *Tràn Qui-tị* », ý nói nước be lên đầy rào ra ngoài bờ nhiều lắm. — *Trâu bò buộc cẳng coi buồn nhỉ, Tôm tép khoe mình đã sướng chưa* = nước lên to, lụt ngập cả, trâu bò là giống vật to nhớn, thì phải co-ro đứng chịu chết một xó, còn tôm tép là loài bé nhỏ thì tha hồ nhảy nhót tưng-bừng lấy làm khoan-khoái lắm. Câu này có ngụ ý nói lúc nước suy, gặp thời loạn, thì người kẻ cả phải khoanh tay, bỏ rọ, còn lũ táp-nham thì mặc sức lên cung vùng vẫy. — *Nghe nói miền Nam giời đại-hạn* = *đại-hạn* : nắng to lâu ngày không mưa. Cứ như câu có bản chép là : *Đại-hạn Quảng-bình năm bảy tháng*, thì lúc bấy giờ, trong vùng Quảng-bình, Quảng-trị lại bị cái hại không có nước mà giồng-giọt cày cấy. — *Sao không san sẻ nước cho vừa* = câu này ăn nghĩa với câu trên và có ý trách giời, ngoài Bắc bị cái thiên-tai thủy-lạo, thì trong Nam lại bị cái thiên-tai hạn-hán, một đằng nhiều nước quá bị hại, một đằng ít nước quá cũng bị hại, thế sao giời không san sẻ nước lại cho nó cân, cho nó vừa thì có phải là công-bình chính-trực không ?

**Ý và văn.** — Bài trước vừa nói « *Nước lụt* », bài này cũng lại « *Nước lụt* ». Lụt trước là lụt năm Ất-tị, 1904. Lụt này là lụt năm Bính-ngọ, 1905. Thế là hai năm lụt liền, và kể tự hai năm ấy đến giờ, ở Bắc-kỳ ta há lại không đã từng qua bao nhiêu năm lụt to bằng hay to hơn hai năm ấy nữa ru ?

Ôi ! cái nông nỗi khốn khổ vì nước lụt ấy, nếu cứ luôn luôn như thế mãi, thì không biết đến ngày nào, cái xứ Bắc-kỳ mới có cơ nở mày, nở mặt giàu mạnh như người ta được !

Cụ Nguyễn-Khuyến năm trước đã tả lụt, hẳn không ngờ đâu ông Kế-Xương năm sau lại tả lụt. Nhưng hai nhà thi-sĩ tuy cùng tả lụt, mà mỗi nhà một khác. Không phải là cái cảnh lụt nó có khác gì, nhưng vì cái ngọn bút của hai nhà đưa đẩy mà thành khác. Bài của cụ Tam-Nguyên rõ ra một nhà học-thức nhiều, trong bụng chứa hàng muôn quyển sách, lúc cụ làm, khác nào như thể lúc ôm cái đàn, tâm thì hòa, mà khí thì bình. Nên bài của cụ làm vừa thanh-nhã, vừa bao-la rất rộng. Còn bài của ông Tú-tài, tuy không cho là hẹp được, nhưng có nhẽ, vì ông thuần chuộng một cái khí-phách, mà thành hình như ông có giọng gay gắt hơn, đưa những gươm vàng giáo sắt ra, khiến cho người đọc đã như sợ hãi mà lại như căm giận vậy.

Ngay vừa mở bài, ông hạ hai chữ « *Thử xem* » cũng đủ rõ được cái giọng khinh-khỉnh chọc giời quấy nước của ông. Đến lúc đóng bài, ông lại hỏi « *sao không san-sẻ* », thực là ông như có cái ý trách giời không công, chớ ông không có cái bụng phục giời chí công như cụ Yên-đổ. Ông trách giời hoặc cũng phải. Sao đây thủy-lạo, đó lại hạn-hán, sao giời đã bắt ông vịnh « Mong mưa », giời lại còn bắt ông ngâm « Nước lụt » ? Trong bài của ông hai câu thực có cái vẻ thuần hơn cả, vì ông dẫn điển cũ vào. Nhưng tưởng nhắc đến cái điển nào, chớ cái điển « *Quí-tị* » với « *Đồng-nai* », thì cũng lại càng làm khổ tâm, khổ tứ người bị lụt thêm lên. Hai câu luận nói *trâu bò*, *tôm tép*, như thế thật là tài-tình có một cái đặc-sắc

riêng, ai xem bài mà chẳng phải chịu ngọn bút thần diệu của ông.

Nghe đâu xưa, có hai câu vịnh nước lụt rằng :

*« Lờ-đờ nước lụt cò thêm béo,*

*« Ngất-ngưởng giường cao chó nhảy ngồi ».*

Kể cũng đã là hay, nhưng dễ không được bằng hai câu của ông, bày hẳn hai cái cảnh ngược đời đã không phải dẫn ca-dao, mà lại có cái sức mạnh-mẽ, cái vị đậm-đà, cái ý sâu sắc hơn nhiều.

Tóm lại bài của ông, có cái vẻ hay khác bài của cụ Tam-Nguyên. Ai tính khí nóng nẩy, khuê-giác còn nhiều, ưa bài này cùng các bài khác của ông hơn các bài của cụ Tam-Nguyên để dành phần cho những người ôn-hòa thuần-thục.

Trong bài có ba chữ cuối câu nhì : *nước trắng bừa*, chúng tôi chép như thế, không được chắc lắm và giải nghĩa như ở trên, là cũng có phần gượng. Nếu mà là : *cỏ dễ bừa* hay *cỏ đỡ bừa*, thì lại khó hiểu hơn nữa, vì nếu cỏ còn dễ bừa hay đỡ phải bừa, thì hình như chưa có cái ý ngập lụt và không cắn ý với bốn chữ : *ruộng hóa ra sông*. — Câu 3, có người chữa là *kinh truyện cũ* ; chữ *kinh* đối với chữ *nhớ* có phần chỉnh hơn chữ *câu* nhiều, nhưng sợ dùng chữ *kinh* thì lại là cầu-kỳ quá. — Câu 7 đổi hẳn làm : *Đại hạn Quảng-bình năm bảy tháng*, thì rõ ràng, nhưng để là *miền nam* có cái ý rộng hơn, vả chăng hai chữ *Nghe nói* đầu câu có thể cho như đáp được với hai chữ *Thử xem* ở đầu bài.

## 57. — Vấn Nguyệt

Trải *mấy thu* nay vẫn hãy còn,
Cớ sao khi *khuyết* lại khi tròn ?
Hỡi con *Ngọc-thỏ* đà bao tuổi ?
Chớ chị *Hằng-nga* đã mấy con ?
*Đêm thẳm* cớ chi soi *gác tía*,
*Ngày xanh* còn thẹn với *vừng son*.
*Năm canh* lơ-lửng chờ ai đó ?
Hay có tình riêng với nước non ?

VÔ-DANH

**Có bản chép.** — Câu 1. *Mấy vạn năm* nay. — Câu 3. Hỏi chàng Ngọc-thỏ, hoặc : *Nuôi* con *Bạch*-thỏ. — Câu 4. *Hỏi* chị Hằng-nga. — Câu 5 và 6. *Buổi sớm* cớ chi *phô thức bạc, Chiều hôm sao lại nhuốm màu* son. — Câu 7. Năm canh *thơ-thẩn*. — Câu 8. có tình *chung*.

**Chữ và câu.** — *Vấn Nguyệt* = hỏi mặt giăng — *Trải mấy thu* = qua mấy mùa thu, tiếng *mấy* đây không phải chỉ nghĩa *một vài*, nhưng chỉ bao nhiêu năm, đã lâu lắm, còn tiếng thu tuy chỉ *mùa*, nhưng đây dùng nghĩa rộng cũng như *năm* ; trừ tiếng *hạ* không mấy khi dùng, chớ tiếng *xuân, thu, đông*, nhà văn-sĩ thường mượn để chỉ thay vào năm. — *Khuyết* = thiếu, không đầy đủ. - *Ngọc-thỏ* = người ta hay dùng hai chữ *Ngọc-thỏ* hoặc *Kim-thỏ, Âm-thỏ, Nguyên-thỏ* để chỉ mặt giăng. Tục truyền có con thỏ giã thuốc trong mặt giăng. — *Hằng-nga* = hay còn gọi *Thường-nga, Tố-nga*. Đời nhà Hạ xưa có người Hậu-Nghệ lên xin bà Tây-vương-mẫu được ít thuốc bất-tử, đem về

nấu lại. Vợ là Hằng-nga cứ lấy trộm ăn, sau Hậu-Nghệ đuổi chạy mãi, cùng đường phải trốn vào ở cung Giăng. Điển tuy dẫn làm vậy, nhưng chẳng qua chỉ tại cái cảnh mặt giăng sáng đẹp mà người ta ví với một người con gái đẹp mà thôi. — *Đêm thẳm* = đêm khuya, bởi chữ *dạ thâm* mà ra. — *Gác tía* = *tía* : đỏ sẫm ; *gác tía* dịch chữ *tử-các* ra, chỉ nơi giàu sang, người ta thường dùng : lầu son gác tía để chỉ nơi con gái nhà giàu sang ở. — *Ngày xanh* = ngày giời. *Cũng liều má phấn cho rồi ngày xanh* (Thúy-Kiều) — *Vừng son* = *vừng* hay *vầng* là cái vành tròn, *vừng son* : cái vành tròn đỏ ối như son, tức chỉ mặt giời. Chỉ mặt giời, người ta còn hay dùng : *vừng hồng*, *vừng ô*. Cả câu : *ngày xanh còn thẹn với vừng son*, nghĩa là ban ngày, có mặt giời, thì mặt giăng hình như thẹn-thùng không hé mặt ra vậy. — *Năm canh* = ban đêm, một đêm xưa chia làm năm canh.

**Ý và văn.** — Bài thơ này đầu đề là « *Vấn-Nguyệt* », nên câu nào cũng theo một cái thể hỏi. Sau mỗi câu đặt một cái dấu hỏi được cả. Làm văn như thế, mới thật là nhất-khí vậy. Hai câu đầu và hai câu tam, tứ có thể cho như thuộc về Thiên-văn và sự tục-truyền, vì nói tuổi giăng, hình-trạng mặt giăng, và tên gọi của mặt giăng. Còn hai câu luận và hai câu kết, thì bày rõ cái cảnh mặt giăng lúc đêm khuya, thanh vắng, lơ-lửng một mình, đã như muốn gợi ra biết bao nhiêu tình-tình. Mặt giăng soi sáng cho ai? Hay mặt giăng đẹp chỉ soi người đẹp ở nơi gác tía mà thôi. Mặt giăng chờ đợi những ai? Hay người vắng-vẻ, chỉ có núi với sông, mặt giăng hẳn có tình ý riêng gì với núi sông vậy. *Sơn* với *nguyệt*, *giang* với *nguyệt* thường hay đi đôi với nhau, như gắn bó lấy

nhau, thực là hữu tình nên thơ lắm. Có bản chép cho bài này cũng là của họ Hồ, không chắc có đúng không.

---

## 58. — Mặt giăng

Còn non còn nước, *mảnh gương* còn,
Soi khắp *trần-gian* khuyết lại tròn.
Cùng với *giời già* chung một tuổi,
*Bao nhiêu sao nhỏ ấy là con.*
*Đêm thanh tránh khỏi đường ong bướm,*
*Nắng giãi, phòng phai vẻ phấn son.*
*Tri-kỷ* trên đời nào mấy kẻ,
Tấm lòng riêng tỏ nước cùng non.

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Mảnh gương* = chỉ mặt giăng, vì mặt giăng chiếu sáng như cái gương soi. *Gương Nga* hay gương cũng là mặt giăng. *Gương Nga vằng-vặc. Nguyệt rạng gương trong. Gương trong chẳng chút bụi trần.* — *Trần-gian* = *trần* : bụi ; *gian* : khoảng ; *trần-gian*, chỉ cõi đời, chỗ người và vạn vật ở. — *Giời già* = gọi thế là cho giời sống lâu lắm không biết bao nhiêu tuổi. — *Bao nhiêu sao nhỏ ấy là con* = ý nói mặt giăng như mẹ, bao nhiêu sao là đàn con, vì giăng to và sáng hơn cả các ngôi sao. Tục-ngữ có câu : « *Trăm ông sao chẳng bằng một ông giăng.* » Trong bài Vấn-Nguyệt cũng có câu : *Tấm gương vằng-vặc chẳng mòn,*

*Bao nhiêu tinh đẩu là con cái nhà. — Đêm thanh tránh khỏi đường ong bướm* = mặt giăng chỉ ban đêm trong trẻo mới hiện, mà loài ong, bướm lại chỉ ban ngày tạnh ráo mới nhởn-nhơ bay lượn, ý câu này nói mặt giăng thanh-thú chin-chắn không lẳng-lơ. — *Nắng giãi phỏng phai vẻ phấn son* = câu này ý nói ban ngày mặt giời nắng to làm giãi giầu cả mọi vật, thì mặt giăng không ra, sợ rồi phai mất cả cái màu yểu-điệu, dịu-dàng, đẹp-đẽ của mặt giăng đi. — *Tri-kỷ* = người biết mình, thân mật với mình, đồng tâm, đồng ý với mình, hai người cũng như một.

**Ý và văn.** — Cái ý bài này cũng tương-tự như ý bài trên, không có gì là khác lắm. Giải rõ ra, thì bài nói mặt giăng, tuy có khi khuyết, khi tròn, nhưng cũng cùng một tuổi với mặt giời, cùng soi sáng cho khắp trần-gian như mặt giời. So với các ngôi sao, thì lại như mẹ với lũ con, như vua chúa đối với các bầy tôi. Kể đường thanh-tao, thì lại tưởng mặt giăng được phần người ưa hơn mặt giời : cái ánh sáng mặt giăng ban đêm thực là thanh-thú, tao-nhã vậy. — Ban đêm, vạn vật tuy tĩnh-mịch cả, nhưng núi non sông nước, gặp cái ánh sáng mặt giăng lại hình như vui-vẻ, nổi tình-tình lên. Mặt giăng sáng với giòng nước bạc, mặt giăng sáng với quả núi u-uất, đôi bên chẳng như có cái mối cảm-tình thân-mật với nhau lắm ru ! Nên đầu bài đã mở hai chữ *non nước*, cuối bài lại đóng bằng hai chữ *nước non*, thật là có ý-nhị kín-đáo vậy. Ta xem có phải bài này cũng nhắc đến mặt giời, cũng nói đến khuyết, tròn, cũng chủ ý ở hai chữ nước non như bài trên hay không. Cả cái điệu bài, cách xếp đặt câu cũng gần giống như nhau. Tựu-trung, bài này chỉ có hai

câu thực không dẫn điển *Ngọc-thỏ*, *Hằng-nga* vào, vì có nhẽ như cho là vu-vơ không đáng tin. Nhưng nếu vì tuổi giăng bằng tuổi giời, vì sao là con giăng, cứ theo như khoa Thiên-văn bây giờ thì cũng không đúng : mặt giăng là tự một mảnh của mặt giời làm nên, nên có sau mặt giời nhiều, mặt giăng so với những ngôi sao, nếu là Hằng-tinh, thì lại bé kém hơn không biết bao nhiêu lần mà kể.

## 59. — Giăng thu

Một *trái Giăng thu chín mỏm-mỏm*,
Nầy *vừng quế đỏ* đỏ lòm-lom.
Giữa in *chiếc bích* khuôn còn méo,
Ngoài khép đôi cung cánh vẫn *khòm*.
*Ghét mặt kẻ trần đua sói móc*,
*Ngứa gan thằng Cuội đứng lom-khom*.
Hỡi người *bẻ quế* rằng ai đó ?
Đó có *Hằng-nga* ghé mắt dòm.

Hồ-xuân-Hương

**Chữ và câu.** — *Trái giăng thu* — *trái* : quả ; *giăng thu* : giăng về mùa thu. — *Chín mỏm-mỏm* = chín nục, chín đã như nát. — *Vừng quế đỏ* = *vừng* : vành tròn (nguyệt luân) ; *quế đỏ* : dịch ở chữ *đan-quế* ra,

một giống cây quế vỏ đỏ. Tục truyền trong mặt giăng có cây đan-quế. *Nguyệt rằng* : « *Ta lại biết ta ; Có cây đan-quế ấy là chị em.* » (Vấn Nguyệt). Nhiều nhà thi-sĩ dùng hai chữ : *đan-quế*, hay *phách-quế* : *Trải phách quế gió vàng hiu-hắt* (Cung-oán) để chỉ mặt giăng. Tháng tám cũng gọi là *quế-nguyệt*. — *Chiếc bích = bích* : ngọc Bích, thứ ngọc tròn dẹt, giữa có lỗ. Người ta lấy ý mặt giăng tròn như ngọc Bích, mà dùng hai chữ *Bích-nguyệt* để chỉ chính mặt giăng. Trong bài văn của Vương-quân có bốn chữ *Bích-nguyệt, châu-tinh* nói : giăng tròn như ngọc Bích, sao sáng như hạt châu. — *Khỏm* = uốn cong, uốn tròn lại. — *Ghét mặt kẻ trần đua sói móc* = câu này ý hẳn nói người đời đua nhau mà nhìn mặt giăng, như ý muốn sói móc, mà mặt giăng có bề ghét không ưa. *Kẻ trần* : người ở trong trần-gian, người sống ở đời. — *Ngửa gan thằng Cuội đứng lom-khom* = Tục truyền trong cung giăng có *thằng Cuội*, trong truyện cổ-tích của trẻ, có truyện *Thằng Cuội nói dối*. Trong bài đồng-rao của trẻ lại có câu thường hát rằng : « *Thằng Cuội ngồi gốc cây đa ; Bỏ chân xuống giếng được ba đồng tiền* ». Cả câu : *Ngửa gan thằng Cuội đứng lom-khom* hẳn có ý nói thằng Cuội cứ chịu còng lưng đứng trong cung giăng mãi chắc phải ngửa ngáy khó chịu lắm. — *Bẻ quế* = dịch ở chữ *triết quế* ra. Nói đủ : *Thiềm-cung triết quế* : bẻ quế trong cung Thiềm là chỉ người đỗ. *Thiềm* hay *Thiềm-thử*, chỉ con thỏ, — cũng có người cho là con cóc, — bóng đen trong mặt giăng. Các nhà thi-sĩ thường dùng cái điển bẻ quế trên cung giăng mà nói người đi thi đỗ (*Đăng Thiềm-cung, triết quế chi*).

**Ý và văn**. — Bài này cũng vịnh mặt giăng như hai bài trước, song không phải vịnh rộng cả mặt

giăng, chỉ vịnh mặt giăng riêng về một mùa, là mùa Thu mà thôi. Cái điệu bài cũng khác hẳn hai bài trước. Thực là có một cái khí-vận dồi-dào và một cái kỳ-thú già-giặn hơn nhiều. Câu đầu mở nói *trái Giăng*, mà dưới hạ đến chữ *chín* và câu thứ hai hạ chữ *đỏ* là cắn nghĩa lắm : *Giăng thu* vi như một quả gì *chín đỏ* vậy ám chỉ đến mùa thu giăng mới thật sáng tỏ. Hai câu thực nói *khuôn bích méo*, *cánh cung khỏm* thế là nhìn nhận rất tinh-tế kỹ-càng : mặt giăng tuy có cái bóng đen ở giữa làm cho mới trông, tưởng hình như méo, nhưng nếu nhìn thật kỹ ra, thì cái vành ở ngoài bao giờ cũng vẫn tròn. — Hai câu luận tuy câu trên ý nghĩa không phân-minh lắm, nhưng câu dưới dẫn *Thằng Cuội* vào, thì cũng là một điển chính của nước ta khiến cho ta phải nhớ đến những câu của trẻ thường hát *Thằng Cuội cung giăng* và cái tích buồn cười « *Nói dối như Cuội* » — Còn hai câu kết nói *người bẻ quế*, nói *Hằng-nga*, cũng là có thi-vị, một người đi thi đỗ, một người con gái đẹp, người kia yêu người nọ, thực là « *Hằng-nga ái thiếu-niên* » vậy. Chữ *quế* đây lại đáp được chữ *quế* ở câu thứ hai có phần kín-đáo lắm.

Mấy vần hạ trong bài : *mỏm*, *lom*, *khỏm*, *khom*, *dỏm*, tinh là những hiểm-vận cả, ít người gieo được khéo như thế và dễ không ai có thể họa lại được nữa. Gia-dĩ những vần ấy đi theo những chữ liền ở trên thành : *mỏm-mỏm*, *lỏm-lom*, *lom-khom*, khiến cho người ngâm bài thì lấy làm sướng miệng, mà người nghe bài thì lấy làm vui tai. Mỗi một tiếng một vần ấy khác nào như thể tiếng trống đánh để điểm từng câu, để thưởng văn vậy.

## 60. — Tết Trung-thu

Tết này, tục gọi Tết chơi Giăng,
Có phải hay không, hỡi *chị Hằng* ?
Trên cỗ, *ngư-ông* ngồi *bảnh-trọe*,
Ngoài đường, sư-tử chạy *lung-quăng*.
Ồ vui-vẻ nhỉ, đàn *con nít* !
Khéo lẳng-lơ chi, lũ *gái măng* !
Có nhẽ người vui mình chịu *lẻ*,
Cũng chè chén *huỷnh*, cũng chơi *nhăng*.

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Chị Hằng* = tức là Hằng-nga ở trên cung Giăng (xem rõ bài *Vấn Nguyệt*, số 57), — *Ngư-ông* = ông lão câu cá. Ngày tết Trung-thu, nhiều nhà hay lấy con gà luộc, trang sức đủ cả nón, áo, cần câu, làm người đánh cá, giả hình một người hiền-thần đời nhà Chu ngồi câu cá ở trên sông Vị, chính tên là Lã-Thượng và sau gọi là Lã-Vọng hay Thái-công-Vọng là tại lúc vua Văn-vương đi săn, gặp ở trên sông Vị, có nói câu rằng : « Ngô Thái-công vọng tử cửu hĩ » : Thái-công ta mong gã đã lâu vậy. — *Bảnh-trọe* = (xem rõ bài *Ông Nghè tháng tám*, số 62). — *Lung-quăng* = lăng-nhăng chỗ nọ chỗ kia không rõ ra đường nào cả. — *Con nít* = tiếng Đàng Trong gọi trẻ con. — *Gái măng* = *măng* : cái mầm mới mọc, *gái măng* là nói con gái lúc trẻ tuổi đang sức, đang thì. Người ta nói : *măng* sữa, cả *măng*, cả sữa, *măng* chẳng uốn, uốn tre sao được. — *Tẻ* = buồn, không có cái gì là vui thích cả. Người ta nói : khi vui, khi *tẻ* : Tẻ, vui cũng một kiếp người. — *Huỷnh, nhăng* = *huỷnh* hay còn nói *huyễnh* và *nhăng*

cùng có cái ý muốn nói làm liều, làm láo, thật không có nghĩa gì cả.

**Ý và văn.** — Bài này ý nghĩa không có gì là cao xa và cũng không được câu nào lỗi-lạc có thú-vị cho lắm. Bài chỉ là một bài tả-chân thường thường thôi. Tuy vậy, bài đặt cũng là trang-chỉnh, đủ ý và toàn-thể được lưu-loát phân-minh, không có câu nào miễn-cưỡng cả. Hai câu thực nói *su-tử*, *ngư-ông* là hai trò chơi trong ngày Tết ấy. Hai câu luận hạ *con nít*, *gái măng* là nói cái vui của trẻ, cả con giai, con gái. — Câu đầu nói chơi *Giăng*, câu thứ hai hỏi *chị Hằng*, cũng là đáp được ý câu trên. Cả hai câu cuối cùng cắn nghĩa vào đấy và tưởng cũng cho là có chút thi-vị được.

---

## 61. — Tết Trung-thu trông Giăng

Nào trẻ con đâu thức để trông :
Kìa ông Giăng mọc ở đằng Đông.
Nhìn lâu cho biết tròn hay méo,
Trông kỹ mà xem đục hãy trong.
*Lấy ảnh khắp người ai chẳng tỏ,*
*Làm gương trên đất để soi chung.*
*Trung-thu* này hẳn hơn *thu* trước,
Chẳng biết rằng ai có biết không ?

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Lấy ảnh khắp người ai chẳng tỏ* = câu này ý nói ánh sáng mặt giăng giọi xuống như là in rõ từng người, hay, dở, xấu, tốt không ai che giấu được. Trong bài *Vấn-Nguyệt* có bốn câu cũng như cái ý này : *Nguyệt rằng : « Ta lại biết ta ; Minh-minh trường dạ, ai là biết ai ? — Vậy nên mở mặt soi đời ; Biết nơi nham-hiểm, biết người tà dâm » — Làm gương trên đất để soi chung* = câu này ý nói mặt giăng là một cái gương sáng-láng, giời để cho tất cả mọi người trông mà theo đòi lấy sự vằng-vặc thanh-quang ấy. Cũng trong bài *Vấn-Nguyệt* có bốn câu rằng : *Nguyệt rằng : « Vật đổi sao dời ; Gương này giời để cho người soi chung. — Làm cho mỏi mắt anh hùng ; Ngàn thu sương tuyết, một lòng thanh-quang. » — Trung-thu* = ngày rằm tháng tám, là ngày giữa ngày *chính-trung* của mùa thu, nên gọi là Trung-thu. Chữ *thu* dưới cũng trong câu ấy đặt lần một tiếng *trung*, chính nghĩa là hơn *Trung-thu* trước, chớ không phải là hơn cả *mùa thu* trước.

**Ý và văn.** — Bài này, riêng hai câu thực và hai câu luận, thì cũng chuyên nói về mặt giăng như hai bài *Vấn-Nguyệt* (số 37) và *Mặt Giăng* (số 58). Hai câu thực nói *tròn, méo, đục, trong*, là nói cái hình-trạng và cái ánh sáng của mặt giăng, thì cũng không khác gì giọng Xuân-Hương. Còn hai câu luận nói *lấy ảnh, làm gương*, thì cái ý lại càng phẳng-phất như nhắc đến bài ca *Vấn-Nguyệt* hay gọi là bài « *Nói chuyện với Giăng* », mà xưa nay ai cũng chịu là một bài văn-nôm có giá vậy.

Kể bốn câu giữa thì như thế, nhưng xem hai câu đầu : gọi *trẻ* dậy để *trông giăng* và hai câu cuối có chữ *Trung-thu*, thì bài này lại thêm cái ý Tết Trung-thu vào nữa. Giăng đây chẳng những là giăng

bao giờ, hay giăng mùa thu, mà giăng riêng một cái đêm hôm rằm tháng tám vậy. Hai câu kết hỏi lẳng-lơ, khiến người phải so thu này với thu trước, cũng là có ý lắm. Nếu thu này hơn thu trước thật, thu sau lại hơn thu này nữa, cứ mỗi thu đến, lại hơn thu qua được một ít, thì chắc con người cũng phải tỉnh-ngộ dần mãi ra, mà nước cũng phải tiến-hóa hơn mãi lên.

Trong bài phải chữ *hãy* câu thứ tư đối với chữ *hay* câu thứ ba nghe tức lắm.

---

## 62. — Ông Nghè tháng tám

Cũng cờ, cũng biển, cũng *cân đai*,
Cũng gọi ông Nghè có kém ai !
Mảnh giấy làm nên khoa *giáp bảng*,
Nét son điểm rõ mặt *văn khôi*.
Tấm thân xiêm áo sao mà nhẹ ?
Cái giá *khoa danh* ấy mới hời !
*Ghế tréo*, lọng xanh *ngồi bảnh-chọe*,
Nghĩ rằng đồ thật, hóa đồ chơi.

NGUYỄN-KHUYẾN

**Chữ và câu.** — *Cân đai* = *cân* : khăn, chỉ rộng mũ đội đầu ; *đai* : đồ đóng ở ngoài áo chầu để giữ cho gọn. — *Mảnh giấy làm nên khoa giáp bảng* = *giáp* : ở trên đầu hết cả ; *bảng* ; bảng đề tên người thi đỗ. *Giáp bảng* tức cũng như nói đỗ đầu hoặc còn gọi là giáp khoa. Phép thi đời Đường có chia ra bốn khoa : giáp, ất, bính, đinh, ai thi đỗ Tiến-sĩ thì

được tên yết vào bảng Giáp, cả câu này ý nói chỉ một mảnh giấy mà làm nên người đỗ giáp bảng, đỗ Tiến-sĩ. — *Nét son điểm rõ mặt văn khôi* = *văn* : văn-chương ; *khôi* : ở trên hết cả ; *văn khôi* : văn-chương giỏi hơn hết cả mọi người, lại cũng ngụ ý đỗ đầu như *khôi-giáp*, cả câu ý nói chỉ nét mực, nét son điểm vào mà tỏ rõ ra được cái mặt người giỏi văn-chương. — *Xiêm* = thứ quần quấn, đi với áo chầu. — *Khoa danh* = tiếng tăm đỗ đạt lừng-lẫy — *Hời* = nhẹ-nhàng, rẻ giá. Người ta nói *hời* hợt, *hời* giá. — *Ghế tréo* = thứ ghế gỗ như lối ghế bành cao độ hơn hai thước tây, hai bên có hai miếng gỗ *tréo* nhau để giữ bốn chân cho chắc. — *Ngồi bảnh-chọe* = *bảnh* : tỉnh táo, nhanh nhẹ ; *ngồi bảnh-chọe* : ngồi ra dáng hách dịch, lấy làm đắc chí ta đây kẻ giờ.

**Ý và văn.** — Làm ông Nghè giấy, tất phải lấy ông Nghè thật làm mẫu ; tại có ông Nghè thật, mới bày được ra ông Nghè giấy. Vậy ông Nghè giấy tất phải in như ông Nghè thật. Nghĩa là cũng phải có *cờ* có *biển*, có *cân đai*, *xiêm áo*, có *ghế tréo* ngồi, có *lọng xanh* che, hệt như ông Nghè thật. Nhưng ông Nghè giấy lại khác hẳn ông Nghè thật, khác là vì cái *khoa giáp bảng* của ông, là tự một mảnh giấy nó tác thành, cái *mặt văn khôi* ông là tự nét son nó điểm ra. Chao ôi ! Nếu quả ông là ông Nghè chỉ có thế mà thôi, thì cái *thân danh* ông chẳng là nhẹ-nhàng, rẻ-rúng lắm ư ? À mà không, ông không phải ông Nghè thật, ông chỉ là một cái ông Nghè làm trò chơi cho trẻ mà thôi.

Bài thợ này giải ra như thế. Đáng khen cho tác-giả khéo điều-hòa ngọn bút ! Một bên nghe những chữ : *cờ*, *biển*, *cân*, *đai*, *áo*, *xiêm*, *ghế tréo*, *lọng xanh*,

nghĩa là bên vật-chất, thi không ai bảo không phải là ông Nghè. Bên kia lại hạ những chữ : *cũng* (luôn ba lần), *mảnh giấy*, *nét sơn*, *nhẹ*, *hời* nghĩa là bên tinh-thần, thì ai còn bảo là ông Nghè thật, mà không trông ra là ông Nghè giấy ngay. Ôi ! ông Nghè thật có giá bao nhiêu thì ông Nghè giấy vô giá bấy nhiêu. Song những ông Nghè thật chỉ có tiếng là ông Nghè, mà học-thức, thao-lược chẳng có gì, thì tưởng lại không bằng giá ông Nghè giấy. Cũng gọi ông Nghè nhưng năm bảy đường ông Nghè vậy.

---

## 63. — Tiến-sĩ giấy

Khéo chú *hoa-man* khéo vẽ trò,
*Bởn ông* mà lại *dứ thằng cu.*
*Mày râu vẻ mặt vang trong nước,*
Giấy má nhà bay đáng mấy xu ?
Bán tiếng mua danh thây lũ trẻ,
*Bảng vàng* bia đá vẫn *nghìn thu.*
Hỏi ai muốn ước cho con cháu ?
*Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu.*

NGUYỄN-KHUYẾN

**Chữ và câu.** — *Hoa-man = hoa* : hoa ; *man* : tràng. Theo kinh nhà Phật, bên Thiên-trúc đời xưa người ta hay lấy lá, hoa kết lại với nhau thành tràng mà đội vào đầu hay đeo vào mình, bất cứ sang hèn ai cũng cho là cách trang-sức đẹp lắm. Chú *hoa-man* đây là thợ làm đồ giấy, đồ mã sặc-sỡ. — *Bởn ông =*

trêu cợt người nhớn. — *Dứ thằng cu* = làm cho trẻ con thích và thèm. *Dứ* hơi khác *dử*, một đàng đem hẳn đồ vật đến mà gợi cái lòng ham muốn : dứ trẻ ; một đằng để đồ vật xa xa mà làm cho khao khát : dử mồi, dử thính. — *Mày râu vẻ mặt vang trong nước* = *mày râu* : tu mi, ý nói tiếng tăm lừng-lẫy ai cũng biết đến. — *Bảng vàng* = kim-bảng, ai đi thi đỗ gọi là *kim-bảng đề danh*, nghĩa là tên đề lên bảng vàng. Người thi đỗ tiến-sĩ, được tên đề vào bảng vàng (kim-bảng) hay bảng có vẽ rồng (long-bảng) ; người đỗ cử-nhân được tên đề vào bảng có vẽ hổ (hổ-bảng) ; người đỗ tú-tài được tên đề vào bảng có vẽ cây mai (mai-bảng). — *Bia đá* = theo lệ từ nhà Lê, ở Văn-miếu cứ mỗi khoa thi có làm một cái bia đá ghi tên những người đỗ tiến-sĩ vào. Nếu tên phải đục đi là đã phạm một tội gì to lắm. — *Nghìn thu* = nghìn năm, ý nói lâu dài mãi mãi. — *Nghĩ lại đời xưa mấy kiếp tu* = câu trên hỏi ai là người muốn ước cho con cháu đỗ tiến-sĩ ? — Câu này đáp : nếu muốn thế, trước phải nghĩ tu mấy kiếp mới được. Trong Liễu-trai có chỗ nói : *Phi tam thế tu hành, bất năng bác đắc hoa giáp* ; *phi bản thân tam thế tu hành, bất năng hưởng diễm phúc* ; nghĩa là ông cha nhà mình không tu ba đời, thì mình không sao đỗ được ; chính thân mình không tu ba kiếp, thì mình không được hưởng phúc tốt lành.

**Ý và văn.** — Bài vừa mở, trách anh thợ mã khéo bày trò chế ra một thứ đồ chơi lạ-lùng. Cái đồ chơi bày vẽ ấy cốt là để *dứ* thằng cu mà lấy tiền đã đành, nhưng sao nó lại như dám bỡn ông, nhạo ông, thì quả đáng giận thật (câu 2). Ông đây làm nên ông Nghè, là tiếng tăm vang lừng cả trong nước, chớ nhà bay lấy giấy mà làm ông Nghè, thì ông

Nghè ấy giá đáng là bao? (câu 3 và 4). — Ừ mà cho lũ trẻ nó có muốn bán tiếng, mua danh ông nữa, ông cũng mặc, ông đây vẫn bảng vàng, bia đá đối với nghìn thu (câu 5 và 6). Nhưng có phải thiên-hạ thực định ý lấy ông làm đồ chơi để mong cho con cháu nó cũng đỗ được ông Nghè như ông, thì ông thử hỏi ông cha nhà nó đã tu được mấy kiếp rồi? (hai câu kết).

Cái giọng bài này, ta xem, thực khác giọng bài trên, vì cái chủ ý khác hẳn. Bài trên so bì ông Nghè thật với ông Nghè giả, tuy là khẩn-thiết, nhưng vẫn có cái vẻ hồn-nhiên, êm-đềm. Chớ bài này từ đầu chí cuối thực đã như một câu mắng, trước còn mắng chú thợ mã khéo vẽ trò, sau mắng đến lũ trẻ thơ mua danh tiếng, sau nữa, mắng cha mẹ trẻ ước ao sằng. Ta cứ lược những chữ dụng trong bài: nào *chú*, nào *ông*, nào *thằng*, nào *bay*, nào *lũ*, nào *khéo, bỡn, dứ, đáng, thây*, thì ta đủ rõ cái giọng mắng ấy mạnh-mẽ và thấm-thía biết nhường nào. Ta lại nên biết cái giọng mắng như thế cũng là tự-nhiên. Nhà thi-sĩ làm bài « *Tiến-sĩ giấy* » đây, không phải là một nhà thi-sĩ tầm-thường nào, nhưng một nhà thi-sĩ chính mình đã đỗ tiến-sĩ. Thế mà mình thấy nó nhạo mình, ấy mới giận, ấy mới tức, ấy mới thành một mối khiến cho thanh âm của mình phải phát-hiện ra ngoài. Mà khi tinh-thần mình nó đã phó vào câu mình ngâm vịnh, thì một chữ cũng không thể yểm giấu đi được. Người ta đã nói : « *Xem thơ của ai, là như thấy cái người ấy* », thực là đúng lắm.

Ta nên nhận trong bài thơ này, câu đầu có hai chữ « *khéo* », hình như là trùng-điệp. Còn hai câu luận : « *Bán tiếng, mua danh* » câu trên không phải đối với « *Bảng vàng, bia đá* » câu dưới, nhưng « bán tiếng »

đối luôn với « mua danh », « bảng vàng » đối luôn với « bia đá », nghĩa là đối lẫn ngay ở trong câu, như thế gọi là *tiểu-đối*.

---

### 64. — Tiến-sĩ Trung-thu

Ông đỗ khoa nào, ở xứ nào ?
Thế mà *hoa hốt* với *trâm, bào* ?
Một năm, một *tiết Trung-thu* đến,
Tôi vẫn quen ông, chẳng muốn chào.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Hoa hốt* = hốt có chạm hoa ; *hốt* là cái đồ làm bằng ngà, bằng xương hay bằng gỗ, lúc chầu vua, các quan cầm vào hai tay nâng lên trước mặt, có việc gì tâu vua, thì ghi trước vào đấy cho khỏi quên. Đời xưa cả vua, cả quan cũng dùng đến hốt làm bằng ngọc hay bằng tre. — *Trâm bào* = *trâm* : kim cài mũ vào tóc cho khỏi rơi ; *bào* : áo thêu. Ai thi đỗ tiến-sĩ, được vua ban cho lục-bào, hoa-hốt. — *Tiết Trung-thu* = *tiết* : thời tiết ; *Trung thu* : rằm tháng tám. Xưa một năm chia làm 8 tiết, nay chia làm 24 tiết, mà kể trong các tiết thuộc về mùa thu, thì không có tiết nào là Trung-thu cả. Có lẽ chữ tiết ta đọc trạnh đi mà thành ra tiếng Tết.

**Ý và văn.** -- Thân danh đã làm được đến ông Nghè, thi tiếng tăm tất phải lừng-lẫy, thiên-hạ ai mà không biết ông Nghè ấy đỗ vào khoa nọ hay khoa kia và quê quán ông Nghè ấy ở đâu. Nhưng ông

Nghè này, tuy có tiếng gọi là ông Nghè, tuy có đủ cả *hoa hốt* với *trâm, bào*, thế mà hỏi *đỗ khoa nào, ở xứ nào*, thì thực không một người nào hay (câu 1 và 2). À mà ra *tôi vẫn quen ông*, cứ *mỗi năm tiết Trung-thu đến* tôi đã từng gặp ông nhiều lần rồi. Thế thì ông là ông Nghè Trung-thu, ông Nghè giấy quách rồi, nên tôi cho quen ông nữa, tôi cũng *không chào* ông. Trong bài có bốn câu, mà hai câu đầu mới mở như có ý lạ-lùng muốn hỏi, đến câu thứ ba và nửa câu thứ tư như có ý nhớ ra mà nhận rõ lại, còn ba chữ cuối lại như có ý khinh, không trọng được, thì cũng là một cách tả ông Nghè rất gọn-gàng khéo thu vậy. Các câu đặt lại nhẹ-nhàng tự-nhiên lắm.

---

## 65. — Thi hỏng

*Mai không tên tớ*, tớ đi ngay,
Giỗ tết từ đây nhớ lấy ngày.
Học đã *toi cơm*, nhưng chửa chín,
Thi không phải ớt, thế mà cay !
Bút nghiên phó mặc đàn con trẻ,
*Thưng đấu* nhờ tay một mẹ mày.
*Cống-hỉ, mét-xì* đây thuộc cả,
Không sang Tàu, tớ cũng sang Tây.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép.** — Câu 1. Mai *mà* tớ *hỏng*. — Câu 3. *tốn* cơm, hoặc : *xôi* cơm. — Câu 4. *ăn* ớt. — Câu 5.

*Sách đèn* phó mặc. — Câu 6. nhờ *lưng*. — Câu 8. Không sang *bên bắc* cũng sang Tây.

**Chữ và câu.** — *Mai khống tên tớ* = ý nói ngày mai ra bằng không có tên tớ nghĩa là tớ không đỗ. — *Toi cơm* = *toi* có nghĩa là chết, như nói : chết *toi*, trâu *toi*, *toi* đây dùng cái nghĩa là mất không, không được việc gì cả. *Toi cơm* : mất cơm vô ích, mất cơm không. Người ta nói : công *toi*, tiền *toi*. — *Thưng đấu* = *thưng* là cái cân, đừng nhầm với *thăng*, xưa dùng to bằng hai cái đấu ; *đấu* : đồ dùng để đong. *Thưng đấu* : cân đong, tức chỉ gạo, củi, các đồ cần dùng hàng ngày. — *Cống-hỉ* = hai tiếng này là tiếng người Khách hay dùng để chúc tụng nhau. Chính chữ là cung-hỉ 恭 禧 và nghĩa là kính mừng. — *Mét-xì* = tiếng người Pháp dùng để nói *cám ơn*. Chính chữ là merci (me-rơ-xì).

**Ý và văn.** — Học tập mục-đích cốt là để đi thi. Thi mà không đỗ thế là *toi cơm* và thực là *cay*, cay không phải vì ớt, nhưng cay vì không đỗ (câu 3 và 4). Thôi đành mà thôi : văn-chương từ rày mặc kệ lũ con, việc nhà từ rày phó thác giao giả vợ (câu 5 và 6). Ta bỏ cả vợ con, cửa nhà ta đi đây, nhớ lấy ngày ta ra đi mà sau giỗ tết ta (câu 1 và 2). Ta đi đâu ? Ta sang Tàu, mà không sang Tàu thì ta cũng sang Tây. Ta có ngại gì. Tiếng Tàu chẳng chi, ta cũng biết được *cống-hỉ* ; tiếng Tây chẳng chi, ta cũng nói được *mét-xi* (câu 7 và 8). Cái ý của bài dẫn xuôi ra như thế, thực là phân-minh lưu-loát lắm.

Trong bài, hai câu tam, tứ, hai câu ngũ, lục đối nhau thật chỉnh và diễn rõ được cái ý vì cay đắng quá mà đâm liều rất là hay. Nhất câu ngũ « *Thi không phải ớt thế mà cay* », thật đã thành như

một câu khẩu-tụng cho cả những người đi thi, mà gặp cái nông-nỗi « trượt, rớt, dầm phải vỏ chuối » khốn khổ như thế nào. — Hai câu nhất, nhị, thi thực rõ ra giọng anh liều, vừa đọc lên ghê mình, tưởng như anh này có nhẽ vì hỏng thi, mà đi tự-tận ngay đây, nhưng sao anh lại còn cẩn-thận dặn vợ con nhớ ngày giỗ tết làm gì. Lúc đọc đến hai câu kết, mới biết tác-giả nói thế là nói dọa đấy thôi. Chớ có khi nào dại-dột, lại thuốc phiện với giấm thanh hay treo cổ với trẫm minh ? Không, tác-giả chỉ hoặc sang Tàu, hoặc sang Tây để tránh cái mặt cho nó khỏi xấu hổ đấy mà thôi.

Tác-giả nếu không đỗ cũng là khổ tâm lắm. Nhưng vì khổ tâm phẫn chí mà vịnh được một bài thơ như bài này, thì cũng có phần ích lợi đôi chút cho làng thơ vậy. Bài thơ này đọc thật nhẹ như mây bay, nhanh như tên bắn, cái ý vì cay mà sâu, cái văn vì liều mà chạy như thế, thực cũng là một cái tài hiếm có trong nghề thơ. Trong bài có bốn chữ « *toi cơm, phải ớt* » thuần nôm đã hay, lại được bốn chữ cống-hỉ, mét-xi đưa vào mới cho tai nghe cũng là đắc thế lắm.

---

## 66. — Anh vô nghệ

Giời đất sinh ra chán vạn nghề,
Làm thầy, làm thợ với làm thuê.
Bác này ấy mới *thái vô tích*,
Sáng vác ô đi, tối vác về.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép.** — Câu 3. Bác này *mới thực là* vô ích, hoặc : *Đố ai mà được như ông nhỉ.*

**Chữ và câu.** — *Thái vô-tích* = *thái* : quá lắm, như nói thái quá ; *vô tích* : không làm nên công-nghiệp gì cho người ta trông thấy cả, người ta hay nói *vô tích sự* nghĩa là hão đoảng, không được việc gì cả. — *Ô* = dù che mưa, che nắng.

**Ý và văn.** — Câu đầu nói lung bao rộng cả giời đất. Giời đất đây tức là thế-giới, mà trong thế-giới, không kể chi loài vật, người ta ai nấy cũng đều có công việc phải làm cả. Làm gì ? Câu thứ hai nói đại để người thì làm thầy, người thì làm thợ, kẻ thì làm thuê. Sự làm việc nó đã là một cái luật chung cho cả mọi loài, mọi người như thế, mà sao có một bác, thực là vô-tích đoảng. Tại sao ? Tại bác chẳng có nghề-ngỗng gì cả, bác ấy chỉ có cái nghề vác ô đi buổi sáng rồi buổi tối lại vác ô về mà thôi (câu 3 và 4). Bác ấy là ai ? Có nhẽ là chính tác-giả, tác-giả không nghề-nghiệp gì mới làm bài này để tự-trào mình vậy. Cái ý bài vốn chỉ nhằm riêng có một người thôi, nhưng cứ kể, hạng người vô-nghệ ở đời tưởng cũng còn nhiều mà mỗi một người ấy chẳng dự cái tên là người *vác ô* được ư ? Chữ vác đây nhắc lại hai lần thực là chữ nhãn-tự của bài, thoạt nghe tưởng dường như *gánh vác nặng nhọc* lắm, song dưới thấy nói vác là *vác ô*, lại có hai chữ *đi*, *về* kèm sau mới thành bật cười mà rõ ngay ra một anh vô nghệ vậy.

## 67. — Cái chữ nho

Nào có ra gì cái *chữ nho*,
Ông *Nghè* ông *Cống* cũng *nằm co*.
Sao bằng đi học làm thầy *Phán* ?
Tối rượu *sâm-banh* sáng sữa bò.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép.** — Câu 1. *Lại có làm chi*. — Câu 2. Ông *Hoàng*, ông *Bảng*. — Câu 3. *Ước gì* đi...

**Chữ và câu.** — *Chữ nho* = chữ Hán đối với chữ Quốc-ngữ, chữ Tây (xem rõ nghĩa chữ *Nho* bài *Cái học nhà Nho*, trang 163). — *Nghè*, *Cống* = (xem bài *Anh nói khoác*, trang 76). — *Nằm co* = nằm chân tay co quắp lại, ý nói bó chân, bó tay không làm nên gì cả. — *Thầy Phán* = tiếng ta dùng để chỉ người đi làm việc Tây, làm các công-sở, ta gọi thông-phán cho là cao hơn chức thông-ngôn một trật. Chính nghĩa chữ *Phán* là quyết định cho một việc là phải hay trái, ngay hay cọng. — Bên Nhật-bản cũng có chức quan gọi là *Phán-sự* bàn định các việc. — *Sâm-banh* = thứ rượu nho trắng, có bọt, làm ở xứ *Champagne* (săm-pa-nhờ) Bên nước Pháp cho là quí lắm, những tiệc trọng thường dùng đến. Tiếng *sâm-banh* là đọc trạnh ở chữ champagne ra.

**Ý và văn** — Có phải cái chữ Nho nó không ra gì đâu. Xưa học chữ Nho mà thi đỗ được đến ông Cống, ông Nghè, đi làm quan nhỏ, quan to thì còn cái hi-vọng nào cho bằng cái hi-vọng của anh đồ ấy nữa. Khốn đời bây giờ, ông Cống kia cũng ngồi

xo một só ông Nghè kia cũng nằm co một nơi, hai ông cũng không đắc dụng, không có cách sinh-nhai, thì cái chữ Nho các ông học còn kể vào đâu, còn có ra gì. Tại sao vậy ? Chỉ tại không hợp thời nữa. Cái thời ngày nay nó hình như cái thời thuộc về các ông đi làm việc Tây ở các sở, bất cứ gọi ông ấy là ông thư-ký, là ông thông-ngôn hay ông phán-sự gì. Các ông ấy có việc làm, các ông ấy kiếm ra xu, nên các ông ấy sung-sướng, ăn ở theo tây-cách, tối cũng sâm-banh, sáng cũng sữa bò, sang trọng có kém gì Tây. Chẳng trách mà làm cho ông Nghè, ông Cống và cả bao nhiêu ông chữ Nho khác trông thấy mà ưa, tưởng đến mà thèm. Ôi ! sao ta thế, sao người thế ? Càng so bì, càng suy nghĩ bao nhiêu, ta càng hình như giận cái nông nỗi nhỡ thời của ta mà hóa ra ta phải cảm-khái vậy. Nên cái bài tứ-tuyệt của ông Tú đây, thực đã như một nhời ta thán, một tiếng kêu chung cho cả bọn chỉ vì lỗi thời mà hóa ra bất đắc kỳ dụng vậy.

Bài này làm khí-vận lưu-loát, bốn câu đi thẳng luôn một mạch chẳng khác nào văn suôi. Bốn chữ : « *Nào có ra gì* ! » ra giọng khinh-miệt ; hai chữ *nằm co*, có ý thảm-thương ; hai chữ « *thầy Phán* », hình như suy tị ; hai tiếng « *sâm-banh* » và hai tiếng « *sữa bò* », có nhẽ đắt hơn cả, vì là chữ mới trong thơ Nôm. Câu cuối có người thường đọc lộn hai chữ *tối*, *sáng* lên, đọc rằng : « *sáng* rượu sâm-banh, *tối* sữa bò » để bác những ông phán có thể gọi là ông phán nhà quê, muốn bắt chước người, mà bắt chước ngược hẳn lại đáng bật cười.

## 68. — Cái học nhà nho

Cái học *nhà Nho* đã hỏng rồi,
Mười người đi học, chín người thôi.
Cô hàng bán sách *lim-dim ngủ*,
*Thầy khóa tư lương nhấp-nhổm* ngồi.
*Sĩ-khí rụt-rè gà phải cáo*,
Văn-chương *liều-lĩnh đấm ăn xôi*.
Tôi đâu dám *mỉa* làng tôi nhỉ ?
*Trình có quan tiên, thứ-chỉ tôi*.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép**. — Câu 5. gà *nghẹn thóc* — Câu 7. dám mỉa làng *Nho thế*. — Câu 8. Trình có *ông* tiên...

**Chữ và câu**. — *Nhà Nho* = tiếng *nho* nghĩa rộng xưng tất cả những người đi học như nói thâm-nho, túc-nho, cựu-nho, tây nho ; nghĩa hẹp chỉ riêng những người theo học đạo Khổng, Mạnh. — *Lim-dim ngủ* = nói đôi con mắt nhắm mở chập-chờn hình như chán nản mà buồn ngủ. — *Thầy khóa* = *khóa* tức là thi. Phàm cái gì đã có trình-thức định rồi mà xát-hạch thi-nghiệm lại thi gọi là khóa. *Thầy khóa* là chỉ người đã chịu xát-hạch trúng rồi mà được đi thi. Cũng hơi giống nghĩa như *thí-sinh*. — *Tư lương* = *tư* : cấp cho ; *lương* : gạo thóc ăn ; *tư lương* : người ta cấp lương cho mà ăn. Bây giờ nói *ăn lương*. — *Nhấp-nhổm ngồi* = ngồi không yên như sợ người ta đuổi đi mất chỗ. — *Sĩ-khí* = vốn nghĩa là cái lòng hung-hăng của nhà chiến-sĩ trước mặt quân cừu-địch, đây chỉ rộng cả cái nghĩa của bọn đi học,

cầm đến quyển sách. — *Rụt-rè gà phải cáo* = câu tục-ngữ ý nói rút-rát sợ hãi không dám thi-thố cái gì cả. — *Liều-lĩnh đấm ăn xôi* = cũng câu tục-ngữ, cố chịu đấm để mà ăn xôi (xem truyện *Để mua vui*, quyển đầu). — *Mỉa* = chê-bai mói-móc, nói người ta không ra gì. — *Trình có quan tiên, thứ-chỉ tôi* = *tiên, thứ-chỉ* : người đứng đầu, đứng thứ hai trong một làng. Câu này ý nói tác-giả làm bài thơ này. nói về làng Nho, mà tác-giả vốn là một người trong làng Nho. — ông Xương đỗ tú-tài, — thực không dám chê-bai làng Nho, vì còn những bậc cao hơn tác-giả nhiều. *Tiên, thứ-chỉ*, ám-chỉ các ông Nghè, ông Cử.

**Ý và văn.** — Bài trên, đối với *Chữ Nho*, tác-giả đã hạ bốn chữ « *Nào có ra gì* ». Bài này, đối với cả cái học *Nho*, tác-giả lại hạ ba chữ « *Đã hỏng rồi* ». Nên tuy là hai bài mà cái ý bao-hàm, cái giọng thở-than cũng như là một vậy. Cái học Nho ấy nó thế nào mà lại cho là hỏng ? Cứ trông qua thì đủ rõ : này kẻ theo học chữ Nho, thì mười người bỏ đến chín ; này cô hàng bán sách Nho, thì ế hàng lim-dim ngủ, này thầy khóa kiếm ăn về chữ Nho, thì chỉ sợ người ta đuổi (câu 2, 3 và 4); — này chí-khí nhà Nho thì rụt-rè như gà phải cáo ; này văn-chương nhà Nho thì liều-lĩnh như cố đấm ăn xói (câu 4 và 5). Ôi ! bỏ như thế, ế như thế, sợ như thế, rụt-rè, liều-lĩnh như thế, mà bảo là không hỏng sao được ? Tác-giả kêu nhà Nho hỏng, thực không phải có ý mỉa-mai gì, tác-giả cũng là một người trong làng Nho, mà trong làng Nho còn biết bao nhiêu người bằng trăm, bằng mười tác-giả (câu 7 và 8). Ta nên thể cái bụng cho tác-giả, tác-giả sở-dĩ phải đem nhà Nho ra mà ta-thán, mà ngâm-vịnh như

thế, là chỉ vì tác-giả thấy cái cảnh nó thế nào, thì đem tả chân nó ra như thế mà thôi. Ôi ! không nói gì chính nhà Nho, đến người ngoài làng Nho, khi trông thấy trước mắt, một cái cảnh-tượng gần tàn sắp suy như thế, thì giữ sao mà không buồn, không đau, không ngậm-ngùi thở-than cho được. Nên bài thơ này thực đã như một cái tiếng kêu sau cùng rất thống-thiết của cả những nhà Nho ngoi-ngóp còn lại. Bài thơ này hay nhất là ở hai câu thực đối rất tài-tình, hai câu luận dẫn tục-ngữ rất có ý-nhị.

---

## 69. — Về đi cày

*I*

*Hán tự*, chẳng biết Hán,
*Tây-tự* chẳng biết Tây ;
*Quốc-ngữ* cũng *tịt-mít*...
Thôi đi về đi cày !

*II*

Giồng ngô và giồng đậu,
Cấy chiêm, lại cấy mùa.
Ăn không hết thì bán,
Bán, đã có Tây mua.

*III*

Được tiền, thì mua rượu,
Rượu say rồi, cưỡi trâu.
Cưỡi trâu thế mà vững,
Có ngã cũng không đau.

*IV*

Ăn lương hàm *chính-thất*,
Thôi thôi thế cũng xong!
Ví bằng *Nhà-nước* dụng,
Phải bổ *tòa Canh-nông*.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép**. — Bài I. Câu 3. cũng *mù* tịt. — Bài II. Câu 4. *Ông* Tây mua. — Bài IV. Câu 4. *trường* Canh-nông.

**Chữ và câu** — *Hán-tự* = chữ Hán tức là chữ Tàu, chữ Nho ; sở-dĩ gọi Hán, là vì cái giống từ xưa làm chủ bên Tàu là giống Hán, người ngoài gọi nước Tàu là nước Hán, mà chính người Tàu cũng tự xưng mình là Hán. — *Tây-tự* = chữ Tây, đây chỉ riêng chữ Pháp ; sở-dĩ gọi Tây là vì đối với ta, người Pháp ở về phương Tây. — *Quốc-ngữ* = *quốc* : nước ; *ngữ* : tiếng nói ; tiếng nói riêng của một nước, bất cứ nước nào, gọi là quốc-ngữ của nước ấy. Bây giờ ta dùng quen hai tiếng quốc-ngữ để chỉ cái lối phiên-dịch tiếng Việt-nam ra bằng chữ mượn của mẫu-tự La-tanh (latin). — *Tịt-mít* = dốt đặc hẳn, như tắc lại, như mờ mịt không biết gì cả. — *Chính-thất* = vợ

cả (xem rõ bài *Dỗ người lấy lẽ*, số 85). -- *Nhà-nước* = tức là chỉ Chính-phủ. Chữ Nhà-nước dịch ở chữ *quốc-gia* ra mà bên Tàu quốc-gia xưng là nước, là bởi trước về đời Phong-kiến, chư-hầu thì xưng là *quốc*, đại-phu thì xưng là *gia*, sau họp hai tiếng lại mà gọi quốc-gia là Nhà-nước hay Chính-phủ. — *Tòa Canh-nông* = *canh* : cày; *nông* : làm ruộng; *tòa Canh-nông* là tòa coi riêng về sự giồng-giọt cày cấy.

**Ý và văn.** — Bốn bài tứ-tuyệt ngũ-ngôn này cái ý đi liên-tiếp với nhau thực là quán-xuyến như một, mà lại phân-minh tường-tận lắm. Rút lại bài I là đuổi về đi cày; bài II là cày để làm gì; bài III là cày mà cũng có cách chơi; bài IV là cày thế cũng yên phận. Ta đọc bài đây của ông Tú, ta lại hồi nhớ đến một bài ca-dao cổ cũng có cái ý đuổi về đi cày rồi. Bài ca-dao rằng:

« *Văn-chương, phú, lục chẳng hay,*
« *Giở về làng cũ, học cày cho xong;*
« *Ngày ngày, vác cuốc thăm đồng,*
« *Hết nước, lại lấy gàu sòng tát lên;*
« *Hết mạ ta lại quẩy thêm,*
« *Hết lúa, ta lại mang tiền đi đong;*
« *Nữa mai lúa tốt đầy đồng,*
« *Gặt về dập, sảy, bõ công cấy cày.* »

Bài ca này nhời nhẽ tuy chất-phác, nhưng cái giọng chân-thực, hồn-hậu, chỉ kể rõ các công việc phải làm, lúc đó đã bỏ học về đi cày thôi. Còn bài của ông Tú, tuy cũng là một bài tự-sự, nhưng trong lại thêm cái cảm-khái giận thân, cay đời, chọc người, mỉa thế nữa. Nên bài của ông thành có cái sức mạnh-mẽ, cái khí hoạt-bát lạ thường.

Ở nước ta bây giờ, kể ba thứ chữ cần dùng, chỉ lép một thứ, lắm lúc cũng còn bực mình khó chịu,

nữa là Hán đã chẳng biết, Tây đã chẳng biết, mà đến Nam cũng lại tịt-mít nốt. Dốt đã dốt đông, dốt đặc quá như thế thì còn văn-chương làm gì, mà chẳng về học cày cho xong.

Đất đã cày lên rồi, thì giồng thóc chiêm, thóc mùa, giồng ngô đậu, trước là để cung cấp cho thần-khẩu của mình, hoặc còn thừa thõi, thì đem đi bán, mà bán không sợ ế đâu, vì đã có ông Tây mua.

Người ta mua thóc ngô cho mình, thì là mình được tiền. Tiền ấy mình đem mua rượu uống ; uống rượu say rồi thì cưỡi trâu giong chơi. Cưỡi trâu tuy chậm, nhưng được cái vững. Hoặc dù cho có ngã nữa, cũng không sợ đau, đau sao cho bằng ngã ngựa, ngã xe, ngã ô-tô hay ngã máy bay được.

Ai dám bảo về đi cày là khổ thân. Không, ta ở nhà ăn lương của mẹ đĩ, ta cũng bằng lòng số phận, ta chẳng mong danh lợi gì cả. À, mà vi dù Nhà-nước có yêu ta, triệu ta ra nữa, thì chỉ bổ ta vào tòa Canh-nông được thôi, vì ta chỉ sở trường có một việc cày cấy, chữ nghĩa ta đã đành tịt-mít cả rồi.

Cái ý ông Tú giải ra như thế, thực là dấm-dẳn mà lẳng-lơ, nhưng thực lại là cay đắng muôn phần, sâu xa nhiều nỗi. Cái lối đặt cả bốn bài đã nhanh, đã chạy, các nhãn-tự điểm những như *tịt-mít, không hết, vững, không đau, hàm chính-thất* lại là đắc-thế tài-tình lắm.

---

Kho sách xưa Quán Ven Đường

## 70. — Quan tại gia

Một ngọn *đèn xanh*, *một quyển vàng*,
Bốn con làm lính, bố làm quan.
*Câu thơ, câu phú, sưu cùng thuế,*
*Nghiên mực, nghiên son, tổng với làng.*
*Nước quạt chưa xong, con nhảy ngựa,*
*Trống hầu chưa rứt, bố lên thang.*
Hỏi ra quan ấy *ăn lương vợ,*
*Đem truyện trăm năm giở lại bàn.*

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Đèn xanh* = dịch ở chữ *thanh* (xanh) *đăng* (đèn) ra và nghĩa là ngọn đèn sáng, ngọn lửa trông như xanh. — *Quyển vàng* = dịch ở chữ *hoàng* (vàng) *quyển* (quyển sách) ra. Gọi quyển vàng, là vì đời xưa sách viết toàn dụng thứ giấy nhuộm bằng một thứ thuốc vàng để cho khỏi mọt ăn. Hiện nay những giấy má sách vở cẩn-trọng như sắc nhà vua, như quyển gia-phả cũng còn dùng thứ giấy vàng cả. — Hai chữ *đèn xanh*, *quyển vàng* thường dùng để chỉ người học-hành. — *Câu thơ, câu phú, sưu cùng thuế* = tác-giả có ý nói phần thì tác-giả nghĩ đến câu thơ, câu phú, phần thì lo cho có tiền để đóng góp với nước (*sưu* : đòi ; *thuế* : tiền góp cho nước có của dùng). — *Nghiên mực, nghiên son, tổng với làng* = tác-giả có ý nói phần thì viết, thì chấm — có lẽ tác-giả dạy trẻ học — dùng mực, dùng son, phần thì lo việc hàng tổng, hàng xã, tác-giả có chân khoa-mục, chắc cũng có địa-vị cao trong làng, trong tổng. — Nước quạt *chưa xong con nhảy ngựa*

= câu này ý nói con đun nước, quạt nước chưa được sôi, thì đã vội đi chơi nghịch nhong-nhong nhảy ngựa với nhau rồi. — *Trống hầu chưa rứt, bố lên thang* = câu này ý nói trống tan hầu chưa đánh, thì bố đã trèo thang để lên gác rồi. — *Ăn lương vợ* = vợ cấp tiền nuôi cho ăn, chớ không phải Triều-đình, Chính-phủ gì. Thế mới rõ là quan tại-gia nghĩa là quan làm việc tư ở nhà cho vợ con, chớ không phải làm việc công cho dân. — *Đem truyện trăm năm giở lại bàn* = đem truyện cũ ra mà bàn lại với nhau.

**Ý và văn**. — Bài trước ông Tú đã hạ mấy chữ « *Ăn lương hàm chính-thất* », bài này ông lại như đem cái ý mới-mẻ ấy phu-diễn rộng thêm mà tạc nên cái cảnh « quan tại-gia ». Ừ, mà ông đã được mông thụ cái *hàm* kia, thì tức là như ông đã được bổ dụng làm quan, chẳng quan gì với dân, ở chốn công-đường nào, thì cũng quan với vợ con ở chính ngay-nhà mình vậy. Ấy mới là một cái đặc thú rất nên thơ.

Không phải nói chơi, ông làm quan cũng là đèn giời soi xét, cũng có quyền vàng của vua ban, cũng có lính hầu, cũng thu sưu thuế, cũng đủ son mực để phê phó đòi hỏi, cũng có hàng tổng, hàng xã ra luồn vào cúi, con ông cũng có ngựa cưỡi chơi bời, chính ông cũng được thăng thưởng lên trật luôn. Ông làm quan đường phết là thế... Những lúc hỏi ông là quan gì, làm quan ở đâu? Thì suy ra mới biết ông là ông quan bổng lộc nhờ vợ, và nhậm ly ở chốn tại-gia vậy.

Đèn xanh quyền vàng là ông còn học, lính tráng hầu hạ là con ông, sưu thuế là chính ông đóng góp, mực son là để ông giúp người làng, ngựa con ông cưỡi là ngựa người, ông được thăng trật là ông trèo lên gác. Ấy

Quán Ven Đường, Góp Nhặt Sách Xưa (người góp nhặt Huỳnh Chiếu Đẳng)

cái cảnh thực buồn rầu như thế, mà xoay thành hẳn cái cảnh giả hách dịch đến như thế, ngọn bút của ông khéo họa tài tình lắm. Ông thực khiến cho người đọc ông phải cười là giả, mà lại phải phiền là thực.

---

## 71. — Ông Tú tự trào

Chẳng phải quan, mà chẳng phải dân,
Ngơ-ngợ ngẩn-ngẩn hóa ra *đần*.
*Hầu con chè rượu, ngày sai vặt,*
*Lương vợ ngô khoai, tháng phát dần.*
Có lúc vểnh râu vai *phụ-lão,*
Cũng khi lên mặt dạng *văn-nhân,*
Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ?
— Lâu để mà xem *cuộc chuyển-vần.*

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Tự trào* : (xem bài sau.) — *Đần* = ngu xuẩn, ỳ ra không biết gì cả. — *Hầu con chè rượu ngày sai vặt* = ngày ngày lúc rượu, chè thì có con cái hầu-hạ để cho mà sai vặt. — *Lương vợ ngô khoai tháng phát dần* = tháng tháng lương ngô khoai, thì đã có vợ phát dần. — *Phụ-lão* = *phụ* : cha ; *lão* : già, nói bậc nhiều tuổi đáng làm ông cha người ta. —

*Văn-nhân* = người có văn-học. — *Cuộc chuyển-vần* = chính là chuyển-vận và ý nói cuộc đời xoay vần luôn mãi không bao giờ thôi.

**Ý và văn.** — Đại ý bài này cũng còn phẳng-phất như mấy bài trên, vì cũng còn là của ông Tú làm, ông ấy tự trào, tự cười, mà tức là cười cả bao nhiêu người cũng như ông ấy vậy. Ông ấy không nhận là *quan* — vì quan cái đời bây giờ ai cũng đã biết — ông ấy lại không nhận là *dân* — vì dân cũng chưa đủ tư-cách làm dân. Thành *ngơ-ngơ ngẩn-ngẩn*, ông ấy chỉ còn là một thằng *đần* mà thôi (câu 1 và 2). — Nhưng cứ kể cái thằng đần được như thế cũng là sướng. Này lúc *rượu chè* sai con *hầu* vặt cũng đủ, đến cuối tháng, đợi vợ *phát ngô khoai* cũng no (câu 3 và 4). Này ở nơi quê-quán, ông cũng đã vào bậc ông cha người ta ; ở trong làng văn, ông cũng đã từng lên mặt nhà thi-sĩ có giá (câu 5 và 6). Dù giời bắt ông trăm tuổi, ông cũng chẳng tiếc gì. Nhưng ông còn muốn *sống lâu*, sống lâu để xem các cuộc chuyển-vần rồi nó ra thế nào (câu 7 và 8). Ôi ! ông Tú như thế, mà ông bảo ông đần, hoặc là tại ông lưu-tâm đến xã-hội, đến quốc-gia lắm chăng.

Bài này được hai câu thực và hai câu luận đối nhau thật chỉnh, thật chọi từng chữ một. Câu 2 trên có bốn chữ « *ngơ-ngơ ngẩn-ngẩn* », rồi hạ ngay xuống vần « *đần* » rất khéo. Còn hai câu kết có ba chữ « *lâu* » vừa hỏi, vừa đáp cũng là có vẻ hoạt-bát và tài-tình lắm.

## 72. — Tự trào

Cũng chẳng giàu mà cũng chẳng sang,
Chẳng gày, chẳng béo, chỉ *làng-nhàng*.
Cờ đương giở cuộc, *không còn nước*,
Bạc *chửa thâu canh, đã chạy làng*.
Mở miệng nói ra *gàn bát sách*,
Mềm môi chén mãi *tít cung thang*.
Nghĩ mình lại gớm cho mình nhỉ,
Thế cũng *bia xanh, cũng bảng vàng*.

NGUYỄN-KHUYẾN

**Có bản chép**. — Câu 1. *Ta* cũng chẳng giàu cũng chẳng sang. — Câu 3. *toan nhầm* nước. — Câu 4. Bạc *gặp* canh thua. — Câu 5. *Hé* miệng. — Câu 7. *Ta ngồi ta* nghĩ.

**Chữ và câu**. — *Tự trào* = *tự* : tự mình ; *trào* : đùa bỡn ; *tự trào* : tự mình lấy nhời nói mà nhạo mình để làm trò vui cười. — *Làng-nhàng* = không gày, không béo, tầm vóc vừa phải. — *Không còn nước* = không còn đi nước nào được nữa, thế gọi là cờ bí. — *Chửa thâu canh* = *thâu* : nghĩa đen là đâm tự bên nọ suốt sang bên kia, nghĩa mượn là hết ; *thâu canh* : tàn một canh bạc. — Người ta thường nói : *thâu* đêm, *thâu* ngày. — *Đã chạy làng* = đã tháo lui không dám đánh nữa. — *Gàn bát sách* = gàn lắm, không rõ điển *bát sách* là thế nào. — *Tít cung thang* = say lắm, say tít đi không biết gì nữa ; *cung thang* cũng không rõ điển do tự đâu. — *Bia xanh bảng vàng* = bia đá

xanh, bảng vàng là đỗ tiến-sĩ (xem rõ bài *Tiến-sĩ giấy*, số 63).

**Ý và văn**. — Bài này cũng là một cái thể tự trào tự vịnh như bài trước. Nhưng cái giọng tuy có giống bài trước mà cái điệu lại đứng-đắn và đường-bệ hơn. Vì ông Kế-Xương khác, cụ Nguyễn-Khuyến khác. Ông Xương là một người lều chiếu chỉ được đến Tú-tài, là người lúc sinh thời có nhẽ coi là vô công-nghiệp được. Còn cụ Khuyến là một người đã giật giải được tam khôi, lại đã từng làm quan ít lâu, có một chút công danh vậy. Cái cảnh đã khác, tất cái văn cũng phải khác, nên hai người tự trào không thể giống hẳn như nhau được.

Vậy mà cụ Khuyến tự trào, cụ cũng không lấy khoa-danh, hoạn-trường làm đắc-chí. Xem hai câu kết của cụ, thì lại hình như cụ chính lấy cái khoa-danh, cái bia đá, bảng vàng làm thẹn với đời. — Cái chí-nguyện, cách xuất xử của cụ thế nào, xem bốn câu giữa thì cụ thực là người khiêm-tốn. Cụ tự nhận rằng cụ là một người không làm trọn được nghĩa-vụ đối với nước với làng, nửa chừng cụ đã thoái-thác về nghỉ (xem rõ tiểu-sử của cụ ở cuối sách), cụ không muốn thi-thố với đời nữa ; lúc về nghỉ, cụ chỉ làm thơ-văn, cụ không dám nhận là hay mà lại kêu là gàn, cụ chỉ vui chè rượu như lấy cái say sưa làm cuộc tiêu-khiển để quên sự đời vậy. — Còn hai câu đầu bài chẳng qua là chỉ tả cái địa-vị của cụ trong xã-hội và cái tầm vóc, cái hình-hài của cụ đại để như thế thôi. Bởi có mấy chữ « *không gày, không béo, làng-nhàng* » ấy mà có người cho cả bài này là bài cụ làm để đề ảnh của cụ vậy.

Trong bài, hai câu đầu có bốn chữ « ***chẳng*** » như

chối đi, mà tựu-trung lại chính là vẽ rõ hình ảnh, địa-vị ra. Bốn câu giữa hạ những chữ « *không còn nước, đã chạy làng, gàn bát sách, tít cung thang* » là dùng những tục-ngữ một cách rất khéo mà có ý-vị lắm vậy.

---

## 73. — Lúc vận chưa đạt

Chửa chán ru mà *quấy* mãi đây !
Nợ nần *dan-díu* mấy năm nay.
Mang danh *tài sắc* cho nên nợ,
Quen thói *phong-lưu* hóa phải vay.
*Quân-tử lúc cùng thêm thẹn mặt,*
*Anh-hùng khi gấp cũng khoanh tay.*
Còn giời, còn đất, còn non nước :
Có nhẽ ta đâu mãi thế này !

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

**Chữ và câu.** — *Quấy* = nghĩa đen là khua một chất lỏng hay nát cho sạo-sục lên ; đây dùng nghĩa mượn, ý nói số mệnh nó làm bận, làm rày, không để cho yên. Người ta nói : *quấy* quả, *quấy* rày, trẻ nó *quấy*. — *Dan-díu* = vướng-viu khó gỡ ra được. — *Tài sắc* = *tài* : tài giỏi, có thể làm nên việc ; *sắc* : sắc đẹp, cũng có nghĩa là ôn-nhuần. — *Phong-lưu* = thói quen lịch-sự ăn chơi sa-sỉ không giữ-gìn e-lệ để cho như

gió thổi, như nước trôi. — *Quân-tử lúc cùng thêm thẹn mặt = quân-tử* : người tài đức hơn chúng ; *cùng* : bấn túng không có gì cả. Câu này ý nói người quân-tử mà nghèo khổ thì lại càng xấu hổ hơn người thường. — *Anh-hùng khi gấp cũng khoanh tay = anh-hùng* : (xem rõ bài *Phó thí ngẫu chiếm*, số 1), *gấp* : lúc vận không thông. Câu này ý nói người anh-hùng lúc vận không đạt thì cũng chịu bó tay không thi-thố làm được việc gì cả.

**Ý và văn**. — Bài này là bài đầu trong bốn bài liên hoàn, tác-giả than thân về cái lúc vận chưa đạt. Tại vận chưa đạt, mà hóa để cái nghèo nó quấy (câu 1), sinh ra nợ (câu 2), nợ phải đi vay (câu 4), lấy làm xấu hổ (câu 5), chịu khoanh tay mà than thở (câu 6). Nhưng tuy vậy, cũng không thoái chí, cũng còn hi-vọng rồi thế nào tất phải còn có lúc khá được (câu 7 và 8).

Trong bài đầu câu thứ hai, đã hạ chữ « *nợ* », cuối câu thứ ba lại nhắc lại chữ « *nợ* », cũng là hơi ép, nhưng tưởng không thể đổi khác đi được. Cứ kể như tác-giả nói nợ, mà cho nợ là vì tài sắc, nói vay, mà tại phong-lưu mới phải vay, thi cũng là cái nợ, cái vay hào-phóng đáng ngâm vịnh lắm. Hai câu :

« *Quân-tử lúc cùng thêm thẹn mặt,*
« *Anh-hùng khi gấp cũng khoanh tay* »

thực là hai câu rất hay, tưởng có thể làm câu than chung cho cả bao nhiêu người có chí to, nhưng đang gặp phải lúc hàn-vi nó bó buộc bực mình vậy.

## 74. — Than nghèo

Cái khó theo nhau mãi thế thôi !
Có ai, hay chỉ một mình tôi ?
Bạc đâu ra miệng mà mong được !
Tiền chửa vào tay đã hết rồi !
*Van nợ*, lắm khi tràn nước mắt,
Chạy ăn từng bữa *toát* mồ-hôi !
*Biết rày*, thuở bé *đi làm* quách :
Chẳng *Ký*, không *Thông*, cũng cậu *bồi*.

TỪ-DIỄN-ĐỒNG

**Chữ và câu.** — *Van nợ* = van cũng gần nghĩa như lạy, *van nợ* là lạy lục người ta để khất nợ. — *Toát* = ra nhiều, đầm-đìa cả người. — *Biết rày* = biết mình mà bây giờ phải cùng khổ rày rạc như thế này. — *Đi làm* = đây đi làm chỉ dùng nói riêng về đi làm ở các sở, đi làm cho ông Tây. — *Ký* = vốn chữ *ký* nghĩa là ghi cho khỏi quên. Đây *Ký* là nói tắt chứ *ký-lục*, tạ quen dùng để chỉ người biết chữ Nho, dịch chữ Nho ra chữ quốc-ngữ ở các sở. — *Thông* = vốn chữ *thông* nghĩa là suốt bên nọ sang bên kia. Đây *thông* là nói tắt chữ *thông-ngôn*, ta hay dùng để chỉ người biết chữ Pháp, đứng giữa dịch chữ Pháp ra chữ Nam, hay chữ Nam ra chữ Pháp, cho một người Pháp, một người Nam không biết tiếng nhau mà hiểu được nhau. Hiện nay ngạch ký-lục (lettrés) đã bãi đi gần hết, ngạch thông-ngôn (interprètes) gọi đổi là thư-ký. Tuy vậy, hai chữ thông, ký dân-gian vẫn còn dụng nhiều để xưng gồm cả những người đi làm việc Tây ở các sở. — *Bồi* = tiếng bồi là tiếng Anh (boy)

người Pháp dùng để chỉ người hầu hạ các công việc ở trong nhà, tức như ta gọi *thằng ở*, người Khách gọi *hầu-sáng* vậy.

**Ý và văn.** — Bài này cũng như bài trên, là một bài tả sự nghèo-khổ, nhất là câu đầu, chữ dùng tuy khác, mà cái ý thực không khác câu đầu bài trên một tí gì. Cũng là một nhời than vì cái nông-nỗi đồng tiền cả. Tuy vậy lúc vào quá trong bài, xem cái giọng có phần thống-thiết hơn nhiều. Đây ta cũng thấy nợ, thấy vay, nhưng không phải cái *nợ tài-sắc*, cái *vay phong-lưu* như bài trên. Ta thấy một cái nợ, nước mắt đến phải tràn ra ; một cái vay, mồ-hôi đến phải toát ra (hai câu luận) ; ta thấy một cái cảnh túng quá đến như mơ-mòng cho bạc ở trong miệng thổ ra được, kiết quá đến nỗi hai bàn tay không được mó đến đồng tiền bao giờ cả (hai câu thực). Ôi ! tả sự túng kiết đến như thế là cùng nước. Xưa có người nghèo đã có câu kêu rằng :

*« Chó chực bữa cơm, rơi nước mắt,*
*Chuột rình chĩnh gạo, sụt đuôi nheo. »*

Lại có người kêu rằng :

*« Sàng thiêu, dạ mỗi y tăng tháp,*
*Lương tận, thê thường ký mẫu gia. »*

nghĩa là giường (có nhẽ giường tre) đốt hết, mỗi đêm ra ngủ nhờ giường sư ; — Lương hết, thường phải đem vợ gửi nhà mẹ vợ.

Kêu như thế tưởng đã là đau-đớn cực-nhục lắm. Mà bây giờ xem hai câu :

*« Van nợ, lắm khi tràn nước mắt,*
*Chạy ăn từng bữa toát mồ-hôi... »*

thì cái phần đau-đớn cực-nhục có khi lại thống thiết

hơn nhiều. Những tiếng « *mồ-hôi, nước mắt* » thảm thương lắm.

Hai câu kết tác-giả nói đến *đi làm*, chẳng *ký*, chẳng *thông* cũng cậu *bồi*. Ôi ! hạ đến cái tiếng cuối bài nghe như não-nùng khốn-khổ mà đâm liều-lĩnh quá, cái tiếng *bồi* ấy có giống được cái tiếng ca trên đàn của Tử-Tang đời Xuân-thu trước không ? (Xem *Cổ-học tinh-hoa*, trang 128).

---

## 75. — Giữa đường

Một mình đứng giữa quãng *trơ-vơ*,
Có gặp ai không để đợi chờ ?
Nước biếc, non xanh, coi vắng-vẻ,
Kẻ đi, người lại, dáng *bơ-vơ*.
Hỏi người, chỉ thấy mây xanh ngắt,
Đợi nước, càng thêm tóc bạc phờ.
Đường đất *xa khơi* ai mách bảo,
Biết đâu mà *ngóng* đến bao giờ ?

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép.** — Câu 1. quãng *đường xa*. — Câu 5. *Đợi* người, chỉ, hay *Gọi* người, chỉ. — Cũng câu 5. *non* xanh ngắt. — Câu 6. *Hỏi* nước.

**Chữ và câu.** — *Trơ-vơ* = trọi có một mình không còn nương-cạy vào ai hay bấu-víu vào cái gì nữa. — *Bơ-vơ* = thờ-thẫn không biết xoay-xở ra làm sao ; *một mình bơ-vơ*, cầu *bơ*, cầu bất. — *Xa khơi* = quá

ra ngoài bể rộng, đây nói là đường đất xa nhà xa cửa lắm. — *Ngóng* = mong đợi một cái gì có ý khao-khát lắm ; *ngóng* trông, *ngóng* đợi, *ngóng* chờ, *ngóng* chừng.

**Ý và văn.** — Hai câu đầu mở nói trơ-trọi một mình ở giữa quãng đường, biết có gặp được ai không để mà chờ đợi. Bốn câu giữa nói đưa mắt coi, thì thấy nước non vắng-vẻ, người dáng bơ-vơ. Lúc hỏi người, thì lại chỉ thấy mây xanh ; muốn đợi nước, thì lại càng thấy tóc bạc hơn. — Kết lại hỏi có ai là người chỉ đường chỉ lối cho không, chớ cứ như thế này mãi, thì biết mong đợi đến bao giờ.

Bài này thực tả chân, thì cái nghĩa giải ra như thế. Song tác-giả lại hình như có ý mượn sự lạc đường ở một nơi vắng-vẻ để tả cái thời buổi dở-dang tân cựu xung-đột của nước nhà bây giờ không biết đợi đến ngày nào mới có cơ-ngũ, mới thành nề-nếp được. Hai câu cuối bài :

*« Đường đất xa xôi ai mách bảo,*
*Biết đâu mà ngóng đến bao giờ. »*

rõ ràng có cái ý như ta vừa nói, và nếu quả như thế, thì thực đáng làm câu ngâm-vịnh cho cả những người có chút lòng ưu thời mẫn thế phải đem ra mà tự-tâm vấn-tâm được.

Hai câu ấy lấy ra có ý-vị sâu xa như thế. Nhưng toàn-thể bài, xét cho kỹ, có nhẽ chỉ vì tác-giả muốn gò cả vào một cái ý ấy, mà thành chương cú đặt không được chỉnh, nghĩa đen giải không được minh cho lắm. Câu 3 đã dùng chữ *xanh*, câu 5 lại hạ chữ *xanh*. — Câu 3 dùng chữ *coi* là đỗng-từ mà đối với chữ *dáng* là danh-từ ở câu 4. — Câu 2 có gặp *ai*, câu 7 lại *ai* mách bảo. Mà câu 2 đã hỏi *có gặp*

*ai không*, thì tưởng như quãng đường rất vắng-ve, không còn có *ai* nữa, thế mà câu 4 tiếp luôn, lại nói *kẻ đi người lại*, thì chẳng hóa khúc đường lại đông-đúc tấp-nập có biết bao nhiêu người ! Rồi, đến hai câu kết, lại hỏi *ai mách bảo*, thì đường vẫn là đường vắng không còn có ai nữa. Nên cái đầu bài thực là khó đặt, cho là « Giữa đường », « Lạc đường », hay « Ngóng đến bao giờ » dễ cũng được cả. Nhưng dù thế nào, đã một hai câu được như hai câu cuối, thì cũng là một bài có giá đáng quí lắm rồi.

---

## 76. — Lạc đường

Mặt giời đã *gác*, quãng đường xa,
*Lững-thững* non sông, chửa đến nhà.
Muốn bước, xa chân toàn *đất khách*,
Hỏi thăm, lạ mặt những người ta.
Bóng cây nghiêng-ngửa coi rầu-rĩ,
Tiếng dế vo-ve giọng *thiết-tha*.
Ngảnh lại thử xem giời đất *tí*,
Tối lâu, lâu cũng sáng lần ra.

TỪ-DIỄN-ĐỒNG

**Có bản chép**. — Câu 5. *xem* rầu-rĩ. — Câu 6. *Đàn quạ bay kêu* giọng thiết-tha.

**Chữ và câu.** — *Gác* = cất đi một chỗ ; nói mặt giời đã gác tức là nói mặt giời đã lặn. Người ta nói : *gác* bóng. — *Chiêng đà gác bóng chênh-chênh.* — *Lững-*

*thững* = đi thư-thả, không rõ bước đi nữa rồi tới đâu. — *Thẹn-thùng lững-thững chân giời*. — *Đất khách* = đất của người, nơi người ở, không phải của mình. — *Thiết-tha* = cắt cứa, mài dũa, ý nói nghe cái tiếng dế kêu buồn-bã như đau-đớn trong lòng lắm. — *Tí* = bé lắm.

**Ý và văn**. — Bài này cũng tả cái cảnh-huống *Lạc đường*, cũng nói trơ-vơ ở một *quãng đường xa* như bài trên, song đem tỉ với bài trên thì chương cú đặt đã minh-bạch có trật-tự hơn, mà ý nghĩa lại có phần cao xa, nhiều thi-vị hơn.

Trước hết nói rõ cái lúc trơ-vơ một mình nhằm vào lúc mặt giời đã gác, cái cảnh buồn rầu và tình lai-láng chắc nhiều. Giời đã giở về tối, còn thơ-thẩn một mình giữa chốn non sông, muốn quay về nhà thì còn xa không thể kịp, muốn đi lên nữa, thì toàn đất khách quê người, không quen thuộc ai cả. Trong lúc ấy đưa mắt nhìn, thì thấy bóng cây nghiêng ngả ; để tai nghe, thì thấy tiếng dế vo-ve. Một cái cảnh-ngộ như thế, dù chẳng « *Đêm khuya thân gái dặm trường* » gì, nhưng cứ kể lúc giời đã nhá-nhem ; một mình bơ-vơ ở chỗ đất khách, không biết đâu tìm cho có nơi ăn, chốn ngủ, thì cũng là một cái cảnh-ngộ đáng buồn mà đáng lo vậy.

« *Tối tăm biết mít là gai,*
« *Biết quen hay lạ, biết ai mà chào ?* »

Có người trước được biết tác-giả kể lại rằng tác-giả vịnh bài này, là nhân một bận lên chơi với người bạn ở phủ Quảng-oai (Sơn-tây) không được gặp, mà phải bơ-vơ giở ra về.

Hai câu kết hạ những chữ « *giời đất tí* », « *sáng lần ra* », như không được cắn vào đầu bài cho lắm. Có nhẽ cụ Tú Đồng đây cũng như cụ Tú Xương

trước hoặc có ý nhân cảnh lạc đường mà nghĩ đến nước nhà gặp buổi cũng gọi là « lạc đường » được chăng. Ôi ! cái nhẽ thiên địa tuần-hoàn, bĩ rồi mới thái, suy rồi mới thịnh, tối rồi lại sáng, tác-giả nói « sáng lần ra » có nhẽ cũng là phải :

« *Tối rồi, giời lại sáng ra,*
« *Đi đâu mà vội, cho già mất thân.* »

---

## 77. — Đêm dài (I)

Đêm sao đêm mãi *tối mò-mò* !
Đêm đến bao giờ mới sáng cho ?
Con trẻ *u-ơ* chừng muốn dậy,
Ông già *thúng-thắng* vẫn còn ho.
Ngọn đèn giữ trộm khêu mờ tí,
Tiếng chó *nghi người* cắn vẫn to.
Hàng xóm láng diềng ai đã dậy ?
Dậy, thì lên tiếng gọi *nhà Nho.*

TỪ-ĐIỂN-ĐỒNG

**Có bản chép.** — Câu 5. *rình* trộm.

**Chữ và câu.** — *Tối mò-mò* = tối lắm, không trông rõ cái gì cả. — *U-ơ* = tiếng trẻ lúc chưa biết nói, bập-bẹ nghe như thế. — *Thúng-thắng* = đây là thỉnh-thoảng sẽ ho một tiếng, đối với ho từng cơn. — *Nghi người* = không rõ người quen hay người lạ, người ngay hay người gian, nên vẫn nghi ngờ mà sủa to.

— *Nhà Nho* = (xem rõ bài : *Cái học nhà Nho*, số 68).

**Ý và văn**. — Than đêm dài, tất là than về cái lúc đêm đã khuya lắm, mà đợi lâu, vẫn cứ tối mãi, không thấy sáng hẳn. Bởi than về cái khoảng đêm ấy, mới thành ra thấy đàn con trẻ nó ngủ đã đầy giấc hình như muốn dậy ; mới thấy ông cụ, cái tuổi già nó làm cho giằn-giọc ngủ chưa yên mà còn thúng-thắng ho, hoặc chưa ngủ được hẳn, nghĩa là ngủ cái giấc ngủ trăm năm (câu 3 và 4). Cũng lại bởi than về cái khoảng đêm ấy mới nói được ngọn đèn khêu *còn* bé, tiếng chó *cắn vẫn* to (câu 4 và 5). Còn hai câu kết đây hỏi ai bên cạnh đã có người dậy chưa. Nếu đã dậy, thì gọi nhà Nho với, tác-giả chính là một nhà Nho vậy.

Ấy cái phần tả chân, thì giải ra như thế. Còn cái phần ý-tại ngôn-ngoại, thì có nhẽ sâu xa hơn nhiều. Đêm là khoảng thời giờ không có ánh sáng, mắt trông thấy tối mò-mò. Nhưng đêm lại còn là đêm cả ở trong tâm trí, đêm cả ở sự nghĩ ngợi, đêm cả ở sự ước mong mập-mờ không rõ cái cuộc đời rồi ra nó xoay đổi như thế nào. Trong cái lúc mung-lung gọi là đêm ấy, tác-giả nhận thấy lũ thiếu-niên ra dáng hình như tấp-tểnh mở mắt muốn cựa cậy, người già lão ra chừng vẫn còn băn-khoăn ham tiếc chớ chưa chịu đành một niềm tự-khí. Trong cái lúc ấy trộm ở ngoài, nó vẫn rình mò, định hở cơ là cướp của, hại người, cho nên chó ở trong nó vẫn lên tiếng to để giữ cho trọn cái chức-vụ canh gác cẩn-mật của nó. Ấy cái tình cảnh ban đêm, người già, người trẻ như thế, trộm rình, chó cắn như thế, ai mà chẳng mong cho chóng hết đêm, cho mau tới sáng, cho cái tia mặt giời kịp giọi vào mà làm cho tan

hết cả những nỗi tối-tăm mờ-mịt kia đi ? Ôi ! ai là người mà đã trông thấy cái tia sáng ấy trước nhất, đã tỉnh giấc dậy đấy, thì đánh thức bọn nhà Nho là bọn thuộc về cựu-thời chúng tôi mới nhé ! Nhưng nhà Nho gọi thế, mà biết đến bao giờ, đã có ai lên tiếng được chưa ?

Bài này phải hai chữ « *còn* » trong hai câu 4 và 5 như trùng-điệp. Còn được cả toàn bài, nhất là bốn câu giữa. có những chữ *u-ơ*, *thúng-thẳng*, *trẻ*, *già*, *khêu*, *cắn*, hạ rất khéo và đối thật chỉnh.

---

## 78. — Đêm dài (II)

Sực tỉnh trông ra ngõ *sáng òa*,
Đêm sao đêm mãi thế ru mà !
Lạnh-lùng bốn bể *ba phân tuyết*,
Xao-xác năm canh một tiếng gà.
Chim chóc hãy còn *nương* cửa tổ,
Bướm ong chưa thấy lượn vườn hoa.
Dù ai có muốn tìm ta đó,
Đốt đuốc soi lên kẻo lẫn nhà.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Sáng òa* = sáng thình-linh bật ngay lên. — *Ba phân tuyết* = tuyết rơi xuống dầy đến ba phân. — *Nương* = đây là nấp-náu chưa dám ra.

**Ý và văn.** — Bài này cũng tả đêm dài như bài trước. Hai câu phá đề, nhập đề và hai câu kết, thì

cái ý cũng phảng-phất tựa như mấy câu ấy ở bài trện, nhưng cái thế hình như có phần mạnh, cái giọng hình như có phần đậm hơn nhiều. Còn bốn câu giữa, nói gà gáy như thế, chim chóc, ong, bướm như thế thì về đường tả-chân cũng rõ ràng và đúng với cảnh gần sáng hơn. Khi ta đọc bốn câu ấy, thực hình như trong người ta cảm thấy một cái cảnh vắng-vẻ, lạnh-lùng, vạn vật còn ngủ yên cả, chỉ có con gà mới cất tiếng gáy đã như muốn giục-giã con người mà thôi.

Nói tóm lại, về mặt thi-văn, thì bài này hơn bài trước, nhưng về mặt ý-tứ, thì bài trước hơn bài này. Ông Tú Đồng vẫn có cái phần đứng-đắn nghiêm-trang hơn ông Tú Xương là người tài-tình nhanh-nhẹ.

---

## 79. — Đêm buồn

Giời không *chớp bể* với *mưa nguồn*,
Đêm nảo, đêm nao tớ cũng buồn.
Ngủ quách! sự đời thây kẻ thức,
Bên chùa *chú trọc* đã hồi chuông.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Chớp bể* = chớp thấy về bên mé bể. — *Mưa nguồn* = mưa ở trên núi là chỗ các giòng sông bắt đầu chảy. — *Chớp bể mưa nguồn* là nói cái cảnh biến cố, đang yên lặng mà có truyện sảy đến thay đổi khác cả, làm cho mình phải đem tâm nghĩ-ngợi buồn-rầu. — *Đêm hôm qua chớp bể, mưa nguồn; Hỏi người giăng gió, có buồn hay không* (ca-dao). — *Chú trọc* = nhà sư.

**Ý và văn.** — Cái cảnh chớp bể, mưa nguồn là cái cảnh dễ khiến cho người ta phải buồn. Nhưng giời *không chớp bể* cũng chẳng *mưa nguồn* mà sao làm cho tác-giả *đêm nảo, đêm nao*, cũng phải buồn ! Buồn vì nỗi gì ? Vì số phận long-đong chăng ? Vì gia-tộc lục-đục chăng ? Vì quốc-gia biến-đổi, vì xã-hội điên-đảo, vì thói đời phù-bạc chăng ? .. Không rõ. Tác-giả không cho ta biết vì nông-nỗi gì mà tác giả buồn, như cái buồn giồn của nàng Kiều lúc bị giam hãm trong lầu Ngưng-bích. Có nhẽ chỉ vì tác-giả là người đa cảm, đa sầu, thấy cái gì cũng buồn, buồn quá, buồn đến nỗi như sợ đời muốn gác bỏ hẳn đi mặc kệ người *còn thức*, chớ mình thì ngủ *quách* đi cho rồi. Nhưng tưởng lúc ngủ mà còn nghe thấy tiếng chuông *chùa* đánh, còn có lòng qui-y theo Phật như thế, thì cái giấc ngủ kia chẳng lại hóa ra một cái dịp tỉnh-ngộ hay sao ?

Ta ngâm bài thơ này tưởng cũng có thể cùng với tác-giả mà buồn được. Cái ngọn bút làm thơ buồn đến như thế, thực là cái ngọn bút hạ xuống như khiến cho quỉ thần phải khóc lên vậy. Ngủ quách ! chữ « quách » gieo thực mạnh, tưởng không còn gì giữ lại được nữa. Lắm người cho bài tứ-tuyệt này là bài thơ tuyệt mịnh của tác-giả, cũng có phần đúng vậy.

Hoặc có bản lại chép bài tứ-tuyệt này thành một bài bát-cú, hai câu thực và hai câu luận rằng :

. . . . . .

. . . . . .

*« Ngao-ngán tình chung cơn gió thoảng,*
*« Ngọt-ngào quang cảnh bóng giăng suông.*
*« Khăn khăn, áo áo thêm rày truyện,*
*« Bút bút nghiên nghiên khéo dở tuồng ».*

Bốn câu này kể cũng hay, chen vào giữa bốn câu trên, cũng là đang đối vậy. Ta không rõ có phải chính ông Xương làm bốn câu ấy không. Ta chỉ biết bốn câu ấy đem cho vào bài, tuy cái ý nghĩa không lạc, nhưng khi-lực hình như có phần chậm lại mà giảm đi ít nhiều.

---

## 80. — Chiêm-bao

*I*

Bỗng thấy *chiêm-bao* thấy những người,
Thấy người nói nói lại cười cười.
Tỉnh ra, lại tiếc người trong mộng,
Mộng thế thì bằng tỉnh mấy mươi!

*II*

Nằm nghe tiếng trống *trống canh ba*,
Vừa giấc *chiêm-bao* chợt tỉnh ra.
*Thiên-hạ* có khi đương ngủ cả,
Việc gì mà thức một mình ta?

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Chữ và câu**. — *Chiêm-bao* = nói những cái thấy lúc ngủ mơ-màng cũng nghĩa như mộng mị. — *Trống canh ba* = trống đánh đổi sang canh ba, canh ba bắt đầu từ 11 giờ đến 1 giờ đêm. — *Thiên-hạ* = khoảng

dưới gầm giời, tức là thế-giới, vẫ người ở trong thế-giới. Có khi tiếng thiên-hạ dùng chỉ người một xứ nào hay người ngoài đối với một mình mình.

**Ý và văn.** — Trang-sinh xưa, lúc ngủ, thấy mình hóa làm bướm, khi tỉnh ngờ vực không rõ mình đã hóa ra làm con bướm hay con bướm nó hóa làm mình. Một cái giấc mộng làm cho ngờ vực như thế, tưởng đã có phần thú-vị lắm rồi. Thế mà, ta đọc bài đây của ông Tú, ta lại hình như vào được một giấc chiêm-bao thú-vị khoái-lạc hơn nhiều. Túy sinh mộng tử, người ta ở đời, nếu là người hay suy nghĩ, lúc thức, nghĩa là lúc hai mắt còn mở, thấy cương-thường điên-đảo, thế-đạo suy-vi, nhân-tâm bội-bạc, danh-lợi đua tranh, cường-quyền át công-lý, vật-chất lấn tinh-thần, thì tưởng cái lúc thức như thế chẳng làm phiền, làm khổ đau đớn đến cái bụng suy-nghĩ của mình ru! Nên có khi hình như chỉ muốn ngủ đi cho rồi. Lúc ngủ, mà lại được mơ-mơ màng-màng thấy những người nói nói cười cười ra dáng ôn-hòa, nhàn-hạ, vui-vẻ, sung-sướng cả, thì cái mơ-màng, cái chiêm-bao trong giấc ngủ ấy chẳng là một dịp làm cho được thỏa-thích như người đầy-tớ họ Doãn được thỏa-thích hay sao (Xem *Cổ-Học tinh hoa*, trang 171). Bởi giấc chiêm-bao nó thích thế, mà thành lúc tỉnh dậy, lại tiếc đến chiêm-bao, lại còn muốn ngủ để cho lại chiêm-bao như thế nữa. Vả chăng thiên-hạ, xem ra, ai cũng đương ngủ say cả, thì mình thức một mình mà làm gì. Thức cùng thức, ngủ cùng ngủ, nó mới ăn dịp được với đời.

Bài này tác-giả làm có tám câu, mà nhắc đi nhắc lại mấy chữ *chiêm-bao*, mấy chữ *mộng*, mấy chữ *tỉnh*, *thức*, khiến cho ta ngâm vịnh lên cũng như chỉ muốn chiêm-bao, lấy chiêm-bao làm thú, thực là tài-tình khéo đưa ngọn bút vậy.

## 81. — Khối tình

Khạc chẳng ra cho, nuốt chẳng vào,
*Khối tình nghẹn* mãi biết làm sao ?
Muốn kêu một tiếng cho to lắm,
Rằng : « Ới ai ơi *khốn* thế nào ! »

Ôn-như Hầu

**Có bản chép.** — Câu 2. *Miếng* tình *cay đắng*. — Câu 3. Muốn *gào*. — Câu 4. Ới *hỡi* ! ai ơi ! khốn thế nào ?

**Chữ và câu.** — *Khối tình* = *khối* : nghĩa đen là cục đất, đây nói tình nó kết lại như thành cục. — *Nghẹn* = mắc ở cổ khạc không ra, nuốt không trôi. — *Khốn* = khổ lắm, khổ không chịu được ; hay đi đôi như : *khốn*-nạn, *khốn*-ách, *khốn*-khổ, *khốn*-cùng.

**Ý và văn.** — Tình đây tức là ái-tình. Mà khi ái-tình nó đã như con ma nhập vào mình, ám-ảnh mình, thì nó như kết lại thành hình, thành khối trong mình mình vậy. Ác-nghiệt thay ! cái khối ấy nó cứ lơ-lửng đâu như ở chỗ cuống họng, mình muốn khạc nhổ, nó chẳng ra ngoài cho, mình muốn nuốt đi, nó cũng chẳng xuôi xuống cho. Thành nó làm cho mình như người mắc nghẹn không còn phương thuốc gì chữa cho khỏi được nữa. Túng thế, bực rọc không biết làm thế nào, mình hóa ra điên cuồng, mình phải kêu gào to lên một tiếng như để cho hả bụng nghĩ, nguôi cơn nhớ vậy. Ôi ! cái ái-tình như thế, thì nó chẳng đã như một con ma vừa làm cho mình ốm, vừa làm cho mình điên hay sao ? Nhưng

ở đời đố ai đã ra khỏi được ngoài vòng ái-tình, hay chẳng nhiều thì ít, đã từng có khi bị con ma ấy nó làm cho ốm, cho điên rồi ? Tác-giả làm bài này chắc là người có chân ,ái-tình, đa-tình lắm. Trong Liễu-trai đâu có câu : *Thiên-hạ duy chân tài nhân, vi năng đa tình.* Ôi ! cái tình, cái tài thường vẫn hay đi đôi với nhau là thế.

Bốn câu bài này, tác-giả làm thực rất tài-tình, có khác nào như thể một cái khối đúc lại bằng cái khối tình, một cái hơi thở thật mạnh bật thành ra tiếng kêu to hay không ? Cả bài chỉ có một chữ « *Tình* » là chữ nhãn-tự phải mượn chữ Hán thôi, còn bao nhiêu chữ khác là thuần Nôm cả. Nôm mà làm được những bài thơ thống-thiết, dũng mãnh như bài này, ai mà dám khinh Nôm, hay lúc làm văn chỉ nên lựa lọc cố dùng lấy nhiều tiếng Nôm thôi.

---

## 82. — Khóc vợ

Ới *Thị-Bằng* ơi đã mất rồi !
Ới *tình*, ới *nghĩa*, ới *duyên* ôi !
*Mưa hè, nắng chái, oanh ăn nói,*
*Sớm ngõ, trưa sân, liễu đứng ngồi.*
*Đập cổ-kính ra, tìm lấy bóng,*
*Xếp tàn-y lại, để dành hơi.*
*Mối tình muốn dứt, càng thêm bận,*
Mãi mãi theo hoài cứ chẳng thôi.

Dực-Tôn

**Chữ và câu.** — *Thị-Bằng* = tên người, tục truyền bài này là của Vua Dực-Tôn (Tự-Đức) làm khóc một bà phi, thì có nhẽ *Bằng* là tên tục bà phi ấy chăng. — *Tình* = cái lòng của con giai, con gái yêu nhau ; *tình*-nhân, *tình*-thú. — *Nghĩa* = việc hay, việc mình phải làm đối với một người hay một sự gì ; *nghĩa*-vụ, *nghĩa*-dũng. — *Duyên* = đây là nhân-duyên nói cái tình của vợ chồng gắn bó với nhau. = *Mưa hè, nắng chái oanh ăn nói* = câu này ý nói lúc giọt mưa rơi xuống hè hay lúc bóng nắng chiếu vào chái nhà, chỉ thấy con chim oanh nó hót véo-von như nhắc lại người cũ, mà người cũ không thấy đâu cả. *Oanh ăn nói* lấy ở cái điển *Oanh ngữ* là chim oanh nói ra. Xưa ngươi Chương-mậu-Lâm nhận được cái thơ của bố vợ nói một người rể mới có câu rằng : « *Thụy khởi đề oanh ngữ* » : lúc ngủ dậy kêu con chim oanh nói. Chương tưởng là nhầm, hỏi lại thì bố vợ đáp rằng : có thứ chim oanh nhảy nhót không hiểu tiếng nói, lại có thứ chim oanh kêu hót, hiểu được tiếng nói. — *Sớm ngõ, trưa sân liễu đứng ngồi* = câu này ý nói buổi sớm ra ngoài ngõ, buổi trưa ra ngoài sân, không thấy người cũ đâu cả, chỉ thấy cây liễu nó như đứng ngồi một mình mà thôi. *Liễu đứng ngồi* lấy ở cái điển *Tam miên* nghĩa là ba giấc ngủ ; xưa trong vườn vua Hán có cây liễu như hình người, mỗi ngày ngủ ba lần, dậy ba lần.

Khi trong lòng mình đang luống những thương nhớ một người yêu qui của mình không tìm thấy đâu cả, mà trông thấy cái cảnh cây liễu rủ cành xuống nước, chim oanh kêu hót véo-von, thì trong lòng lại càng thêm não, không sao tả xiết được. Các nhà thi-sĩ hay dùng *liễu* dùng *oanh* để tả cái cảnh ấy. Trong Kiều có câu : *Lơ-thơ tơ liễu buông mành ; Con*

*oanh học nói trên cành mỉa-mai.* — *Đập cổ-kính ra tìm lấy bóng* = đập cái gương cũ của vợ soi ra để cố tìm lấy bóng vợ ở trong ấy. — *Xếp tàn-y lại để dành hơi* = xếp những cái áo nát của vợ mặc trước lại để mà giữ lại cái hơi vợ ở trong ấy. — *Mảnh tình muốn dứt, càng thêm bận* = cái tình thương nhớ đến vợ cũ nó làm cho khổ tâm, mình muốn như hắt bỏ nó hẳn đi, nhưng ra nó mạnh, nó lại càng làm cho mình khổ tâm thêm nữa, nó cứ theo mình luôn mãi không để cho mình thôi đi được (câu cuối bài).

**Ý và văn.** — Câu đầu mới mở có hai tiếng « *Thị-Bằng* », là tên riêng một người, lại hạ hai chữ « *dã mất* », tưởng như thường-tục quá. Nhưng lúc người thương yêu của mình chết mà mình nhớ đến, thực không gì bằng gọi cái tên tục của người ấy ra như muốn chiêu hồn cho hiển hiện ngay lên được. Nên bài thơ này cất lên hai tiếng « *Thị-Bằng* », tuy là riêng của một Vua Dực-Tôn, mà thực là chung cho tất cả bao nhiêu người góa vợ dùng cũng được. Miễn là đem hai tiếng chỉ chính tên vợ mình thay vào « *Thị-Bằng* » mà dùng không sai luật thi thôi. Còn hai chữ « *đã mất* » tuy chất-phác thế, nhưng mà thực tình, nó đã như tiếng tự nhiên phải bật ra, chớ không phải vì cầu-kỳ mà mất sức như những chữ « *thác, khuất núi, quy Tiên, chầu Phật,* » chả hạn.

Câu thứ hai nói *tình*, nói *nghĩa*, nói *duyên* thực rõ ngay ra là vợ, chỉ có vợ mới đủ được ba điều ấy, chớ không phải cha con, bè bạn hay người bàng-sang nào.

Trong hai câu 14 chữ, mà có đến 6 chữ ới, ơi ôi, thì có khác nào như cái tiếng ô-hô cất lên để khóc người vậy.

Hai câu thực nói đến *oanh*, đến *liễu*, phải hiểu hai cái điển « *oanh ăn nói* », « *liễu đứng ngồi* », thì mới rõ được cái cảnh người thương nhớ người mà chẳng thấy người đâu, chỉ thấy chim oanh nó nói như người, cây liễu nó hình như người, hai cái nó làm cho mối sầu kia thành thảm-thiết hơn lên.

Hai câu luận là hai câu hay nhất trong bài. Chỉ hai câu ấy cũng đủ tả được cái cảnh người góa vợ, thương nhớ vợ quá lắm rồi. Nên nhiều nhà thi-sĩ thường vẫn ngâm hai câu ấy để tặng người góa vợ vậy. Ôi ! trước kia làm gì đã có ảnh, mà bảo cứ trông thấy cái ảnh là còn trông thấy người ? Vợ chỉ còn để lại cho mình cái gương trước vợ vẫn soi, bây giờ mình nhớ đến vợ, lấy cái gương ra để tìm, nhưng nào có thấy. Hay vợ nấp đâu ở trong gương, thử đem gương đập ra, họa có thấy chăng. Nhân cái gương, lại nói đến áo quần, mà nào có còn áo quần lành đẹp, đã theo người mà trôn xuống đất rồi, dễ chỉ còn ít áo quần cũ rách, nhưng mình cũng phải cẩn-thận xếp kín lại một nơi để lưu cái hơi vợ lại ít nhiều kẻo nó bay tan đi đâu mất. Hai chữ « *tàn-y* » đối với hai chữ « *cổ-kinh* » và *chữ hơi* đối với chữ « *bóng* » thực là chỉnh và hay lắm vậy. Cứ theo như sách *Nam-phong giải trào* thì hai câu vịnh người đàn bà góa này lại chính là của cụ Ôn-như Hầu : « *Đập mảnh gương ra tìm lấy bóng ; Xếp manh áo lại để dành hơi* », rồi sau ông Trần-danh-Án có dịch ra chữ Hán rằng : *Đả phá lăng-hoa tầm cựu ảnh ; Trùng phong sam-tử hộ dư hương.*

Hai câu kết nói « *Mối tình muốn dứt* », tưởng như có phần bội bạc, muốn cắt phăng cho nó đứt hết mối tình đi. Nhưng thực không phải thế. Đấy là nói mối tình nó cứ liên-miên mãi, muốn như chế-hạn

nó lại. Song thấy nó chẳng buông tha thi chớ, nó lại càng làm cho bận thêm, nó cứ theo đuổi hoài không bao giờ thôi nữa.

Tóm lại một bài thơ được như bài này thực là hiếm có trong cái rừng thơ Việt-nam nhà vậy. Không phải chỉ được mấy chữ hay mấy câu, nhưng được cả toàn bích, đáng là một bài kiệt-tác lắm. Tác-giả tuy là một vi đế-vương, nhưng trong bài này không có gì là đế-vương, chỉ có là một người khóc vợ mà thôi... Nên ai đọc bài này, nhất là những người đã phải cái ách trung niên táng thê, càng đọc càng phải chịu là hay, càng nghĩ càng phải phục cái tài của nhà thi-sĩ khéo đưa ngọn bút vậy.

---

## 83. — Khóc chồng

*Trăm năm* ông *Phủ Vĩnh-tường ôi!*
Cái nợ *ba-sinh* đã giả rồi.
*Chôn chặt văn-chương ba thước đất,*
*Tung hê hồ-thỉ bốn phương giời.*
*Cán cân Tạo-hóa rơi đâu mất,*
*Miệng túi càn-khôn thắt lại rồi.*
*Hăm bảy* tháng giời là mấy chốc,
Trăm năm ông Phủ Vĩnh-tường ôi!

Hồ-xuân-Hương

**Có bản chép.** — Câu 2. *Thân thế coi như* đã *khác* rồi. — Câu 4. *Ném* tung. — Câu 5 và câu 6. *Hạt sương*

*dưới chiếu trau mày khóc. — Giọt máu trên tay mỉm miệng cười.*

**Chữ và câu.** — *Trăm năm* = người ta sống lâu chẳng qua được trăm tuổi là cùng, cho nên nói lúc chết là cái lúc trăm năm. -- *Phủ Vĩnh-tường* = trước thuộc về Sơn-tây, hiện nay thuộc về tỉnh Vĩnh-yên. — *Ba-sinh* = ý nói ba đời chuyển-sinh. Xưa có ông quan nằm mộng thấy đến một chỗ núi đá, có nén hương thắp, ngọn khói chỉ còn hơi bốc lên ít thôi. Ông quan đang nhìn, bỗng có một ông lão-tăng đến chỉ vào nén hương bảo : « Chỗ này là chỗ của một nhà từ-thiện tu hành kết nguyện, khói hương tuy còn bốc lên thế mà chính nhà từ-thiện ấy đã qua được ba đời rồi ». — Vợ chồng mà nói « cái nợ ba-sinh » là ý nói cái duyên kết hợp với nhau đã do tự như mấy kiếp trước. — *Chôn chặt văn-chương ba thước đất* = ý nói cái văn-chương của ông đã vùi rập xuống đất mất rồi. *Ba thước đất* : tam xích thổ, là nói người chết, ai cũng như ai, lại giở về cái đất mà chỉ ba thước đất là đủ (Xem rõ ở bài *Ngẫu-cảm*, trang 264). — *Tung hê hồ-thỉ bốn phương giời* = ý nói cái chí tang-bồng hồ-thỉ (xem rõ bài *Phó-thí ngẫu chiếm*, số 1) vứt bỏ đi bốn phương rồi không còn đâu nữa. — *Cán cân tạo-hóa rơi đâu mất* = người ta đủ đôi mới là cân nhau, bây giờ chồng mất vợ còn thì chênh-lệch hẳn đi, thử hỏi ông giời ông ấy để rơi cái cán cân công-bình đâu mất rồi. — *Miệng túi càn-khôn thắt lại rồi* = càn-khôn là giời đất, câu này ý nói người chết chôn vùi xuống đất lấp đi mất, như giời đất cho vào trong cái túi bí-mật mà thắt lại không biết ra sao nữa. — *Hăm bảy* = tức là *hai mươi bảy*, nói nhanh thành hăm bảy. Xét cái cách nói như thế, thì tiếng ta cũng có thể rút lại (élision)

cho mau. Hăm bảy chỉ lấy chữ *m* đưa lên sau chữ *a* mà rút được chữ *i* và vần *ươi*. *Hăm bảy tháng* là cái thời hạn để tang chồng.

**Ý và văn.** — Bài trước khóc vợ, bài này khóc chồng. Bài trước hay, bài này hay tưởng cũng không kém gì. Bài trước xem khiến cho ta phải kính-phục cái tình của một người có chân-tình. Bài này xem khiến cho ta phải hâm-mộ cái tài của một người có chân-tài.

Ta không rõ Xuân-Hương lấy ông Phủ Vĩnh-tường bấy giờ tên là gì, chỉ biết rằng : Xuân-Hương lấy là lấy lẽ, nên mới có cái bài « *Chồng chung* » ở liền dưới bài này và cũng nên câu tuyệt-diệu vậy. Nghe đâu ông Phủ vốn cũng là một người hay chữ. Xuân-hương rất đắc-tình với ông mới vịnh được cái bài như bài đây, thực là một nhời than khóc cặn-kẽ có vị lắm, chớ không phải thờ-ơ khóc mà báng nhạo, như sau nàng báng nhạo ông Tổng Cóc vậy :

« *Hỡi chàng ơi ! hỡi chàng ơi !*
« *Thiếp bén duyên chàng có thế thôi.*
« *Nỏng-nọc đứt đuôi từ đây nhé !*
« *Nghìn vàng khôn chuộc dấu bôi vôi* ».

Chỉ vị ông chồng tên là Cóc, mà khóc chồng cho « *đứt đuôi* », đến « *bôi vôi* », thì còn gì là tình nghĩa, có đâu như bài này thực là đậm-đà chua-xót vậy.

Bài làm lối *Thủ vĩ ngâm*, bắt đầu (câu 1) là tiếng khóc, cuối kết (câu 8) cũng là tiếng khóc, có phải là khóc một cách trung-hậu không ? Ông Phủ đây không có tên như bà Phi kia, có nhẽ là vì cái chức ông nó nuốt mất cái danh ông, cho nên, tuy là vợ khóc chồng đấy, nhưng lại còn là bà Phủ hay chẳng gì, cũng cô Hai, cô Ba, cô ấy khóc quan là quan Phủ nữa. Cho nên cả cái điệu bài hạ những chữ :

« *Văn-chương, hồ-thỉ, Tạo-hóa, càn-khôn* » thật nâng lên cao bậc lắm. Hai câu tam, tứ mà nói *văn-chương, hồ-thỉ*, là kể cái công-nghiệp, cái chí-khí của quan Phủ lúc sinh thời. Hai câu ngũ, lục mà nói *Tạo-hóa, càn-khôn* là nói sự tồn vong sinh tử của thiên-diễn đối với vạn vật. Mà cả trong bốn câu, dùng những chữ « *Chôn chặt, tung hê, rơi mất, thắt rồi,* » có phải câu nào cũng có cái ý *chết*, ý *mất* ở trong không? Thực là tài tình khéo lắm. Còn câu nhị hạ *nợ ba sinh*, biết rõ ngay là vợ khóc chồng hay chồng khóc vợ đấy thôi, câu thất nói *hăm bảy tháng*, lại biết ngay cái lòng nàng nhớ quan Phủ được là bao lâu. Ôi ! để tang chồng hăm bảy tháng có là *mấy chốc* thật, nhưng vì nàng khóc chồng có tài, mà tiếng khóc tự bao giờ còn lưu lại đến bây giờ, và có nhẽ còn lưu lại lâu dài, thì cái tình của nàng đối với quan Phủ chẳng là được cùng với thời giờ mà bền lâu ru ! Bài của nàng làm đây thực là một bài đáng làm mẫu cho cái lối *Thủ vĩ ngâm* mãi mãi vậy. Ôi ! nàng khóc chồng lâu dài như vậy mà sao nàng thấy người khóc chồng, nàng lại có câu rằng :

« *Văng-vẳng tai nghe tiếng khóc chồng,*
« *Nín đi kẻo thẹn với non sông* ».

---

## 84. — Phận lẽ mọn

Kẻ *đắp chăn bông, kẻ lạnh-lùng,*
Chém cha cái *kiếp lấy chồng chung.*
Năm thì, mười họa hay chăng chớ,
Một tháng đôi lần, có cũng không.

*Cố đấm ăn xôi*, xôi lại hẩm,
Cầm bằng *làm mướn*, *mướn không công*.
Nỗi này ví biết dường này nhỉ?
Thời trước thôi đành *ở vậy* xong.



**Có bản chép.** — Câu 3. Năm *chừng* mười họa *nên* chăng chớ. — Câu 7. *Thản* này. — Câu 8. *Thà* trước.

**Chữ và câu.** — *Kẻ đắp chăn bông, kẻ lạnh-lùng* = người được ấm, người chịu lạnh, ý nói một người được nằm với chồng, một người một thân một mình. — *Kiếp lấy chồng chung* = số giời đày đọa lấy chồng với một người khác. — *Cố đấm ăn xôi, làm mướn không công* = là hai câu tục-ngữ, ý nói liều chịu đau đớn, cố sức khó nhọc mà rút cục lại cũng không ăn thua gì cả. — *Ở vậy* = ở một mình, không lấy ai. Có câu ca-dao « *Chồng con là cái nợ-nần; Thà rằng ở vậy nuôi thân béo mầm* ».

**Ý và văn.** — Giời đất hay ghen-ghét cái tài. Nên chi nàng Xuân văn thơ tài tình là thế, mà duyên phận lại hẩm-hiu như thế! Nàng lấy Tổng Cóc, Tổng Cóc mất. Nàng đã phải khóc. Nàng lấy quan Phủ, quan Phủ cũng mất, nàng lại khóc nữa. Than ôi! Má hồng phận bạc. Thương cho tài mà ngán cho tình, mỗi bận nàng khóc, đau lòng cho nàng bao nhiêu, thì lại khoái chí cho kẻ lãng ngâm bấy nhiêu. Tưởng nàng có duyên với bậc thi-nhân hơn là có duyên với đấng tinh-quân. Làng thơ lại không phải đợi đến nàng khóc chồng, mới có lợi. Chỉ một nỗi nàng phải cái kiếp đi lấy chồng chung, đi làm lẽ người ta

mà làng thơ đã được một bài như bài này, thực là có giá vậy.

Bài vừa mở, ta đã thấy ngay một người được ấm, một kẻ chịu lạnh, ôn, hàn khác nhau xa lắm. Cái người chịu lạnh ấy là ai ? — là kẻ lấy chồng chung. Ôi ! Cái kiếp lấy chồng chung ấy chẳng chửi sao cho được, nhưng chửi mà chửi thanh-tao, mà nhã-nhặn. Hai tiếng « *chém cha* » này có kém gì hai tiếng « *chém cha* » *cái số hoa đào* của cụ Nguyễn-Du. — Hai câu thực, tuy dùng những tiếng rất tầm-thường : « *Hay chăng chớ, có cũng không* » nhưng tưởng dễ mấy người đã hạ nổi những tiếng tầm-thường cho có thi-vi được như thế. — Hai câu luận dùng những chữ : « *cố đấm ăn xôi, làm mướn không công* » là những câu tục-ngữ, thật khéo tách ra và có thế lắm. — Còn hai câu cuối cái ý nói tay đã chót dúng thùng chàm rồi, không biết làm thế nào được nữa, chớ nếu mà biết ra, thì thà rằng *ở vậy* còn hơn đi lấy chồng, cũng là có cái khóe khôn ngoan biết điều lắm vậy. Chao ôi ! Sự khôn ngoan của các nước đã dạy : « *Chết trẻ còn hơn lấy lẽ.* » « *Đói lòng ăn nắm lá xung ; Chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng* » thì sao lại còn đi lấy chồng chung làm gì cho nó hoài thân, cho nó khổ đời ? Kẻ ấm, người lạnh, kẻ chị, người em, mà chị em đâu lại có chị em : *Mười đêm chị giữ mười đêm cả ; Suốt tháng em nằm suốt tháng không*, thì còn nỗi gì cực cho bằng nữa.

Bài này tả cái cảnh của người vợ lẽ thực là đến nơi, đến chốn vậy. Nhưng ta thiết tưởng tuy chỉ nói riêng một vợ lẽ mà ở đời còn biết bao nhiêu người tuy là đàn ông mà cũng gặp cái cảnh *vợ lẽ* cực nhục như thế. Nào bao nhiêu những ông gọi là ông *trợ*, ông *tá*, ông *phó*, ông *phụ*, nghĩa là tất cả những ông không có quyền tự-chủ một mình, phải tùng phục

vào một người hơn mình, chẳng là bọn vợ lẽ nàng hầu cả ư, mà chẳng nên cùng ngâm cái bài « *Phận lẽ mọn* » này kể thực dễ bằng cả một khúc ngâm Cung-oán vậy.

---

## 85. — Dỗ người lấy lẽ

*Hãy nín đi, hãy nín đi,*
Lấy chồng làm lẽ có can chi !
*Tôi đòi, phận trước còn nhiều kẻ,*
*Hầu hạ, duyên sau chẳng một di.*
Vì được sánh duyên người lịch-sự,
Còn hơn *chính-thất* kẻ ngu-xi.
Dẫu rằng *cơm nguội, nhà ngoài đó,*
Cũng đủ *phong-lưu* chẳng thiếu gì.

NGUYỄN-KHUYẾN

**Chữ và câu.** — *Hãy nín đi, hãy nín đi* = câu này có ý như muốn vỗ-về người vợ lẽ đang lúc phàn-nàn số kiếp, tủi phận, hờn duyên mà sụt-sùi khóc-lóc. — *Tôi đòi, phận trước còn nhiều kẻ* = phận đi làm tôi đòi trước mình, còn nhiều người có khi hơn mình cũng chỉ là tôi đòi. *Tôi đòi* cũng nghĩa như *nô-bộc* ; *tôi* : đầy-tớ, *tôi tớ* ; *đòi* : đầy-tớ gái, con *đòi*, con nụ. — *Hầu hạ duyên sau chẳng một di* = duyên đi hầu hạ sau người ta, nào có phải chỉ một mình mình đâu, hay còn bao nhiêu người cùng chịu cái duyên sau ấy như mình. *Hầu hạ* : làm những việc người trên sai khiến. Cô hầu, *nàng hầu* tức là người

vợ lẽ mà vợ cả đã mua về để hầu hạ chồng mình và hầu mình. *Di* : em mẹ gọi là *dì* ; con vợ cả cũng thường gọi vợ lẽ là *dì*, hoặc chỉ gọi là *chị* thôi. — *Lịch-sự* = người từng chải nhiều việc, người giàu có sang trọng. — *Chính-thất* = *chính* : giữa ; *thất* : nhà ; chỉ người ở nhà giữa là người vợ cả đối với người vợ lẽ ở nhà bên là *chắc-thất*. — *Cơm nguội, nhà ngoài* = *ăn cơm nguội, nằm nhà ngoài* hay *ăn cơm hầm*, nằm *chiếu manh*, là những câu tục-ngữ chỉ cái phận lẽ mọn phải người vợ cả cay nghiệt bạc đãi mình. — *Phong-lưu* = đây là sung-sướng vui thú.

**Ý và văn.** — Cứ kể xem bài trên, thì ta thiết tưởng đàn bà dễ không còn ai đi lấy lẽ nữa ; cái tiếng *vợ lẽ* có khi rồi phải mai một hẳn. Nhưng xem đến bài này, thì ta lại dám quyết rằng bao giờ cũng còn có người đi lấy lẽ, vì làm lẽ chẳng những không phải là một cái khổ, mà lại hình như còn có cái phong-lưu vui thú ở trong ấy nữa. Bình tĩnh xét lại, nếu nàng Xuân-Hương khuyên nhủ chị em :

*« Thời trước thôi đành ở vậy xong »*

mà là phải, thì cụ Nguyễn-Khuyến lại dỗ-dành chị em :

*« Cũng đủ phong-lưu chẳng thiếu gì »*

cũng không ai cãi là không phải được. Tại sao ? Tại nàng Xuân là một người đàn bà đã từng đi lấy lẽ, đã thấu cái nông *nỗi* đi lấy lẽ nó *đường* thế nào rồi. Còn cụ Khuyến là một người đàn ông dễ chẳng những có một bà, mà lại kèm thêm năm ba cô và lấy các cô làm một cái khoái cho mình vậy. Thế mới hay nhẽ phải khôn cùng, đứng về phương-diện nào thường có khi chỉ biết cho một phương-diện ấy là phải mà thôi.

Cứ kể như bài cụ Tam-Nguyên dỗ người đây cũng là tài tình lắm thực. Vừa vào bài, cụ vỗ-về, *nín*

*đi, nín đi* có khác nào như vỗ-về đứa bé đang khóc mà bảo nó : « Nín đi, tao cho cái bánh đây này ». Cái bánh đem cho người vợ lẽ đây tức là mấy nhời giảng giải của cụ nghe rất là thuận tai. Ừ, mình phải đi lấy lẽ người ta là cái số phận nó định ra như thế, muốn đổi sao cho được ? Vả chăng ở đời còn chán vạn người đi lấy lẽ, huống chỉ có một mình mình đâu mà ngại (câu 3 và 4). Nàng Xuân có lấy những câu tục-ngữ để bảo chị em đi lấy lẽ là cái bọn « *cố đấm ăn xôi, làm mướn không công* », chẳng qua cũng chỉ là những câu vu-vơ ứng-dụng vào bao nhiêu việc khác được, chớ các chị đã không từng nghe thấy những câu : « *Lấy chồng làm lẽ khỏi lo ; Cơm nguội đầy rá, cá kho đầy nồi. — Thà rằng lấy lẽ thứ mười ; Còn hơn chính-thất những người dần ngu.* — Hay câu : *Tốt số lấy được chồng chung ; Lương vua khỏi đóng, áo chồng khỏi may. — Một ngày đứng mạn thuyền rồng ; Còn hơn chín tháng đứng trong thuyền chài* » thực là những câu ca-dao chỉ rõ danh hiệu các chị và khuyên các chị những điều phải chẳng đấy à (câu 5 và 6) ? Thôi thì các chị cứ đành cái phận lẽ mọn con hầu đó, phong-lưu sung-sướng chán, can chi mà phàn-nàn (câu 7 và 8). Quái lạ ! Cụ Khuyến, lúc làm bài này, không rõ cụ có ý muốn đối đáp với bài trên của nàng Xuân không, mà khiến cho ta bây giờ so sánh hai bài, thì chẳng những thấy một cái tổng-ý của cả bài mà đến cả từng câu cũng như phản đối lại nhau chầm-chập vậy.

Về mặt lý, đôi bên cũng là cứng cả, cái ý của hai bài cũng đang-đối được nhau cả. Riêng về mặt văn-chương thi-thú, thì có nhẽ bài của cụ Nguyễn-Khuyến không được rắn giỏi lẳng-lơ bằng bài của nàng Xuân. Trong bài phải hai câu 3, 4 tuy lấy hai chữ *trước sau* trái nhau mà cho là khác, nhưng tưởng cái ý

cũng có thể cho là trùng, nếu không phải trùng nữa, thì cũng là hơi non. Còn hai chữ « *sánh duyên* » câu 5 đối với hai chữ « *chính-thất* » tưởng cũng không được chỉnh. Không rõ nguyên-bản có hẳn như thế không ?

---

## 86. — Không chồng mà chửa

*Cả nể* cho nên hóa *nhỡ-nhàng*,
*Nỗi-niềm* có biết chửa chăng chàng ?
*Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc*,
*Phận liễu sao đà nẩy nét ngang*.
*Cái tội trăm năm* chàng chịu cả,
*Chút tình một khối* thiếp xin mang.
*Quản bao miệng thế nhời chênh-lệch*,
*Không có, nhưng mà có mới ngoan*.

XUÂN-HƯƠNG

**Có bản chép.** — Câu 1. *Quá dể* cho nên *mới* nhỡ-nhàng ; hoặc : *sự dở-dang*. — Câu 2. *Sự này* có biết ; hoặc : *Chàng ơi* ! có biết ; hoặc : Nỗi *này* có biết *hỡi* chăng chàng. — Câu 3. nhô đầu *mọc*. — Câu 4. Sao *đành*. — Câu 5. Cái *tiếng* trăm năm. — Câu 6. *Mảnh* tình một *mối* ; hoặc : *Mảnh* tình *chín tháng*. — Câu 7. *khốn thay* miệng thế. — Câu 8. *Những kẻ* không mà có mới ngoan.

**Chữ và câu.** — *Cả nể* = chiều ý người ta quá, mà làm theo hay để cho người ta làm. — *Nhỡ-nhàng* =

hỏng mất việc, không ngờ nó sảy ra đến như thế. *Nổi niềm = nỗi* : cơ-hội sinh ra ; *niềm* : ngẫm nghĩ ; *nỗi-niềm* : bụng luống những ngẫm nghĩ về cái việc của mình, nhưng ẩn khuất khó nói ra ; nỗi-niềm tâm sự. — *Duyên thiên chưa thấy nhô đầu dọc = duyên thiên* : duyên giời kết làm vợ chồng. Câu này dùng chữ mà đặt thành. Vốn chữ 天 là giời, chưa nhô đầu dọc, là chưa thành chữ phu 夫 là chồng, ý nói con gái chưa chồng. — *Phận liễu sao đà nẩy nét ngang* = phận liễu hay phận liễu bồ là phận người đàn-bà ; câu này cũng dùng cái cách triết-tự như câu trên. Vốn theo âm chữ liễu 了 là xong việc, chưa nẩy nét ngang là chưa thành chữ 子 là con ; ý nói chưa chồng mà đã có con. — *Cái tội trăm năm* = cái tội làm hại cả một đời người ta. — *Chút tình một khối* = ý nói cái tình yêu nhau tỉ-ti nó kết thành cái thai ở trong bụng. — *Quản bao miệng thế nhời chênh-lệch* = tha hồ người đời chê cười mỉa-mai cũng không e ngại gì cả — *Không có, nhưng mà có mới ngoan* = câu này là đúc tự câu ca-dao :

*« Không chồng mà chửa mới ngoan,*
*Có chồng mà chửa thế-gian sự thường. »*

**Ý và văn.** — Cụ Tam-Nguyên chỉ dỗ người đi làm hầu, làm lẽ. Chớ cụ không tìm những nhẽ tại làm sao mà *chồng* được *năm ba vợ* như đã có cái đặc-quyền *bao nhiêu cũng vừa*, còn *vợ* không được *năm ba chồng* như phải chịu cái *chính-chuyên* chỉ *có một* mà thôi. Ôi ! vì tôn-giáo không bó buộc, vì phong-tục không gàng trở, vì đường tử-tức phải có để nối giõi tông đường, vì nỗi trong nước đàn-bà đa số quá, hóa ra thừa-thõi, mà người đàn ông lại được cái độc-quyền vơ năm gấp mười. . . chăng ? Ta không

rõ. Nhưng ta tưởng bấy nhiêu cái nhẽ cùng có, nhất là cái nhẽ đa số hơn, mới thành ra vợ lẽ, mới còn vợ lẽ mãi. Nên kẻ làm lẽ mọn, hèn hạ thật, nhưng đến làm lẽ mọn cũng không được, phải làm đầu đĩ, thì có khi tưởng hèn hạ quá nữa, mà lại còn thêm xấu-xa biết là bao ! Cái quan-niệm ở xã-hội ta nó đã thành nếp ra như thế. Ừ, xấu-xa lắm thực ! Cái nỗi xấu-xa ấy thực không sao bưng bịt nổi. Thế mà khen thay, nàng Xuân đã cầm ngọn bút bày cái cảnh khổ của người vợ lẽ, nàng Xuân lại còn đưa ngọn bút để tả cái xấu của người *không chồng mà chửa*, tức là *con đĩ*, như bài này. Ta hãy thử giải xuôi cả bài thơ ra xem thế nào.

Câu đầu nói sự *nhỡ-nhàng* sở-dĩ phát-tích ra, là vì cái *cả nể*. Câu thứ hai nói tại cả nể mới hóa ra *chửa*, mới thành có trứng. Đến câu thứ ba, thứ tư mới rõ cái duyên phận của người chửa có chồng mà đã có con là thế. Câu thứ năm là câu kết án cho kẻ đã gây nên truyện, tức là tên thủ-phạm vậy. Hai câu thứ sáu, thứ bảy là hai câu tự-khí đành chịu như thế, hóa người liều rồi. Còn câu cuối là câu gỡ để tự yên-ủi mình.

Ôi ! con gái mà đến chửa hoang, cứ kể chỉ nói một câu thường cũng đủ ngượng mồm rồi. Thế mà nàng Xuân đem ra vịnh vào thơ được, lại khiến cho người ta ngâm thơ lên được, ngâm, lấy làm khoái-trí, thì cái ngọn bút của nàng tài khéo biết là bao ! Vừa vào bài nàng hạ mấy chữ *cả nể nhỡ-nhàng* thực đã nhẹ như cái lúc người con gái nhẹ lòng mà đem thân hiến cho kẻ đa tình. Rồi nàng đem luôn cái *nỗi-niềm* tâm sự ra hỏi *chàng*. Chàng là ai ? — Là người có tình với thiếp. — Hỏi chàng gì ? không dám nói rõ, nhưng trong câu hỏi có tiếng *chửa* đấy

chàng đã đoán ra chưa? Nếu chàng chưa đoán ra, xin xem hai chữ *Thiên nhô đầu*, với chữ *Liễu nẩy nét* ở hai câu thực, thì tưởng không còn ngờ ngờ vực vực làm sao được nữa. Chỉ hai câu ấy cũng đủ vẽ được thiếp là con người ra thế nào rồi. Này cái tội này gây lên, là tự chàng, chàng phải *chịu* lấy. Còn thiếp đây khôn ba năm dại một giờ, thiếp đã chót dại, thiếp cũng đành đeo cái dại ấy cho nó được đủ ngày no tháng, chớ thiếp chẳng nhẫn tâm bội bạc như ai, muốn mau mau tìm thuốc mà làm cho thôi đọa ngay ra ấy! Ôi chao! thiếp cũng biết thiên-hạ người ta mỉa-mai thiếp chán, nhưng thiếp nghĩ cũng chẳng quản gì. Chính mồm mép thiên-hạ đã có câu ca rằng : « *Không chồng mà chửa mới ngoan...*» thì chẳng bằng thiếp cứ náu nấp vào đấy làm cái mộc che chở cho thiếp và lại tự yên-ủi thiếp là gái ngoan lắm ru? Hay thật! Khéo thật! Cái đầu đề xấu-xa như thế, mà cái ý nghĩa xoay ra rồi-rào đến thế, cái văn-chương đưa đẩy thú vị đến thế, bài thơ này thực là một bài thơ được cả toàn-bích đáng liệt vào với những bài thơ ưu-hạng của văn-chương nước nhà. Nhân tiện chúng tôi ghi qua đây một bài thơ khác không rõ của ai làm mà cũng chung một cái đầu đề với bài này. Trong bài, kể cũng được một vài chữ khả-thủ đáng khen, còn ngoại giả thật là tục, một cái tục lộ quá, ta không thể đem ra mà phê-bình được. Bài ấy rằng :

*« Ai về nhắn bảo việc này cho ?*
*« Nhắn bảo cho rằng : Việc nhỡ to.*
*« Chép miệng, bà nuôi to cái dại,*
*« Phờ râu, ông rể ẵm con so.*
*« Cắm sâu sào quá nên thêm khó,*
*« Néo riết dây vào hóa phải lo.*
*« Vẫn biết sống lâu nhiều sự lạ.*
*« Tử qui thắt lại một con cò ».*

VÔ-DANH

## 87. — Hỏi ả bán chiếu

*Ả* ở đâu ta bán *chiếu gon*?
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn?
*Xuân-thu* nay độ bao nhiêu tuổi?
Đã có chồng chưa, được mấy con?

NGUYỄN-TRÃI

### Bài họa lại

Tôi ở Tây-hồ bán chiếu gon,
Nỗi chi ông hỏi hết hay còn.
Xuân-thu tuổi mới *giăng tròn lẻ*,
Chồng còn chưa có, có chi con!

NGUYỄN-THỊ-LỘ

**Có bản chép.** — *Bài trên* : Câu 1. Ả ở đâu *nay* bán chiếu *con*. — Câu 3. — Xuân *xanh*.

*Bài dưới* : Câu 2. *Cớ* chi ông hỏi. — Câu 3. Xuân *xanh phỏng độ* giăng tròn *bóng*. — Câu 4. *Chửa* có chồng *chi dã* có con.

**Chữ và câu.** — *Ả* = tiếng gọi người con gái. Hay nói : *cô ả, chị ả*. — Cũng có nơi chữ ả nghĩa là *cả*. Như nói *chị ả, chị út* là *chị cả, chị út*. — *Gon* = lát gon là một thứ cói thường dùng để làm chiếu. — *Xuân thu* = lược cử hai mùa trong bốn mùa mà chỉ cả năm, đây dùng một nghĩa như tuổi. Nói : *mấy*

*xuân-thu* tức là nói mấy tuổi. — *Giăng trỏn lẻ* = giăng tròn vào ngày rằm, là ngày thứ mười lăm trong một tháng, *giăng trỏn lẻ* tức là mười sáu, mười bảy tuổi gì đấy.

**Ý và văn.** — Tục truyền rằng một hôm, giời đã nhá-nhem tối, ông Nguyễn-Trãi đi chầu về, gặp một người con gái nhan sắc tuyệt trần, đem chiếu đi bán. Ông bèn đọc bốn câu thơ (tức là bài trên) có ý hỏi đùa. Người con gái nhanh miệng cũng đọc luôn ngay một bài (tức là bài dưới) để họa lại. Nguyễn-Trãi hỏi tên, biết là Thị-Lộ, đem về cho làm nàng hầu. Vua Lê Thái-Tôn nghe thấy tin Thị-Lộ xinh đẹp, vừa hay chữ, cho gọi vào làm nữ học-sĩ, thường thường lui tới trong cung. Sau, một hôm vua đến nhà Nguyễn-Trãi chơi, Nguyễn-Trãi đi vắng, chỉ có Thị-Lộ ở nhà pha chè (có sách cho là nấu cháo) dâng vua xơi. Vua xơi rồi, về thì mất ngay. Đình-thần nghi là Nguyễn-Trãi rắp tâm mưu phản, đem Thị-Lộ ra tra tấn. Thị-Lộ khai là Nguyễn-Trãi sai tiếm độc. Nên Nguyễn-Trãi phải tội chu-gi tam tộc. Mãi đến đời vua Lê Thánh-Tôn biết là Nguyễn-Trãi chết oan, mới tìm con cháu về, và cấp cho tiền ruộng để phụng thờ tổ-tiên. Tục lại còn truyền rằng Nguyễn-thị-Lộ vốn là con rắn bị học-trò Nguyễn-Trãi giết chết, mà hiện lên để báo oán.

Lai-lịch hai bài thơ này như thế, hiện còn ghi chép trong sử-ký nước nhà.

Hai bài ấy, đối với văn thơ có giá hay không? — Tưởng cái lối xướng, họa, mà ứng khẩu làm luôn ngay được thế, thì ai cũng phải phục là tài, là hay vậy. Bốn câu bài trên thuộc về cái thể hỏi, bốn câu bài dưới thuộc về cái thể đáp cả. Ta có thể lấy ra từng câu hỏi, lại từng câu đáp một, thật là

phân-minh, lưu-loát, rõ ra hai người nói chuyện với nhau tự-nhiên thú-vị lắm. Khi thấy gái đẹp mà hỏi gái ở đâu, gái bán hàng còn hay hết, gái bao nhiêu tuổi, gái đã có chồng, con gì chưa, ông Trãi thực là người có tinh, gợi ra câu chuyện ân-cần hỏi xát-xạt ngay đến nơi vậy. — Gái thấy giai hỏi, mà đáp luôn rằng tôi ở chỗ nọ, tôi bấy nhiêu tuổi, ông hỏi chiếu tôi làm gì, tôi chưa có chồng, con gì cả, Thị-Lộ quả là đã bắt tinh, thuận tình rồi, nên mới như người thổ-lộ ngay cả can-tràng ra, không còn giấu diếm tí gì nữa. Hai câu nhị và câu tứ có giọng lẳng-lơ và ba chữ « *giăng trỏn lẻ* » hạ có thi-vị lắm.

---

## 88. — Kiều-nhi

*Giọt nước Tiền-đường chẳng rửa oan,*
*Phong ba chưa trắng nợ hồng-nhan.*
*Lòng tơ còn vướng chàng Kim-Trọng,*
*Gót ngọc khôn đành giấc thủy-quan.*
Nửa giấc *đoạn-trường*, tan *gối điệp*,
Một dây *bạc-mệnh* rứt *cầm loan*.
Cho hay những kẻ *tài tình* lắm,
Giời bắt làm gương để thế-gian.

PHẠM-QUÍ-THÍCH (?)

**Có bản chép.** — Câu 2. Phong *hoa* chưa *chán*. — Câu 4. *Giọt* ngọc *không thanh chốn* thủy-quan.

**Chữ và câu.** — *Giọt nước Tiền-đường chẳng rửa*

*oan* = câu này ý nói cô Kiều muốn trầm mình ở sông Tiền-đường, mà lại không chết được, vì chưa rửa hết được cái oan-nghiệp. — Sông Tiền-đường là con sông chảy ở phủ Hàng-châu tỉnh Triết-giang bên Tàu. — *Phong ba chưa trắng nợ hồng-nhan* = câu này cũng có ý với câu trên và làm cho ý câu trên mạnh thêm ra : cô Kiều chưa hết cái nợ hồng-nhan, nên sóng gió chưa thể làm cho chết được. *Hồng-nhan* : người con gái đẹp, *hồng* : đỏ ; *nhan* : sắc mặt ; người con gái đẹp má đỏ hồng. — *Phong ba* : *phong* : gió ; *ba* : sóng. — *Lòng tơ còn vướng chàng Kim-Trọng* = ý nói trong bụng còn tưởng nhớ đến Kim-Trọng chưa rứt được. *Lòng tơ* : lòng đeo-đẳng vương-viu đến một người nào. *Dẫu rằng sông cạn đá mòn ; Con tằm đến chết vẫn còn vương tơ*. — *Gót ngọc khôn đành giấc thủy-quan* = ý nói có đâu lại nỡ đem cái thân vùi rập ở dưới nước. *Gót ngọc* hay *mặt ngọc* là chỉ người đẹp ; *thủy-quan* cùng nghĩa như thủy phủ. — *Đoạn trường* : (xem rõ bài *Hoài-cổ*, trang 116) — *Gối-điệp* = gối bướm, chỉ cái gối nằm và cái giấc mộng con bướm. — *Bạc-mệnh* = *bạc* : mỏng ; *mệnh* : số mệnh ; *bạc-mệnh*, xấu số, phận mỏng, phận mỏng cánh chuồn đối với dầy hồng phúc. — *Cầm loan* = *cầm* : đàn cầm ; *loan* : thứ chim xưa cho giống như chim phượng, *cầm loan* nói hai vợ chồng gắn bó với nhau. — *Tài tình* = chỉ người đã tài giỏi mà lại hay có bụng yêu-đương.

**Ý và văn.** — Muốn rõ nghĩa bài thơ nôm này, ta cần phải biết một bài thơ chữ Hán của cụ Phạm-quí-Thích là người đã xuất-bản truyện Kiều trước tiên (bản thường) mà xưa nay ai cũng công nhận như một bài bia khắc để tóm tắt truyện Kiều vậy. Bài thơ ấy rằng :

佳 人 不 是 到 錢 塘
*Giai nhân bất thị đáo Tiền-đường,*
半 世 煙 花 債 未 償
*Bán thế yên hoa trái vị thường.*
玉 面 豈 應 理 水 國
*Ngọc diện khởi ưng mai thủy-quốc,*
氷 心 自 可 對 金 郎
*Băng tâm tự khả đối Kim-lang.*
斷 腸 夢 裏 根 緣 了
*Đoạn-trường mộng lý căn-duyên liễu,*
薄 命 琴 終 怨 恨 長
*Bạc-mệnh cầm chung oán hận trường.*
一 片 才 情 千 古 累
*Nhất phiến tài tình thiên cổ lụy,*
新 聲 到 底 爲 誰 傷
*Tân thanh đáo để vị thùy thương.*

và cứ theo thứ tự dịch nghĩa ra từng câu, thì là: Người đẹp (tức là nàng Kiều) chẳng phải đến chỗ sông Tiền-đường. Cái nợ yên hoa (tức như nguyệt hoa) nửa đời chưa giả xong. Mặt ngọc (tức là người đẹp) há lại đành chôn dưới đáy nước, lòng băng (tức là trinh tiết) còn có thể đối với chàng Kim được. Cái căn duyên nỗi đoạn-trường đã tỏ rõ cả trong giấc mộng rồi. Lòng oán-hận vì bạc-mệnh đã phổ vào tiếng đàn lâu dài lắm, một mảnh tài tình làm cho lụy đến nghìn năm. Quyển Tân-thanh này vì thương ai mà làm đau-đớn như thế.

Đem bài chữ nôm so với bài này, thì dù không giống in như nhau, cũng gọi là phẳng-phất tựa vào

nhau một mười, một chín. Hai câu đầu bài nôm nói đến *Sông Tiền-đường, chưa trắng nợ* tức là do mấy chữ *đáo Tiền-đường, trái vị thường* ở hai câu ấy trong bài chữ Hán. — Hai câu thực, nói *gót ngọc, thủy-quan, Kim-Trọng* ; hai câu luận nói *đoạn-trường, gối điệp, bạc mịnh, cầm loan* tức cũng là những chữ *Ngọc-diện, thủy-quốc, Kim-lang, đoạn-trường mộng, bạc-mịnh, cầm* nhắc ở bài chữ Hán ra. Hai câu cuối nói *tài tình, làm gương* tức là mượn cái ý *tài tình* với *Tân-thanh*, ở bài chữ Hán nữa.

Nói tóm lại, ta có thể đem bài chữ Nôm lồng hẳn vào bài chữ Hán được. Tựu-trung, chỉ khác có hai chỗ. Là hai câu thực đảo ngược lên, câu tứ bài Hán đem làm câu tam bài Nôm, câu tam lại đem xuống câu tứ, và mấy chữ *lòng tơ còn vướng* câu tam này không ăn đúng hẳn nghĩa với mấy chữ *Băng tâm tự khả* câu tứ bài kia ; — là câu cuối bài chỉ nói người tài tình *làm gương để thế-gian*, chớ không nói hẳn đến quyển Tân-thanh, mà làm ra là vì thương cô Kiều. Nhưng mấy cái khác ấy chẳng qua cũng chỉ là mấy cái tiểu-dị trong cái đại-đồng mà thôi. Mà sở-dĩ khác như thế, có nhẽ vì cái tư-tưởng muốn khác thì ít, mà vì cái âm-vận nó bắt phải khác nhiều hơn.

Cụ Phạm-quí-Thích đã sửa cả quyển Kiều là quyển văn Nôm, cụ lại làm bài thơ chữ Hán để đề quyển Kiều, gián-hoặc chính cụ lại đem cái bài Hán ấy ra làm Nôm cho nó nôm-na một thể chăng. Không rõ cụ làm hay ai theo cụ làm ra nữa, bài thơ Nôm này, kể cũng là một bài điêu-luyện có giá vậy.

Trong bài phải hai chữ *giấc* câu 4 và câu 5 trùng điệp.

---

## 89. — Thằng bán tơ trong truyện Kiều

Thằng bán tơ kia *dở-dói ra*,
Làm cho bận đến *cụ Viên già*.
Muốn êm phải biện *ba trăm lạng*,
*Khéo xếp nên liều một chiếc thoa*.
*Đón khách mượn màu son phấn mụ*,
*Bán mình chuộc lấy tội tình cha*.
Có tiền việc ấy mà xong nhỉ!
Đời trước làm quan cũng thế a?

NGUYỄN-KHUYẾN

**Có bản chép.** — Câu 1. *gỡ mối* ra. — Câu 3. Muốn *xong thì* phải. — Câu 4. *Không có sau này* một chiếc thoa. — Câu 5. *Nổi tiếng* mượn màu. — *Đem thân* chuộc lấy. — Câu 8. *Từ* trước.

**Chữ và câu.** — *Dở-dói ra* = đang yên lặng, mà bày truyện, bới truyện ra. Thân phận cô Kiều ba chìm bảy nổi, nguyên-do là tự cái thằng bán tơ mà ra cả. — *Cụ Viên già* = tức là cụ Viên-ngoại họ Vương. *Có nhà Viên-ngoại họ Vương* (Kiều). *Viên-ngoại* vốn chỉ một chức quan ngoại-ngạch như *Viên-ngoại-lang* đối với *Thị-lang* ở trong Triều. Về sau đặt ra nhiều chức quan ấy, ai có tiền mua cũng được, thành nhà nào có của cũng là có cái viên-ngoại mua. Bởi vậy hai chữ viên-ngoại mới dùng để chỉ những nhà khá giả, có máu mặt, tức cũng như ta có cụ Bá, cụ Thiên vậy. — *Muốn êm phải biện ba trăm lạng* = muốn cho êm truyện, xuôi việc, phải thu xếp kiếm cho đủ 300 lạng bạc. *Tính bài lót đó, luồn đây*; *Có ba*

*trăm lạng việc này mới xuôi* (Kiều). — *Thoa* = đồ làm bằng vàng, bạc có hai chánh, đàn bà dùng để gài búi tóc cho đẹp. — *Đón khách mượn màu son phấn mụ* = câu này không rõ có phải tác-giả có ý muốn nói mụ băng-nhân vén tóc, bắt tay, làm giá cho cô Kiều, lúc đưa Mã-dám-sinh hay không ? *Gần miền có một mụ nào ; Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh... Mối rằng : đáng giá nghìn vàng ; Rớp nhà nhờ lượng người thương dám nài* (Kiều). — *Bán mình chuộc lấy tội tình cha* = câu này cũng đúc ở câu trong Kiều : « *Dễ cho, để thiếp bán mình chuộc cha.* »

**Ý và văn.** — Cụ Viên già mà phải bắt bớ lôi-thôi, là tại cái thằng bán tơ nó vu oan giá họa, sinh truyện rắc-rối (câu 1 và 2). Muốn gỡ cho cụ khỏi tội, thì phải có ba trăm lạng bạc đem đi lót quan. Muốn có ba trăm lạng bạc thì nàng Kiều phải liều tình mà bán mình đi, mà muốn bán mình, thì phải có mối lái tô-điểm làm hàng cho (câu 3, 4, 5 và 6). Có tiền rồi đem tiền lễ quan, thế là êm câu truyện. Ôi ! thế ra quan đời trước cũng biết ăn tiền rồi ư ? (câu 7 và 8).

Hay thực ! có ý thực ! Câu đầu dùng hai chữ *dở-dói* cũng như hai chữ *dở-dói* trong câu « *Nghĩ nguồn cơn dở-dói nhau ra* » ở Cung Oán, thực là dở truyện, sinh truyện, gây truyện, bày truyện làm cho rắc-rối tưởng không tài nào gỡ cho ra, chữa cho khỏi được nữa ! Thế mà câu bảy hạ chữ *xong*, xong là êm truyện, im truyện, bịt truyện, hết truyện rồi, còn gì nữa đâu ? Nhưng truyện xong là bởi tại cái gì ? Tại lương-tâm, tại công-bình, tại nhân-nghĩa chăng ? Không phải, chỉ tại « *Có tiền* » đấy mà thôi. Tiền ấy dùng làm gì ? Lại còn lạ thói sai-nha ư ! Tiền để

lót đó, luồn đây, để khấn quan ấy mà!

Sao cụ Yên-Đổ khéo đưa ngòi bút thế! Không nói cả toàn bài làm gi, chỉ hai tiếng *dở-dói* ở đầu bài đã biết có truyện lôi-thôi rồi, chỉ hai câu cuối bài, sau chữ *xong nhỉ* (câu 7) có thể đánh một cái dấu than, sau chữ *thế a* (câu 8) có thể đánh một cái dấu hỏi thật to, cũng đủ rõ cụ làm bài này cái chủ-ý là ở đâu rồi. Quả vậy, hai câu 7, 8 chính là hai câu cốt của bài, chỉ vì hai câu ấy mà bài mới có giá, có vị. Thực câu truyện là nói thẳng bán tơ, nhưng thực mục-đích câu truyện là móc lũ quan tham, lại nhũng. Ôi! quan là gì? Cứ như cụ Yên-Đổ đây, quan chẳng qua chỉ là quan tiền, quan là người làm cái nghề ăn tiền, bao nhiêu việc đến quan là việc tiền cả mà thôi. Cụ Yên-Đổ nghĩ cụ ở vào cái thời đại kim-tiền, cụ cho quan ăn tiền là một việc đương-nhiên, cụ lại hỏi móc lên các đời trước là đời thanh-liêm, quan cũng ăn tiền ư, bây giờ ta có thể nối gót cụ mà hỏi quá xuống các đời chưa biết gọi là gì sau này quan có còn ăn tiền nữa hay thôi? Chắc không ai đáp được. Cái vấn-đề phải huyền lại đó. Nhân truyện này ta chỉ trách nàng Kiều lúc báo ân báo oán, có cái oán thực đáng báo, là cái oán thằng bán tơ, rồi tự thằng bán tơ, truy cho đến bọn quan ăn ba trăm lạng bạc, thì sao lại bỏ qua như quên đi mất vậy. Hay nàng Kiều hoặc cũng đã nghĩ đến, nhưng phải chịu, như ta chịu bây giờ, tuy biết vậy, mà không cách gì trừng-trị nổi.

## 90. — Cung oán

*Nguyệt-lão* ghen chi với *má hồng*,
Triện tàn vắng-vẻ chốn phòng không.
Canh khuya nửa gối trùng eo-óc,
Xuân khóa đầy song nguyệt lạnh-lùng.
Buồn gợi đèn tàn trơ bóng dáng,
Biếng soi gương sáng sửa bông vàng.
Mảnh tình u-uất khôn bày tỏ,
Vảy khắp câu lơn giọt lệ trong.

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Nguyệt-lão* = *nguyệt* : mặt giăng ; *lão* : già. Nói đủ là *Nguyệt hạ lão-nhân* và chỉ ông cụ già đứng dưới mặt Giăng, chủ về việc Hôn-nhân. Theo như tích Vi-Cố đời nhà Đường trong Tình-sử, thì hai người lấy nhau là do ông cụ già này cả ; ông ấy xe cho nên vợ, nên chồng, nên ta thường gọi là ông Tơ. — *Má hồng* = (xem bài *Cái quạt*, trang 138.) — *Triện tàn* = *triện* tức là *hương-triện*, chỉ nén hương thắp vừa suốt một ngày một đêm thì hết. Cả câu : *Triện-tàn vắng-vẻ chốn phòng không* : có ý nói mong đợi hết ngày đêm ấy sang ngày đêm khác, nhưng nén hương thắp đã gần tàn, mà mình ở chốn phòng vẫn vắng-vẻ không thấy ai đến cả. — *Canh khuya nửa gối trùng eo-óc* = *trùng* nghĩa đen là loài sâu bọ, câu này ý nói đêm khuya, nằm một mình chỉ nghe thấy tiếng rế kêu vò-võ mà thôi. — *Xuân khóa đầy song nguyệt lạnh-lùng* = mùa xuân, ánh sáng mặt giăng chiếu xuống đầy chỗ cửa sổ, mà mình trơ trọi có một mình như phải giam-hãm lạnh-lùng lắm. — *Buồn gợi đèn tàn trơ bóng dáng* = ngọn đèn tàn đã như

gần muốn tắt, gợi nó lên cho sáng, lúc trông lại thì vẫn chỉ thấy có một cái bóng của mình thôi. — *Biếng soi gương sáng sửa bông vàng* = sười-sĩnh không muốn trông vào gương để sửa lại những đồ nữ-trang đeo. — *Giọt lệ* = giọt nước mắt.

**Ý và văn**. — Bài này là bài đề đầu Khúc Ngâm *Cung Oán*, đã như để tóm cả cái đại-ý trong Khúc Ngâm ấy vậy. Thực là do một bài chữ Hán dịch ra, chẳng những đúng từng ý, mà đúng cả từng câu, không thêm bớt hay lộn đảo gì cả. Bài chữ Hán không rõ ai làm. Chỉ thấy có bản chép rằng : « *Hà-bình Ngu-khê hậu-sinh soạn* ». Chúng tôi ghi cả bài ấy vào đây, để độc-giả xem cho tường.

無端月老怨紅顏
*Vô đoan Nguyệt-lão oán hồng-nhan,*
寂寞空閨寶篆殘
*Tịch-mịch không khuê bảo-triện tàn.*
半枕秋虫吟夜永
*Bán trầm thu trùng ngâm dạ vĩnh,*
滿窓凉月鎖春寒
*Mãn song lương nguyệt tỏa xuân hàn.*
愁挑殘燭憐孤影
*Sầu khiêu tàn chúc lân cô ảnh,*
懶對菱花理佩環
*Lãn đối lăng hoa lý bội hoàn.*
一片幽情難盡話
*Nhất phiến u tình nan tận hoại,*
辰揮清淚撲朱欄
*Thời huy thanh lệ phộc chu lan.*

Lấy từng câu giải nghĩa thẳng ra, thì là :
Không cớ gì mà Nguyệt-lão oán Hồng-nhan,
Tịch-mịch ở phòng không (có) hương tàn,
Nửa gối, trùng mùa thu kêu đêm vắng,
Đầu cửa sổ giăng sáng tiết xuân lạnh,
Buồn khêu nến tàn, thương (cái) bóng một mình,
Biếng soi gương sáng (để) sửa những đồ đeo trong mình,
Một mảnh u tình khó nói ra cho hết,
Thì gạt nước mắt trong vẩy chỗ bao-lơn (sơn) đỏ.

Bài chữ Hán này kể cũng không được hay gì cho lắm và câu thất hạ « *Nhất phiến u tình* » có nhẽ muốn bắt chước « *Nhất phiến tài tình* » bài vịnh Kiều của cụ Phạm-qui-Thích (số 88). Nhưng nhờ có bài chữ Hán ấy, mà ta mới hiểu rõ được mấy chỗ mờ tối của bài Nôm ; như xem đến *thu trùng* mới biết *trùng* (eo-óc) là chỉ con rế, *cô-ảnh*, mới cắt nghĩa được *bóng dáng*.

Bài này đã là bài đề *Cung Oán*, thì tất nhiên mỗi câu hình như đem những ý trong Cung Oán ra mà phản chiếu lại. Câu đầu trách Nguyệt-lão có phải như nhắc câu : *Tay Nguyệt-lão chẳng xe thì chớ ; Xe thế này có dở-dang không* ? — Câu thứ hai nói triện tàn phòng không, có phải như ý câu : *Phòng tiêu lạnh ngắt như đồng*, và câu : *Mùi hương tịch-mịch, bóng đèn thâm u* không ? — Câu thứ ba nói đến trùng eo-óc, thì thực là như câu : *Ai ngờ tiếng rế kêu ri-rỉ ; Giọng bi than gọi kẻ cô-phòng*. — Câu thứ tư thì tức như câu : *Cành hoa tàn nguyệt bực mình hoài xuân*. Câu thứ tám thì thực là : *Cười nên tiếng khóc, hát nên giọng sầu* v. v.....

Tóm lại, chủ ý bài này là chỉ cốt tả một *vẻ phù-dung một đóa khoe tươi*, gặp phải cái nỗi *thâm khuê*

*vắng ngắt như tờ*, thành : *bỗng không mà hóa ra người vị vong* mới chịu : *cái buồn này ai để giết nhau. Giết nhau bằng cái u sầu độc chưa* !

Cái giọng bài sầu như thế, cái điệu bài đau như thế, ta muốn cảm hết được cái giọng, cái điệu ấy, không gì bằng đọc qua lại cả cái khúc ngâm Cung Oán.

---

## 91. — Sai đầy-tớ

Cam, *tốc* ra thăm gốc *hải-đường*,
Hái hoa về để kết làm *tràng*.
Những cành *mới nhánh* đừng *vin nặng*,
Mấy *đóa* còn xanh chớ *bứt quàng*.
Với lại *tây-hiên* tìm *liễn xạ*,
Rồi sang *đông-viện* lấy bình hương.
Mà về cho chóng, đừng thơ-thẩn,
Kẻo lại rằng chưa dặn kỹ-càng.

ÔN-NHƯ HẦU

**Có bản chép**. — Câu 1. *chóng* ra thăm. — Câu 3. cành *với* nhánh. — Câu 4. *bẻ* quàng. — Câu 5. *mới* lại.

**Chữ và câu.** — *Tốc* = mau. Ta hay nói : chạy *tốc*, *tốc* thẳng, *tốc* tả, hộc *tốc*, tức *tốc*. — *Hải-đường* = giống cây cao độ hơn một thước tây, lá to và nhọn đầu, cứ độ tháng chạp, tháng giêng thì hoa nở la-liệt trên cành, sắc đỏ sẫm trông rất đẹp. *Hải-đường mơn-mởn đường tơ* (Kiều). — *Tràng* = nhiều hoa kết nối lại với nhau thành một chuỗi dài. — *Mới nhánh* =

nhánh là chánh, nhánh hay ngành cây, mới *nhánh* đây tức là mới nẩy, mới đâm ra. — *Vin* = để tay vào vít xuống. — *Đóa* = tức cũng như bông ; *đóa* hoa, *đóa* sen. *Vị chi* một *đóa* yêu đào. (Kiều). — *Bứt quàng* = *bứt* : bẻ, vứt đi, *bứt quàng* : hái sằng. — *Tây-hiên* = *hiên* : hè, *tây hiên* : chái nhà ở bên tây. — *Liễn xạ* – cái liễn đựng xạ, xạ là một chất thơm kết ở da bụng một giống thú tựa như con nai không sừng, hay sản ở bên Tây-tạng và gọi là *xạ hương*. -- *Đông-viện* = nhà ở bên đông.

**Ý và văn.** — Việc sai đầy-tớ đi *hái hoa*, đi lấy *liễn xạ*, cùng *bình hương*. và *dặn kỹ-càng* phải cẩn-thận, đừng *vin nhánh*, đừng *bẻ quàng*, phải *về cho chóng*, *đừng thơ-thẩn* là những việc rất tầm-thường, tưởng khó lòng mà khiến cho người ngâm vịnh được. Tuy vậy nói cũng tức là thơ, nhời nói thường mà thành chương-cú, chương-cú lại hợp điệu-vận thi cũng có thể nên thơ, một bài thơ thực giản-dị, minh-bạch, có giá vậy. Giá ta đem bài vận-văn này viết ra làm tản-văn, thực không có câu gì phải đặt lại hay chữ gì phải thay đổi nữa. Cả hai câu thực, hai câu luận, tuy đối nhau rất chỉnh, mà đọc luôn một hơi với nhau cũng liền được.

Tưởng như tác-giả lúc làm không phải dụng công mấy, cứ mồm nói ra là bút đã chép nên thơ vậy. Cái lối làm thơ tự-nhiên và bình-đạm như thế cũng là qui trong nghề làm thơ, không phải như ai là thi-tù bảy ngày mới nặn được một câu nặng chình-chịch mà ý nghĩa lại mập-mờ, tán mãi cũng không ra.

## 92. — Khóm gừng, hàng tỏi

*Lởm-nhởm* gừng vài khóm,
*Lơ-thơ* tỏi mấy hàng.
Vẻ chi là cảnh *mọn*,
Mà cũng đến *tang-thương*.

ÔN-NHƯ HẦU

**Có bản chép**. — *Lép-nhép* vài *hàng tỏi*, Lơ-thơ mấy *luống khương*; Vẻ chi *tèo-teo* cảnh, *Thế* mà cũng tang-thương.

**Chữ và câu**. — *Lởm-nhởm* = hay còn nói *lởm-chởm* là chỉ cái gì không được nhẵn mặt; đây là nói vài khóm gừng bé nhỏ mọc trên mặt đất rộng phẳng. — *Lơ-thơ* = nói cái gì tả-tơi không được nhiều, không khít với nhau; cũng gần nghĩa như loáng-thoáng. — *Mọn* = bé nhỏ. — *Tang-thương* = dâu bể, chỉ cuộc biến đổi xoay vần (xem rõ bài *Hoài-cổ* trang 116).

**Ý và văn**. — Thi-tứ bài này cứ kể thực không có gì. Chẳng qua chỉ nói khóm gừng, hàng tỏi là những vật nhỏ mọn mà sao cũng đến nỗi tang-thương như các công cuộc dâu bể khác. Nếu quyển Cung Oán ngâm-khúc mà cho là của cụ Ôn-Như làm, thì đại-ý bài này rút lại cũng chỉ ở trong một câu quyển sách ấy diễn ra, là câu:

« *Phong trần đến cả sơn khê* ;
« *Tang-thương đến cả cây kia, cỏ này* ».

Còn chương cú bài này thì thực là bình-đạm. Chỉ có một chữ tang-thương là nhỡn-tự mới dùng chữ Hán mà thôi. Ai chép cái bài sau, đổi là *luống, khương, lèo-teo*, thực là người cầu-kỳ như có ý muốn phản tác-giả vậy.

## 93. — Cắt tóc

*Trải gió, dầm mưa* đã lắm rồi,
Phen này, *cắt tóc* để làm *tôi.*
Chơn-chu chẳng có còn *ai cứ,*
Lông-lốc tha hồ mặc *mẹ bôi.*
Cái lược từ đây khôn lối gỡ,
*Con đen* thôi cũng hết đường chui.
Cũng toan tấp-tểnh làm *sư cụ,*
Nghĩ lại, song mà chửa *chính ngôi.*

NGUYỄN-KHUYẾN

**Có bản chép.** — Câu 7. *Những* toan tấp-tểnh ; hoặc : Cũng toan *rắp tiếng.*

**Chữ và câu.** — *Trải gió, dầm mưa* = *trải* : từng chịu nhiều lần ; *dầm* : ngâm xuống nước hay một chất lỏng ; *trải gió dầm mưa* : tác-giả có ý nói đầu tóc chịu gió chịu mưa đã nhiều lắm rồi. — *Cắt tóc* = dịch ở chữ *thí-phát* ra. Cái phép người đi tu, vào chùa ở, phải thí-phát, là lấy cái nghĩa phải cắt đứt hết cái căn-duyên nó buộc mình với người nọ người kia, với đời, mà tóc trên đầu tức là biểu-hiệu cái căn-duyên ấy. — *Làm tôi* = nhập môn người ta, vào làm tôi-tớ theo đòi người ta. Đây là làm tôi nhà Phật, tức là đi tu đạo Phật vậy. « *Cắt tóc làm tôi* » là một câu tục-ngữ thường nói. — *Ai cứ* = cũng lấy ý trong một câu tục-ngữ : « **Cứ** *người có tóc, ai* **Cứ** *kẻ trọc đầu* », dùng để nói khi muốn nắm cái gì để làm bằng-*cứ*, thì nắm chỗ còn nắm được, chớ ai lại nắm chỗ không thể nắm được, cũng như nắm được đầu người có tóc, chớ đầu trọc thì nắm làm

sao được. — *Mẹ bôi* = hai chữ này lại do một câu ca-dao người ta hay dùng để nói bỡn trẻ con đầu mới cạo : « *Đầu trọc lông-lốc bình vôi ; Mẹ ngồi mẹ ỉa, mẹ bôi lên đầu* ». — *Con đen* = tức là con *chấy*, có nơi gọi là con *chí*. — *Sư cụ* = sư ở trên bậc cao hơn hết cả. — *Chửa chỉnh ngôi* = chửa có thể làm được sư cụ.

**Ý và văn**. — Mấy chục năm về trước, chỉ có ai đi tu, gián-hoặc một đôi người ốm nặng hay một vài cụ già mới phải cắt tóc đi mà thôi. Món tóc trên đầu là một phần thuộc về hình hài của cha mẹ dựng nên, đưa lưỡi dao, lưỡi kéo mà cắt đứt đi, không nỡ. Tác-giả đây sở-dĩ mà phải cắt tóc là vì tác-giả đã nhiều tuổi rồi, nhưng tác-giả lại thác nói như là người cắt tóc để đi tu, để làm sư vậy (câu 2 và câu 7). Tóc cắt đi rồi, đến cái lược kia là một đồ dùng cũng không còn xỉa vào được (câu 5), con chấy kia là loài vật nhỏ mọn không còn biết chui vào đâu (câu 6), huống chi thiên-hạ kia là loài người khôn khéo, còn ai làm gì được mình, bắt bẻ được mình, mình ở đời, mà thực không một chút việc đời nào liên-lụy đến mình nữa (câu 3 và 4). Mình đã đi tu rồi, làm thầy chùa tột phẩm rồi. Nhưng xét lại, thì ra kinh kệ mình không thuộc, công đức mình không đủ, mình chưa thể làm sư cụ được (câu 7 và 8), mình vẫn chỉ là một ông già cắt tóc đi, cho nó mát cái đầu, cho nó nhẹ sự đời mà thôi.

Bài thơ này, bốn câu giữa nói cái đầu trọc thế là nói đến nơi ; câu đầu nói, trải gió, dầm mưa rõ là chỉ người già ; còn câu thứ hai và hai câu cuối nói đến tu hành kể cũng có vị. Thực là được cả toàn-thể bài nhẹ-nhàng rõ-ràng không có chỗ nào ép-uổng hay mờ tối.

## 94. — Nhà sư

Đầu *trọc tếch* bình vôi,
*Nhảy tót* lên chùa ngồi.
Y-a kinh một bộ,
Lóc-cóc mõ ba hồi.
Cơm chẳng ăn cá thịt,
Ăn những oản, chuối, xôi.
Không biết câu *tinh-dục*,
Đành chịu tiếng *mồ-côi*.

NGUYỄN-KHUYẾN

**Chữ và câu.** — *Trọc tếch bình vôi* = trọc nhẵn thín như bình vôi. Câu ca-dao : « *Đầu trọc lông-lốc bình vôi* ». — *Nhảy tót* = nhảy thẳng ngay lên. — *Tình-dục* = lòng tham muốn hết thảy mọi việc tiện lợi, yên vui, thỏa thích. — *Mồ-côi* = vốn nghĩa chỉ người ít tuổi mà cha, mẹ đã mất. Mẹ góa, con côi. Tiếng *côi* có nhẽ ở chữ *cô* ra mà chữ *cô* nghĩa hẹp là người cha đã mất, nghĩa rộng chỉ người chỉ có một thân một mình, *cô* thân, chích ảnh. Tiếng mồ-côi trong bài đây nói nhà sư không có cha, mẹ, vợ con gì cả.

**Ý và văn.** — Bài trước trong đã có nhà sư, nhưng là một nhà sư giả. Bài này mới là một bài tả nhà sư thật, một nhà sư tu-hành phải cách. Câu đầu nói : « *đầu trọc* », câu thứ hai nói : « *ở chùa* », thế đã rõ là một nhà sư rồi. Hai câu thực nói tụng *kinh*, gõ *mõ*, thế là chỉ công việc của nhà sư làm hàng ngày. Còn hai câu luận, hai câu kết nói kiêng *thịt cá*, ăn *oản*, *chuối*, không lấy *vợ*, không *dẻ con*,

thế là kể cách tu-hành của nhà sư đại-đề rút lại là như thế... Bài này phải hai câu luận, *cơm* đối với *ăn*, — *ăn* đối với *oản* không được chỉnh, không rõ nguyên-bản có đúng như thế không, hoặc tác-giả muốn hạ luôn chữ *ăn* sau cho nó có liên-lạc với chữ *ăn* câu trước. Còn toàn bài nhời nhẽ lưu-loát nhanh nhẹ lắm. Nhất được hai câu thực hạ mấy chữ *y-a* và *lóc-cóc* rõ bắt được tiếng đọc kinh và tiếng gõ mõ của nhà sư rất khéo vậy. Trong bài có những chữ *tếch*, *tót*, *bình vôi*, *chẳng*, *những*, *không đành* cũng là mới hơi có ý giễu nhà sư, chớ không có cái điệu giễu hẳn nhà sư như bài dưới này của họ Hồ.

---

## 95. — Giễu nhà sư

Chẳng phải *ngô*, chẳng phải *ta*,
Đầu thì *trọc lốc*, *áo không tà*.
Oản dâng trước mặt năm ba phẩm,
*Vãi mập* sau lưng sáu bảy bà.
Khi cảnh, khi tiu, khi chũm-chọe,
Giọng *hì*, giọng *hỉ*, giọng *hi-ha*.
Tu lâu có nhẽ lên *sư cụ*,
Ngất-nghểu *tòa sen* nọ đó mà !

HỒ-XUÂN-HƯƠNG

**Chữ và câu.** — *Ngô* = người Tàu, người Trung-hoa, ngô khách, vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú Khách (ca-dao) không rõ nguyên-ngữ tự đâu. Hoặc tại đời Tam-quốc, Ngụy, Thục, Ngô, lúc bấy giờ nước ta

thuộc về nước *Ngô*, Tôn-quyền, mà gọi người Tàu là Ngô chăng. — *Ta* = đây là chỉ người An-nam ta đối với tiếng *Ngô* ở trên. — *Trọc lốc* = trọc nhẵn thín. — *Áo không tà* = *tà* : mảnh vải khâu chắp lại thành áo. Áo ta mặc bây giờ gọi là áo năm *tà*. *Áo không tà* đây là chỉ áo nhà sư mặc những lúc cúng lễ gọi là áo cà-sa. — *Vãi mập* = *vãi* : người đàn bà quy-y Phật ; *mập* : béo tốt, rắn thịt. — *Cảnh, tiu, chũm-chọe* = đồ bằng đồng dùng để đánh lúc cúng lễ : cái cảnh thì như cái ang đồng nông, cái tiu như cái đĩa đồng có cán gỗ, còn chũm-chọe thì có núm cầm đánh hai cái vào nhau ; lúc cúng, tiu cảnh đi với nhau, còn chũm-chọe đi với trống. — *Hì, hỉ, hi-ha* = ba tiếng này là âm-thanh nghe ra như thế mà đặt thành. — *Sư cụ* = bậc sư cao nhất trong chư tăng. Ta phân sư cụ, sư ông, sư bác, sư chú, tiểu. — *Tòa sen* = dịch ở chữ liên-tọa ra. *Liên-tọa* là tòa hoa sen, và tức là tòa Phật ngồi. Ta nói lên tòa sen tức là tu đã thành Phật.

**Ý và văn**. — Đại-để bài này cũng giống như bài trên. Không những về một phần cấu tứ mà cả về phần bố-cục nữa. Hai câu đầu nói *chẳng phải ngô, chẳng phải ta, đầu trọc lốc, áo không tà* đã rõ hẳn là một bài kể về nhà sư rồi. Hai câu thực nói *trước mặt có oản, sau lưng có vãi* ; hai câu luận nói *tiu cảnh* nói *kinh kệ* thế cũng là nói công việc và cách tu-hành của nhà sư. Hai câu kết nói tu như thế mà cũng lên sư cụ, mà cũng ngồi tòa sen đó.

Song như ta đã nói, bài này thật ra mặt giễu sư, khác hẳn bài trên, nên cái giọng cũng đậm-đà, thiết-tha khác hẳn. Đọc hai câu đầu, ta trông ngay thấy cái hình-thù nhà sư đã không có gì là đẹp. Đọc bốn

câu giữa, ta biết rõ rằng cái sự-vụ, cái công-đức của nhà sư không có gì là trọng. Đọc đến hai câu cuối, ta nghĩ bụng tu như thế mà rồi cũng thành Phật được ư? Ôi! mà nếu quả tu-hành chỉ cốt ở một cái bề ngoài, nghĩa là cái đầu trọc, cái áo cà-sa, cái cúng oản chuối, cái gõ tiu, cảnh, cái hì, hỉ, hi-ha, còn cái bề trong kinh-kệ chẳng thuộc gì, nghĩa-lý chẳng biết chi, đức-hạnh thực chẳng có, căn-duyên cũng rằng không, thì trên đối với đức Thích-Ca, đã gọi thành Phật sao được; dưới đối với chúng sinh, đã gọi là tu-hành thế nào cho nó đang. Những cái hạng nhà sư *Na-mô một bồ dao găm* như thế, tưởng chẳng giễu cũng không nên dong làm gì.

Bài này họ Hồ làm, thực là giễu nhà sư vô đạo đến nơi đến chốn, chẳng kém gì cả một quyển « *Truyện Na-Mô* » vậy. Những tiếng có giọng giễu mạnh hơn cả là : *ngô, ta, trọc lốc, vãi mập, khi, giọng, tu lâu, ngất-nghểu, nọ đó.* Mấy tiếng *hì, hỉ, hi-ha* câu 6 có khác nào như cái giọng đứa trẻ vòi khóc? Mấy tiếng *tu lâu, sư cụ* câu 7 có phải như nhắc lại câu : « *Sống lâu lên lão làng* ».

---

## 96. — Chừa rượu

Những lúc *say sưa*, cũng muốn chừa,
Muốn chừa nhưng *tỉnh*, lại hay ưa.
Hay ưa, *nên nỗi* không chừa được,
Chừa được, nhưng mà cũng chẳng chừa.

NGUYỄN-KHUYẾN

**Chữ và câu.** — *Say sưa* — đây là uống rượu mà say. — *Tỉnh* = đây cũng nói tỉnh rượu. — *Nên nỗi* = mà thành ra cái sự như thế.

**Ý và văn.** — Lúc say mà muốn chừa rượu, thế là có ý hối, vì lúc say có thể phạm vào những điều, nếu tỉnh ra, thì không bao giờ có. — Nhưng lúc tỉnh, lại hay ưa rượu, vì có uống rượu vào, thì trong mình nó mới được khoan-khoái. — Ấy chỉ tại hay ưa rượu thế, mà không chừa được nữa, vì mềm môi, đã thành nghiện mất rồi. — Vì chăng, dù có chừa được nữa, cũng chẳng chừa làm gì, thử hỏi như bỏ rượu thì đã lấy cái gì mà thay vào được cho bằng chửa. — Kết cục, rượu là một cái tự con người đã chót sinh ra, con người cho muốn làm thế nào, cũng không sao trừ tiệt đi được nữa. Tha hồ các nhà vệ-sinh dạy đừng uống rượu, các nhà đạo-đức khuyên phải chừa rượu, các nhà y-sĩ phơi bày cái nỗi hại của rượu, các nhà làm báo chê bai giễu cợt sự nghiện rượu, cái rượu nó vẫn sinh-hoạt mãi, nó cũng phát đạt ra. Vui có nó, buồn có nó, suông một mình có nó, đông nhiều người có nó, hủ-bại có nó, văn-minh có nó, phương bắc có nó, phương nam có nó, đâu có người là tất có nó, nó đã như cứ theo người mà cùng sinh, cùng tử vậy.

Ý nghĩa bài thơ, thực là liên-lạc với nhau. Ai đọc hình như chỉ kéo thẳng một thôi đường không phải rẽ đâu, nghỉ đâu cả. Tự cú bài thơ lại cũng liên-lạc hẳn thế nữa. Cứ hai chữ cuối câu nọ đem làm hai chữ đầu câu kia, thực đã như gối liền vào nhau, chắp vòng với nhau, đè lớp lên nhau, không còn gì lọt vào khe được nữa. — Bài thơ lại có giá là vì toàn nôm cả, chỉ có một chữ tỉnh là chữ Hán, nhưng cũng đã hóa nôm.

## 97. — Rượu say

Đời này thực tỉnh những ai đây ?
Ai tỉnh, cho ta chịu tiếng say.
Buồn ruột cho nên *men phải nhắp*,
*Dở mồm* nào biết giọng là cay.
Bạn cùng *quỉ rẫy* chi cho bận !
Vui với *ma men* thế cũng hay.
Ngất-ngưởng hai tay *vơ đũa chén*,
Đố ai đã được cái say này ?

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép**. — Câu 4. *Đỡ* mồm. — Câu 8. Đố ai *tránh* được.

**Chữ và câu**. — *Men phải nhắp* = *men* tức là rượu, rượu cất bằng men ; *nhắp* : uống từng hớp, từng hơi một. — *Dở mồm* = uống nửa chừng, cái trò rượu uống vào mềm môi, càng uống càng thích biết là cay thế nào được. — *Quỉ rẫy* = quỉ nó hiện lên, nó làm cho hung-hăng tợn bạo. *Quỉ rẫy* đây cũng là chỉ rượu như tiếng *Ma men* ở câu dưới. — *Vơ đũa chén* = ý nói lúc say lên, vơ cả đôi đũa, cả cái chén, mà không biết gì nữa, cũng như có ai bấy giờ cũng không cần ai cả.

**Ý và văn**. — Ở đời, ai là người đã gọi được là thực tỉnh ? mà dù ai có thực tỉnh nữa, ta đây cũng xin chịu cái tiếng say vậy (câu 1 và 2). — Ta sở-dĩ phải uống rượu say, là vì ta có truyện buồn trong ruột, mà cái trò đã uống rượu vào, là mềm môi muốn uống mãi, còn biết cái vị cay của rượu là gì nữa

(câu 3 và 4). — Ta vẫn biết quỉ rượu nó làm cho ta bận, nhưng ta lại thấy ma rượu nó làm cho ta vui, nên ta phải vui với nó (câu 5 và 6). Ôi chao ! lúc ta đánh rượu say vào, ngất-nga, ngất-ngưởng, ta còn phân ai với ai nữa, ta coi ai cũng như ai cả mà thôi. Ấy, ta say như thế, đố ai mà say được như ta (câu 7 và 8).

Cái nghĩa bài giải lược qua ra như thế. Hai câu thực và hai câu luận, nói cái cớ tại làm sao mà uống rượu, uống rượu sao lại uống nhiều, uống nhiều phiền, sao còn cứ uống mãi, cái ý thật là liên-tiếp, câu đặt thật là chỉnh-tề, chữ dùng thật là khéo xếp. Nhưng cái phần cao xa của bài không phải ở bốn câu giữa, mà ở hai câu đầu và hai câu cuối bài vậy. Ừ, trong thiên-hạ đã ai dám tự phụ chắc là người *tỉnh* chửa. Hay chẳng say giầu thuốc, thì cũng say a-phiện, chẳng say giai gái, thì cũng say cờ bạc, chẳng say cửa nhà, thì cũng say ruộng đất, chẳng say danh tiếng, thì cũng say bạc tiền, chẳng say cái nọ, thì cũng say cái kia cả. Đã say một cái trong bấy nhiêu cái, thì gọi tỉnh làm sao được. Nên chi ta đây cũng say rượu chè, ta chịu cái tiếng say ấy, ta không chối. Vì lúc ta say lên, ta trông trong cuộc đời nó nhòa-nhoẹt hết cả, nó không còn tí gì khiến cho ta phân thượng với hạ, tôn với ti, quí tiện với phú bần nữa. Cái say của ta nó đắc dụng với ta như thế, ta lấy làm đắc chí, tự cao lắm. Đố ai mà say như ta được đó.

Ừ, mà cái say của tác-giả đây thực không phải là cái say mê, say mệt, say bứ, say bự, say vùi, say rập, say đến hạ người xuống làm con vật, hóa người thành ra con ma. Cái say của tác-giả là một cái say ngà-ngà, ngất-ngưởng, một cái say thú-vị, tao-nhã, một cái say mượn để xem khóe đời, một cái

say, say mà tỉnh ở trong, một cái say của nhà thi-sĩ, của tay hào-phóng, một cái say như say Lưu-Linh, lắng tai nghe không thấy sấm sét, giương mắt nhìn không rõ Thái-sơn, lấy mặt giời, mặt giăng làm cửa ngõ, lấy suốt cả thiên-hạ làm sân, làm đường, một cái say như say Lý-Bạch. làm người đã được lúc đắc ý thì phải vui, vui thì không để cái chén không bao giờ, uống thì uống kể ba trăm chén một lúc, uống đã say, thì cầu cho say mãi không cầu tỉnh làm gì nữa, có say mới tiêu được cái sầu vạn cổ, có say mới lưu được cái danh thiên thu, chớ đến bậc thánh hiền mà chẳng say, thì cũng là tịch-mịch cả, có ai biết là ai. Ôi ! cái say ấy mới gọi là cái nên say. Say như Lưu-Linh, Thái-Bạch còn để lại cho ta những bài như bài « *Tửu-đức tụng* », « *Tương tiến tửu* » khiến cho ta còn ngâm đọc được mãi, càng ngâm đọc, càng lấy làm thú, thì quả cũng là một cái say lưu danh vĩnh viễn vậy. Ông Tú làm bài này chẳng biết nối gót được hai cụ nhà Đường bên Tàu chăng ? Ta chỉ biết bài của ông cũng gọi là bình-đạm, dù không có câu nào xuất sắc lắm, thì cũng không phải câu nào đáng chê bai cả.

---

## 98. — Rượu say nhè

Sống *ở nhân-gian*, đánh chén cay,
*Trăm năm ngày thác* giữ *be* đầy.
*Diêm-vương* phán hỏi rằng : « Ai đó ?
— Say ! »

Sống ở nhân-gian đánh chén khè,
Trăm năm ngày thác giữ đầy be.
Diêm-vương phán hỏi rằng : « Ai đó ?
— *Nhè* ! »

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Nhân-gian* = khoảng người và vạn vật ở. — *Trăm năm ngày thác* = lúc trăm tuổi chết đi. — *Be* = bình đựng rượu hình tròn cổ nhỏ. — *Diêm-vương* = vua dưới âm-phủ. — *Nhè* = nói người say rượu lắm hay lôi-thôi sinh sự. Ta nói bét *nhè*.

**Ý và văn.** — Bài này cũng là một bài nói về cái say rượu, nhưng là một cái say tít, say khướt, say *nhè*, say bất tỉnh nhân sự, say đến chết xuống âm-phủ, vẫn còn kè-kè giữ đầy be, đến vua Diêm phán hỏi là ai, cũng quả-cảm đáp là *Say Nhè*.

Cái đại-ý bài như thế, mà hai bài cũng là một. Có sách lại cho rằng hai bài là của hai người làm lúc hứng tửu. Một người làm bài trên xong, người kia chỉ chịu cho là *say* thôi, chớ chưa cho là *say* lắm, mới chữa làm bài dưới là *say nhè*.

Cứ bình tĩnh mà xét, thì tưởng bài trên, có gieo vần *say*, mới thực rõ là say rượu, nhưng phải vần *cay* ở câu đầu, có phần hơi miễn-cưỡng. — Còn bài dưới, nếu câu đầu, gieo vần *khè* mà cho là nghe được, thì vần *nhè* ở cuối lại có phần không được lưu-loát minh-bạch cho lắm. Tiếng *nhè* mà nói say rượu thì phải hiểu ngầm cả tiếng *bét* đi ở trên là *bét nhè* nữa. Chỉ dùng một tiếng nhè không, thì có khi cho là *ngủ nhè*, *ngủ thiu* hay *bè-nhè* con cà, con kê cũng được. Cái lối yết-hậu chỉ cốt có một tiếng cuối ấy là tiếng nhãn-tự của bài, bao nhiêu ý

ở bao nhiêu câu trên phải nhớ theo đuổi nhằm cả vào đấy, thì phải cho nó thật rõ-ràng, nặng lắm mới xuôi, chớ còn mập-mờ hay nhẹ quá là không được. Nhưng thôi, cho là *say* hay cho là *nhè*, ta cũng chẳng bình-phẩm làm chi. Ta chỉ biết hai cụ tả cái say, mà gợi đến cả âm-phủ, mà đem người say đến trước mặt vua Diêm, đối đáp với vua Diêm, dám xưng tên hẳn với vua Diêm là *say*, là *nhè*, thì cùng là tả cái say đến nước cùng cực, có thể gọi là một cái say tự dương-gian xuống đến âm-phủ, một cái say tự khi làm người cho đến khi làm quỉ được.

---

## 99. — Cái thú cô đầu

Cái thú cô đầu nghĩ cũng hay,
Cùng nhau dan-díu mấy đêm ngày.
Năm canh to nhỏ *tình ma chuột*,
Sáu khắc mơ-màng *truyện nước mây*.
Êm-ái cung đàn chen tiếng hát,
*La-đà* kẻ tỉnh dắt người say.
Thú vui chơi mãi mà không chán,
*Vô-tận kho giời hết lại vay*.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép**. — Câu 2. mấy đêm *nay*.

**Chữ và câu**. — *Tình ma chuột* = tình con ma, con chuột là nói tình ỡm-ờ không có gì làm chắc, làm

thật cả. — *Truyện nước mây* = truyện gọi là tâm tình lấy làm khoái cho như là nước chảy, mây đi (lưu-thủy, hành-vân). — *La-đà* = nói lúc say lắm, ngất-nga, ngất-ngưởng, không rõ truyện gì nữa. — *Vô tận kho giời hết lại vay* = kho vui thú của giời bao giờ mà hết được cứ chơi cho hết đi rồi ta lại vay giời (Xem rõ kho vô tận bài *Tiêu-dao* số 118).

**Ý và văn**. — Chơi cô đầu cho là một cái thú, mà cái thú ấy, nghĩ ra cũng là hay. Hay về nỗi gì ? Hay là vì người đi chơi với con nhà nghề dan-díu với nhau nhiều cho lắm, cũng chỉ độ năm ba ngày (câu 1 và 2). — Tại sao mà dan-díu, và lúc dan-díu làm những gì ? — Ban ngày thì chuyện-trò hươu vượn, lấy sự mong-mỏi làm khoái, ban đêm thì tình-tự ma chuột, lấy sự tri-kỷ làm vui. Lúc thì nghe đàn, nghe hát thật êm tai, lúc thì chén tỉnh, chén say rõ la-đà (4 câu giữa). — Cái dan-díu chỉ mấy ngày ấy thế mà nó cứ vui thú mãi, nó cứ đeo-đẳng hoài không rứt ra cho được. Mà rứt làm gì, cái thú chơi-bời này nó cũng như cái kho gió giăng vô tận của giời cho, hết rồi lại vay, thì can chi mà chán, can chi mà chẳng chơi (câu 7 và 8) ?

Ông Tú làm bài này thực đã hiểu rõ cái thú cô đầu lắm. Ông vẫn biết cái thú ấy là cái chốc nhát không bền, là cái thú ma chuột không thực, là cái thú nước mây không vững, nhưng khốn vì cái thú ấy nó có phần êm-ái, dễ làm cho mê-mẩn, nó đàn ngọt, hát hay, nó say tỉnh, tỉnh say, mà thành kết lại, ông Tú phải chịu nó là một cái chơi vui, chơi thích, chơi được mãi mãi, chơi không thấy chán, chơi hết lại vay, nhưng vay là vay cái phong-nguyệt vô tận mà thôi, chớ không phải là vay tiền, vay bạc, vay thằng Đen, bác Vàng, vay đến vào

nhà Đá ! Ông Tú nói cái thú cô Đầu đến như thế, thì ta tưởng người đi chơi cô Đầu mà chính cả cô Đầu cũng phải kính-phục ông là chơi xành-xỏi, là đã từng-trải lắm : « *Lạc nhạn, xuyên tâm đủ ngón chầu* », không còn lép nước gì nữa.

Kể văn-chương bài này, tuy không có câu nào được đặc thú, đặc tài cho lắm, nhưng lấy toàn-thể bài, thì thực là nhẹ-nhàng, thanh-thản, không một chữ nào dùng là miễn-cưỡng cả.

---

## 100. — Cái hại cờ bạc

Giai tập *thi-thư*, gái vá may,
Những nơi *đỏ-bác* chớ nên say.
Ăn người, không bỗ người ăn lại,
Giở bạc, rồi ra bạc giở ngay.
Giàu có, mê vào lo chết xác,
Khó-khăn, mắc phải đói nhăn thây.
Hại người, hại của, *ô* danh-giá,
*Cay-cúi* làm chi đến nỗi này !

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Thi thư* = kinh Thi và kinh Thư, đây chỉ rộng cả các sách phải học, phải xem. — *Đỏ-bác* = chơi bời cái gì mà ăn nhau thua được bằng đồng tiền, phân bạc. — *Ô* = làm cho dơ bẩn xấu xa. — *Cay-cúi* = mê chơi quá, càng thua càng đánh già.

**Ý và văn.** — Đầu bài giai *học tập*, gái *vá may*, thế là nói giai, gái ai có công việc người nấy rồi, phải lưu tâm vào đấy, không nên cờ bạc, rồi nó thành say đắm, khó gỡ ra cho được. Này người cờ bạc chỉ muốn *ăn người* thế là người tham. Nhưng tham thì thâm, đến lúc *người ăn* mình thì không sao bù lại được. Này đang yên lành không muốn *giở bạc* đem ra đánh, tưởng là hay, ngờ đâu đánh quá, hóa ra *bạc* nó *giở* mình, không để mình yên. — Người có của mà máu mê cờ bạc, thì cũng có khi lo đến chết đi được ; người nghèo mà máu mê cờ bạc, thì rồi thế nào cũng chết đói nhăn thây ra đấy (4 câu giữa). — Cờ bạc vốn là một cái rất hại : Hại người, vì thức đêm mà ngồi bó buộc một chỗ ; — hại của, cái trò bất cứ đánh gì, đã biết một thứ cờ bạc nào, là chỉ có phần thua hơn phần được ; — ô danh giá, ai trọng được người bê-tha cờ bạc, người cờ bạc là người quên làm ăn, bỏ nghĩa-vụ không đáng kính, thẳng hoặc, lại phải bắt bớ hay phạm vào một nỗi gì bởi sự đánh bạc mà sinh ra, thì chẳng là một người có tội, giữ danh-giá toàn vẹn sao cho được ? Đánh bạc mà đã đến cái nước như thế, tất hối lại sao mà *cay cúi* làm gì, đam mê làm gì, nhưng dù có hối cũng không sao kịp nữa (câu 7 và 8).

Tóm lại, bài này hai câu đầu thế, là lên giọng khuyên đừng cờ bạc. — Hai câu thực thế, là thông tỏ cái tâm-lý của người đánh bạc và nghề cờ bạc. — Hai câu luận thế, là giãi bày cái kết-quả không hay của sự cờ bạc. — Hai câu cuối còn nói thêm vào cái kết-quả ấy nữa và lấy cái ý *hối* quá để đóng lại khiến cho người ta phải đem tâm nghĩ vậy.

Bài thơ này là một bài thơ cổ, nhời nhẽ chất-phác, minh-bạch, mục-đích cốt là mục-đích đạo-đức, nên

cái phần thi-thú không được rồi-rào lắm. Tuy vậy, trong bài có những chữ như : *giở bạc, bạc giở, ăn người, người ăn, chết xác, nhăn thây*, hai chữ *Hai*, một chữ *ô, cay cúi* hạ thực có ý, biết giáo giở, biết ấn-định cho nó mạnh cái văn ra vậy. Riêng hai câu tam, tứ có vẻ hay lắm, tưởng những tay cờ bạc cũng nên lấy ra mà ngâm-nga để nghĩ sửa mình rất có ích.

---

## 101. — Sầm-Nghi-Đống

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,
Kìa *đền Thái-thú* đứng *treo-leo*.
*Ví đây đổi phận, làm giai được,*
Thì sự anh-hùng, *há bấy nhiêu* !

Hồ-xuân-Hương

**Chữ và câu.** — *Thái-thú* = chức quan đối với chức tri-phủ bây giờ. Đời nhà Hán gọi là Thái-thú, coi một quận ; từ đời Tống về sau, quận đổi làm phủ, nên tri-phủ cũng xưng là Thái-thú. Đền Thái-thú đây là đền thờ Sầm-nghi-Đống làm chức Thái-thú Điền-châu bên Tàu, lúc bấy giờ theo Đề-đốc Hứa-thế-Hanh đóng tại Đống-Đa để chống-cự với quân vua Quang-Trung, không ngờ bị quân An-nam vây đánh mà phải thắt cổ chết. Có sách cho là Sầm-nghi-Đống bị tử trận. — *Treo-leo* = nguy-hiểm, hình như có thể rơi, đổ xuống được. Có người cho đền thờ Sầm-nghi-Đống lập ngay ở chỗ Đống-Đa (gần

Thái-hà-ấp, huyện Hoàn-long, tỉnh Hà-đông bây giờ) là chính chỗ Sầm-nghi-Đống chết. Có người lại cho đền ấy lập ở trong ngõ *Sầm-Công* (Hà-nội), hiện nay vẫn còn và lúc bấy giờ còn con sông Tô-lịch chảy qua ; đền dù vắt-vẻo ở trên bờ sông hay ngất-nghểu ở trên đống đất cũng có thể gọi là *treo-leo* được cả. — *Ví dây đổi phận, làm giai được* = ta hay nói *phận đàn-bà* hình như cho là phận hèn, không làm gì nổi, tác-giả đây có ý nói giá ta mà đổi cái phận làm gái của ta ra làm giai được. — *Há bấy nhiêu* = há chỉ có ngần ấy mà thôi, hay còn làm giỏi hơn nhiều.

**Ý và văn**. — Nếu nàng không đưa mắt trông ngang cái bảng — hay cái biển — treo đấy, thì nàng biết là đền thờ ai. Cái đền ấy xưa nay có danh tiếng gì đâu, mà khiến cho nàng phải tìm đến (câu 1). — Bây giờ, nàng trông rõ hai chữ Thái-thú, thì nàng mới hay cái đền treo-leo đó là đền thờ họ Sầm, Sầm - nghi - Đống xưa đã bỏ xác ở chỗ Đống - Đa (câu 2). — Ôi ! đã gọi đem quân ra trận, mà bại trận, để đến nỗi người ta giết được, thì còn vinh-hiển gì, mà khiến cho người ta phải dựng đền hương-khói thờ-phụng nữa ? Này Xuân-Hương đây vốn là đàn bà, nếu Xuân-Hương có phép đổi phận ra làm đàn ông được, thì há Xuân-Hương lại có chịu như ngươi, là gã nam-nhi, đáng mặt anh-hùng, phải chết vùi rập, chết mất xác ở nơi chiến-trường ru (câu 3) ?

Khi-khái lắm ! Hùng-dũng lắm ! Đàn bà họ Hồ làm bài thơ này, thực là có giọng khinh-miệt đàn ông họ Sầm một cách rất thấm-thía. Khẩu-khí của họ Hồ không phải là một tay vừa, một kẻ nữ-nhi tầm-thường như ai. Họ Hồ quả là một bậc anh-thư, có can-đảm, có dũng-khí, có thể *giơ tay với thử giời*,

*xoạc cẳng đo xem đất* được đó. Đối với nước nhà dù họ Hồ không có một cái sự-nghiệp nhớn-nhao được như họ Trưng, họ Triệu, họ Hồ chỉ sản-xuất được những bài thơ hùng-hồn kỳ-áo như bài này, thì thiết tưởng ta cũng nên kính-cẩn mà tôn-trọng lên vậy.

*« Vì đây đổi phận, làm giai được,*
*« Thì sự anh-hùng, há bấy nhiêu ? »*

Hai câu đó, là hai câu tưởng đàn bà, con gái nước Nam ta mà cả đàn ông ai cũng nên biết, nên nhớ, nên nghĩ cho nó mạnh-mẽ con người ra vậy.

---

## 102. — Mã-Viện

Trèo non, vượt biển biết bao *trùng,*
*Một trận Hồ-Tây chút vẫy-vùng.*
*Quắc-thước* khoe chi mình tóc trắng !
*Cân-đai* đọ với gái *quần hồng.*
*Giẻm chê luống những đầy xe ngọc,*
*Công-cán ra chi dựng cột đồng ?*
*Ai muốn chép công, ta chép oán,*
*Công riêng ai đó, oán ta chung !*

VÔ-DANH

**Có bản chép** — Câu 1. biết bao *công*. — Câu 3 và câu 4. *Tuổi ngoại sáu mươi* khoe quắc-thước ; *Đánh cùng hai* gái *gọi anh-hùng*. — Câu 5. Giẻm chê *đã chán* đầy *mâm* ngọc.

**Chữ và câu.** — *Mã-Viện* = người ở Mậu-lăng đời Đông-Hán, tự là Văn-Uyên, sau được phong làm Phục-Ba tướng-quân. Xem rõ truyện ở quyển *Cổ-Học tinh-hoa* quyển I, trang 121. — *Trùng* = từng tầng, từng lớp, đây nói tầng núi, lớp sông, biển. = *Một trận Hồ-Tây chút vẫy-vùng* = Mã-Viện đánh hai bà họ Trưng được ở trận Hồ-Tây bây giờ là hồ Lãng-bạc. — *Quắc-thước* = *quắc* : chừng mắt lên trông ; *thước* : sáng-sủa, đây nghĩa là nhẹ-nhàng mạnh-mẽ. Mã-Viện khi đã 62 tuổi còn nói với vua Quang-Vũ nhà Hán : « Tôi còn mặc áo giáp, nhảy ngựa được ». Vua sai thử, Mã-Viện liền nhảy ngựa cầm cương, quắc mắt ra giáng mạnh-mẽ lắm. Vua cười nói : « *Quắc-thước lai thị ông* ! » nghĩa là ông này nhẹ-nhàng mạnh-mẽ lắm. — *Cân đai* = *cân* : khăn, tiếng khăn ở chữ cân ra ; *đai* : dây lưng. — *Quần hồng* = quần đàn bà mặc, xưa đàn bà mặc quần sắc đỏ hồng. — *Gièm chê luống những đầy xe ngọc* = khi Mã-Viện ở nước ta kéo quân về Tàu, có đem theo mấy xe ý-dĩ (vị thuốc) bị kẻ gièm pha với vua Tàu là lấy mấy xe châu ngọc của nước ta. — *Công-cán ra chi dựng cột đồng* = trước khi về Tàu, Mã-Viện có lập cái cột đồng để ghi công. Tục truyền cột đồng ấy có khắc mấy chữ nguyền rủa dân Giao-chỉ : « *Đồng trụ chiết, Giao-chỉ diệt* » nghĩa là, cái cột đồng này đổ thì dân Giao-chỉ hết. Dân ta thấy thế, sợ cột đồng đổ, cứ lấy đất đá đắp mãi vào, mà thành cái cột đồng lấp mất, nên không rõ ở vào chỗ nào. — *Ai muốn chép công, ta chép oán* = câu này ý nói người Tàu, thì nhớ đến công Mã-Viện đã sang đánh nước ta. Phần ta thì lại lấy việc Mã-Viện đánh đổ họ Trưng, xâm chiếm đất nước, làm việc đại nhục, mà ta đeo một cái lòng oán-giận không bao giờ quên được. — *Công*

*riêng ai đó, oán ta chung* = câu này ăn theo và làm cho lọn ý câu trên. Mã-Viện đánh ta là công riêng của Mã-Viện đối với Tàu. Chớ như ta, bấy giờ mất nước, ông cha ta bị người Tàu tàn hại, thì bây giờ càng nghĩ đến truyện Mã-Viện, ta càng như thêm nhớ đến cái oán chung cho cả nước, cả nước ai nấy phải ghi lòng.

**Ý và văn**. — Ông tự ở nước ông, ông trèo non, vượt biển biết bao nhiêu lần, ông mới sang tới bên nước này. Ở nước này, chỉ vì hở cơ có một chút, ông mới vẫy-vùng được một trận ở Hồ Tây (câu 1 và 2). — Ông khoe ông già mà còn khỏe, nhưng tưởng ông làm gì, chớ ông đem bộ cân-đai của ông mà đọ với mảnh quần hồng của đàn bà, thì có chi gọi là anh-hùng vẻ-vang (câu 3 và 4)? — Trận đánh xong, trước khi ông dời chân đi, ông còn dựng cái cột đồng như có ý để ghi công-cán ông, kịp lúc ông về hẳn, ông lại đem theo bao nhiêu xe đồ qui báu, sao mà ông sâu cay và tham-lam quá lắm thế! Nhưng thử hỏi ông có biết người nước này cho cái công cán ông ra chi, người nước ông gièm cái lòng tham ông như thế nào không (câu 5 và 6)? — Ông không rõ, chớ cái công đối với ông, là công riêng một mình ông, chớ đối với nước này, thì lại là cái oán chung cho cả nhân dân đó, cái công ấy, đối với người nước ông tuy họ ghi chép thật, chớ đối với người nước này, họ có ghi chép, là chỉ ghi chép để oán ông mà thôi (câu 7 và 8).

Bài thơ này giải xuôi ra như thế. Đại ý rút lại chỉ là một giọng oán Mã-Viện, vì đối với dân Việt-nam ta, Mã-Viện quả là một kẻ thù không sao dong-thứ được. Mã-Viện đánh được hai Bà đã là một cái cớ làm cho dân ta đáng giận rồi. Nhưng Mã-Viện

lại còn dựng cái cột đồng như có ý tàn bạo muốn nguyền rủa giết chết cả giống Giao-chỉ ta, ấy mới là một dây oán thâm căn cố đế, tưởng ta còn sống được ngày nào, cũng không thể sao quên đi được. Cái cột đồng của Mã-Viện dựng, ghi cái chữ « diệt » ấy thực có hay không và ở vào đâu ? Ta không rõ. Ta chỉ biết rằng hiện nay ở những chỗ nước ta giáp giới với nước Tàu, người Tàu thường vẫn lấy cái huy-hiệu của Mã-Viện ra như để làm cái bùa chấn-áp hay ông ngáo dọa-dẫm ta vậy. Ai đã từng qua chơi bên Thủy-khẩu — tức là Chấn-phòng — đối với Lao-kay, vừa bước chân sang thấy ngay cái biển treo ba chữ « *Phục-Ba Nhai* » thì đủ rõ. Lại nhất là ai đã bước sang bên Đông-hưng (Tong-hinh) đối với Mống-cái vào cái đền thờ Mã-Viện xem, trong có tạc một tượng nhớn tay trái nắm tóc một tượng nhỏ nằm phục ở dưới, chân trái giận lên mình tượng nhỏ, còn tay phải giơ cao một thanh gươm lên như muốn chém, mà không đoán ngay ra tượng nhớn ấy là Mã-Viện biểu-hiệu người Tàu ra oai, tượng nhỏ ấy là biểu-hiệu một người An-nam lép vế khốn khổ ư ? Mã-Viện xưa có ý giết hại ta như vậy, con cháu Mã-Viện bây giờ còn có ý nạt-nộ ta như vậy, thì muốn bảo ta rửa cái mối oán kia đi thế nào cho nó sạch ? Thế mà nực cười thay ! ở chính nước ta bây giờ cứ kể có bao nhiêu đền còn thờ Mã-Viện, trước các đền thờ ấy, có bao nhiêu người vẫn lưng thì lụp-xụp xuống lễ, miệng thì xít-xa kêu khấn những là : « *Hán-triều Phục-ba đại-tướng-quân* ! » Ôi ! đã có đền thờ hai bà họ Trưng, lại có đền thờ tướng-quân Mã-Viện, nghĩa là ân-nhân cũng thờ, cừu-nhân cũng thờ như ân-nhân, dân ta sao mà là một dân đại-độ bao-dong được đến thế ? Tình dân như thế, thì dễ có

khi xưa người Tàu ra cho không rõ hẳn ông Trạng nào, lúc sang sứ, vế câu đối rằng :

Đồng - trụ chí kim đài vi lục
銅 柱 至 今 苔 未 綠

nghĩa là : cột đồng đến nay rêu chửa xanh, mà ông Trạng ứng khẩu đối ngay với :

Đằng - giang tự cổ huyết do hồng
藤 江 自 古 血 猶 紅

nghĩa là : sông Đằng từ xưa máu còn đỏ, thì dễ có khi cũng không khen ông Trạng ấy là người đối đáp được với Tàu có khí-khái đấy nhỉ ?

Bài thơ này hay nhất là hai câu kết, ta có thể lấy ra mà vịnh Mã-Viện cũng đủ. Còn phải câu 4 lắm bản chép : « *Cân thoa đọ với gái quần hồng* ». Như thế là cho cả câu ám chỉ Bà Trưng đối với cả câu trên ám chỉ Mã-Viện. Nhưng lại phải chữ *đọ*, thì cân-thoa đọ với quần hồng không có nghĩa.

---

## 103. — Triệu-Ẩu

Không *duyên*, không *kiếp* cũng không chồng,
Cái nợ *trần-hoàn* cái nợ chung.
Nhắm mắt, dời chân coi *Tạo-hóa*,
Kề vai, *vắt vú gánh non sông*.
Sánh cùng *hai gái* dòng *con Lạc*,
Thương lấy *trăm giai* giống *họ Hồng*.
Mới biết *Rồng Tiên* dòng-dõi tốt,
Xui ra *nhi-nữ* cũng *anh-hùng*.

VÔ-DANH

**Có bản chép** — Câu 3. *xem* Tạo-hóa. — Câu 5. dòng *họ* Lạc. — Câu 7. *Vận hội có khi gần tới đó.*

**Chữ và câu.** — *Triệu-Ẩu* : 248-271 s. Th. Ch,. người ở Cửu-chân thuộc về huyện Nông-cống bây giờ, cùng với anh là Triệu-quốc-Đạt tụ tập binh sĩ đánh quân nhà Ngô, sau phải tự-tử. — *Duyên* = bởi, nói vật nó bởi vật kia mà thành ra, như cơm bởi gạo, áo bởi vải mà thành ra. Đây chữ duyên dùng có nghĩa như *duyên*-nhân, *duyên*-số, *duyên*-phận chỉ cái việc, cái số. cái phận đã định trước như thế. — *Kiếp* — theo đạo Phật, là cái thời-gian dài nhất, một lần thành, một lần bại là một kiếp ; kiếp còn có nghĩa là số phận tai ách. -- *Trần-hoàn* = *trần* : bụi, *hoàn* : vòng quanh, *trần-hoàn* cũng nghĩa như *trần-thế* chỉ đời người ở cõi trần-tục này. — *Tạo-hóa* = *tạo* : sáng tạo, gây dựng, làm ra ; *hóa* : hóa-dục, biến-đổi tự-nhiên ; *Tạo-hóa* tức là giời đất, ý nói giời đất sinh ra vạn vật. — *Vắt vú* = tục truyền bà Triệu-Ẩu vú dài ba thước phải vắt lên vai. — *Gánh non sông* = *non sông* : lấy nghĩa ở chữ giang sơn ra mà giang sơn chỉ về quốc-gia. — *Hai gái dòng con Lạc* = tức là hai chị em bà Trưng-Trắc, Trưng-Nhị con gái quan lạc-tướng huyện Mê-linh. — *Trăm giai* = tức là 100 con giai của vua Lạc-Long và bà Âu-cơ. — *Họ Hồng* = tức là Hồng-bàng, gốc tích ông cha nước Nam nhà. -- *Rồng Tiên* = Vua Lạc-Long là dòng-dõi Long-quân tức là *Rồng*, bà Âu-cơ là dòng-dõi Thần-tiên, lấy nhau đẻ ra một trăm con giai, sau gây dựng ra nước ta, bởi vậy người nước ta vẫn xưng là con Rồng, cháu Tiên. — *Nhi-nữ* = *nhi* : con trẻ ; *nữ* : con gái, đàn-bà, con trẻ đàn bà là ý nói người yếu đuối không làm gì nổi. — *Anh-hùng* = *anh* : thứ

cỏ tốt đẹp ; *hùng* : loài vật mạnh-mẽ ; *anh-hùng* là chỉ người hiền-tài, hào-kiệt, làm được những thủ-đoạn to tát.

**Ý và văn**. — Đọc bài Mã-Viện trước, thấy cái giọng căm thù kẻ ác, mà thành ai chẳng sinh ra cái mối căm thù ấy. Bây giờ đọc bài Triệu-Âu này, lại thấy ngay như được cởi tấm lòng vì nước ta có sản ra được những bậc anh-hùng như thế, thì ta mới gọi có chốn đối đáp được với người. Ử, cứ kể một người nhi-nữ, không vị thù riêng, không có chồng con (câu 1), chỉ vì cái bụng thương bọn nam-nhi họ Hồng (câu 6), mà dám kề vai vắt vú — (tục truyền như thế), — nhắm mắt dời chân để thử chọi với Tạo-hóa, để gánh vác lấy nước nhà (câu 3 và 4), để giả nợ đời là cái nợ chung cho cả mọi người (câu 2), một người nhi-nữ như thế, thì mới sánh vai được với hai bà Trưng (câu 6), thì mới thực là dòng-dõi người Nam (câu 7), thì mới đáng gọi là nữ anh-hùng (câu 8). Mà đã là nữ anh-hùng thì chẳng nên tôn trọng, chẳng nên tán-mỹ, chẳng nên đem vào thơ cho cả mọi người cùng ngâm-vịnh hay sao ?

Lịch-sử bà Triệu, chỉ tiếc phải cái « Vú dài ba thước » hình thù bà thành quái-dị, khiến cho nhà cách-trí sinh lòng ngờ vực đôi chút mà thôi. Nhưng kể bà « tài cao muôn người » chí-khí lắm, mưu-lược nhiều, năm mới đôi mươi đã không chịu cúi đầu cong lưng làm tì-thiếp người ta, bỏ nhà vào núi, chiêu mộ tráng-sĩ, *đem thân bồ-liễu, theo loài bồng-tang, đầu voi phất ngọn cờ vàng*, quyết tâm : cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tràng kình, quét sạch chông gai, những mong cho nhân dân qua vòng khổ-sở, thoát khỏi quân Ngô, thi cũng là

một người đàn bà nên tay tráng-sĩ, hùng-tài can-đảm hiếm có vậy. Nên dù sau có chiến tử đi nữa, nhân-dân cũng phải một lòng thờ phụng có bao giờ quên được.

---

## 104. — Mừng Nghị-viên

*Nghị-viên* há phải việc con con,
Nước có *quyền dân*, nước mới còn.
Được buổi mở mồm, nên *nhức óc*,
Dù ai *bóp bẹp cũng vo tròn*.
Thay *hai vạn rưỡi* người ăn nói,
Mở bốn nghìn năm mặt nước non.
*Kính chúc duy-tân* hai chữ mới,
Xin đừng xôi thịt lũ *quan hòn*.

NGUYỄN-THIỆN-KẾ

**Có bản chép.** — Câu 4. Dù ai. — Câu 5. Thay *mười tám triệu* người. — Câu 7. Hi chúc. — Câu 8. Đừng *như* xôi thịt.

**Chữ và câu.** — *Nghị-viên* = *nghị* : bàn ; *viên* : vốn nghĩa là số quan đặt ra, sau chỉ rộng người có chân dự vào một việc gì ; *nghị-viên* : người có quyền bàn luận trong một hội-nghị. — *Quyền dân* = quyền của dân đen chớ không phải quyền ở vua quan như trước. — *Nhức óc* = không biết tác-giả có ý nói các ông *Nghị* phải nói bô-bô làm cho nhức đầu

nhức óc người ta, hay chính các ông Nghị phải nghĩ nhức đầu nhức óc rồi hãy mở mồm nói — *Bóp bẹp cũng vo tròn* = câu tục-ngữ, ý nói một người muốn phá bỏ, lại có một người muốn gây dựng lại. — *Hai vạn rưỡi người* = số dân được 25.000 người thi bầu một người nghị-viên (?), câu 5 ý nói thay nhời ăn nói cho 25.000 người. — *Mở bốn nghìn năm mặt nước non* = câu này cũng như câu trên phải đặt lộn lại là : mở mặt cho nước non cũ đã 4.000 năm. — *Kính chúc* = *chúc* : cầu cho người ta được một việc gì, hay cho một việc gì thành-tựu, *kính chúc* : chúc một cách chân trọng tôn kính. — *Duy tân* = thay đổi phép cũ mà theo lối mới ; hai chữ *duy-tân* hay dùng riêng về chính-trị. *Chu tuy cựu bang, kỳ mịnh duy tân* : Nhà Chu tuy là nước cũ, nhưng cái mịnh-lịnh nhà Chu lại là mới. — *Quan hỏn* = *hỏn* cũng nghĩa như cục, nói có phần cho là dơ bẩn, ta hay dùng hai chữ *quan hỏn* để chế những quan viên không có giá trị, đáng khinh ; chữ *viên* là cục tròn, tức là hòn vậy.

**Ý và văn**. — Cái trách-nhiệm làm nghị-viên há có phải là nhỏ (câu 1), vì nghị-viên tức là người phải bênh-vực quyền dân, mà cái quyền dân ấy có còn thì nước mới gọi là còn được (câu 2). — Ta gặp buổi tự-do nghị-luận, thì ta cũng nên nói cho phải chăng, bàn cho nghe được (câu 3). — Hoặc có kẻ bẻ phải làm trái, cố ý muốn bóp bẹp, thì ta cũng phải dụng tâm vo lại cho tròn, được như điều sở nguyện mới nghe (câu 4).— Ta đã thay mặt những bao nhiêu người để ra ăn nói (câu 5), thì ta cũng phải ăn nói làm sao cho cái ăn nói ấy mở mặt được nước ta, là cái nước cũ đã hơn bốn nghìn năm nay rồi (câu 6). Ấy tôi đây Nguyễn-thiện-Kế, tôi xin kính chúc các ông hai chữ « *Duy Tân* » là hai chữ mới. Nhưng các ông nên

hiểu rõ hai chữ ấy cố làm cho hết chức-trách của các ông là các quan Nghị, chớ các ông đừng có như là quan Viên, quan Hòn kia chỉ biết tranh nhau xôi thịt, thì dân còn biết mong cạy vào ai nữa (câu 7 và 8).

Bây giờ hai chữ Nghị-viên đã là thường lắm. Nhưng vào cái đời ông Tú, nghĩa là mười lăm, hai mươi năm về trước, cái tiếng Nghị-viên tưởng như còn mới-mẻ. Thế mà nhân dịp mừng các ông Nghị, ông Tú đã biết bày tỏ cái trách-nhiệm nặng-nề, sự ngôn-luận trọng-vọng, sự thành-tựu khó-khăn, cái hi-vọng của các ông đối với nước cũ, đối với dân-quyền như thế, thì ông Tú chẳng là một người thức thời-vụ lắm ru! Trong bài ông hạ những chữ: *quyền-dân*, *duy tân* thật mới mà thật khéo, — những chữ: *bóp bẹp*, *vo tròn* thật đúng mà rất có ý; — những chữ: *xôi thịt*, *quan hòn* thật có vị mà đề-phòng một cách kín-đáo vậy. Mục-đích bài của ông cốt chỉ là để mừng, nhưng mừng được như ông, nghĩa là mừng mà không chỉ một niềm phỉnh-nịnh, mừng mà nói lý tại sao phải mừng, mừng mà dạy công việc phải làm, mừng mà đón trước, rào sau châu-đáo như ông thì cũng là mừng nên thơ lắm. Nên chi cái bài của ông làm để mừng này, tưởng chẳng những ứng-dụng trong một cái thời buổi của ông thôi, mà có thể còn ứng-dụng vào bao nhiêu năm về sau này nữa, cũng chưa sai chút nào.

---

## 105. — Than thân

*Tóc chen hai thứ*, chửa danh chi,
Thân hỡi là thân, *thì* hỡi thì !
Chửa giả, chửa đền ân đệ, tử,
Thêm ngừng, thêm tủi chi *nam-nhi*.
Kẻ yêu, nên *ít bề cao hạ*,
Người ghét, càng nhiều tiếng *thị phi*.
*Tay bé khôn bưng vừa miệng thế*,
Dãi lòng ngay thảo cạy *thiên tri*.

NGUYỄN-HỮU-CHỈNH

**Chữ và câu.** — *Tóc chen hai thứ* = tóc đen và tóc bạc chen lẫn với nhau, như thế ta gọi là đầu bạc hoa râm, chỉ người đã hơi nhiều tuổi. — *Thì* = hay còn nói *thời*, tức là *thì* buổi, *thời* buổi, chỉ cái thời giờ, cái cơ-hội lúc bấy giờ. — *Đệ, tử* = *đệ* : em ; *tử* : con ; *đền ân đệ, tử* tức là đền ơn kẻ làm con đối với cha mẹ (hiếu), kẻ làm anh đối với em (đễ). — Đừng nhầm với *đệ-tử* viết có ngang ở giữa và nghĩa là học-trò. Đây nhẽ muốn nói rời ra làm con em thì phải nói *tử*, *đệ*. Nhưng cho đảo ngược *đệ* lên trên mà không gạch ngang để nối với *tử*, thì cũng không thể hiểu nhầm nghĩa được. Vả chăng trên có chữ *đền* mà nói là *đền* ân *tử*, *đệ* thì nghe không được êm tai. — *Nam-nhi* = *nam* : con giai ; *nhi* : trẻ con ; *nam-nhi* chỉ người lâm giai ở đời nghĩa là người phải có chí-khí hơn đàn bà, con trẻ. — *Kẻ yêu, nên ít bề cao hạ* = câu này ý nói vì người ta có bụng yêu, mà người ta không phân kẻ trên người dưới, kẻ hơn người kém. — *Thị phi* = điều phải, điều trái. — *Tay bé khôn bưng vừa miệng*

*thế* = ỷ nói mình không thể lấy tay mà bịt được mồm thiên-hạ khen chê bình phẩm. — *Thiên tri* = giời biết.

**Ý và văn.** — Tóc đã chen hai thứ, thì cũng đã là quá nửa đời người mà vẫn còn chưa công-danh chi, nếu là người biết nghĩ, thì cũng phải bật lên mà kêu : « Ôi cái thân này ! cái thời này ! » tiếng kêu tự-nhiên và mạnh-mẽ vậy (câu 1 và 2). — Nghĩ lại, phận làm con, làm em, thì chưa hết nghĩa-vụ đối với gia-tộc, phận làm dân, làm người, thì chưa hết chức-trách đối với quốc-gia, nghĩ như thế chẳng ngừng, chẳng tủi sao cho được (câu 3 và 4). — Ở cái đời này, kẻ có lòng yêu mình, thì họ coi mình cũng như ai, cũng bằng người ; còn kẻ có bụng ghét mình, thì họ lại bình-phẩm hay dở, phải trái không biết thế nào là cùng (câu 5 và 6). Cái trò đời vẫn thế : « Yêu nên tốt, ghét nên xấu ». — Nhưng phận mình nhỏ, tay mình bé, biết làm thế nào mà bưng miệng thế-gian được. Âu là ta cứ một lòng ngay thảo, giời soi-xét biết cho ta, thế là ta được yên vui, thỏa-thích rồi (câu 7 và 8).

Ta đã được biết ông Chỉnh làm bài thơ cái xác pháo (bài số 19) có khí-lực như thế nào rồi. Bây giờ ta lại gặp ông lần nữa, mà ta cũng vẫn còn thấy cái khí-lực mạnh như thế. Chỉ khác rằng : bài cái xác pháo, ông làm lúc còn ít tuổi, nên phần hăng chẳng khác nào như tiếng pháo nổ, chớ bài này, ông làm vào khi tóc đã chen hai thứ, nên có phần nghiêm-trang, khắc-khổ, thâm-trầm, lãnh-đạm, mới đọc tưởng như nhạt-nhẽo không có thi-vị, nhưng nghĩ kỹ, thì mới biết ông là người có chí-khí và biết lo lắm vậy. Hai câu thực, ông trách cái thân ông như thế là ông khổ tâm, não tứ hằng mài

giữa cái chí ông đối với nhà, với nước lắm. Hai câu luận, ông bàn đời như thế, là ông đã lão-luyện am-hiểu cái nhân-tình thế-thái, chênh-lệch chẳng qua chỉ ở cái bụng yêu hay ghét mà ra cả. Câu kết ông cạy giời như thế là như ông đã có ý chán người hay bất chấp người rồi, ông chỉ còn lấy hai chữ ngay thảo, làm cái sức mạnh để bổ-dưỡng tâm-chí ông thôi. Nhưng trong bài, lỗi-lạc nhất là câu thứ hai, thực là một tiếng kêu dũng-mãnh chứa biết bao nhiêu chí-khí, bao nhiêu tinh-thần, đáng khiến cho bao nhiêu người cùng chạc tuổi ông, mà chưa làm được chút công-nghiệp gì cũng phải cùng ông mà kêu to lên mới phải.

---

## 106. – Ngẫu cảm

Sự đời ngẫm nghĩ, nghĩ mà ghê !
*Sống gửi, rồi ra lại thác về.*
*Khôn dại cùng chung ba thước đất,*
*Giàu sang chưa chín một nồi kê.*
*Tranh-dành trước mắt mây tan-tác,*
*Đầy-đọa sau thân núi nặng-nề.*
*Muốn để hỏi Tiên, Tiên chẳng bảo,*
*Gượng làm chút nữa để mà nghe.*

DỰC-TÔN

**Chữ và câu.** — *Sống gửi, rồi ra lại thác về* = người ta sống ở đời chẳng qua chỉ là *gửi* thân ở đời ít lâu thôi, chớ chết đi mới thực là *về*, nghĩa là ở đâu lại về đấy, ở Đạo ra lại về Đạo, ở giời đất, ở bùn ra lại về giời đất, về bùn. *Sống gửi, thác về* là dịch ở bốn chữ : « *Sinh ký, tử qui* » ra,

mà bốn chữ ấy xuất-xử đâu từ vua Đại-Vũ nhà Hạ muốn yên-ủi những người đang đi qua sông mà gặp con rồng vàng, nó đội lên như muốn làm cho thuyền đắm. — *Khôn dại cùng chung ba thước đất* = người đời lúc sống còn phân là kẻ khôn, người dại khác nhau, chớ đến lúc chết, thì ai cũng như ai, chỉ vùi xuống ba thước đất là hết. *Ba thước đất* là trích ở trong bốn câu thơ cổ : *Vị qui tam xích thổ, Nan bảo bách niên thân. — Ký qui tam xích thổ, Nan bảo bách niên phần* và nghĩa là : chưa về ba thước đất, thì khó giữ được cái thân trăm năm ; đã về ba thước đất, thì khó giữ được cái mồ trăm năm. — *Giàu sang chưa chín một nồi kê* = cái cuộc giàu sang ở đời, chỉ ngắn bằng cái khoảng thời giờ nấu một nồi kê chưa được chín mà thôi. Câu này là xuất ở cái tích : xưa, đời Đường có một anh tên gọi Lư-Sinh, gặp một nhà đạo-sĩ ở chốn nhà trọ. Nhà đạo-sĩ thấy anh ta than thân khốn cùng, thì lấy một cái gối trong túi ra bảo nằm gối vào đấy, thì được vinh-hiển như ý ngay. Lư-Sinh vừa nằm xuống, thì tự-nhiên thấy lấy được vợ cực đẹp, thi đỗ tới ông Nghè, làm quan to, đánh giặc giỏi, lừng-lẫy mười năm giời. Sau để được năm con giai cùng đều làm quan, kết làm thông-gia với những nhà có tiếng trong thiên-hạ. Các con sinh được mười đứa cháu, đứa nào cũng thông-minh, tốt đẹp, còn mình sống mãi tám mươi tuổi mới chết. Lúc chết tỉnh dậy, thì vẫn nằm ở nhà trọ, mà nồi kê chủ trọ nấu từ lúc nằm xuống đến lúc tỉnh vẫn chưa chín. Lư-Sinh lấy làm lạ, nói rằng : « À thế chiêm-bao à ? » Nhà đạo-sĩ cười bảo : « Việc đời đều như thế cả đó thôi. » Bởi cái tích này người ta mới thường dùng ba chữ « *Hoàng-lương mộng* »

là giấc mộng kê, để chỉ cuộc giàu sang ở đời tàn rất chóng. — *Tranh dành trước mắt mây tan-tác* = ở trước mắt thì thấy cái cảnh-tượng đánh nhau bời-bời như mây tan, ám chỉ lúc bấy giờ người Nam, người Pháp đang xung-đột nhau ở trong Nam, ngoài Bắc. — *Đày đọa sau thân núi nặng-nề* = *núi nặng-nề* là ám chỉ bà mẹ bấy giờ là bà Từ-Dụ hãy còn, cái chữ hiếu nặng-nề sơn hải thâm ân giả chưa xong, làm cho thân mình phải đầy đọa vậy. Cũng có người cho câu này chỉ có nghĩa là việc về sau này gánh vác nặng-nề chưa biết đầy đọa cái thân này ra thế nào. Hai chữ « *thân sau* » tức là thân hậu, chỉ việc sắp đến, đáp với hai chữ « *trước mắt* » tức là nhỡn tiền ở câu trên chỉ việc đương có vậy. — *Muốn để hỏi Tiên, Tiên chẳng bảo* = phụ Tiên lên có ý muốn hỏi cái công-cuộc lúc bấy giờ rồi nó xoay-xở ra làm sao, nhưng không thấy Tiên dạy ra thế nào cả. — *Gượng làm chút nữa để mà nghe* = cố làm vua ít lâu nữa, định nghe ngóng xem nó ra thế nào.

**Ý và văn.** — Hai câu đầu nói : *Nghĩ mà ghê sống gửi thác về*, thế là sợ đời và than đời ngắn-ngủi. — Hai câu luận dẫn điển : *ba thước đất, một nồi kê*, thế là cho bao nhiêu sự đời gọi là *khôn, dại, giàu, sang*, cũng chỉ như một giấc chiêm-bao thoảng qua, rồi, rút lại đến chết, là hết cả. Cả bốn câu trên như thế, là không coi đời vào đâu nữa. Nhưng khốn, phần thì còn phải lo đến nước đang gặp buổi loạn ly, phần thì còn phải nghĩ đến mẹ đã già nua, tuổi tác, mà hình như chưa thể sao bỏ đời ra ngoài vòng được. Nên hai câu luận mới than đến : *mây tan-tác*, mới nói đến : *núi nặng-nề* ; trung ấy, hiếu này ai là người gánh đỡ cho, biết nương

cạy vào ai, biết cùng ai thăm hỏi ? Mờ-mờ mịt-mịt, bối-rối vò tơ, phải phụ bút để cầu, để *hỏi* Tiên, thế là quẫn bách cùng cực lắm, qui ư thiên-số quách rồi. Nhưng trước khi qui ư thiên-số phải tận kỳ nhân lực đã, nên hãy cứ *gượng* giữ lấy địa-vị mình để *nghe* ngóng tin tức xem ra sao (hai câu kết).

Bài này vua Dực-Tôn làm vào lúc nước Nam ta đang lung-tung, rối-rít, trong thì nào giặc Tam-Đường, giặc Cao-bá-Quát, giặc Tàu, giặc tên Phụng, giặc Văn-thân..., ngoài thì người Pháp nào hạ Gia-định, Vĩnh-long, Biên-hòa ở Nam-kỳ, nào hạ Hà-nội ở Bắc-kỳ, nào đem tầu vào Đà-nẵng ở Trung-kỳ,... thực là một mối bòng-bong biết gỡ sao cho nổi ? Người đứng cầm quyền làm vua, khi trong nước chỉ sẩy ra một đám giặc cỏ, tưởng đã là quan tâm rồi, huống chi giặc nổi tứ-tung như thế, yên tâm sao được, không lo nghĩ, không lấy làm *ghê* sao cho được ! Nhưng giá lo, mà biết sớm liệu, mà am-hiểu cái thời-thế bấy giờ, mà được tướng tá tài giỏi giúp đỡ, thì dễ có khi cũng không phải đến nỗi thối chí, như muốn xếp bỏ cả công việc, phải cầu Tiên, như muốn quỉ-thần làm hộ công việc người. Cái đại-ý bài này rút lại quả chỉ có thế : một đường chán đời, sợ đời, vì cho đời là giấc chiêm-bao ; một đường cầu Tiên, hỏi Tiên mong cho Tiên chỉ bảo, vì người hình như không kham nổi việc nữa. Ôi ! cùng tất sinh quẫn, cái cảnh như thế tưởng cũng là quẫn lắm vậy. Nhưng lúc quẫn, mà vẫn một niềm nghĩ đến mẹ già, thương đến dân khổ, thì rất là trung-hậu, khiến cho ta phải đem lòng kính-phục cả về mặt chính-sự, cả về mặt văn thơ. Bài thơ này là một bài thơ có giá, để bên cạnh bài « *Khóc vợ* » số 82 cũng đáng đối được vậy.

## 107. — Cảnh già

Nhớ từ năm trước hãy *thơ ngây*,
Phút chốc mà già đã đến ngay.
Mái tóc chùm đen, *chùm lốm-đốm*,
Hàm răng chiếc rụng, chiếc lung-lay.
*Lèm-nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ,*
*Khấp-khểnh ba chân dở tỉnh say.*
Còn một nỗi này thêm *chán ngắt*,
Đi đâu giở những *cối cùng chày*.

NGUYỄN-KHUYẾN

**Có bản chép**. — Câu 1 và câu 2. *Vừa thuở ngày nào* hãy *dại* ngây, *Cái* già *sồng-sọc* đã *theo* ngay. — Câu 3. *phần* đen, *phần* lốm-đốm. — Câu 5. *Nhập*-nhèm; hoặc : *Lập-lòe* bốn mắt. — Câu 6. *Bước* tỉnh say. Có bản hai câu 3, 4 lộn xuống làm hai câu 5, 6; hai câu 5, 6 đem lên chỗ hai câu 3, 4. — Câu 7. *Ông gẫm mình ông* thêm *nỗi* chán.

**Chữ và câu**. — *Thơ ngây* = *thơ* : trẻ tuổi ; *ngây* : chưa biết gì. — *Chùm lốm-đốm* = nói chùm tóc đã bạc. — *Lèm-nhèm bốn mắt tranh mờ tỏ* = hai con mắt thịt lèm-nhèm trông không tỏ, lại đeo thêm hai cái mục-kính thành ra bốn mắt để cố trông cho tỏ. — *Khấp-khểnh hai chân dở tỉnh say* = hai chân thật khấp-khểnh đi không vững, lại chống thêm một cái gậy, thành ra ba chân, thế mà đi vẫn chệnh-choạng như người nửa tỉnh, nửa say. — *Chán ngắt* = chán quá, chán nói ra không được. — *Cối cùng chày* = cối chày để giã giầu.

**Ý và văn.** — Câu đầu vừa nói nhớ đến lúc *thơ ngây*, câu thứ hai nói luôn đến *già*, lấy hai chữ *phút chốc* để nối với câu trên, lại lấy chữ *ngay* để gieo vần, thực là tả rõ được cái trẻ, cái già không cách nhau xa mấy, tưởng đã như khin-khít với nhau luôn một lúc vậy. — Hai câu thực nói *tóc* còn cái *đen*, có cái đã *trắng* ; nói *răng*, có cái đã *rụng*, cái đang *lung-lay*, thực khác nào như thể dựng cái hình ảnh người già lên trước mặt độc-giả vậy. Hai câu luận nói đeo kính, *hai mắt* thành ra *bốn* ; nói chống gậy, *hai chân* hóa ra *ba* ; thực lại như họa thêm mấy ngọn bút vào bức ảnh kia, khiến cho nó có văn-vẻ, có thi-vị đặc thú. — Còn hai câu cuối, đóng cái cảnh già mà viện *cối*, viện *chày*, tưởng như không có gì là hay cho lắm. Nhưng khi đọc câu trên đã thấy nói *chán ngắt*, mà đọc câu dưới, lại thấy những *cối* cùng *chày*, tuy nó chỉ cái cối, cái chày để giã giầu thật đấy, nhưng nó lại còn ngụ ý nói sống đã đến nước răng long, mắt lóa, đi không vững, nhai không được mà còn cứ dai-dẳng sống mãi, *cối chày* ở đời mãi, thì chẳng là một người sống thừa, tham sinh, úy tử hay sao.

Bài này cứ kể cho vào hạng « Thi trung hữu họa » được.

---

## 108. — Cảm hứng tuổi già

Tháng ngày *thấm-thoắt* tựa chim bay,
Ông *gẫm* mình ông nghĩ cũng hay.
Tóc bạc bao giờ không biết nhỉ !
Răng long ngày trước hãy còn đây.

Câu thơ được chửa ? Thưa rằng : « Được »,
Chén rượu say rồi. Nói : « Chửa say ».
*Kẻ ở trên đời lo-lắng cả,*
*Nghĩ ra ông sợ cái ông này.*

NGUYỄN-KHUYẾN

**Có bản chép**. — Câu 1. *Đời người* thấm-thoắt.

**Chữ và câu.** — *Thấm-thoắt* = đi vùn-vụt chóng lắm. — *Gẫm* = ngẫm-nghĩ. — *Kẻ ở trên đời lo-lắng cả, Nghĩ ra ông sợ cái ông này* = hai câu kết, tác-giả có ý muốn nói ai ai ở đời này cũng đều lo-lắng cả, duy chỉ có một mình lão không để bụng đến cái gì, chỉ thơ với rượu, nghĩ mà sợ cho lão.

**Ý và văn.** — Non nửa bài này cái ý cũng phảng-phất như bài trên, nói thời giờ thấm-thoắt mau chóng (câu 1), nói tóc bạc bao giờ không biết (câu 3), thế cũng là tả cái lúc giở về già. Còn quá một nửa nói đến thơ làm đã được (câu 4), rượu uống chửa say (câu 6), nói đến người đời ai cũng lo-lắng (câu 7), mà mình chỉ thơ với rượu, nghĩ ra cũng hay mà cũng sợ cho mình thật (câu 2 và 8), thì lại là tự vịnh, tự trào cái lúc tuổi già, thuộc về cái phần cảm-hứng vậy. Tác-giả làm bài này, có giọng như tự-đắc, tự-cao, tự xưng mình là ông tự cho thơ mình là hay, rượu mình uống là giỏi, tự lấy làm khoan-khoái, một cái khoái tưởng chừng như là phóng-khoáng ngang-tàng, ở đời chỉ còn biết thơ với rượu thôi, chớ mọi sự đều gác ra ngoài tai cả. Hai câu luận nói rượu, nói thơ, vừa hỏi, lại vừa tự đáp như thế thực là hoạt-động

lủng-linh có cái vẻ già cả mà còn lẳng-lơ lắm.

Cứ kể về cái tuổi già, thì dễ không có mấy nhà thi-sĩ ngâm vịnh nhiều bằng cụ Nguyễn-Khuyến. Cụ còn để lại cho ta bao nhiêu bài tự lúc cụ lên lão *năm nhăm* cho đến lúc cụ đã *bảy mươi tư* mà bài nào cụ cũng có ý nghênh-ngang phóng-khoáng cả.

---

## 109. — Dại khôn

*Thế sự* đua nhau nói dại khôn,
Biết ai là dại, biết ai khôn?
Khôn nghề cờ bạc, là khôn dại,
Dại chốn *văn-chương*, ấy dại khôn.
Mấy kẻ nên khôn đều có dại,
Làm người có dại mới nên khôn.
Cái khôn ai cũng khôn là thế,
Mới biết *trần-gian* kẻ dại khôn.

TRẦN-KẾ-XƯƠNG

**Có bản chép**. — Câu 1. *những* dại khôn. — Câu 2. Biết ai *rằng* dại. — Câu 4. Dại *cái công danh*. — Câu 5 và câu 6. *Có biết rằng* khôn, *nên phải* dại, *Bởi rằng biết* dại, mới nên khôn. — Câu 7 và 8. *Đố* ai *tính được bên* khôn dại, *Thế* mới *là người trải* dại khôn.

**Chữ và câu.** — *Thế sự* = *thế* : đời ; *sự* : việc ; việc đời, trò đời. — *Văn-chương* = về nghề *họa*, thi xanh với đỏ gọi là *văn*, đỏ với trắng gọi là *chương*. *Văn-chương* đây là văn-tắt nghĩa là nhời nói có văn-vẻ,

hoặc giải nghĩa rộng nữa thì là tất cả những cái tự tri-tuệ con người đã sản ra. — *Trần-gian = trần* : bụi ; *gian* : khoảng ; *trần-gian* chỉ cõi đời, cõi người ta và vạn vật vùng-vẫy ở trong.

**Ý và văn.** — Cái trò đời thường hay bình-phẩm người này là khôn, kẻ kia là dại, như lấy cái dại, khôn làm thước, làm đấu mà đo lường để đánh giá con người vậy. Nhưng thử hỏi ai là thực khôn, ai là thực dại, thì dễ cũng không ai đáp nổi (câu 1 và 2). — Như ý tác-giả đây, thì tác-giả cho khôn cờ bạc, thế là khôn mà dại, vì cờ bạc vốn là cái mối hại, dù khôn đến đâu cũng không lại được với nó ; mà dại văn-chương, thế là dại mà khôn, vì văn-chương vốn là một cái hay, dù có thua nó nữa, cũng còn phần lợi cho tâm-trí được (câu 3 và 4). — Người nào mà bây giờ, ta đã chịu là khôn, người ấy tức là đã từng bao nhiêu cái dại rồi ; cái khôn chẳng qua là sự kết-quả ở cái dại mà ra. Còn người nào mà bây giờ ta còn chê là dại, người ấy thế mà rồi có lúc khôn đấy ; cái dại nó đã như thể là đá để mài giũa cho nên khôn vậy. « *Có dứt tay, mới hăy thuốc* », câu phương-ngôn đã dạy thế (câu 5 và 6). Ấy cái khôn ở đời nó chỉ là thế mà thôi. Trần-gian chỉ cứ nói dại khôn mãi, nhưng có biết cái tính-chất của sự dại khôn nó như thế, nghĩa là nó chỉ có thể tương-đối, chớ không sao tuyệt-đối được bao giờ không ? (câu 7 và 8).

Bài này kể về phần ý-nghĩa, bàn cái dại, khôn như thế, cũng cho là bàn đến nơi, đến chốn được. Rút lại chỉ có một điều xác-nhận : thiên-hạ thường phân kẻ dại với người khôn và một điều ngờ hỏi : biết chắc thế nào là thực dại, thế nào là thực khôn ? Mà xét ra, quả thực như thế. Ta thường có những câu

nói : « *Khôn thì khỏi, dại thì mắc ; — khôn ăn người, dại người ăn ; — khôn thì sống, dại thì mống* » ;. có phải là cho cái khôn, cái dại khác nhau hẳn, đã như đen với trắng, đêm với ngày, trái với phải không ? Nhưng ta lại có những câu rằng : « *Khôn nhà, dại chợ ; — khôn lắm, dại nhiều ; — khôn ba năm, dại một giờ ; — khôn văn tế, dại văn bia ; — khôn vừa chớ khôn lắm lại chết non ; — khôn đủ trăm điều, dại vẫn theo* » ;. thì có phải lại không chắc, dại đến đâu thì hết, khôn bắt đầu tự đâu, không lấy gì mà định hẳn được sự dại khôn như đo hẳn chiều dài, lường hẳn sự chứa của một vật gì không. Tóm lại, bàn khôn, dại chẳng khác nào như nói ấm lạnh, hai cái tuy khác, nhưng chỉ khác ở sự so bì, chớ không khác thực hẳn nhau, hoặc phải có ống đo như đo ôn-độ mới là có chuẩn-đích rõ-ràng được.

Còn kể về phần văn-chương, thì bài này không có câu nào gọi được là đặc-tài, đặc-thú cả. Hai câu thực có phần tầm-thường quá ; hai câu luận phải chữ *Mấy* đối với chữ *Làm* không được chỉnh lắm. Tuy vậy ta cũng phải chịu bài này làm rất dụng công. Chỉ có hai chữ *dại, khôn* làm hai nhãn-tự mà tác-giả giáo-giở làm cho gặp nhau luôn, như đua trọi nhau, thực là khéo, là tài. Trừ một câu thứ bảy có cả hai tiếng *khôn*, còn câu nào cũng đủ cả khôn lẫn dại. Tò-mò ta đếm cả bài, trong 56 chữ, thì có những 15 chữ *khôn* với *dại* rồi. Thế mà bài ngâm cũng có hứng, khiến cho ta có thể gật-gù rung đùi lấy làm khoái trí lắm.

---

## 110. — Thói đời

*Thế-gian* biến đổi khéo lôi-thôi :
Mặn, nhạt, chua, cay với ngọt, bùi.
Còn bạc, còn tiền, còn *đệ tử*,
Hết cơm, hết rượu, hết *ông tôi*.
Xưa nay đều trọng người *chân-thực*,
Thiên-hạ ai ưa kẻ *đãi bôi* !
Ở thế mới hay người *bạc ác*,
Giàu thì tìm đến khó tìm *lui*.

NGUYỄN-BỈNH-KHIÊM

**Có bản chép.** — Câu 1. Thế-gian biến *cải vũng nên đồi*. — Câu 2. *lẫn* ngọt bùi. — Câu 6. Ai *nấy nào* ưa. — Câu 7. Ở thế mới hay ; hoặc : *Xem kỹ* mới hay.

**Chữ và câu.** — *Thế-gian* = khoảng đời, tức cũng như thế-giới. — *Đệ, tử* = *đệ* : em ; *tử* : con, bậc con em, nói kẻ hầu, người hạ, vào luồn, ra cúi. Tiếng đệ tử còn chỉ người trẻ tuổi hay để học-trò xưng với thầy. — *Ông, tôi* = ý nói người đến ăn nhờ xưng là *tôi* và gọi người cho ăn là *ông*. Mỗi câu nói cứ nịnh-nọt ông ông, tôi tôi. — *Chân-thực* = ngay thẳng, thực-thà không chút gì là giả dối. — *Đãi bôi* = mời người ta, nói với người ta như thế như để chiều người ta, mà kỳ-thực trong bụng không muốn như thế một tí nào. — *Bạc ác* = Bất nhân và ác-nghiệp. — *Lui* đối lại với *tới*, với tiến lên, và cũng nghĩa như đi, đây dùng lui để ghép vần.

**Ý và văn.** — Câu đầu hạ hai chữ *lôi-thôi*, thế là cất tiếng kêu cái thói đời giáo-giở, biến đổi khó chịu rồi. Câu thứ hai kể : *mặn, nhat, chua, cay, ngọt, bùi*, thế là mượn những vị của món ăn mà liệt cả các cách ăn ở đời ra. Hai câu thực nói *còn bạc*, thì còn *đệ, tử* ; *hết cơm*, thì hết *ông, tôi* ; thế là bày rõ được cái thế-lực của Thần Tiền, tiền là cái mồi dử tình, nghĩa, là cái cân đo tình, nghĩa vậy. — Hai câu luận nói *yêu người chân-thực, ghét kẻ đãi bôi*, thế là đem cái đức ra để diệt Tiền xuống ; vàng bạc tuy làm đen lòng người thật, nhưng lòng người vốn vẫn không nhầm, người chỉ ưa kẻ không phải vị tiền mà chân-thực, chớ có ưa sao được kẻ chỉ vị tiền mà giả-mạo đãi-bôi. — Hai câu kết nói *giàu tìm đến, khó tìm lui*, và kêu *người bạc ác*, thế là hình như đã ngộ nhận ra cái thói đời điên bạc, mà phải ngậm-ngùi, than-thở, đối-đáp được với tiếng kêu tự lúc mới mở bài.

Cái ý bài này rắn-giỏi như thế. Còn cái văn thì thuần-thục chễnh-chện. Nhất được hai câu thực ba tiếng *còn*, ba tiếng *hết* hạ rất có thế. Ta có thể lấy ra làm cái gương soi đời được ; câu thứ hai kể luôn mấy vị *mặn, nhạt, chua, cay, ngọt, bùi*, cũng là khéo. Chữ *lui* cuối bài thay cho chữ *đi* nghe cũng thuận.

---

## 111. — Khuyên đời

*Mảng* chê người *ngắn*, cạy ta *dài*,
Dù kém, dù hơn ai mặc ai.
Mùi nọ có bùi, không có ngọt,
*Màu* kia *chầy* thắm, lại chầy phai.
Đã hay *phận định*, đành *yên phận*,
Dẫu có tài hơn, chớ cạy tài.
*Quân-tử* ngẫm xem *cơ xuất xử*,
Ắt là khôn hết cả *hòa hai*.

NGUYỄN-BỈNH-KHIÊM

**Có bản chép.** — Câu 1. *Chớ* chê. — Câu 4. *càng* thắm lại *càng* phai. — Câu 5. chỉ có sáu chữ : *Dù* hay phận, *mới* yên phận. — Câu 7. *nơi* xuất xử.

**Chữ và câu.** — *Mảng* = để bụng vào, thích như thế. — *Ngắn, dài* = dùng cũng một nghĩa như hai chữ *kém, hơn* ở câu thứ hai. — *Màu* = sắc xanh đỏ. — *Chầy* = chậm trễ. — *Phận định* = cũng gần nghĩa như *số phận*, ý nói có cái danh-phận, chức-phận của mình là giời đã định cho như thế nào, thì được thế mà thôi. — *Yên phận* = bằng lòng cái phận của mình, không kêu-ca, oán-thoán, không luồn-lọt, cậy-cục. Người ta hay nói : *yên phận, thủ thường* ; — *yên phận thân vô nhục*. — *Quân-tử ngẫm xem cơ xuất xử* = người quân-tử phải biết rõ lúc nào là lúc nên ra, lúc nào là lúc nên thôi ; *cơ* : cơ hội ; *xuất* : ra làm việc với đời, nói riêng việc làm quan ; *xử* : ở nhà không làm gì. — *Ắt là khôn hết cả hòa hai* = câu này ăn theo ý câu trên, có biết

lúc nên ra, lúc ở lại thì cả hai luc mới được trọn vẹn. *Hòa hai* : hai đường cùng được hòa hảo cả. *Hai tình vẹn-vẽ hòa hai* (Kiều).

**Ý và văn**. — Ta nên chừa cái thói cứ hay cạy mình tài giỏi, mà chê người là không ra gì (câu 1). — Ai người ta thế nào, mặc người ta, thấy người ta hơn, chẳng nên ghen, thì thấy người ta kém, cũng chẳng nên nhạo (câu 2). — Ta phải biết rằng : « *Thiên năng ố toàn* », ở đời đã có ai là được mười phần vẹn mười cả, hay được cái nọ thì hỏng cái kia, hỏng cái kia thì được cái nọ (câu 3 và 4). — Dù cho mình hẳn là người có tài, mình cũng chẳng nên cạy cái tài ấy làm gì ; ai nấy đều có một cái phận tự giời định sẵn cho cả, cứ yên phận, thủ thường thế là hay (câu 5 và 6). — Ấy cái cách cư-xử ở đời nó như thế, nếu người quân-tử để bụng nghĩ tới và cố giữ cho trọn vẹn, thì đối-đãi với ai mà người ta chẳng phải đem lòng kính-phục (câu 7 và 8).

Bài này cốt ý chỉ khuyên ta phải khiêm nhượng, giữ mồm, đừng có cạy ta giòn giỏi mà chê-bai thiên-hạ. Cũng là một cách cư-xử ở đời rất ôn-hòa mà thực là khôn khéo. Chẳng bù với những quân chỉ chực bới lông, tìm vết, nói xấu người ta, như muốn dìm người ta xuống, để khoe-khoang mà tâng-bốc mình lên. Ngao-ngán nhất là ở cái đời bây giờ, có lắm kẻ viện một cái nhẽ ngôn-luận tự-do, mà cho như là giời sinh ra cái mồm, là chỉ để mà chì-chích thiên-hạ, phỉ-báng thiên-hạ, bình-phẩm thiên-hạ, không còn ra thế nào nữa. Ôi ! mình thực có tài hơn người mà chê người cũng còn không nỡ, huống chi là mình không sao bằng người, mà cũng chê người, thì chẳng là cái bọn xú diện ố nga mi

rất đáng khinh, đáng bỉ hay sao! Nhời chê khen không phải là khinh thường, phải thận trọng lắm mới được.

Bài thơ này thực là một bài thơ đạo-đức. Ta có thể đem dạy trẻ học thuộc lòng về khoa luân-ly. Trong bài, có hai câu thực lấy vị, lấy sắc, mà hạ mấy chữ *bùi*, *ngọt*, *thắm*, *phai* để chỉ cái hay, cái dở, cái được, cái hỏng của mỗi người cũng là khéo. Phải mất chữ *cạy* câu đầu và chữ *ɔạy* câu thất trùng điệp và cả cái ý trong hai câu ấy cũng hơi tương-tự như nhau. Nhưng được mấy chữ *mảng*, *chày*, *hòa* là chữ hơi cổ mà dùng có thế lắm.

---

## 112. — Cách ăn ở ở đời

Ăn *ở* sao cho *trải sự đời*,
*Vừa lòng cũng khó há rằng chơi.*
Nghe như chọc ruột, tai làm điếc,
Giận dẫu căm gan, miệng mỉm cười.
Bởi số, tránh sao cho khỏi số,
*Lụy người*, nên nỗi phải *chiều người.*
Mặc ai, *chớ để điều ân oán*,
Trong cuộc hơn thua cũng tại giời.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

**Có bản chép.** — Câu 2. Vừa lòng cũng *khổ*. — Câu 5. Bởi số, *chạy đâu*. — Câu 8. Trong cuộc *thời thôi*.

**Chữ và câu.** — *Trải sự đời.* = ý nói biết qua cả

mọi sự ở đời, không còn hở, còn sót nước gì nữa. — *Vừa lòng cũng khó há rằng chơi* = câu này có nhẽ nói ăn ở cầu sao cho được bằng lòng mình mà vừa lòng người, cũng là khó lắm rồi, chớ có phải là việc dễ đâu. — *Lụy người* = tùng phục vào người ta, ở dưới quyền, ở trong tay người ta. — *Chiều người* = làm cho người ta được vừa ý, đẹp lòng. — *Chớ để điều ân oán* = mối ân-huệ chẳng nên dựng nên làm gì, mà lòng oán giận cũng không nên gây ra làm gì.

**Ý và văn.** — Bài này cũng như bài trên, là một bài chủ-ý cốt ở đạo-đức hơn là ở thi-văn. Tuy vậy, kể về mặt thi-văn, tìm được những bài như bài này cũng là hiếm có vậy. Bốn câu giữa thật là có một cái giá rất cao. Hai câu thực trước hạ những chữ : *chọc ruột, căm gan* mạnh-mẽ biết dường nào, lưỡi gươm mũi giáo, nghe đâu như tua-tủa ở chung quanh mình cả ; thế mà sau đưa những chữ : *làm điếc, mỉm cười,* thì có phải gươm giáo, cũng là vứt đi, chẳng qua cũng chỉ như lìa xuống nước cả mà thôi. — Hai câu luận có hai chữ *số* đối với hai chữ *người* đã là đắc thế, lại được mấy chữ *tránh sao, nên nỗi* đệm vào thật êm tai mà được rõ nhẽ lắm.

Cái phần văn-chương hay như thế. Cái phần ý nghĩa, kể so với bài trước, thì cũng là cao hơn được một trật. Bài trước, cụ Khiêm chỉ mới khuyên ta chớ nên chê đời, nghĩa là trêu đời, chọc đời, bới móc đời, cái lỗi nếu có sinh là tự ta, chính ta khởi ra. Bài này cụ Trứ mới thực rằn ta phải biết chiều đời, nghĩa là, dù đời có trêu, chọc, bới móc ta, cái lỗi tự đời sinh ra, mà ta cũng cứ mặc im cả, không dám cãi. Đối với bài trước, ta là chủ-quan

đích, thì đối với bài này ta là khách-quan đích. Đọc bài trước, ta hình như chỉ cốt giữ về đường thận-ngôn; đọc bài này, ta mới phải buộc mình ta vào chữ nhẫn-nại. Quả thế, chỉ một chữ « Nhẫn » là đủ tóm ý được bài nầy. *Chữ « Nhẫn » là chữ tương vàng; Ai mà nhẫn được thì càng sống lâu.* Nhẫn mà đến ai nói gì mình, cũng mặc, ai làm gì mình, cũng thây, mình vẫn mỉm miệng cười, mình vẫn hết lòng chiều, thì tưởng cũng là có đại-độ bao-dong được người lắm đó. Xưa bảo hai anh em Lâu-sưu-Đức, ai nhổ vào mặt hoặc còn chùi đi, hoặc cứ để yên đã là người nhẫn lắm rồi, bây giờ bảo ai chọc ruột, đâm gan mình, mình cũng cứ im đi được, thì chẳng là nhẫn bằng đến mấy mươi ư! — Đạo-đức lắm, những câu trong bài thơ này thực là một bài thuốc hay cho những kẻ hay giận người, oán đời vậy. Nhưng dù thế nào, ở đời cái gì cũng cứ đổ cho tại số (câu 5), cũng cứ qui ở ông Giời, thì cũng là hơi quá đáng. Có số, còn có đức; có giời nhưng trong cũng có người nữa.

---

## 113. — Ngẫu hứng

Tiếng gà *bên gối* té-tè-te,
*Bóng ác* trông lên *hé-kẽ-hè*.
Cây một *chồi* cao chon-chót-vót,
Hoa năm sắc nở tóe-tòe-toe.
Chim tình bè lứa kìa-kia-kịa,
Ong nghĩa vua tôi nhé-nhẻ-nhe.
Danh lợi chưa hề ti-tí-tị,
Ngủ trưa chưa dậy khỏe-khòe-khoe.

VÔ-DANH

**Có bản chép.** — Câu 1. *Tai nghe* gà *gáy*. — Câu 2. Bóng ác trông *ra* ; hoặc : *vừa* lên. — Câu 3. *Non* một *trồng* cao ; hoặc : *tỏa* cao. — Câu 4. Hoa năm *thức* nở. — Câu 5. Chim tình *bầu bạn* ; hoặc : *bằng hữu*. — Câu 6. Ong nghĩa *quân thần*. — Câu 7. Danh lợi *chẳng tham*. — Câu 8. Ngủ trưa *mới* dậy ; hoặc : *Chén say giấc tỉnh*.

**Chữ và câu.** — *Ngẫu hứng* = *ngẫu* : tình cờ mà sẩy đến ; *hứng* : thấy vật gì cảm đến mà tình phát ra. Bài thơ này ngẫu-nhiên làm ra nên gọi là ngẫu hứng. Thơ có thể phú, thể tỉ, thể hứng. — *Bên gối* = ý nói tiếng gà gáy sáng nghe thấu đến chỗ nằm, đến bên gối đầu. — *Bóng ác* = bóng mặt giời. *Ác* cũng nghĩa như *ô*, như *nha* là con quạ ; *ô* là quạ đen tuyền, *nha* là quạ khoang cổ. Đời xưa cho vết đen trong mặt giời là có con quạ, nên gọi *ác* hay *ô* là mặt giời, vừng ô. — *Hé-kẽ-hè* = ánh sáng mặt giời chiếu *hé* vào chỗ cạnh *hè*. — *Chồi* = mầm, ngọn cây ; người ta nói *chồi* mống, đâm, mọc, nảy *chồi*. *Mít mù dặm cát chồi cây* (Kiều). — *Chim tình bè lứa* = giống chim có cái tình bè bạn, *bằng hữu chi tình*. — *Ong nghĩa vua tôi* = loài ong có cái nghĩa vua tôi, *quân thần chi nghĩa*. — *Chưa hề* = chưa có bợn một tí nào. — *Ngủ trưa chưa dậy* = ngủ đã *trưa* rồi mà vẫn còn *chưa* dậy.

**Ý và văn.** — Bài này kể về mặt ý nghĩa, đầu đề đặt « *Ngẫu hứng* » là ngẫu hứng về lúc rạng đông. Nên mới có cái cảnh gà gáy, mặt giời mọc, cây cao, hoa nở, chim riu-rít, ong đàn lũ. Cái cảnh tuy tả trông nghe thấy thế (6 câu trên), mà người tả cảnh vẫn còn ngủ trưa, chưa dậy, vì chỉ cốt mong cho được khỏe mạnh chớ không hề muốn cầu danh lợi một tí-ti nào cả (2 câu cuối). Còn kể về mặt

thể-tài và mặt vận điệu, thì bài này thực khác hẳn với bài trên. Ta lấy bài ngâm to lên, cứ cuối mỗi câu, ta thấy ba tiếng đi theo nhau một âm như dính liền nhau, mà tiếng Văn-Pháp bây giờ gọi là thái-độ phó-từ (adverbe de manière) vậy. Tài thật! Cứ mỗi câu thơ, có như ba tiếng chuông, hay ba tiếng còng giống đều nhau một dịp, thì ai nghe thấy mà chẳng vui tai lấy làm khoái? Nhưng cập-kỳ lúc xét tinh-tế lại, thì tựu-trung lại thấy tiếng chuông, tiếng còng như đã rè mà đánh to quá làm bật cả hồn thơ đi đâu mất. Gà gáy *té-tè-te*, hoa nở *tóe-tòe-toe*, nếu nghe thuận tai, thì tình chim mà *kìa-kia-kịa*, nghĩa ong đến *nhẻ-nhè-nhe* thực là ép uổng quá, óc như chối rồi không nhận được. Thành-thử những tiếng đáng nhẽ phải trọng nhất trong bài, thì lại làm cho bài bấp-bênh không đứng vững được nữa. Ôi! làm thơ như thế là chỉ để công gò chữ, gò câu mà hại mất cả ý-nghĩa, thực là đáng tiếc. Thơ Tàu cận-thể hay cổ-thể không có cái lối này bao giờ. Lối ấy là lối riêng của tiếng nôm ta, tự mấy người cầu-kỳ bày ra và đặt cái tên gọi là « Vĩ tam thanh » nghĩa là đuôi ba tiếng, ba tiếng ở cuối câu cùng đi một âm vậy. Cũng chỉ vì cái lối lạ ấy, chúng tôi mới liệt bài này vào đây để làm bài thi-dụ, kẻo nữa sót mà hoài. Nhưng chúng tôi thiết-tưởng nếu được bài vĩ tam thanh nào cũng như bài « Vĩ tam thanh » này, hoặc có đáng khen, thì nên khen một cái tiểu-sảo phải dụng nhiều công-phu, nhưng cũng chỉ là một cái tiểu-sảo thôi vậy.

Hoặc có người thác nhận bài này là chính cụ Nguyễn-Khuyến làm và có bài của cụ Hoàng-giáp Liêu họa lại rằng :

*Nhác trông sực thấy bóng buồn te,*
*Tâm sự lao-đao cuốc gọi hè.*
*Mõ gõ chẳng hề khua lóc-cóc,*
*.....đâu đã tiếng tho-the.*
*Đường thanh-vân đó hoa chào nước,*
*Vườn thượng-lâm đâu nhạn nhắn-nhe.*
*Thủa bé biết nên nông nỗi thế,*
*Nghìn vàng một chữ cũng không khoe.*

---

## 114. — Đời người

*Vất-vất vơ-vơ* cũng nực cười!
*Căm-căm cúi-cúi* có hơn ai?
Nay còn chị chị, anh anh đó,
Mai đã ông ông, mụ mụ rồi.
*Có có, không không* lo hết kiếp,
Khôn khôn, dại dại chết xong đời.
Chi bằng láo-láo, lơ-lơ vậy,
Ngủ ngủ, ăn ăn, nói chuyện chơi.

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Vất-vơ* = vất-vơ vất-vưởng nói cái gì lúc-lắc không yên, như câu : *Gió đưa ngọn cỏ vất-vơ* hay không rõ thuộc về của ai như câu : *Của này đâu của vất-vơ* : hoặc nói một người lang-thang không chủ ý vào việc gì, *người vất-vơ*, như cái ý dùng trong bài này. — *Căm-cúi* = có khi nói là *cặm-cụi* và chỉ một người cố sức làm ăn vất-vả khó nhọc, lúc nào cũng như phải cúi đầu cúi cổ xuống luôn.

— *Mụ* = người đàn bà có tuổi. Tiếng Đàng Trong hay dùng. — *Có có không không* = ý nghĩa cũng như hai chữ *sắc, không* của nhà Phật, cái gì cũng tưởng có đấy, nhưng thực là không có cả, đến cả cái *mảnh hình hài* này *không có có không* (bài ca trù) nữa là. — *Láo-lơ* = hay lơ-láo ý nói mặc hết không để tâm thiết đến cái gì cả.

**Ý và văn.** — Câu đầu mở tự cười mình là kẻ vất-vơ vất-vưởng, hình như không thiết đến cái gì ở đời nữa. Câu nhị hỏi người khó nhọc vất-vả cắm đầu, cúi cổ làm ăn có hơn được mình không. — Hai câu thực, lấy chữ *chị, anh* nghĩa là người trẻ tuổi đối với chữ *ông, mụ* nghĩa là người nhiều tuổi, thế là có cái ý nói người chóng già, đời chóng tàn. — Hai câu luận nói *có, không* rồi hạ chữ *kiếp* ; nói *khôn, dại* rồi hạ chữ *đời* thế là theo kinh Phật, theo thói đời mà bảo người ta dù muốn làm gì nữa, rồi cũng chỉ không lại hoàn không mà thôi. — Còn hai câu cuối nói chỉ có ngủ, ăn, chuyện-trò, thực rõ là một người lơ-láo, láo-lơ sống một cái đời vất-vất vơ-vơ đã nói ở hai câu đầu vậy.

Bài này ý nghĩa không có gì là cao xa. Rút lại, chỉ muốn bày tỏ cái cuộc đời là một cái cuộc hư-vô như một nhà đạo-sĩ hay một vị tăng-đồ nào muốn giảng kinh thuyết pháp vậy. Hai câu dưới thì có riêng cái vẻ một nhà thi-sĩ chán đời mà có cái chí tiêu-diêu, hào-phóng.

Còn văn-chương, thì bài làm theo cái lối *song-điệp*, cứ hai tiếng đi đôi mà thành ra bốn tiếng. Trong câu nào cũng cố ghép được bốn tiếng đi với nhau một điệu mà cái thế văn nhẹ-nhàng lưu-loát không chỗ nào mờ tối, thì kể cũng là tử công-phu, khiến cho ta phải khen là tài, là khéo vậy. Lại được một

điều là suốt bài, thực không có một chữ nào là chữ Nho hay đá Nho cả. Nên bài này so với bài *Ngẫu hứng* số 113 làm theo lối vĩ-tam-thanh, thì có giá hơn nhiều.

---

## 115. — Cảnh nhàn.

Một *mai*, một *cuốc*, một cần câu,
Thơ-thẩn dầu ai vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng-vẻ,
Người khôn, người đến chốn *lao-xao*.
Thu ăn *măng trúc*, đông ăn dá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu đến gốc cây ta sẽ *nhắp*,
Nhìn xem *phú-qui* tựa chiêm-bao.

NGUYỄN-BỈNH-KHIÊM

**Chữ và câu.** — *Mai* = đồ dùng để sắn đất và nậy đất, lưỡi thẳng và vuông. — *Cuốc* = đồ dùng để bổ xuống đất và súc đất lên, lưỡi bắt khoằm lại. — *Lao-xao* = nhộn-nhịp, ầm-ỹ. — *Măng trúc* = măng cây trúc. — *Nhắp* = thong-thả uống từng hớp con một. — *Phú qui* = giàu sang.

**Ý và văn.** — Ai bảo đến chốn tưng-bừng nhộn-nhịp, ganh đua kịch-liệt, chen-chúc đâm đầu vào mà là khôn (câu 4). Chớ như ta, ta đành chịu dại, ta tìm những nơi vắng-vẻ (câu 3). Ta chỉ lấy việc cuốc đất câu cá (câu 1 và 2), chỉ ăn măng, ăn

dá, chỉ tắm hồ, tắm ao (câu 5 và 6), chỉ lấy rượu uống làm đủ, làm vui rồi (câu 7), chớ như giàu sang, thực ta coi có khác nào như một giấc chiêm-bao vậy (câu 8).

Ôi ! kể nghĩ cho cùng, thì chẳng những một sự giàu sang ở đời, mà tất cả cái cuộc đời rút lại, cũng chỉ là giấc chiêm-bao một lúc mà thôi. Đã nghĩ như thế,. thì còn ưa nơi đô-hội, phồn-hoa thế nào được, mà chẳng tìm nơi thôn-giã, tịch-mịch. Cái cảnh tả đây chính là một cái cảnh điền-viên vui thú vậy. Tác-giả nói khiêm là dại, nhưng kể một cái dại biết lấy đất ruộng làm nền, lấy cây cối làm tranh, lấy hồ ao làm bạn, lấy rượu làm tri-kỷ, thì tưởng hồ dễ đã mấy người có thể theo tác-giả mà bắt chước được ? Vi cái dại đây thế mà là một cái rất khó ! Về đường vật-chất, đã không phải lo ăn, lo mặc gì, về đường phú-qui, đã không muốn cầu công, hám danh gì, về đường tinh-thần, lại phải có cái chí phóng-dật, có cái tính tiêu-dao, có cái bụng tu-hành ở trong một cái am Bạch-vân thế nào mới được.

Bài thơ này cụ Bạch-vân cư-sĩ làm thực là một bức họa rất đẹp, rất qui, ai cũng như mong ước muốn lấy, nhưng vì nó treo cao, mà dễ chưa mấy ai với tới được, nhất ở về cái đời sinh-tồn cạnh-tranh này.

Trong bài được hai câu thực, hai câu luận đối rất chỉnh. Riêng hai câu luận ghép được đủ bốn mùa thật khéo. Toàn thể bài có vẻ nhẹ-nhàng thanh-thú thật hợp với cảnh nhàn. Phải chữ « *vui* » câu thứ hai nghe như thất niêm, không rõ nguyên-bản chép thế nào, hoặc xưa có cái lối thơ rộng dong như thế chăng.

## 116. — Ngán đời

Nghĩ đời mà cũng ngán cho đời,
*Câu-cóp* làm sao được với Giời ?
*Chép miệng, nhớn đầu to cái dại,*
Phờ râu, *chịu đấm mất phần xôi.*
Được, thua, hơn, kém lưng *hồ* rượu,
Hay, dở, khen, chê một trận cười.
Dựa gối bên mành *toan hóa bướm,*
Gió thu lạnh-lẽo, lá *vông rơi.*

NGUYỄN-KHUYẾN

**Chữ và câu.** — *Câu-cóp* = nhặt-nhạnh, thu vét có ý muốn làm to, làm giàu. Ta có câu tục-ngữ : « *Câu-cóp cho cọp nó ăn* ». — *Chép miệng* = đánh lưỡi ở trong miệng khi tiếc một cái gì. — *Nhớn đầu to cái dại* = do một câu tục-ngữ : « *To đầu, to cái dại* », cũng ý như : « *Trèo cao ngã đau. Cả ăn, cả mặc lại càng cả lo* » (tục-ngữ). — *Chịu đấm mất phần xôi* = do câu tục-ngữ : « *Cố đấm ăn xôi* », chịu cố để cho người ta đấm, để cho mình được ăn xôi. — *Hồ* = bình đựng rượu thân vuông, miệng tròn. — *Hóa bướm* = hóa ra con bươm-bướm, ý nói nhẹ-nhàng, phất-phơ không thiết đến cái gì, như con bướm đậu rồi lại bay ngay được (xem rõ *hồn bướm* bài *Tới đây*, số 120). — *Lá vông* = lá cây vông tròn, to, mặt sau có lông tơ nhỏ, cuộng dài. Cây vông chữ gọi là Đồng hay Ngô-đồng.

**Ý và văn.** — Tại làm sao mà phải ngán đời ? (câu 1). Ngán là vì ở đời mình cố gây dựng, cố

thu nhặt, cố làm giàu, làm to, cố câu-cóp lại, tưởng được chắc-chắn, vững bền lắm, nhưng nào giời có để cho, hay tại giời thấy mình có bụng tham-lam, mà giời phá-hoại mất cả, không còn để lại một tí gì nữa (câu 2). — Thành ra càng thu va, thu vén bao nhiêu, lúc mất, lúc hỏng, lại chỉ tổ càng thêm tiếc, chép miệng hay phờ râu ra mà thôi (câu 3 và 4). — Chi cho bằng ở đời chỉ cười khà, coi hết cả những cái gọi là được, thua, hơn, kém, hay, dở, khen, chê chẳng có giá nữa, không kể vào đâu nữa (câu 5 và 6). — Nghĩ bụng như thế, hứng ngay lên, tưởng-tượng như mình hóa làm con bướm, nhởn-nhơ, phấp-phới thỏa-thích lắm (câu 7). — Nhưng kìa gió lạnh thổi, lá vông rơi, lại như sực tỉnh ngay dậy, thấy một cái cảnh rất buồn nó hiện ra trước mắt vậy.

Bài này bốn cấu trên, thực đã như nói một người từng trải cái nỗi đau-đớn khốn-khổ về việc câu-cóp lắm. Bởi vậy, bốn câu dưới lại đổi ra cái điệu coi đời chẳng còn ra làm sao cả, chỉ có lấy truyện say cười, mơ-mòng lăm vui thôi. Câu đầu bài, thì lấy nguyên câu trong truyện Kiều.

*« Nghĩ đời mà ngán cho đời,*
*« Tài tình chi lắm, cho giời đất ghen ».*

Ba câu nhị, tam, tứ thì dùng ba câu tục-ngữ cổ rất khéo. Hai câu luận hạ tám chữ « Được, thua,... » thật có thể, khác nào như tám tiếng đàn đánh lẩy ra, mà âm nọ giống với âm kia, vừa mạnh-mẽ, vừa đúng điệu. Câu thất dẫn cái điển hồ-điệp của Trang-sinh cũng có vị. Còn câu cuối, nói *lá vông rơi*, tưởng như không cần gì với bài, thế mà thực là một cái lối làm thơ rất khéo, chỉ đang nghĩ về một truyện như thế này, chợt thấy một cái cảnh ngoài

nó súc động đến mà nó lại hợp với truyện, đem dẫn ngay vào bài là có thi-vị đặc-biệt lắm. Đây tác-giả đang nghĩ đời mà ngán đời, vì ngán đời mà đang mơ-mòng thỏa-thích, đang lúc mơ-mòng, chợt thấy gió thu lạnh thổi, làm cho cái lá vông rơi, mà như sực tỉnh dậy, mà như lại phải nghĩ theo luôn vào. Ôi ! cái lá vông, vì luồng gió thu nó thổi, mà rơi vèo-vèo xuống đấy, nó chẳng là như tiêu-biểu cái cuộc đời ngắn-ngủi rất buồn ư ?

---

## 117. — Tiêu-dao

Chẳng *lợi, danh* chi lại hóa hay,
Chẳng ai *phiền lụy*, chẳng ai rày.
*Ngoài vòng cương-tỏa* chân cao thấp,
*Trong túi yên-hà mặt tỉnh say.*
Liếc mắt, coi chơi *người nhớn, bé,*
Vểnh râu, bàn những *truyện xưa, nay.*
Của giời giăng gió kho *vô tận* ;
*Cầm hạc tiêu-dao* đất nước này.

NGUYỄN-CÔNG-TRỨ

**Có bản chép.** — Câu 4. Trong *thú* yên-hà.

**Chữ và câu.** — *Lợi, danh* = tức là tiền của, giàu có và danh tiếng sang trọng. — *Phiền lụy* = *phiền* : nhiều việc quá ; *lụy* : rày rính, trói buộc ; nhiều việc nó bó buộc làm cho mình khó chịu. — *Ngoài vòng cương-tỏa* = *cương* : dây buộc ngựa ; *tỏa* : xích, khóa ;

ơ ngoài sự bó buộc tâm thân mình. — *Trong túi yện-hà = yên* : khói ; *hà* : ráng đỏ ; chỉ cái thắng-cảnh trong bầu giời. — *Mặt tỉnh say* = ý nói vui thú như lúc tỉnh, lúc say, không cần đến ai cả. — *Người nhớn, bé* = người sang, người hèn. — *Truyện xưa, nay* = truyện đã qua, truyện đang có. — *Của giời giăng gió kho vô tận = vô tận* : không bao giờ hết cả. Câu này ý nói, giăng gió là cái kho vô tận của giời cho cả thiên-hạ. Trong bài phú Xích-Bích có câu : « *Phong nguyệt vô tận tạng, thủ chi bất cấm, dụng chi bất kiệt* » : giăng gió là cái kho vô tận, lấy đi không ai cấm, dùng đến không hết được. — *Cầm hạc = cầm* : đàn như lối đàn thập lục, nhưng chỉ có bảy dây ; *hạc* : chim cao chân, cao cổ, xưa cho là sống lâu lắm ; đây có ý nói là giản-dị ra cái nhàn, cũng như ông Triệu-Biên đời Tống làm quan to mà giản-dị, đi đâu cũng chỉ đưa theo một cái cảnh đàn cầm và một con hạc mà thôi. — *Tiêu-dao* = thong-dong tự lấy làm vui thích, không ai phiền lụy đến được. Người ta còn hay nói *tiêu-dao* hay *tiêu-diêu tự-tại*.

**Ý và văn**. — Ở đời có cái mối danh lợi đã ví như cái vòng cong-cong mình không chịu bước vào, chỉ hòng giở ra, thì còn ai mà phiền đến mình, rày đến mình được nữa (câu 1 và 2). — Thôi tha-hồ mà vùng-vẫy, ngang dọc, tha-hồ mà say, tỉnh, vui thích, (câu 3 và 4). — Tha-hồ mà khinh người rẻ của, tha-hồ mà ngôn luận tự-do (câu 5 và 6). — Người đời, việc đời đã gác bỏ đi, phải lấy gì mà thay vào. — Lấy giăng, lấy gió, nó là cái kho vui không bao giờ cạn được, lấy sự nay đây, mai đó, đi du-lịch các nơi, nó cũng là cái thú thay đổi không khi nào chán được.

Bài này là bài cuối trong bốn bài liên-hoàn của cụ Nguyễn-công-Trứ. Thực là một bài văn nhất khí, suốt tự đầu đến cuối, tả rõ ra được một cái cảnh tiêu-diêu tự-tại, gác hẳn lợi danh xu bôn ra ngoài, chỉ còn biết cái thú vui cùng non sông, giời đất, thong-dong nhàn-hạ mà thôi. Không ai phiền được mình, mình ra ngoài sự bó buộc ở đời, mình chỉ liếc mắt mà coi chơi người đời, chỉ vểnh râu mà bàn tán truyện đời, thực là ra chợ để xem kẻ mua, người bán, chớ chính mình không mua, bán gì; mình chỉ đánh đàn, cười hạc, nay đây, mai đó, hưởng cái cảnh đẹp trong giời đất, nhất là cái cảnh giăng và gió, thực là sinh làm người mà không bon chen lợi danh với người, tự lấy làm cao hơn người vậy. Hay nhất là hai câu thực: *Ngoài vòng cương-tỏa chân cao thấp, Trong túi yên-hà mặt tỉnh say* thật là cứng-cát đủ tóm được cái chí cao của người tiêu-diêu tự-tại.

---

### 118. — Nhân sinh thích chí

*Nhân sinh* ba vạn sáu nghìn ngày,
*Thích chí* cho nên lắm *ngón* hay.
*Thơ Lý* ngâm-nga khi mở quyển,
*Đàn Nha* tinh-tinh lúc lần dây.
Đem cờ *vua Thích* vui bè bạn,
Mượn chén *ông Lưu học* tỉnh say.
Bốn cảnh *phong-quang* cùng *tuế nguyệt*,
Dưới đời *tri-kỷ* mấy mươi tay?

NGUYỄN-KHUYẾN

**Chữ và câu.** — *Nhân sinh thích chí* = người ta sinh ra ở đời qui-hồ chỉ cho thỏa được cái ý muốn của mình là hơn. Bọn thanh-đàm đời Lục Triều có câu rằng : *Nhân sinh qui thích chí, tu phú-qui hà thời*, nghĩa là người sống ở đời được thích chí lúc nào hay lúc ấy, chớ đợi lúc được giàu sang, thì biết đến bao giờ ? — *Ngón* = cách, lối khôn khéo, cái sở-trường, cái tài riêng của mình. — *Thơ Lý* = thơ của Lý-thanh-Liên, tức là Lý-thái-Bạch, người đời nhà Đường, nổi tiếng là tài-hoa, thơ văn giỏi. — *Đàn Nha* = đàn của Bá-Nha, người thời Xuân-thu, âm-nhạc giỏi, có tiếng, chơi thân với Chung-tử-Kỳ, khi Tử-Kỳ chết bỏ đàn không đánh nữa, giận đời không có kẻ tri-âm. — *Vua Thích* = dịch chữ *Đế-Thích* ra (xem rõ bài *Anh nói khoác*, số 30). — *Ông Linh* = ông *Lưu-Linh* người đời Tấn, tính phóng-dật và chỉ lấy rượu làm thích, say-sưa suốt ngày. Cổ-văn còn có bài *Tửu-đức-tụng* của ông rất là hay. — *Học* = theo đòi, bắt chước. — *Phong quang* = thoáng hơi, sáng-sủa. — *Tuế nguyệt* = năm, tháng. Cả câu : *Bốn cảnh phong-quang cùng tuế nguyệt*, có ý nói suốt tháng, quanh năm chỉ lấy bốn cái cảnh thơ, đàn, cờ, rượu làm vui chơi thỏa-thích. — *Tri-kỷ* = người biết mình, chí-khí, tâm tính hợp với mình, thân-mật với mình, đồng tâm, đồng ý với mình, hai người cũng như một.

**Ý và văn.** — Đời người tính ra chỉ có ba vạn sáu nghìn ngày, thật là ngắn-ngủi. Bởi vậy cho nên chỉ tìm cách chơi cho nó thỏa-thích mà thôi (hai câu đầu). Thích chơi những gì ? — Thích chơi có bốn cái : Ngâm thơ, gảy đàn, đánh cờ và uống rượu (bốn câu giữa). — Có bốn cách chơi ấy cũng đủ qua được ngày tháng, cũng đã là có bạn tri-kỷ

với mình rồi (hai câu cuối).

Kể thích như tác-giả đây cũng là đáng thích lắm thật. Cầm, kỳ, thi, tửu (hay họa) xưa nay vẫn là bốn sự vui chơi ở đời, chơi mà thanh-thú, tao-nhã, chơi mà nên trang người tài-tình, khoáng-dật. Nếu ở đời không phải lo-lắng làm ăn gì, ai ai ngày tháng cũng giở được bốn ngón ấy ra để mà chơi cho thích, thì cuộc đời chẳng cũng như một cái cõi tiên nào xưa nay vẫn mơ-mòng mà không bao giờ thấy ru !

Cụ Yên-Đổ làm bài này là nói cái thích riêng của cụ. Nhưng cụ khiến cho ta, lúc ngâm bài của cụ, đã như được hưởng lấy một phần cái thích ấy, là cái phần thơ quý nhất vậy. Quả thế, bài thơ này đem ra ngâm vịnh, thật là khoái-trá nhân-khẩu, thật là có phép làm cho ta quên được những nỗi khắt-khe ở đời, mà nâng linh-hồn ta vào được cái cảnh Bồng-lai nào một lúc vậy. Thơ mà đến *Lý-Bạch*, đàn mà đến *Bá-Nha*, cờ mà đến *Đế-Thích*, rượu mà đến *Lưu-Linh*, thì là tuyệt-phẩm rồi. Bốn câu giữa bài cụ dẫn bốn vị ấy ra, có khác nào như treo bốn tấm gương chiếu rõ bốn vị ấy cho ta tròng thấy vậy. Còn hai câu đầu nói *đời người*, nói *thích đời* ; hai câu cuối nói tuế *nguyệt*, nói *tri-kỷ* cùng có thể ví như bộ khung để lồng những tấm gương kia rất vào khuôn vào khớp vậy.

---

## 119. — Tới đây

Ngẫm sự *trần-duyên* khéo nực cười,
*Sắc, không tuy Bụt, hãy lòng người.*
*Chày kềnh một tiếng tan niềm tục,*
*Hồn bướm năm canh lẫn sự đời.*

*Bể ái* nghìn trùng khôn tát cạn,
Nguồn ân muôn trượng dễ khơi vơi.
Nào nào *Cực-lạc* là đâu tá?
— Cực-lạc là dây chin rõ mười.

LÊ THÁNH-TÔN (?)

**Có bản chép.** — Câu 1. sự trần-*gian*. — Câu 2. *Tuy vui đạo Phật chửa khuây* người. — Câu 3. Chày kềnh *mấy khắc* tan *miền* tục. — Câu 4. *ba* canh lẫn sự đời. — Câu 5. Bể *thảm muôn tầm mong* tát cạn. — Câu 6. *Sông* ân ; hoặc : sông *yêu nghìn* trượng dễ khơi vơi. — Câu 8. *hẳn tỏ* mười ; hoặc : *bội mấy mươi*.

**Chữ và câu.** — *Trần-duyên* = chữ nhà Phật, chỉ những sự-vật ngoại-giới nó xúc tiếp với ta, tức cũng như cái dây nó dàng buộc ta với mọi sự ở trong đời vậy. — *Sắc không* = theo đạo Phật *sắc* tức là sắc-giới, chỉ cái cõi còn tham muốn vật-chất ; *không* tức là vượt hẳn ra ngoài sắc-giới ý thức, coi cái gì cũng như không cả. Người tu đạo Phật phải hiểu nhẽ sắc không : sắc bất-dị không, không bất-dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc. (Bát nhã tâm kinh) sắc không khác gì không, không không khác gì sắc, sắc tức là không, không tức là sắc ; nghĩa là cái gì cũng gọi là có đấy, mà chiếu rõ ra, thì lại đều không có cái gì cả. — *Bụt* = đọc ở chữ Phạm Bouda ra mà người Tàu dịch là Phật. Cả câu : *Sắc không tuy Bụt hãy lòng người* có ý nói : đã thấu được cái nhẽ sắc không, thì tưởng như là thành Phật rồi, song làm sao cái bụng vẫn còn trần-tục, vẫn còn là người trần vậy. — *Chày kềnh một tiếng tan niềm tục* = nghe một tiếng chuông đánh, thì tưởng như phá tan được hết cả cái bụng nghĩ ngợi quyến-luyến

đến trần-tục. *Chày kềnh* tức là cái chày, cái giùi để đánh chuông ; *kềnh* là cá ông voi. Người ta cho ở trong bể có con cá *kềnh*, ở ven bờ bể, có con thú gọi là *bồ-lao*, hễ con kềnh đánh con bồ-lao một cái, thì con bồ-lao kêu to lắm. Nên cái quai chuông thường làm hình con bồ-lao — (ta gọi *củ-nèo*, mà có nhẽ củ-nèo là đọc trạnh ở chữ bồ-lao ra) — và cái giùi gõ chuông làm hình con cá kềnh, lấy ý đánh chuông, tức là đánh con bồ-lao mà đánh bằng cái chày, tức là con cá kềnh, thì cái chuông phải kêu — *Niềm tục = niềm* : ngẫm-nghĩ ; *tục* : trần-phàm ; *niềm tục* dịch ở chữ *tục niệm* ra và nghĩa là ngẫm-nghĩ đến sự trần-phàm đối lại với Tiên, Phật. — *Hồn bướm năm canh lẫn sự đời =* đêm ngủ còn chưa rũ sạch được những sự trần-duyên, linh-hồn còn tơ-tưởng mơ-màng đến luôn. *Hồn bướm* : lấy ở cái điển *Điệp-mộng* nghĩa là nằm mơ con bướm. Xưa Trang-Chu nằm mơ thấy làm con bướm phấp-phới bay lấy làm sung-sướng lắm, chợt tỉnh dậy, thì lại trần-trần là Trang-Chu. Trang-Chu lấy thế làm ngờ vực, không rõ là Trang-Chu mơ-mòng hóa ra con bướm, hay con bướm mơ-mòng hóa ra Trang-Chu. Các nhà văn-sĩ thường chỉ giấc ngủ gọi là giấc điệp. — *Bể ái =* (xem bài dưới ) — *Cực-lạc = cực* : cùng hết cả ; *lạc* : vui, *cực-lạc* chỉ một cõi vui lắm không còn gì là ác, là khổ nữa. Theo đạo Phật về phái Tĩnh-thổ, lấy đức Phật A-Ri-đà làm giáo-chủ thế-giới. Ai theo về phái Tĩnh-thổ, cứ niệm Phật A-Ri-Đà, thì lúc chết không phải chịu kiếp luân-hồi, được sinh vào tòa sen, sống lâu mãi mãi trong một nơi gọi là *Cực-lạc quốc ở* về bên phương Tây. Bởi vậy ta vẫn hay niệm : Na-mô A-Ri-Đà Phật, và ta nói Tây-phương Cực-lạc thế-giới.

**Ý và văn.** — Lai-lịch và nguyên-bản bài thơ này

thật là phân-vân.

Bản thì cho là vua Lê Thánh-Tôn, lúc ra chơi *Ngọc-hồ*, thấy người tiều-nữ ở đấy đang ngâm câu :

« *Đến đây thấy cảnh, thấy người,*
« *Tuy vui đạo Phật, chưa khuây lòng người* »,

thì cho đòi lại họa thơ, rồi chính vua làm ra bài này trước. Sau người tiều-nữ chỉ xin đổi lại có hai câu thực rằng :

« *Gió thông đưa kệ tan niềm tục,*
« *Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời* ».

Bản thì cho là nhân dịp vua Lê Thánh-Tôn ra chơi chùa *Bà-Đanh*, nghe trong chùa có tiều-nữ đang tụng kinh lanh-lảnh. Vua ngự vào đề lên vách một câu :

« *Tới nơi thấy cảnh, thấy người,*
« *Tuy vui đạo Phật, chưa nguôi lòng người* »,

rồi lấy hai câu ấy làm đầu đề, bắt các quan đi hầu vịnh một bài. Có quan Thân-nhân-Trung bấy giờ đâu tên là Tao-đàn Phó Nguyên-soái, vịnh ngay được bài này. Vua đưa cho tiều-nữ xem, tiều-nữ cũng xin chữa hai câu thực :

« *Gió thông. . . . . .* »

như hai câu đã chép ở trên.

Vậy chỉ có hai câu chữa là đúng nhau. — (Hoặc có người lại còn cho là *mơ kinh* đối với *đưa kệ* mới chỉnh, chớ không phải *mơ tiên*) — Còn đền Ngọc-hồ với đền Bà-Đanh khác nhau, — vua Lê Thánh-Tôn với ông Thân-nhân-Trung khác nhau, — câu ra cũng khác mấy chữ : *Đến đây* với *Tới nơi*, *khuây lòng* với *nguôi lòng* mà là tiều-nữ đang ngâm, vua Thánh-Tôn nghe thấy, hay chính vua nghĩ ra mà đề lên vách ?

Lại có bản cho bài này là của Hồ-xuân-Hương làm

nhưng chỉ có bốn câu dưới, từ chữ : *Bể ái...* giở xuống là giống bài này, còn bốn câu trên lại khác hẳn và cái đầu bài đề là « *Chơi Khán-đài* ».

Bốn câu trên bài ấy là :

« *Êm-ái chiều xuân tới Khán-đài,*
« *Lâng-lâng chẳng bợn chút trần-ai.*
« *Ba hồi chiêu mộ chuông gầm sóng,*
« *Một vũng tang thương nước lộn giời.*
« *Bể ái nghìn trùng . . . . . .*
. . . . . »

Bốn câu này thực là tả cái cảnh *Khán-đài* (câu 1), có chùa Trấn-quốc (câu 3), có Hồ Tây (câu 4), không còn ngờ vực gì nữa. Chúng tôi thiết tưởng chỉ bốn câu ấy cũng đủ thành được một bài tứ tuyệt rất hay rồi, chớ nên đem chắp vào bốn câu sau của bài *Tới đây* như chép ở đây, thì thật là đầu Ngô, mình Sở, đang ở giọng thoát ly trần-tục mà chắp ngay vào cái điệu quyến-luyến nhân-gian không sao hợp được.

Vậy chắc bài này không phải của Xuân-Hương, cái lối thơ họ Hồ không có thế bao giờ. Còn hỏi là vua Lê Thánh-Tôn hay ông Thân-nhân-Trung làm, thì không đoán chắc. Mà cũng không quan-hệ gì cho lắm. Vì nếu vua không làm, thì ông Trung làm, hay biết đâu cả 28 ông Tao-đàn bấy giờ cùng làm, cùng chữa cho nhau mà thành bài thơ mới điêu-luyện được đến thế.

Ta lại nhận bài thơ này không phải ngẫu-hứng tự làm lấy, nhưng có hai câu lục bát kia làm đầu đề. Trong bài lại có hai câu thực, có người muốn chữa, nhưng người làm có khi chưa ưng-phục. Như ý chúng tôi, chúng tôi nghĩ cứ để nguyên-bản thì hơn. Bảo tại thiếu ý cảnh mà đưa hai chữ *gió thông* vào, nghe nó ngang ra. Đây có phải bài tả cảnh đâu. Suốt bài chỉ cốt diễn cái mối cảm-tình, cái tâm-sự

ở bên trong, hà-tất phải dụng luồng gió, cây thông tự đâu vào mà làm cho đứt mất cái ý nghĩa, cái mạch câu đi. Cứ theo cái đầu đề ra như hai câu, lục, bát trên mà bài làm như thế, mới thực là xát đến nơi, không một chữ, một câu nào lẳng đi đâu cả.

Ta thử giải xuôi ý bài ra mà xem. Thiên-hạ thường hay nói Cực-lạc. Cực-lạc ở đâu ? Ta, thì ta cho cái chỗ ta tới đây là Cực-lạc vậy (câu 7 và 8). — Tuy-nhiên, cho ta đã tới được chính nơi Cực-lạc rồi, ta hiểu thấu cái nhẽ sắc không của nhà Phật rồi, mà sao ta vẫn như còn giữ nguyên lòng người, ta vẫn chưa thoát khỏi được vòng trần-ai vậy (câu 1 và 2). — Ta nghe thấy tiếng chuông, thì hình như bao nhiêu cái phàm tục ở trong người ta tán đi đâu mất hết. Ta mơ-màng suốt năm canh, thì hình như cái cuộc thực ở đời nó nấp náu đâu trong giấc chiêm-bao của ta vậy (câu 3 và 4). Thế mà không biết sao, cái bể ái, cái nguồn ân mông-mênh sâu xa quá, ta còn như đắm đuối chìm lỉm ở trong ấy, không thể sao khơi cho vơi, tát cho cạn hết được (câu 7 và 8). Như thế có phải, ta tuy vui đạo Phật đấy, mà ta vẫn chưa khuây được lòng người hay không.

Bài thơ này phải mất ba chữ « *hãy lòng người* » hay cho là « *chửa khuây người* » câu thứ hai có phần hơi miễn-cưỡng. Còn câu nào cũng được thanh-thoát cả. Hai câu thực, hai câu luận đối nhau rất chỉnh và hạ những chữ *Bể ái, Nguồn ân, cạn, vơi* đã như nhuốm được đạo Thích rồi. Câu thất hỏi *Cực-lạc đâu*, mặn-mà lắm. Câu cuối đáp luôn *Cực-lạc đây*, thực là giải lại chữ *Tới đây* là đầu bài rất kín-đáo.

## 120. — Xuất thế

*Thế sự* nhìn xem rối cuộc cờ,
Càng nhìn càng ngắm lại càng *dơ*.
*Đánh tan tục-niệm hồi chuông sớm,*
*Gõ vỡ trần-tâm tiếng mõ trưa.*
*Chu tử ngán mùi nên vải ấm,*
*Đỉnh chung lợm giọng hóa chay ưa.*
*Lên đàn cứu khổ, toan quay lại :*
*Bể Ái trông ra nước đục lờ.*

VÔ-DANH

**Chữ và câu.** — *Thế sự* = việc đời bây giờ, việc đương thời. — *Dơ* = nghĩa như bẩn-thỉu khiến cho người ta ghê tởm. Người ta nói dơ-ráy, dơ-bẩn. — *Đánh tan tục-niệm hồi chuông sớm* = một hồi chuông đánh buổi sớm làm cho tan cả tục-niệm. *Tục-niệm* (xem rõ bài *Tới đây* ở trên). — *Gõ vỡ trần-tâm tiếng mõ trưa* = tiếng mõ gõ buổi trưa làm cho vỡ, cho mất cả trần-tâm. *Trần-tâm* : cái lòng quyến-luyến đến đời, đến trần-thế. — *Chu tử ngán mùi nên vải ấm* = quần áo sắc đỏ, màu tía nghĩa là gấm vóc lấy làm chán-ngán cả, nên mặc quần nâu, áo vải cho là đủ ấm rồi. *Chu tử* : *chu* : sắc đỏ ; *tử* : sắc tía ; đời xưa cho mặc áo sắc đỏ, sắc tía là quí lắm. Các quan, nhất về đời vua Hiến-tôn nhà Đường cho áo lam hay quan-lục là hèn, chỉ mặc áo đỏ, áo tía ; nên cứ buổi chầu, là sân rồng đỏ lòe-loẹt cả. Trong *Ngũ-ngôn thi* có câu : *Mãn Triều chu tử quí* : chốn Triều-đình đầy những đỏ, tía sang trọng cả. — *Đỉnh chung lợm giọng hóa chay ưa* =

ăn dùng vạc, nghe chuông đánh, nghĩa là của quí lấy làm không thích, như muốn mửa ra, nên dùng muối, dưa, đồ ăn chay cho là ngon miệng. *Đỉnh chung* : *đỉnh* : cái vạc làm bằng kim loại có ba chân ; *chung* : cái chuông. *Đỉnh chung* nói cho đủ là : *Chung minh, đỉnh thực*, nghĩa thẳng là chuông kêu, vạc ăn và nghĩa bóng là ăn uống sang trọng, sau chỉ rộng là lộc nước. Đời xưa nhà sang trọng, lúc ăn có chuông đánh và đồ ăn đựng vào cái đỉnh ; ngay bây giờ, những nhà phú-quí, lúc mở tiệc cũng có chuông, cồng đánh hay bát âm họa ; đồ ăn cũng để trên những đồ bằng thiếc làm như cái lư-hương, trong đựng nước sôi cho được nóng luôn. Xem ở các hiệu cao-lâu khách thì biết. — *Lên đàn cứu khổ, toan quay lại* : *Bể Ái trông ra nước đục lờ* = *đàn cứu khổ* : theo đạo Phật, thì là cái nơi lấy đạo phải mà dẫn dụ, có ý giúp-đỡ che-chở cho người ta để khiến thoát khỏi được ách-nạn, vượt được ra ngoài cái bể khổ ; *Bể Ái* : bể yêu, tức là ái-hà, nhà Phật coi cái tình như giới, sự yêu như bể, cho người ta nhuốm vào cái tình-ái cũng như vải, lụa nhuộm vào thuốc nhuộm vậy. Hai câu kết đây, tác-giả có ý nói tác-giả đã thoát-ly, lên được cõi Tiên, cõi Phật rồi, tác-giả còn muốn quay lại, như có ý muốn cứu-vớt người đời nữa. Nhưng khốn, trông lại cái thế sự bây giờ thì thực con người còn đương đắm-đuối, sạo-sục, đến nỗi làm đục cả nước ở trong cái bể ái, tức là bể trầm-luân, chưa sao cứu-độ được.

**Ý và văn.** — Tuy có mến đạo Phật, nhưng chưa khuây lòng người là đại-ý bài trên. Cắt được hết trần-duyên, ra hẳn đời mà vào Đạo là đại-ý bài này.

Vì nhẽ gì mà ra đời, vì ở đời chẳng qua chỉ có khoác cái áo chu tử, ăn những miếng đỉnh chung,

nghĩa là cái danh-lợi, cái phú-qui mà thôi. Thế mà, chỉ vì những cái ấy, cuộc đời mới thành rối lên như cuộc cờ, càng nhìn ngắm kỹ, lại càng thấy nó dơ-bẩn rất đáng khinh (câu 1 và 2). — Nó đã thế, thì còn ưa nó sao được, mà chẳng ăn chay, mà chẳng mặc vải, mà chẳng lấy hồi chuông sớm để đánh cho tan niềm-tục, lấy tiếng mõ trưa để gõ cho vỡ trần-tâm (4 câu giữa), nghĩa là chẳng xuất thế mà đi tu vậy? Mình đã đi tu, tức là thân mình lên được đàn cứu-khổ, thì cái công-đức của mình bấy giờ là như muốn cứu khổ cho hết cả chúng-sinh (câu 7). — Nhưng xét ra, thì chúng-sinh còn u-mê, ám-muội, chưa vượt khỏi được cái bể trầm-luân vậy (câu 8).

Tóm lại, bài này chủ ý chỉ cốt nói : chán đời mà phải đi tu, tu độ được thân rồi, lại còn muốn độ cho chúng-sinh nữa. Trong bài cũng có hai chữ « *Bể Ái* » như bài trên. Hai câu thực cũng tương-tự như hai câu thực bài trên. Nhưng bài trên còn hạ những chữ « *nguồn ân, hồn bướm* » là còn trần-tục, còn pha đạo Lão vào, chớ bài này mới thực là bài thuần Phật cả. Ăn chay, mặc vải mà lấy làm vui lòng, thế là đã biết chịu khổ-hạnh rồi. Nghe chuông, nghe mõ mà cải được tâm tính, thế là đã nhiễm màu đạo Phật rồi. Lên được đàn cứu-khổ, thế là tu đã đắc đạo rồi ; còn muốn tế-độ cho chúng-sinh, thế là chưa vào Nát-bàn, thực là một vị Bồ-tát, chúng-sinh nên tụng-niệm luôn vậy. *Chuyển mê, khải ngộ, tự-giác nhi giác-tha*, tôn-chỉ đạo Phật như thế, bài này có nhẽ tóm tắt lại được cả. Nên người làm bài này, là người đã am-hiểu đạo Phật, lại tinh-thông văn-chương. Thực là một vị cao-tăng lót thêm một nhà thi-hào đáng kính yêu lắm vậy.

# TIỂU-SỬ

## những nhà thi-sĩ có bài trong sách

**Nguyễn-Trãi**. — Ông hiệu là Ức-Trai tiên-sinh, nguyên người ở huyện Phượng-nhãn (Bắc-giang), sau nhập-tịch làng Nhị-khê, huyện Thượng-phúc (Thường-tín), tỉnh Hà-đông bây giờ. Ông thi đỗ tiến-si đời nhà Hồ (1400), làm chức Ngự-sử-đài Chánh-trưởng.

Khi cha ông là ông bảng-nhãn Nguyễn-phi-Khanh bị quân nhà Minh bắt về Tàu, ông đi ẩn ở núi Côn-sơn, ngày đêm hằng lo việc phục-thù cho cha và cứu dân, giúp nước. Sau ông cùng ông Trần-nguyên-Hãn vào tìm ông Lê-Lợi ở Lam-sơn (Thanh-hóa) và bày mưu cho ông Lệ-Lợi đánh tan được quân Minh. Lê Thái-Tổ lên ngôi phong cho ông làm *Quan-phục hầu*, đứng đầu cả bên văn, và giao cho quyền coi cả việc trong ba quân.

Ông vốn là người điềm-đạm, không ham mê danh lợi, làm quan ít lâu, rồi cáo về trí-sĩ ở trại Tiêu-viên của ông bên Bắc-ninh. Một hôm, vua Lê Thái-Tôn qua chơi Tiêu-viên, gặp khi ông vắng nhà, có người nàng hầu ông tên là Nguyễn-thị-Lộ, ra tiếp đãi, pha trà dâng vua. Vua về giữa đường thì mất. Triều thần nghi tình cho ông, bắt cả nhà tra hỏi. Thị-Lộ cung khai là chính ông bảo ám-hại vua, nên ông bị tội và cả ba họ phải chu gi.

Đến đời vua Thánh-Tôn biết ông bị chết oan, mới phong tặng lại cho ông và tìm động-dõi để cho làm quan và cấp tiền làm đền thờ phụng ông.

Văn-chương ông Nguyễn-Trãi hùng-hào và có khí-lực. Đời bấy giờ ta giao-thiệp với Tàu, bao nhiêu tờ bồi giấy má là

một tay ông làm cả. Văn Hán của ông có nhiều, nhưng lỗi-lạc nhất thì là bài « *Bình Ngô đại cáo* » thực đủ làm cho ông lưu danh được thiên cổ.

Văn nôm của ông, thì còn để lại có ít thơ, như bài xướng cho Thị-Lộ họa, và quyển *Nữ-tắc gia-huấn ca*, nhời nhẽ tuy chất-phác, nhưng cứ kể thực là đạo-đức lắm.

---

**Lê Thánh-Tôn**. — Vua là con thứ vua Lê Thái-Tôn, trị vì 38 năm, từ năm 1460 đến năm 1497. Vua là một người thông-minh có hiếu với mẹ, thành-thực với bầy tôi. Vua lại là người văn võ toàn tài, sửa-sang việc chính-trị, chỉnh-đốn việc vũ-bị, mở-mang sự học-hành, đánh Chiêm-thành, Ai-lao, mở rộng thêm bờ cõi, thực là làm cho nước Nam ta lừng-lẫy một phương, không mấy khi lại gặp được một buổi văn-minh, cường-thịnh như đời Hồng-đức.

Riêng về mặt văn-học, vua mở rộng nhà Thái-học và làm ra các phòng ốc để cho những sinh-viên ở học, làm kho bí-thư để chứa sách. Vua định phép thi Hương, sửa phép thi Hội để kén chọn nhân-tài, và thường làm chủ-khảo những khoa thi Đình. Vua sai các quan vẽ địa-đồ cả nước và ghi chép hết sự-tích các nơi. Vua sai ông Ngô-sĩ-Liên làm pho *Đại-Việt sử-ký 15 quyển*. Vua đặt ra *24 điều* bắt các nơi đọc giảng cho dân gian nghe để giữ-gìn cho phong-tục được thuần-mỹ.

Vua lại hay ngâm vịnh, đặt ra chín bài *Quỳnh-uyển cửu-ca*, tự sưng là Tao-đàn Nguyên-súy, họp với các triều-thần cả thẩy 28 người gọi là nhị-thập-bát tú để xướng họa với nhau. Trong 28 người ấy, thì có ông *Thân-nhân-Trung* và ông Đỗ-Nhuận có tiếng hay chữ hơn cả. Vua cùng Tao-đàn làm được bộ *Thiên-Nam dư-hạ tập* 100 quyển

*Thân-chinh ký-sự* một quyển và bạo nhiêu thơ chữ, thơ nôm, những nơi danh-thắng đâu đâu trong nước cũng đều có thơ của các ông đề cả. Riêng về phần thơ nôm lưu-lạc đi mất cũng nhiều, hiện nay còn ghi chép được ít bài tập họp lại làm quyển « *Hồng-đức quốc-âm thi-tập* » ; trong tập phân ra từng môn và có nhiều bài vịnh về sử-ký.

Cứ xét như mấy bài ta liệt vào sách « *Nam-thi* » này, thi văn-chương của Lê Thánh-Tôn riêng nặng « *về nước*, *ơn nước* » tận tâm báo quốc, cúc-cung tận-tụy. Những thi-liệu : *con cóc*, *chó đá*, *cái nón*, *cái chổi*, *thằng mõ*, *ăn mày*, thực là tầm-thường đê-hạ, nhưng cái giọng văn nghiêm-trang, đường-bệ, hùng-dũng, hách-dịch, rõ ra cái khẩu-khí một vì Thiên-tử, một đấng anh-quân, đã từng làm cho cả nước được vẻ-vang một thời vậy.

---

**Nguyễn-bỉnh-Khiêm** (1492-1587). — Nguyễn-bỉnh-Khiêm tục gọi *Trạng Trình* hiệu *Bạch-Vân cư-sĩ*, người làng Trung-an, huyện Vinh-lạc (Ninh-giang), tỉnh Hải-dương. Ông là Văn-Tĩnh, cha là Văn-Định, là người có văn-học. Mẹ là Từ-thức phu-nhân, họ Nhữ, cũng là người thông kinh sử lại giỏi tướng số.

Ông tư-chất vốn đã thông-minh lại nhờ được cha mẹ khéo rèn cập và thầy là Lương-đắc-Bằng hết sức dạy-bảo cho nên ông quán-thông cả văn-chương lý-số, không ai sánh kịp. Tuy vậy, thời bấy giờ trong nước biến-loạn, ông không muốn xuất đầu lộ diện, đành ở ẩn một nơi. Nhưng sau vì có nhiều người khuyên nhủ, bất-đắc-dĩ ông mới phải đi thi, đỗ Trạng-nguyên năm thứ sáu đời nhà Mạc. Vua Mạc cất ông lên làm Tả-thị-lang Đông-các Học-sĩ. Ông làm quan được tám năm, rồi cáo về, lúc bấy giờ mới 52 tuổi.

Khi về tri-sĩ, ông dựng một cái am gọi là *Bạch-vân*, làm cầu, làm quán, bầu bạn với chư sư, nay chơi núi này, mai

chơi sông nọ, ngâm vịnh xướng họa lấy làm khoái tâm, thích chí. Ông lại mở trường dạy học. Học-trò ông sau có nhiều người giỏi nổi tiếng và làm nên danh vọng to như Phùng-khắc-Hoan, Nguyễn-Dữ, Lương-hữu-Khánh, Trương-thời-Cử.

Ông tuy ở nhà, nhưng khi nào vua Mạc gặp điều gì khó-khăn, vẫn sai sứ đến hỏi, nên vẫn trọng ông lắm và phong cho ông làm Lại-bộ Thượng-thư Thái-phó Trình-quốc-công, vì thế ta mới quen gọi ông là Trạng Trình.

Ông mất năm Ất-dậu, thọ 95 tuổi. Ông học tinh về Thuật-số, nên thiên-hạ tôn ông là một bậc tiên-tri và tin các nhời ông nói là nhời sấm cả. Thơ nôm ông làm nhiều. Hiện còn lưu lại được một quyển *Bạch-vân thi-tập*, 100 bài.

Cứ xét thơ ông, thì văn-chương của ông là cái văn-chương đạo-đức răn đời cả. Hoặc ông còn chút lòng ơn vua, báo nước, nhưng cũng là miễn-cưỡng. Vốn ông là người thuần-nhã, phóng-khoáng, ông chỉ lấy « *cày mây, cuốc nguyệt, cười khúc-khích, hát nghêu-ngao* » làm thích, nên văn-chương của ông là cái văn-chương nhàn-tản, vô-sự, từ-bi, hỉ-xả, thực đáng là một ông Tiên biết vui với hoa cỏ, một ông Phật muốn tu ở trong am Bạch-vân vậy.

---

**Lê-quí-Đôn**. — Ông quê làng Diên-hà, phủ Thái-bình (bây giờ đặt thành tỉnh). Cha là Lê-trọng-Thứ, đỗ tiến-sĩ, làm quan được phong đến Trung-hiếu-công.

Ông là người sớm dĩnh-ngộ, mới lên hai tuổi đã phân biệt được chữ « *hữu* » chữ « *vô* », lên năm học kinh Thi đã thuộc lầu, lên sáu đã làm được văn bài. Ông có cái chí nhớ lạ-lùng. Người ta tương truyền lại rằng ông xem một quyển sổ, một cái bia hay cả một bộ sách, chỉ lược qua một lần, là biên lại được hết không sót một chữ nào.

Ai cũng phải chịu ông là người thông-minh, sáng dạ. Năm 18 tuổi, ông thi hương đỗ thủ-khoa ; đến kỳ thi đình ông đỗ bảng-nhãn. Hai cha con cùng làm quan một triều, vua Lê ban khen là Trung-hiếu truyền gia.

Ông sang sứ Tàu, các quan Tàu thấy ông thông-minh đều có lòng kính phục. Khi con ông và học-trò ông đi thi, vua Lê, chúa Trịnh có đánh cuộc ai nhất nhì, với nhau. Vì ông tráo bài, con ông đỗ đầu, sau truyện vỡ lở, mà ông bị cách chức. Đến lúc sứ Tàu sang đố chữ, vua chúa lại phải đón ông ra để đoán, thì ông mới lại được hoàn chức. Chúa Trịnh có cắt ông vào giữ Thuận-hóa ít lâu và sai ông làm pho *Quốc-sử tục-biên* 6 quyển với mấy ông khác.

Hoặc có sách cho ông là người tham lận. Song nhiều sách lại cho ông là người khiêm-nhượng, trung-tín và thành-thực. Ông xử với mình ông, thì rất là tiết-kiệm, chỉ cơm rau, áo vải mà thôi. Nhưng ông đối-đãi với người trong họ cực kỳ là chu-tất. Ông dựng vợ gả chồng cho đâu những 18 người và làm quan được tiền, thì đem tư-cấp cho những người nghèo khổ.

Khi về trí-sĩ, ông ở một cái nhà gianh con, lấy việc làm vườn và việc dạy học-trò làm vui. Ông học-hành chăm-chỉ, ngày nào cũng xem sách đến quá nửa đêm mới đi ngủ.

Văn nôm ông không để lại gì, gián-hoặc chỉ một và bài thơ. Nhưng sách Hán ông làm rất nhiều và có khi như mô-phỏng ở các sách Tàu ra. Hiện nay ông còn để lại những quyển như : *Thái-ất-quái vận*, *Lục-nhâm hội thông*, *Kim-kinh lục chú*, *Kim-cương kinh chú giải*, *Vân-đài loại ngữ*, v.v.

**Ôn-như Hầu**. (1742-1797) — Chính tên ông là Nguyễn-gia-Thiều, người làng Liễu-ngạn, tổng Liễu-lâm, huyện Siêu-loại (Thuận-thành), tỉnh Bắc-ninh. Ông nguyên là con nhà dòng-dõi, cha là Nguyễn-gia-Cư, tước phong Đạt-vũ hầu ; mẹ là Ngọc-Tuân, gọi là Quỳnh-Liên công-chúa, con gái chúa Trịnh-hy-Tô.

Năm 19 tuổi, ông đã vào trong cung làm chức Hiệu-úy quản binh mã. Nhưng ông không để chí về đường công-danh. Ông thường bỏ việc binh mã, về ở bên Hồ-Tây, tự hiệu là Tâm-thi viện tử, lại hiệu là Sưu-Chân. Lúc Chúa Trịnh đến chơi nhà ông, lại cho hiệu là Sơn-thủy nhân-hoa và sau cho thăng chức, cho nhà ở tại cửa Nam, sai ông giám-đốc làm cái tháp chùa Tiên-tích. Ông nhân việc, sửa - sang nhà ông rất là đẹp - đẽ. Chúa Trịnh thường ngự đến chơi, và khen vào nhà ông cũng như vào Đào-nguyên vậy.

Ông có xung chức Lưu-thủ Hưng-hóa ít lâu và lập được nhiều quân công. Lúc gặp loạn Tây-sơn, ông lánh mình đi ẩn. Chúa Tây-sơn cho lệnh đi tìm. Bất-đắc-dĩ ông phải về Bắc-thành (Hà-nội), nhưng chúa Tây-sơn dụ phú quí thế nào ông cũng không chịu. Ông chỉ phóng-đãng tự thích, uống rượu làm kẻ cuồng. Chúa Tây-sơn biết không ép được ông, cho ông về ở quê-hương. Ông mất năm 55 tuổi.

Ông là một người thông-minh khác thường, lúc trẻ theo việc cung kiếm, lúc nhớn lại chuyên học văn-chương và kiêm cả thiên-văn, địa-lý. Ông có tính cao-nhã, ưa nhàn-tản, tuy sinh-trưởng ở nơi phú quý, mà lại hay theo đạo Tiên, đạo Thích, thường tự hiệu là Hi-tôn-tử Như-ý-thiền. Ông lại là người tài-tình, cầm, kỳ thi, họa các nghề đều tinh thông. Ông kết bạn với những bọn có danh thời bấy giờ, như

ông Vũ-tất-Nhậm, Trịnh-Tôn, Nguyễn-Vụ, Trần-danh-Án, lúc thi lấy chè rượu làm cuộc tiêu khiển, lúc thi thơ văn xướng họa, ngâm vịnh làm vui. Ông sở trường về môn Ca-tán, như Sở-từ điệu, Sơn-trung âm các điệu và mấy điệu riêng của ông tự đặt ra. Văn nôm ông rất hay, tứ rất mới-mẻ mà kin-đáo, nhời rất chơn-tru mà lạ-lùng, xưa nay dễ không mấy người bằng. Thơ ông có hai cách, một cách ứng khẩu thành bài thì nhẹ-nhàng, lưu-loát, một cách điêu-luyện, công-phu thì thâm-thúy cao-nhã. Nghe đâu ông để lại được hai tập thơ, gọi là *Tiền-tập* và *Hậu-tập* có đến hơn 1000 bài. Khúc Ngâm **Cung-Oán** xưa nay nhiều người cũng cho là của ông làm, và những câu điêu-luyện như câu : Vịnh canh năm : *Dế gọi người nằm thiên cổ dậy ; Sương trùm cảnh đứng tử canh đi.* — Khóc vợ : *Đập cổ-kính ra tìm lấy bóng ; Xếp tàn-y lại để dành hơi.* — Vịnh cảnh : *Đưa lọt kẽ mành, khuôn gió dẹt ; Luồn qua cửa sổ, bóng giăng vuông.*

---

**Nguyễn-hữu-Chỉnh**. — Ông là con một nhà hào-phú, người làng Đông-hải, huyện Chân-phúc, tức là huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an bây giờ. Năm 16 tuổi đỗ hương-cống, nên ta quen gọi là *Cống Chỉnh*, năm 18 tuổi thi võ, đỗ tam trường.

Trước ông theo Hoàng-ngũ-Phúc thường đi đánh giặc bể, giặc bể sợ ông, đặt tên gọi là Chim dữ. Lúc Hoàng-ngũ-Phúc mất, ông theo Hoàng-đình-Bảo là tỳ-tướng và Hoàng-tố-Lý là cháu Hoàng-ngũ-Phúc. Khi Hoàng-tố-Lý và Hoàng-đình-Bảo gặp trận binh biến bị giết, ông sợ họa lây, thả thuyền trốn chạy vào Qui-nhân theo chúa Tây-sơn, bày mưu, thiết kế xui chúa Tây-sơn đem binh ra đánh ngoài Bắc, chúa Tây-sơn phong cho ông làm Hữu-

quân Đô-đốc và đem quân ra đánh Thuận-hóa và Bắc-hà để diệt họ Trịnh. Lúc chúa Tây-sơn rút quân về, định bỏ ông lại ở Bắc-hà, nhưng ông cố theo đuổi, nên chúa Tây-sơn cho ông ở lại giữ Nghệ-an.

Sau vì vua Lê thấy họ Trịnh lại muốn hoành-hành, mới đưa mật-chiếu với ông ra giúp. Khi ông trừ được họ Trịnh rồi, vua Lê phong cho làm Đại-tư-đồ Bằng-trung công. Ông thừa cơ chuyên quyền ở đất Bắc làm lắm điều trái phép công-bằng. Nguyễn-Huệ thấy ông hách-dịch, lừng-lẫy quá, sai tướng là Vũ-văn-Nhậm ra bắt mà giết chết, vào năm đầu niên-hiệu Chiêu-thống (1787).

Ông là người nhiều can-đảm, lắm cơ trí và có tài biện-bác rất giỏi. Ông lại là người phong-lưu, hào-phóng, lúc nào ca-nhi vũ-nữ cũng đầy nhà. Ông sở trường về thanh-luật và quốc-văn. Văn, thơ, ca, khúc, môn gì ông cũng hay. Tập *Ngôn-ẩn thi-tập* cả thảy có 23 bài của ông, nay vẫn còn truyền tụng. Bài *phú Lưu-Hầu* nhiều người cũng cho là của ông làm. Riêng về thơ ông, thi thật là hùng-kiệt, khí-khái rõ hình ảnh được cái sự-nghiệp, cái công-danh lừng-lẫy một thời của ông vậy.

---

**Phạm-quý-Thích**. — Ông là người làng Lương-đường, phủ Bình-giang, tỉnh Hải-dương bây giờ, biệt hiệu là Lập-Trai. Ông thi đỗ tiến-sĩ về đời Lê Cảnh-hưng, ra làm quan lúc Lê mạt. Khi vua Gia-long bình định xong nước Nam, có triệu ông ra làm quan, bất-đắt-dĩ ông phải ra ít lâu rồi cáo từ về dạy học. Ông Nguyễn-Lý, Nguyễn-Siêu là những người có tiếng, đều là học-trò ông. Ông còn để lại một tập thơ gọi là *Hoa-đường thi-tập*. Ông là bạn thân của ông Nguyễn-Du, nên Truyện Kiều bản-phường chính là ông có sửa đổi lại, mà đem cho in đầu tiên cả.

---

**Nguyễn-công-Trứ**. (1777-1859). — Ông là người làng Oai-viễn, huyện Nghi-xuân, tỉnh Hà-tĩnh, tên chữ là Hi-Văn, tự là Trọng-Chiêu. Năm Gia-long thư ba, khi vua ra ngự Bắc-thành, ông có tới chỗ hành-doanh để hiến sách. Đến năm Gia-long thứ 18 (1819), ông thi đỗ giải-nguyên. Ông trải thờ ba triều Gia-long, Minh-mịnh và Thiệu-trị. Trước làm Doanh-điền sứ, mở-mang đất Thái-bình, Ninh-bình bây giờ. Ông tuy là quan văn, nhưng có tài thao-lược, vũ-công rất nhiều. Ông đánh giẹp bọn Phan-bá-Thành ở Thái-bình, Nùng-văn-Vân ở Tuyên-quang, giặc Lâm-sơn ở Nam-kỳ. Ông từng làm chức Tham-biện ở Thanh-hóa, Công-bộ tham-tri thự Thượng-thư Hải-an Tổng-đốc (nên ta quen gọi cụ *Thượng Trứ*) chức Phủ-doãn ở Thừa-thiên. Cái hoạn-đồ của ông thật là chày-chật, ông bị giáng chức rồi lại được khai phục tam, tứ thứ.

Lúc ông về hưu, ông làm nhà ở chùa Cẩm-sơn, tại huyện Thạch-hà, tạ tuyệt việc đời không hề nói đến, rõ như một người ra khỏi ngoài vòng trần-thế. Ngày ngày ông thường cưỡi xe bò đi ngao-du sơn thủy, đến mười năm như thế. Có bận ông đến chơi ở huyện Kim-sơn (Ninh-bình) và huyện Tiền-hải (Thái-bình) là hai nơi dân-sự nhớ công-đức ông, đã lập miếu thờ, ông đem cả cô hầu vào miếu, cho nên có người tặng ông câu thơ rằng: « *Sự-nghiệp kinh nhân thiên hạ hữu*; *Phong-lưu đáo lão thế-gian hi* ». Ông thọ 82 tuổi.

Ông Nguyễn-công-Trứ vốn là người lỗi-lạc có khí-tiết. Ông làm văn rất hay. Thơ ca của ông rất nhiều, và sở-trường riêng về lối ca-trù. Những từ-điệu như Bắc-bản, Nam-bình, Nam-ai, Thiên-thai, Tì-bà, Chức-cẩm hồi-văn, Hán-Sở diễn âm, ông đều có tiếng cả. Có nhẽ vì ông, lúc hàn-vi, gian-truân khổ-sở, lúc làm quan ba chìm bảy nổi, lúc về hưu nhàn-tản, tiêu-dao mà ông tự tác thành một nhà thi-sĩ thực đã có khí-phách hơn người, lại có độ-

lượng dong được người, bao được cả đời nữa. Văn ông có lực, có lượng, văn ông hùng-kiệt mà hồn-hậu, thực là có ích cho cái thời buổi phù-phiếm nhu-nhược này.

---

**Hồ-xuân-Hương**. — Nàng sinh vào lúc đầu nhà Nguyễn, không chắc rõ là người quê-quán đâu. Có kẻ truyền tụng rằng nàng gốc tích từ trong Nghệ-an, sau ra ngụ ở Khán-xuân, huyện Vĩnh-thuận, tỉnh Hà-nội. Nàng vốn là một người thông-minh dĩnh-ngộ. Cha mất sớm, được bà mẹ là người họ Hồ trông nom tìm thầy cho học. Nhưng không bao lâu lại thôi. Nàng tự học lấy và học đến đâu là nhớ đến đấy, tài tình khác thường, không mấy lúc mà nổi tiếng là hay chữ.

Nàng định kén chồng. Nhân gặp khoa thi, nàng mở một cửa hàng bán nước để rước các nhà danh-sĩ vào làm thơ, người nào trúng tuyển, thì mới chịu cùng kết hôn. Có nhiều người vào làm thơ, nhưng đều thất-bại cả. Sau khi thi rồi, người đỗ thủ-khoa đi cùng một người em vào xin vịnh thơ. Nàng gia đề là « *Thạch liên thiên* » 石連天. Ông thủ-khoa ngậm bút hồi lâu mới viết được bốn chữ *Thiên-thạch nguyên lai* 天石原來 rồi lại ngẫm nghĩ không ra được chữ gì nữa. Nàng sai thị-tỳ ra bảo : « Không làm được, thì về, sao cứ ngồi ngậm bút mãi ». Ông thủ-khoa nghe nói thẹn quá, chết xững ngã xuống, người em phải chạy lại vừa cứu, vừa đỗ cho hả cơn giận. Tục thành câu thơ rằng : *Thiên thạch nguyên lai bản thậm huyền ; Nhất triêu vân vũ thạch liên thiên*. Ông thủ-khoa lúc tỉnh dậy cố làm xong bài thơ. Nàng xem chịu là hay, vui lòng kết duyên với ông thủ-khoa. Nghe đâu chính ông sau làm quan đến Tri-phủ Vĩnh-tường. Nhưng chỉ được ít lâu, ông Phủ mất, nàng định không lấy ai nữa. Song mẹ

nàng lại gả ép nàng cho một người Cai-tổng góa vợ, tục danh là Tổng Cóc. Than ôi ! có tài mà không có phận, chỉ được vài năm, Tổng Cóc cũng mất. Nàng đành ở vậy, chỉ làm bạn với thơ văn và đi ngao-du các nơi đình, chùa thắng-cảnh. Biết bao nhiêu người đủ các hạng thấy nàng tài-tình cứ hay dòm-dỏ tin đi mối lại. Lắm người bị nàng lấy văn thơ quở mắng rất là sâu cay. Trong những người đắc tình với nàng, thì có ông Chiêu-Hổ, người Bình-giang, Hải-dương, hoặc đối đáp, hoặc họa thơ với nàng còn lưu lại nhiều bài hay lắm. Tuy vậy nàng cũng không lấy được Chiêu-Hổ.

Văn Hán của nàng không biết có những gì. Chớ văn Nôm của nàng, thì thực là đặc tài, đặc thú, đứng hẳn riêng là một thi-gia, cứ kể cho là vô-song được. Thơ nàng làm xưa nay ai cũng kêu là có ngoại ý thô-tục. Nhưng xét kỹ văn thơ của nàng tục mà thanh, dù nàng không có cái vẻ đứng-đắn, cái giọng đa cảm, đa sầu như bà Thanh-quan, nhưng lắm bài thực là có khí-khái và rất đa tình. Thơ của nàng đún-đớn, ưỡn-ẹo, lẳng-lơ, chua-chát, rõ ra giọng một người đàn-bà có học, có tài. Thơ của nàng oái-oăm, hiểm-hóc, nôm-na khéo lựa, khiến cho không ai họa lại, không ai di-dịch được một chữ nào cả.

---

**Bà Huyện Thanh-quan**. — Bà người làng Nghi-tàm, nay thuộc huyện Hoàn-long, gần Hà-nội. Chính tên không ai rõ là gì. Chỉ biết hiệu bà là Nhàn-Khanh, vì bà còn để lại được một bộ *Nhàn-Khanh thi-tập*. Lại biết chồng bà là ông Lưu-nguyên-Uẩn, người làng Nguyệt-áng, huyện Thanh-trì (Hà-đông), sinh năm giáp-tí đời Gia-long (1804), thi đỗ tú-tài năm ất-dậu (1825),

đỗ cử-nhân năm mậu-tí đời Minh-mịnh (1828), làm Tri-huyện phó-nhậm tại huyện Thanh-quan (tức là Thái-ninh, Thái-bình) bây giờ ; nên thiên-hạ xưng tên bà là bà Huyện Thanh-quan. Quan Huyện can án phải cách, bổ làm bát-phẩm thơ-lại bộ hình, sau lại thăng lên chức Viên-ngoại lang.

Người ta nói, có một bận, đâu có một ông Cống mới đỗ, làm giấy vào xin giết trâu để ăn khao. Bấy giờ đang gặp lúc đại-hạn, cấm sát-sinh, không ai được phép cả. Nhưng bà thấy là ông Cống, cứ cho phép và phê vào đơn một câu rằng :

*« Người ta, thì chẳng được đâu,*
*« Ừ thì ông Cống làm trâu thì làm ».*

Câu có ý nói ông Cống làm trâu.

Lại một bận, có người đàn-bà làm giấy xin rẫy chồng. Nhân quan ông đi vắng, quan bà cũng lấy đơn phê vào mấy câu rằng :

*« Phó cho con Nguyễn-thị-Đào,*
*« Nước trong leo-lẻo cắm sào đợi ai.*
*« Chữ rằng : « Xuân bất tái lai »,*
*« Cho về kiếm chút kẻo mai nữa già »* (1).

Có người cho vì mấy câu này mà ông Huyện phải cách.

Thơ Hán, thơ Nôm của bà truyền tụng còn ở quyển *Nhàn-Khanh thi-tập*. Xét thơ của bà thuộc về phần tả cảnh nhiều hơn cả, và nhân tả phong-cảnh mà bà phụ họa những tình-cảnh đối với người, với nhà, với nước, với giời đất thật là âu-sầu mà sâu xa, thật là đẹp-đẽ mà tài khéo vậy.

---

(1) Có người lại cho : *bốn câu này và hai câu trên là của Xuân-Hương*, mà có nhẽ đúng hơn, cái giọng ỡm-ờ lẳng-lơ lắm.

**Dực-Tôn**. — Vua là con thứ hai vua Thiệu-Trị, trị vì nước ta 36 năm, tự năm 1848 đến năm 1883. Vua là người tầm-thước, không ưa trang-sức, chỉ cốt vụ lấy sạch-sẽ làm đầu, áo, quần, khăn, cả đến giày cũng thường dùng tinh một sắc vàng. Vua là người có hiếu, thờ mẹ là bà Từ-Dụ một niềm kính cẩn. Vua là người hiền lành, kẻ dưới hoặc có khi thất-thố điều gì cũng không quở trách. Vua lại là người siêng-năng, sáng nào cũng ra Triều thật sớm để cho các quan văn võ vào chầu rồi bàn việc ở điện Cần-chính, giải chiếu xuống ván, để cái yên lên, rồi ngồi phê các bản phiến sớ, có khi nhời phê dài hơn là chính các bản tấu, chữ đã tốt, văn lại hay, khiến cho bấy giờ ai xem thấy cũng phải kính phục cái tài học của vua. Đêm nào vua cũng xem sách đến đêm khuya và thường gọi các quan vào hỏi về văn thơ. Tóm lại về đường chính-trị không rõ thế nào, chớ về đường văn-chương, thì vua là một người hay chữ vậy.

Vua chuộng văn Nôm lắm, và làm ra nhiều sách như *Thập-điều, Sử-học diễn ca, Luận-ngữ diễn ca, ba tập Ngự-chế thi văn...*

---

**Nguyễn-Khuyến**. — Ông vốn tên là *Nguyễn-văn-Thắng*, người làng Yên-đổ, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam bây giờ. Ông là học-trò quan hoàng-giáp Tam-đăng Phạm-văn-Nghị và có tiếng là hay chữ nhất trường. Nhưng bấy giờ có người bạn học, kể sức học cũng không kém gì ông mấy, là ông Trần-bích-Sơn, quê ở Vị-xuyên. Khoa giáp-tí, hai ông cùng đi thi hương, vào hầu quan Tam-đăng, quan Tam-đăng dặn rằng :

« Khoa này hai anh làm cho thầy hai cái thủ-khoa.

(Một cái ở trường Hà, một cái ở trường Nam) mà anh Vị-xuyên thời sang năm, thi hội, làm luôn cho thầy cái nhị-giáp nữa. » Ông Yên-đổ không thấy thầy nói gì đến mình, có ý không bằng lòng. Ông Vị-xuyên phải nhún mình rằng :

« Thầy thấy tôi hoạt mà xưa nay vẫn thua anh, nên thầy mong cho tôi, tức là khuyên anh đấy, chớ kỳ hội-thí tôi hơn anh thế nào được ».

Khoa thi hương ấy, quả nhiên ông Vị-xuyên đỗ giải-nguyên trường Nam, ông Yên-đổ đỗ giải-nguyên trường Hà. Đến năm sau, thi hội, ông Vị-xuyên lại đỗ luôn hội-nguyên, đình-nguyên, còn ông Yên-đổ không đỗ. Ông Yên-đổ giận lắm, mới đổi tên là *Nguyễn-Khuyến* và ở luôn trong kinh vào học Quốc-tử-giám. Ông thi khoa hội nữa cũng hỏng, lại càng phẫn-chí học-hành. Đến khoa hội sau là khoa tân-mùi, ông mới đỗ đủ *Tam-nguyên*.

Ông xuất chính làm quan đến Tuần-phủ, sau vì đau mắt nặng, cáo về trí-sĩ. Ông thọ 74 tuổi.

Ông là một bậc văn hay có tiếng, văn nôm ông, thì đủ các lối ca, từ, thi, phú mà lối nào cũng lỗi-lạc hơn người. Xét riêng thơ ông, thì ông là người thuộc nhiều ca-dao, tục-ngữ, bài nào khí văn cũng rồi-rào, ý-tứ cũng kín-đáo. Ông hay tự-vịnh, tự-trào, hay trâm-trích người ta, nhất là bọn quan trường. Hoặc một đôi bài, ông cũng có giọng hơi ngông, nhưng một cái ngông thuần-thục tựa như là cái khí-khái một người có tâm với nhà, với nước, có cái chí phóng-khoáng ung-dung vậy.

---

**Trần-kế-Xương.** — Ông là người làng Vị-xuyên, tổng Đông-mạc, huyện Mỹ-lộc, tỉnh Nam-định. Ông sinh vào

khoảng độ 60 năm nay, trước tên là *Trần-kế-Xương* sau có đổi là *Trần-cao-Xương*. Ông không phải là con nhà thế-phiệt trâm-anh, nhưng cũng vào bậc lương-gia tử-đệ « con nhà dòng, ăn phần cảnh-nọng ở đất Vị-xuyên ». Ông đỗ tú-tài năm giáp-ngọ, thi mãi không đỗ được cử-nhân. Anh em ông nhiều, con cái ông lắm, mà ông không có nghề-nghiệp gì cả, chỉ nhờ được người vợ hiền-hậu đảm-đang hết sức cung-cấp cho ông được sung-túc.

Chữ Hán ông nghe đâu cũng khá. Còn văn Nôm, thì thật là ông có biệt-tài, ông làm đủ các lối thi phú, ca từ, vừa nhanh, vừa thoát và đáng khen nhất là thuần nôm lắm. Cái giọng văn ông, thường là giọng ngông « bán cả giời » được lắm khi lại tục đến « vợ ở vú, con đi bồi » thực là một người cùng quá hóa liều vậy. Bài nào ông cũng mỉa đời một cách thấm-thía sâu cay, ngạo đời hơn là thương đời. Nhưng ông là người thật có bụng với quốc-gia, xã-hội, thật hiểu nhân-tình thế-thái, ngâm vịnh ông rất là khoái-trá vậy.

---

**Từ-diễn-Đồng**. — Ông là người làng Từ-hồi, phủ Thường-tín, tỉnh Hà-đông bây giờ. Ông là học-trò quan Tư-nghiệp Khiếu-năng-Tĩnh, thọ được 52 tuổi, mới mất độ bốn năm nay. Ông có tinh khẳng-khái, yêu nước thương dân. Ông sở-trường nhất về lối thơ phú. Văn nôm ông làm rất hay. Ông còn lưu lại nhiều bài thơ ngâm như : bài *Ông giời*, bài *Đuổi muỗi*. Ông có làm một bản tuồng về vua *Lê Thái-Tổ*, những lúc hứng rượu, chính ông thường *mần* lấy tuồng cho mọi người nghe.

---

**Tú Quỳ.** — Ông là người Quảng-nam hiện đâu bây giờ vẫn còn. Ông có tiếng là hay văn Nôm và có tài ứng khẩu biến nhanh lắm. Thơ ông làm thường có giọng khôi-hài và mỉa đời. Trong sách này chỉ ghi của ông có một bài vịnh *Hát bội* số 29. Nhiều bản còn chép của ông bài *Dế Dưỡi*, và hai câu ông tặng một người chỉ có một mắt muốn khuyên ông ra làm quan rằng :

*« Đề binh khiển tướng thiếu chi người,*
*« Nhắm lại anh-hùng có một ngươi. »*

---

**Nguyễn-thiện-Kế.** — Đỗ cử-nhân, thường gọi là ông Phủ Nẻ vì quán ở làng Nễ-đô, và làm đến chức Tri-phủ. Ông là người phóng-giật, giỏi văn Nôm có tiếng. Bài *phú Tài-bàn* ta vẫn truyền tụng là của ông làm.

---

**Phạm-Thái.** — Người tỉnh Bắc-ninh, đời nhà Lê, tên tục là Chiêu Nhè, còn để lại nhiều thơ và câu-đối nôm. Sau đi tu tức là Phả-chiêu thiền-sư.

# NHỮNG BÀI TRONG SÁCH

## XẾP THEO TÊN CÁC TÁC-GIẢ


*Số bài* *Số trang*

**Nguyễn-Trãi**

87. Hỏi ả bán chiếu. . 220

**Lê Thánh-Tôn**

9. Con cóc . . . . 43
10. Con voi . . . . 44
14. Cái nón . . . . 51
15. Cái chổi . . . . 52
17. Dệt cửi. . . . . 57
23. Chó đá. . . . . 68
24. Bồ-nhìn . . . . 70
25. Thằng mõ. . . . 73
26. Người ăn mày . . 76
119. Tới đây (?) . . . 293

**Nguyễn-bỉnh-Khiêm**

110. Thói đời . . . . 274
111. Khuyên đời . . . 276
115. Cảnh nhàn . . . 285

**Lê-quí-Đôn**

3. Rắn đầu biếng học. 29

**Ôn-như Hầu**

81. Khối tình . . . . 202
91. Sa đầy-tớ. . . . 232
92. Khóm gừng, hàng tỏi . . . . 234

**Nguyễn-hữu-Chỉnh**

19. Cái xác pháo. . . 60
105. Than thân. . . . 262

**Phạm-quí-Thích**

88. Kiều-nhi . . . . 222

*Số bài* *Số trang*

**Nguyễn-công-Trứ**

1. Phó thí ngẫu chiếm. 25
6. Con cuốc . . . . 35
73. Lúc vận chưa đạt . 187
112. Cách ăn, ở ở đời . . 278
117. Tiêu-dao . . . . 289

**Hồ-xuân-Hương**

18. Đồng tiền hoẻn . . 59
31. Đèo Ba-dội . . . 89
47. Đánh đu . . . . 131
51. Cái quạt giấy I . . 138
52. Cái quạt giấy II. . 140
59. Giăng thu . . . . 159
83. Khóc chồng . . . 207
84. Phận lẽ mọn. . . 210
86. Không chồng mà chửa . . . . . 216
95. Giễu nhà sư . . . 238
101. Sầm-nghi-Đống . . 250

**Bà Huyện Thanh-quan**

32. Qua Đèo-Ngang . . 91
39. Cảnh chiều hôm. . 107
40. Cảnh núi sông . . 111
42. Hoài-cổ. . . . . 116

**Dực-Tôn**

82. Khóc vợ . . . . 203
106. Ngẫu cảm. . . . 264

**Tú Quỳ**

29. Hát bội. . . . . 83

| *Số bài* | | *Số trang* |
|---|---|---|
| | **Nguyễn-Khuyến** | |
| 16. | Cái hỏa lò đun nước | 55 |
| 20. | Tượng sành đứng trên non bộ. | 62 |
| 21. | Giời nói (?) | 64 |
| 22. | Ông giời (?) | 65 |
| 38. | Mùa thu câu cá | 106 |
| 50. | Đêm mùa hạ. | 136 |
| 55. | Lụt năm Ất-tị | 147 |
| 62. | Ông Nghè tháng tám | 163 |
| 63. | Tiến-sĩ giấy | 165 |
| 72. | Tự trào. | 185 |
| 85. | Dỗ người lấy lẽ | 213 |
| 89. | Thằng bán tơ trong truyện Kiều | 226 |
| 93. | Cắt tóc. | 235 |
| 94. | Nhà sư. | 237 |
| 96. | Chừa rượu | 240 |
| 107. | Cảnh già | 268 |
| 108. | Cảm hứng tuổi già. | 269 |
| 116. | Ngán đời | 287 |
| 118. | Nhân sinh thích chí. | 291 |
| | **Trần-kế-Xương** | |
| 28. | Con hát tuồng | 82 |
| 44. | Xuân | 123 |
| 45. | Năm mới | 126 |
| 46. | Chúc Tết | 128 |
| 53. | Mong mưa. | 142 |
| 54. | Mưa ngâu. | 144 |
| 56. | Nước lụt năm Bính-ngọ | 149 |
| 61. | Tết Trung-thu trông giăng | 161 |
| 64. | Tiến-sĩ Trung-thu | 168 |
| 65. | Thi hỏng | 169 |
| 66. | Anh vô nghệ | 171 |
| 67. | Cái chữ Nho | 173 |
| 68. | Cái học nhà Nho | 175 |
| 69. | Về đi cày | 177 |
| 70. | Quan tại gia | 181 |
| 71. | Tự trào | 183 |
| 75. | Giữa đường | 191 |
| 78. | Đêm dài | 197 |
| 79. | Đêm buồn. | 198 |
| 80. | Chiêm-bao. | 200 |
| 99. | Cái thú cô đầu | 246 |
| 109. | Dại khôn | 271 |
| | **Từ-diễn-Đồng** | |
| 74. | Than nghèo | 189 |
| 76. | Lạc đường | 193 |
| 77. | Đêm dài I. | 195 |
| | **Nguyễn-thiện-Kế** | |
| 104. | Mừng Nghị-viên | 259 |
| | **Vô danh** | |
| | Bao nhiêu bài không rõ ai làm tổng qui về mục Vô-danh này cả. | |


**QUYỂN THỨ HAI TIẾP THEO**

# MỤC-LỤC


| Số bài | | Số trang |
|---|---|---|
| | Tựa. Thi pháp nhập môn | |
| 1. | — Phó thi ngẫu chiếm. | 25 |
| 2. | — Khuyến học . . . | 27 |
| 3. | — Rắn đầu biếng học. | 29 |
| 4. | — Học-trò ngủ gật. . | 31 |
| 5. | — Ngày tháng thoi đưa | 33 |
| 6. | — Con cuốc . . . . | 35 |
| 7. | — Con trâu già . . . | 38 |
| 8. | — Con vịt. . . . . | 41 |
| 9. | — Con cóc. . . . . | 43 |
| 10. | — Con voi. . . . . | 44 |
| 11. | — Lươn . . . . . | 46 |
| 12. | — Cái điếu bát . . . | 47 |
| 13. | — Cái xe điếu . . . | 49 |
| 14. | — Cái nón. . . . . | 51 |
| 15. | — Cái chổi . . . . | 52 |
| 16. | — Cái hỏa-lò đun nước. | 55 |
| 17. | — Dệt cửi. . . . . | 57 |
| 18. | — Đồng tiền hoẻn . . | 59 |
| 19. | — Cái xác pháo. . . | 60 |
| 20. | — Tượng sành đứng trên non bộ . . . | 62 |
| 21. | — Giời nói . . . . | 64 |
| 22. | — Ông giời . . . . | 65 |
| 23. | — Chó đá. . . . . | 68 |
| 24. | — Bồ-nhìn . . . . | 70 |
| 25. | — Thằng mõ. . . . | 73 |
| 26. | — Người ăn mày . . | 76 |
| 27. | — Bán than . . . . | 78 |
| 28. | — Con hát tuồng . . | 82 |
| 29. | — Hát bội. . . . . | 83 |
| 30. | — Anh nói khoác. . | 85 |
| 31. | — Đèo Ba-Dội . . . | 89 |
| 32. | — Qua Đèo Ngang. . | 91 |
| 33. | — Núi Ngũ-hành . . | 94 |
| 34. | — Hồ Hoàn-kiếm . . . | 97 |
| 35. | — Cảnh Hồ Tây buổi chiều . . . . . | 100 |
| 36. | — Hồ Tây . . . . | 101 |
| 37. | — Hoa cúc . . . . | 104 |
| 38. | — Mùa thu câu cá . | 106 |
| 39. | — Cảnh chiều hôm . | 107 |
| 40. | — Cảnh núi sông. . | 111 |
| 41. | — Buổi chiều mùa thu | 114 |
| 42. | — Hoài cổ . . . . | 116 |
| 43. | — Tết Táo-quân . . | 120 |
| 44. | — Xuân . . . . . | 123 |
| 45. | — Năm mới. . . . | 126 |
| 46. | — Chúc Tết. . . . | 128 |
| 47. | — Đánh đu . . . . | 131 |
| 48. | — Nóng mùa hè . . | 132 |
| 49. | — Trách hè. . . . | 134 |
| 50. | — Đêm mùa hạ . . | 136 |
| 51. | — Cái quạt giấy (I) . | 138 |
| 52. | — Cái quạt giấy (II) . | 140 |
| 53. | — Mong mưa . . . | 142 |
| 54. | — Mưa ngâu . . . | 144 |
| 55. | — Lụt năm Ất-tị . . | 147 |
| 56. | — Lụt năm Bính-ngọ. | 149 |
| 57. | — Vấn nguyệt . . . | 153 |
| 58. | — Mặt giăng . . . | 155 |
| 59. | — Giăng thu . . . | 157 |

| *Số bài* | *Số trang* |
|---|---|
| 60. — Tết Trung-thu . . | 160 |
| 61. — Tết Trung-thu tròng giăng. . . | 161 |
| 62. — Ông Nghè tháng tám. | 163 |
| 63. — Tiến-sĩ giấy. . . | 165 |
| 64. — Tiến-sĩ Trung-thu. | 168 |
| 65. — Thi hỏng. . . . | 169 |
| 66. — Anh vô nghệ . . | 171 |
| 67. — Cái chữ nho. . . | 173 |
| 68. — Cái học nhà Nho . | 175 |
| 69. — Về đi cày . . . | 177 |
| 70. — Quan tại gia. . . | 181 |
| 71. — Ông Tú tự trào. . | 183 |
| 72. — Cụ Tam-nguyên tự trào . . . . . | 185 |
| 73. — Lúc vận chưa đạt. | 187 |
| 74. — Than nghèo. . . | 189 |
| 75 — Giữa đường. . . | 191 |
| 76. — Lạc đường . . . | 193 |
| 77. — Đêm dài (I). . . | 195 |
| 78. — Đêm dài (II) . . | 197 |
| 79. — Đêm buồn . . . | 198 |
| 80. — Chiêm-bao . . . | 200 |
| 81. — Khối tình. . . . | 202 |
| 82. — Khóc vợ . . . . | 203 |
| 83. — Khóc chồng . . . | 207 |
| 84. — Phận lẽ mọn. . . | 210 |
| 85. — Dỗ người lấy lẽ . | 213 |
| 86 — Không chồng mà chửa . . . . . | 216 |
| 87. — Hỏi ả bán chiếu . | 220 |
| 88. — Kiều-nhi . . . . | 222 |
| 89. — Thằng bán tơ trong truyện Kiều. . . | 226 |

| *Số bài* | *Số trang* |
|---|---|
| 90. — Cung oán . . . | 229 |
| 91. — Sai đầy-tớ. . . | 232 |
| 92. — Khóm gừng, hàng tỏi | 234 |
| 93. — Cắt tóc. . . . | 235 |
| 94. — Nhà sư. . . . | 237 |
| 95. — Giễu nhà sư . . | 238 |
| 96. — Chừa rượu . . | 240 |
| 97. — Rượu say . . . | 242 |
| 98. — Say nhè. . . . | 244 |
| 99. — Cái thú cô đầu . | 246 |
| 100. — Cái hại cờ bạc . | 248 |
| 101. — Sầm-nghi-Đống . | 250 |
| 102. — Mã-Viện . . . | 252 |
| 103. — Triệu-Âu . . . | 256 |
| 104 — Mừng Nghị-viên. | 259 |
| 105. — Than thân. . . | 262 |
| 106. — Ngẫu cảm. . . | 264 |
| 107. — Cảnh già . . . | 268 |
| 108. — Cảm hứng tuổi già. | 269 |
| 109. — Dại khôn . . . | 271 |
| 110. — Thói đời . . . | 274 |
| 111. — Khuyên đời . . | 276 |
| 112. — Cách ăn, ở ở đời. | 278 |
| 113. — Ngẫu hứng . . | 280 |
| 114. — Đời người. . . | 283 |
| 115. — Cảnh nhàn . . | 285 |
| 116. — Ngán đời . . . | 287 |
| 117. — Tiêu-dao . . . | 289 |
| 118 — Nhân sinh thích chí. | 291 |
| 119. — Tới đây . . . | 293 |
| 120. — Xuất thế . . . | 299 |
| Tiểu-sử các nhà thi-sĩ. . | 302 |

Hommage Mille ck-

# VĨNH-HƯNG-LONG THƯ-QUÁN

*49-51, Phố Hàng Đường — HÀ-NỘI*

IMPRIMERIE MAC-DINH-TU
LE-VAN-TAN
SUCCESSEUR
136 Rue du Coton HANOI

## VIỆT-VĂN THƯ-XÃ

| | |
|---|---|
| **Truyện Thúy-Kiều**, *Bùi-Kỷ và Trần-trọng-Kim* . . | 0$30 |
| **Nam-thi hợp-tuyển**, *Nguyễn-văn-Ngọc* . . . . . | 0.45 |
| **Ngâm-khúc**, *Nguyễn-quang-Oánh* . . . . . | 0.45 |
| **Tục-ngữ phong-dao**, quyển I, *Nguyễn-văn-Ngọc*. . | 0.60 |
| — — II, — . . | 0.50 |
| **Câu đối**, *Nguyễn-văn-Ngọc* . . . . . | 0.60 |
| **Đào-nương ca**, — . . . . . | 0.75 |
| **Phú nôm**, tập trên, *Vũ-khắc-Tiệp*. . . . . | 0.45 |
| — — dưới, — . . . . . | 0.45 |

## CỔ KIM THƯ-XÃ

| | |
|---|---|
| **Cổ-học tinh hoa**, quyển I, *Ng.-v.-Ngọc và Trần-lê-Nhân* | 0.45 |
| — II, — — | 0.45 |
| **Đông tây ngụ-ngôn**, quyển I, *Nguyễn-văn-Ngọc*. . | 0.35 |
| **Hán-học danh-ngôn**, *Trần-lê-Nhân* . . . . . | 0.20 |
| **Tình-sử**, quyển thượng, *Nguyễn-quang-Oánh*. . . | 0.45 |
| — — hạ, — . . . | 0.60 |
| **Nhi-đồng lạc-viên**, *Nguyễn-văn-Ngọc*. . . . . | 0.30 |
| **Để mua vui**, — . . . . . | 0.45 |
| **Phổ-thông độc-bản, lớp Đồng-ấu**, hai quyển *Nguyễn-văn-Ngọc* . . . . . | 0.40 |
| **Truyện cổ nước Nam**, Người ta, I, *Nguyễn-văn-Ngọc* | 0.60 |
| — Muông chim I, — | 0.55 |
| **Méthode de langue annamite** — | 0.80 |

ĐANG SOẠN:

**Phổ-thông độc-bản, lớp Dự-bị** . . . . . .
**Truyện cổ nước Nam**, Cây-cối. . . . . .

Imp. Lê-văn-Tân — Hanoi